

Số: 3487 /QĐ-BNN-KTHT

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Sổ tay, bài giảng, tài liệu tập huấn cho cán bộ, người dân triển khai xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng thuộc Chương trình “Không còn nạn đói” ở Việt Nam đến năm 2025

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 593/QĐ-BNN-KTHT ngày 27/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành kế hoạch triển khai hoạt động nghiệp vụ thực hiện chương trình “Không còn nạn đói” ở Việt Nam năm 2020;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng nghiệm thu tài liệu “Rà soát, điều chỉnh bổ sung để hoàn thiện Sổ tay, các bài giảng tập huấn cho cán bộ, người dân triển khai xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng” ngày 23/11/2020;

Căn cứ Công văn số 638 ngày 27/7/2021 của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam về việc đề nghị phê duyệt Sổ tay, các bài giảng tập huấn cho cán bộ, người dân xây dựng Dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Sổ tay, các bài giảng, tài liệu hướng dẫn cho cán bộ, người dân triển khai xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng thuộc chương trình “Không còn nạn đói” ở Việt Nam đến năm 2025, gồm:

1. Sổ tay hướng dẫn xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.
2. Tài liệu hướng dẫn xây dựng Dự án và Thực hành nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng (*dùng cho cán bộ thực hiện chương trình Không còn nạn đói ở Việt Nam*).
3. Tài liệu hướng dẫn Thực hành nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng (*dùng cho người dân thực hiện chương trình không còn nạn đói ở Việt Nam*).

(có Sổ tay, các Tài liệu hướng dẫn kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và PTNT; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các tỉnh thực hiện chương trình “Không còn nạn đói” ở Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- UBND, Sở NN và PTNT các tỉnh thực hiện chương trình;
- Lưu: VT, KTHT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



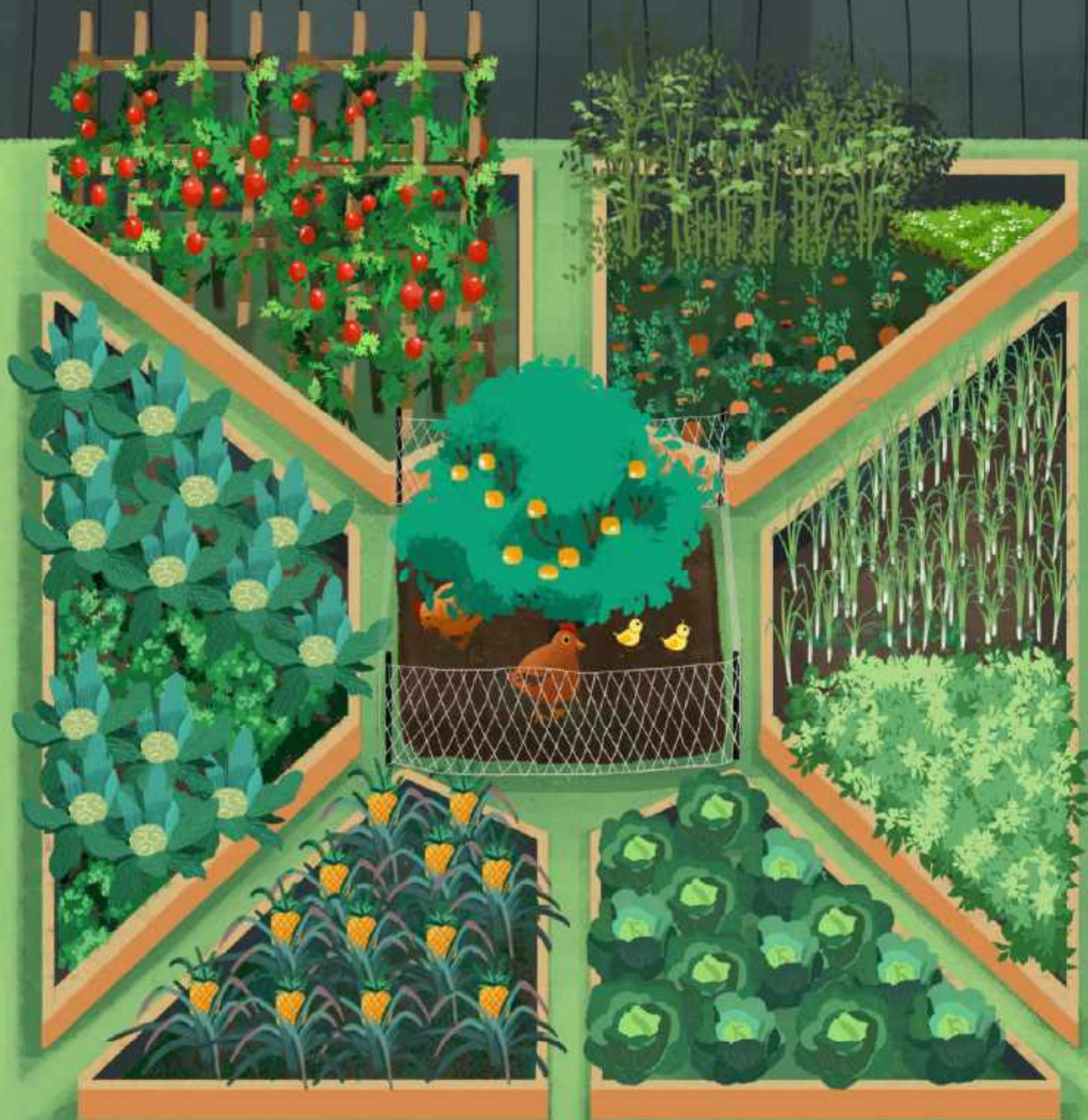
Trần Thanh Nam



SỔ TAY HƯỚNG DẪN

XÂY DỰNG DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP ĐẢM BẢO DINH DƯỠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-BNN-KTHT
ngày.....tháng.....năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)



MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

TỪ VIẾT TẮT

PHẦN I: GIỚI THIỆU DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP ĐẢM BẢO DINH DƯỠNG.....1

1.1. Mục tiêu.....1

1.2. Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng là gì.....1

1.3. Dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.....2

1.3.1. Yêu cầu của dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.....2

1.3.2. Ngân sách của dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.....2

1.3.3. Nội dung của dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.....3

PHẦN II: XÂY DỰNG DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP ĐẢM BẢO DINH DƯỠNG.....4

2.1. Bước 1: Thành lập Tổ xây dựng dự án.....4

2.2. Bước 2: Lựa chọn địa điểm xây dựng dự án.....5

2.3. Bước 3: Lập danh sách hộ tham gia dự án.....5

2.4. Bước 4: Đánh giá hiện trạng và đề xuất xây dựng dự án.....5

2.5. Bước 5: Xây dựng nội dung thực hiện của dự án.....6

2.6. Bước 6: Lấy ý kiến góp ý về nội dung dự án.....7

2.7. Bước 7: Thẩm định và phê duyệt dự án.....7

PHẦN III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP ĐẢM BẢO DINH DƯỠNG.....8

3.1. Nguyên tắc tổ chức thực hiện.....8

3.2. Vai trò các bên thực hiện dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.....8

3.3. Triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án.....12

3.4. Một số lưu ý khi tổ chức thực hiện dự án.....12

MỤC LỤC

PHẦN IV: GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP ĐẢM BẢO DINH DƯỠNG.....	13
4.1. Giám sát thực hiện dự án.....	13
4.2. Đánh giá dự án.....	13
4.2.1. Đánh giá ban đầu.....	14
4.2.2. Đánh giá giữa kỳ hoặc đánh giá giai đoạn.....	14
4.2.3. Đánh giá kết thúc dự án.....	14
4.3. Tổng kết dự án.....	16
 PHẦN V: PHỤ LỤC.....	17
Phụ lục 1: Biên bản họp thôn/bản.....	17
Phụ lục 2: Biểu thông tin chung về xã.....	18
Phụ lục 3: Biểu thu thập thông tin hộ gia đình.....	19
Phụ lục 4: Mẫu dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.....	27
Phụ lục 5. Một số chỉ tiêu cơ bản của nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng theo Khung lý thuyết hệ thống thực phẩm.....	30
Phụ lục 6. Bộ chỉ số giám sát theo khung logic dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng trong Chương trình hành động quốc gia “Không còn nạn đói” đến năm 2025.....	40

THÔNG TIN LIÊN HỆ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA BIÊN SOẠN, CHỈNH SỬA SỔ TAY

LỜI NÓI ĐẦU

Chương trình “Không còn nạn đói” là sáng kiến của Tổng Thư ký Liên hợp quốc đưa ra nhằm đạt 5 mục tiêu: (1) 100% dân cư có đủ lương thực, thực phẩm quanh năm; (2) không còn trẻ em dưới 2 tuổi bị suy dinh dưỡng, (3) toàn bộ các hệ thống lương thực, thực phẩm bền vững, (4) 100% nông hộ nhỏ tăng năng suất và thu nhập đặc biệt là phụ nữ và (5) không còn tổn thất, lãng phí lương thực, thực phẩm”.

Việt Nam là một trong những nước đạt được thành tích nổi bật trong việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo và an ninh lương thực trong những năm qua. Tuy nhiên, tình trạng suy dinh dưỡng của người dân đặc biệt là trẻ em ở vùng khó khăn vẫn còn ở mức cao so với đánh giá của Tổ chức Y tế Thế giới và còn có sự khác biệt khá lớn giữa các vùng, miền. Đặc biệt, tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em- ảnh hưởng đến chiều cao, tầm vóc của người Việt Nam - vẫn còn ở mức trung bình 19,6% (năm 2020), đặc biệt tỷ lệ này còn ở mức cao ở vùng miền núi phía Bắc là 37,4%, vùng Tây Nguyên là 28,8%, ở dân tộc khác (trừ dân tộc Kinh) là 32%.

Nhận thức được tầm quan trọng của Chương trình này, ngày 14 tháng 01 năm 2015, tại lễ phát động Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói” ở Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã cam kết với Liên hợp quốc sẽ tham gia và triển khai có hiệu quả chương trình này tại Việt Nam. Ngày 12 tháng 6 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 712/QĐ-TTg về Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói” ở Việt Nam đến năm 2025.

Nguồn lực để thực hiện Chương trình hành động quốc gia Không còn nạn đói này chủ yếu là lồng ghép với các chương trình Mục tiêu quốc gia đang thực hiện như: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Bên cạnh đó cần phối hợp huy động các nguồn lực từ Chiến lược dinh dưỡng quốc gia giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn 2040 và từ các tổ chức trong nước và quốc tế, các doanh nghiệp cùng các nhà hảo tâm mong muốn phát triển con người Việt Nam.

Để triển khai được Chương trình trên được hiệu quả, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành “Sổ tay hướng dẫn xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng”. Sổ tay này gồm có 4 phần:

Phần 1. Giới thiệu dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng

Phần 2. Xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng

Phần 3. Tổ chức thực hiện dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng

Phần 4. Giám sát, đánh giá kết quả thực hiện dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng

Kèm theo cuốn sổ tay này còn có 02 bộ bài giảng chi tiết cho cán bộ và người dân tham gia xây dựng và thực hiện dự án.

Trong quá trình biên soạn chắc chắn sẽ không tránh khỏi thiếu sót, chúng tôi rất mong nhận được góp ý của những người thực hiện chương trình để Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn tiếp tục hoàn thiện sổ tay trong thời gian tới.

TỪ VIẾT TẮT

UBND	Ủy ban nhân dân
NNPTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
PTNT	Phát triển nông thôn
QĐ	Quyết định
HTX	Hợp tác xã
THT	Tổ hợp tác
SDG	Mục tiêu phát triển bền vững
FAO	Tổ chức nông lương Liên hiệp quốc
FIES	Thang đo kinh nghiệm về mất an ninh lương thực
DTTS	Dân tộc thiểu số
KTHT&PTNT	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn

1.1 Mục tiêu

- Cuốn sổ tay này hướng dẫn cho cán bộ địa phương các cấp và người dân nắm được các bước xây dựng, triển khai thực hiện và giám sát đánh giá một dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.

1.2 Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng là gì

- Theo tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) "Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng là một cách tiếp cận dựa trên nhu cầu thực phẩm để phát triển nông nghiệp, lấy thực phẩm giàu dinh dưỡng, đa dạng chế độ ăn uống và thực phẩm được bổ sung dinh dưỡng là trọng tâm để khắc phục tình trạng suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng".
- Cách tiếp cận này nhấn mạnh nhiều lợi ích thu được từ việc sử dụng đa dạng các loại thực phẩm, chú trọng thực phẩm được sản xuất tại địa phương có giá trị dinh dưỡng và các sản phẩm chế biến bổ sung vi chất có giá trị dinh dưỡng cao.
- Mục tiêu tổng thể của Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng là làm cho hệ thống thực phẩm được cải thiện tốt hơn để tạo ra kết quả dinh dưỡng tốt.

0 Mối quan hệ giữa nông nghiệp, dinh dưỡng và nạn đói

Điều kiện sản xuất nông nghiệp khó khăn hoặc ảnh hưởng của thiên tai dẫn đến tình trạng hạn chế khả năng sản xuất lương thực, thực phẩm của người dân, từ đó dẫn đến thu nhập thấp, nên mức tiêu thụ thực phẩm hạn chế. Điều này dẫn đến suy dinh dưỡng ở trẻ và giảm khả năng làm việc ở người trưởng thành. Bên cạnh đó, việc hạn chế về nhận thức và hiểu biết của người dân về sử dụng lương thực, thực phẩm dẫn đến tình trạng lãng phí, thất thoát và không đảm bảo nguồn dinh dưỡng cung cấp cho chế độ ăn hàng ngày, ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của cơ thể.



1.3 Dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng

1.3.1. Yêu cầu của dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng

Để giải quyết được vấn đề suy dinh dưỡng nói chung, cần có sự can thiệp trong toàn bộ hệ thống thực phẩm, từ sản xuất đến chế biến, vận chuyển, tiêu thụ và quản lý chất thải. Để giải quyết vấn đề suy dinh dưỡng cho trẻ em dưới 2 tuổi, cần quan tâm chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời của trẻ, bắt đầu từ khi trẻ còn nằm trong bụng mẹ. Điều đó có nghĩa là cần chăm sóc dinh dưỡng của cả người mẹ ngay trước và trong quá trình mang thai và chế độ dinh dưỡng của trẻ trong 2 năm đầu đời. Dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng ở địa phương cần tạo điều kiện để:

- **Thực phẩm có sẵn và dễ tiếp cận hơn:** Gia tăng sản xuất nông nghiệp làm cho nhiều thực phẩm dinh dưỡng sẵn có tại hộ gia đình và cộng đồng với giá cả phải chăng, giúp cải thiện thu nhập hộ gia đình và cộng đồng, tạo điều kiện thực hành dinh dưỡng hợp lý trong cộng đồng dân cư.
- **Sản xuất thực phẩm đa dạng và bền vững hơn:** Tăng sự đa dạng trong sản xuất thực phẩm và thúc đẩy thực hành sản xuất bền vững như bảo tồn nông nghiệp, quản lý nước và quản lý dịch hại tổng hợp có thể cải thiện dinh dưỡng mức độ mà không làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên. Nông nghiệp gia đình, vườn rau tại nhà (vườn dinh dưỡng) và các dự án sản xuất thực phẩm với nhiều loại cây trồng có sẵn ở địa phương.
- **Tạo ra nguồn thực phẩm bổ dưỡng hơn:** Tăng cường hàm lượng vi chất dinh dưỡng trong thực phẩm thông qua chế biến, sản xuất nông nghiệp sinh thái, canh tác tự nhiên và cải thiện độ phì nhiêu của đất.
- **Tăng nhu cầu về lương thực thực phẩm:** Cần đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và kích cầu đối với các loại thực phẩm có lợi về dinh dưỡng.

1.3.2. Ngân sách của dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng

- Trực tiếp từ Chương trình hành động quốc gia Không còn nạn đói.
- Ngân sách của các địa phương tự bố trí theo kế hoạch hàng năm.
- Từ sự ủng hộ của các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp các nhà hảo tâm.
- Nguồn lực chính để thực hiện dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng trong giai đoạn tới chủ yếu sẽ được lồng ghép và bố trí vào các chương trình mục tiêu quốc gia sẽ được Quốc hội phê duyệt như: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và Chiến lược dinh dưỡng quốc gia 2021-2030, tầm nhìn 2040.
- Mỗi địa phương hàng năm vào quý 4, cần đánh giá nhu cầu và xây dựng kế hoạch kinh phí, nguồn kinh phí cho các dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng của mình.

1.3.3. Nội dung của dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng

Nội dung dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng gồm 2 phần: Nông nghiệp và dinh dưỡng, cụ thể:

- **Phần Nông nghiệp:** Cần đảm bảo tính sẵn có, đáp ứng nhu cầu cơ bản của các hộ về lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng quanh năm; Phát triển hệ thống cung ứng lương thực, thực phẩm bền vững; Tăng năng suất và thu nhập của các hộ nông dân sản xuất nhỏ; Giảm thất thoát hoặc lãng phí lương thực, thực phẩm. Hình thức tiến hành: phát triển các mô hình như VAC, mô hình nông nghiệp sinh thái, canh tác tự nhiên, các mô hình phát triển sinh kế hộ gia đình và tiến tới phát triển các chuỗi giá trị địa phương.
- **Phần dinh dưỡng:** Cần đảm bảo khả năng tiếp cận lương thực, thực phẩm giàu dinh dưỡng quanh năm; đảm bảo đầy đủ về số lượng, chất lượng và cơ cấu dinh dưỡng hợp lý trong chế độ ăn của phụ nữ có thai, các bà mẹ nuôi con nhỏ và chế độ ăn của trẻ; nâng cao kiến thức và thực hành cải thiện dinh dưỡng cho bà mẹ, phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 2 tuổi.

(Xem chi tiết các chỉ tiêu của dự án NNDBĐ theo khung lý thuyết Hệ thống thực phẩm tại phụ lục 5)

Quy trình xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng gồm 07 bước:

1

Thành lập Tổ xây dựng dự án

2

Lựa chọn địa điểm xây dựng dự án

3

Lựa chọn hộ tham gia dự án

4

Đánh giá hiện trạng và nhu cầu

5

Xây dựng nội dung thực hiện dự án

6

Lấy ý kiến góp ý về nội dung dự án

7

Thẩm định và phê duyệt dự án

2.1 Bước 1: Thành lập Tổ xây dựng dự án

a) Đối với kinh phí giao cho đơn vị cấp tỉnh quản lý:

- Sở Nông nghiệp và PTNT thành lập Tổ xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng, gồm: Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi Cục PTNT hoặc 01 đơn vị được Sở phân công) chủ trì phối hợp với Sở Y tế, các Sở/Ngành có liên quan; UBND cấp huyện, xã có dự án; Tư vấn (nếu có) gồm: các chuyên gia am hiểu về lĩnh vực này (am hiểu về dinh dưỡng, sức khỏe bà mẹ trẻ em (thuộc ngành y tế) và một cán bộ am hiểu về nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, kinh tế ...).

b) Đối với kinh phí giao cho đơn vị cấp huyện quản lý:

- UBND huyện thành lập Tổ xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng, gồm: Phòng Nông nghiệp (hoặc giao cho Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp) chủ trì phối hợp với Trung tâm Y tế; UBND xã, trưởng thôn/bản tham gia dự án; Tư vấn (nếu có) gồm: các chuyên gia có kinh nghiệm, am hiểu về lĩnh vực này (am hiểu về dinh dưỡng, sức khỏe bà mẹ trẻ em (thuộc ngành y tế) và một cán bộ am hiểu về nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, kinh tế ...).

c) Đối với kinh phí giao cho đơn vị cấp xã quản lý:

- UBND xã phối hợp với Phòng Nông nghiệp thành lập Tổ xây dựng dự án, thành viên là đại diện Phòng Nông nghiệp và các đơn vị của xã, gồm: Nông nghiệp; Y tế; Hội nông dân; Hội phụ nữ; thôn/bản tham gia thực hiện dự án; Tư vấn (nếu có) gồm: các chuyên gia có kinh nghiệm, am hiểu về lĩnh vực này (am hiểu về dinh dưỡng, sức khỏe bà mẹ trẻ em (thuộc ngành y tế) và một cán bộ am hiểu về nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, kinh tế ...).

d) Đối với các nguồn hỗ trợ khác (Từ các Tổ chức quốc tế, từ nguồn xã hội hóa,...)

- Đơn vị hỗ trợ xây dựng dự án làm việc với chính quyền địa phương (UBND xã, huyện, tỉnh) để thành lập Tổ xây dựng dự án theo cấp tỉnh/cấp huyện/cấp xã đã được nêu tại điểm a, b, c khoản 2.1.

2.2 Bước 2: Lựa chọn địa điểm xây dựng dự án

- Các xã khu vực II, khu vực III được phê duyệt tại Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ ; các xã thuộc huyện nghèo và các xã đạt tiêu chí NTM thấp (dưới 10 tiêu chí).
- Thôn/bản/ấp (gọi chung là thôn): Lựa chọn một số thôn (khoảng từ 2-3 thôn/xã) có tỷ lệ hộ suy dinh dưỡng cao, ưu tiên thôn có nhiều trẻ em dưới 5 tuổi hoặc bà mẹ mang thai.
- Ưu tiên nơi có tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng (nhẹ cân, thấp còi) cao hơn mức trung bình của địa phương hoặc cấp quốc gia; các hộ có trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ mang thai.

2.3 Bước 3: Lập danh sách hộ tham gia dự án

Mục đích: Các hộ được lựa chọn thỏa mãn các điều kiện của dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng, đồng thuận tham gia dự án và cam kết tuân thủ các quy chế của dự án.

Các tiêu chí lựa chọn:

- Hộ tham gia dự án: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; Ưu tiên nơi có tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng (nhẹ cân, thấp còi) cao hơn mức trung bình của địa phương hoặc cấp quốc gia; trẻ em dưới 5 tuổi hoặc phụ nữ đang mang thai.
- Mỗi dự án lựa chọn khoảng 20-30 hộ tham gia tùy theo kinh phí hỗ trợ của dự án.
- Ngoài ra tiêu chí chọn hộ có thể bổ sung theo từng chương trình, dự án và yêu cầu của mỗi nhà tài trợ khác nhau, hoặc do mỗi tỉnh quy định bổ sung thêm.

Đơn vị chủ trì khảo sát xây dựng dự án phối hợp với địa phương tổ chức họp với các hộ trong thôn/bản phổ biến việc triển khai dự án và các hộ cam kết đóng góp hay đối ứng khi tham gia dự án.

(Phụ lục I – Danh sách hộ tham gia dự án).

2.4 Bước 4: Đánh giá hiện trạng và đề xuất xây dựng dự án

Mục đích: Xác định rõ tình trạng hiện tại của khu vực dự kiến triển khai dự án cũng như các nhu cầu của hộ gia đình hưởng lợi để viết dự án.

Các hoạt động cần tiến hành:

a) Thu thập thông tin cấp xã

- Thu thập thông tin chung của xã về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, thực trạng sản xuất nông nghiệp, dinh dưỡng ... của xã tham gia dự án.

(Phụ lục II – Thông tin chung về xã)

b) Thu thập thông tin hộ gia đình

- Thu thập thông tin về điều kiện sản xuất nông nghiệp và tình trạng dinh dưỡng của hộ tham gia dự án
- Tình hình sản xuất nông nghiệp: Diện tích sản xuất cây trồng, số lượng đầu đàn gia súc gia cầm, diện tích rừng sản xuất, rừng phòng hộ được giao khoán, diện tích và sản lượng thủy sản...
- Tình hình về thu nhập: từ sản xuất, chăn nuôi; Thu nhập bằng tiền/hộ/năm...

- Tình hình về dinh dưỡng: Cho trẻ em dưới 02 tuổi và các thành viên khác trong gia đình được tính từ khẩu phần ăn/ngày/tháng...
- Cách thức tiến hành: Tổ công tác mời các hộ tham gia dự án họp để phỏng vấn thu thập những số liệu cần thiết.
- Thành phần tham dự: Tất cả các hộ đủ điều kiện tham gia dự án.
- Nội dung cuộc họp: Tổ trưởng đoàn công tác thông báo cho người dân về mục đích, yêu cầu, nội dung cần khảo sát.
- Phỏng vấn thu thập thông tin: Chia thành viên tổ công tác và người dân làm 2 nhóm để thực hiện phỏng vấn thu thập thông tin.
- Nhóm về nông nghiệp: Do cán bộ nông nghiệp chủ trì, thu thập tình hình sản xuất và thu nhập của người dân.
- Nhóm thu thập số liệu về dinh dưỡng: Do cán bộ Y tế chủ trì, thu thập các số liệu về khẩu phần ăn và dinh dưỡng.

c) Tổng hợp và phân tích thông tin

- Tổng hợp thông tin chung của xã về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, thực trạng sản xuất nông nghiệp, dinh dưỡng.
- Tổng hợp và phân tích các thông tin liên quan đến sản xuất và thu nhập của các hộ tham gia dự án: Đánh giá tình hình về sản xuất, thu nhập, tình hình sử dụng lương thực, thực phẩm của từng hộ và trên địa bàn; những hộ khó khăn không thể tổ chức sản xuất được thì phải thiết lập được hệ thống dịch vụ cung ứng lương thực, thực phẩm.
- Phân tích các thông tin liên quan đến điều kiện dinh dưỡng: Căn cứ vào số liệu điều tra về chỉ số sức khỏe, khẩu phần của người dân đặc biệt là đối với trẻ em (chiều cao, cân nặng...) để xác định mức độ suy dinh dưỡng và khẩu phần, các nguyên nhân ảnh hưởng đến thực hành dinh dưỡng của người dân từ đó hướng dẫn, tập huấn cho người dân sử dụng khẩu phần dinh dưỡng hợp lý, chăm sóc sức khỏe để cải thiện tình trạng sức khỏe cho người dân.
- Lập biểu tình hình sản xuất nông nghiệp và tình trạng dinh dưỡng.

(Phụ lục III - Thông tin hộ gia đình)

2.5 Bước 5: Xây dựng nội dung thực hiện của dự án

Mục đích: Xác định rõ tình trạng hiện tại của khu vực dự kiến triển khai dự án cũng như các nhu cầu của hộ gia đình hưởng lợi để viết dự án.

Các hoạt động cần tiến hành:

- Tổng hợp thực trạng kinh tế xã hội, điều kiện tự nhiên của địa bàn thực hiện xây dựng dự án (dân số, tỷ lệ dân tộc thiểu số, thu nhập bình quân/đầu người/năm, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo...; tổng diện tích đất tự nhiên...);
- Tổng hợp thực trạng sản xuất nông nghiệp của địa bàn thực hiện xây dựng dự án (trồng trọt, chăn nuôi, kiến thức thực hành về nuôi trồng, sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp; thu nhập về lương thực, thực phẩm....); thực trạng về dinh dưỡng (tổng số trẻ em dưới 5 tuổi; tỷ lệ suy dinh dưỡng, tình trạng suy dinh dưỡng, kiến thức và thực hành dinh dưỡng của hộ gia đình và phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ.....);

- Tổng hợp kết quả và phân tích đánh giá hiện trạng sản xuất nông nghiệp, dinh dưỡng; kết quả xác định nhu cầu cần bổ sung để đảm bảo được dinh dưỡng hợp lý từ đó đề xuất xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.

(Phụ lục IV- Mẫu dự án)

2.6 Bước 6: Lấy ý kiến góp ý về nội dung dự án

Mục đích: Đảm bảo xây dựng dự án phù hợp với điều kiện địa phương và nhu cầu của người dân cũng như các chính sách hiện hành.

Các hoạt động cần tiến hành:

- Đơn vị chủ trì xây dựng dự án Tổ chức họp với địa phương và các hộ tham gia dự án để thông báo các nội dung triển khai của dự án và kinh phí thực hiện bao gồm nguồn hỗ trợ và đóng góp của các hộ được tham gia dự án.
- Chính quyền địa phương và người dân tham gia đóng góp ý kiến vào dự án, sau đó đơn vị hoàn thiện để trình các cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.

2.7 Bước 7: Thẩm định và phê duyệt dự án

a) Đối với nguồn kinh phí giao cho cấp tỉnh:

- Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT, thành viên là đại diện các Sở: Tài chính; Lao động, Thương binh và Xã hội; Y tế, và đại diện lãnh đạo UBND huyện tham gia dự án.
- Hội đồng tiến hành thẩm định dự án do đơn vị được giao xây dựng.
- Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh phê duyệt dự án sau khi được hoàn thiện.

b) Đối với nguồn kinh phí giao cho Ủy ban nhân dân huyện:

- UBND huyện thành lập Hội đồng thẩm định dự án bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo UBND huyện, thành viên là đại diện các phòng: Nông nghiệp; Tài chính; Lao động, Thương binh và Xã hội; Dân Tộc; TT Y tế và lãnh đạo UBND xã thực hiện dự án.
- Hội đồng tiến hành thẩm định dự án do đơn vị được giao xây dựng.
- UBND huyện phê duyệt sau khi dự án được hoàn thiện.

c) Đối với nguồn kinh phí giao cho Ủy ban nhân dân xã:

Phòng Nông nghiệp huyện thành lập Hội đồng thẩm định dự án bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Phòng nông nghiệp, thành viên gồm: đại diện Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội; Tài chính; Dân tộc; TT Y tế huyện và đại diện lãnh đạo các đơn vị của xã: Hội nông dân; Hội phụ nữ; trạm y tế xã.

- Hội đồng tiến hành thẩm định dự án do đơn vị được giao xây dựng.
- UBND xã phê duyệt sau khi dự án được hoàn thiện.

d) Đối với các nguồn hỗ trợ khác (Từ các Tổ chức quốc tế, từ nguồn xã hội hóa,...)

Dự án do cấp (xã, huyện, tỉnh) xây dựng thì trình tự thẩm định và phê duyệt tương đương với cấp đó (xã, huyện, tỉnh). Trình tự thẩm định và phê duyệt theo hướng dẫn tại điểm a, b, c khoản 2.7.

3.1 Nguyên tắc tổ chức thực hiện

- Việc thực hiện dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng cần huy động sự tham gia của các cấp, các ngành, các tổ chức trong và ngoài nước. Trong đó ngành Y tế và Nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo, điều phối hoạt động.
- Nguồn kinh phí để xây dựng dự án (hay mô hình) Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng cần được các cấp quản lý (xã, huyện, tỉnh) phân bổ từ các chương trình, dự án hàng năm. Đặc biệt là cần có sự lồng ghép các nguồn vào các hoạt động của dự án để triển khai, thực hiện.
- Các tổ quốc tế và trong nước, các tổ chức phi chính phủ, các nhà tài trợ có thể dựa trên nội dung hướng dẫn này để cùng xây dựng hoặc tài trợ các dự án (mô hình) đảm bảo dinh dưỡng tại các địa phương.
- UBND cấp huyện có thể ủy quyền cho các cơ quan chuyên môn thực hiện việc giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện các dự án (hay mô hình) Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng với các cấp.
- UBND cấp xã là đơn vị chủ trì các dự án từ ngân sách hợp pháp thuộc các chương trình mà xã quản lý hoặc xã nhận tài trợ; chịu trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện các dự án (hay mô hình) nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng với cấp trên.

3.2 Vai trò các bên thực hiện dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng

- Các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý và thực hiện dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng bao gồm:

TT	Đơn vị thực hiện	Vai trò
1	Bộ Nông nghiệp và PTNT (Cục Kinh tế hợp tác và PTNT, Văn phòng Thường trực BCD Quốc gia Không còn nạn đói)	■ Là cơ quan giúp Bộ NNPTNT và Ban Chỉ đạo Quốc gia triển khai chương trình. ■ Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chuyên môn thuộc Bộ y tế, các tổ chức trong nước và quốc tế để triển khai chương trình. ■ Tổ chức các hội thảo hội nghị cấp quốc gia để triển khai chương trình. ■ Hướng dẫn các đơn vị, địa phương hiểu và tham gia chương trình. ■ Phối hợp với Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Ủy ban dân tộc để xuất bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các dự án dinh dưỡng. ■ Phối hợp với các đơn vị chuyên môn thuộc Bộ Y tế, các tổ chức trong nước và quốc tế để triển khai chương trình và xây dựng dự án.

TT	Đơn vị thực hiện	Vai trò
		■ Tổ chức tập huấn và hướng dẫn cho cán bộ các cấp tham gia dự án thực hiện các bước khảo sát, xây dựng, tổ chức thực hiện, đánh giá giám sát, tổng kết dự án và người dân biết cách xây dựng dự án, thực hành sử dụng dinh dưỡng hợp lý, an ninh thực phẩm hộ gia đình. ■ Phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương kiểm tra, giám sát đánh giá quá trình thực hiện dự án ở các địa phương và đề xuất, kiến nghị với Ban Chỉ đạo kịp thời xử lý những vướng mắc trong quá trình thực hiện chương trình.. ■ Xây dựng tài liệu hướng dẫn và các văn bản chỉ đạo khác.
2	Sở NN&PTNT	■ Phối hợp với Sở Y tế và các Sở/ngành có liên quan để xây dựng kế hoạch, đề xuất kinh phí với UBND tỉnh, Hội đồng nhân dân để triển khai dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng theo giai đoạn ngắn hạn trung hạn và dài hạn. ■ Thực hiện các bước xây dựng và trình duyệt dự án theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT. ■ Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn cho chính quyền các cấp, cán bộ, người dân hiểu và biết cách triển khai chương trình và dự án (mô hình) đáp ứng được mục tiêu. ■ Phối hợp với các Sở/ngành có liên quan chỉ đạo UBND huyện, đơn vị được giao thực hiện dự án triển khai dự án đảm bảo về mục tiêu, nội dung, tiến độ dự án được phê duyệt. ■ Kiểm tra, giám sát, đánh giá tổng kết dự án và báo cáo với UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.
3	Sở Y tế	■ Phối hợp với Sở NN PTNT cùng triển khai các nội dung, hoạt động của chương trình. ■ Chỉ đạo các đơn vị trong Sở theo ngành dọc để cùng tham gia thực hiện các dự án (mô hình) nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng trong địa bàn tỉnh. ■ Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn cấp huyện, xã, thôn/bản và người dân xây dựng được dự án (mô hình), thực hành sử dụng dinh dưỡng hợp lý, an ninh thực phẩm hộ gia đình.đáp ứng được mục tiêu của Chương trình. ■ Tham gia phối hợp cùng các đoàn theo dõi, đánh giá giám sát việc thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh do Sở NNPTNT chủ trì.

TT	Đơn vị thực hiện	Vai trò
4	Chi cục Phát triển nông thôn hoặc Trung tâm khuyến nông	- Tham gia tuyên truyền, đào tạo, hướng dẫn cấp huyện, xã và các tổ chức hỗ trợ xây dựng dự án hiểu về chương trình không còn nạn đói và định hướng giúp xác định các hoạt động phù hợp trong các dự án (mô hình) Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng. - Đề xuất việc thành lập đoàn khảo sát trình Giám đốc Sở NNPTNT phê duyệt và chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện khảo sát đánh giá thực trạng về sản xuất và dinh dưỡng của người dân với nguồn kinh phí của trung ương giao hoặc của tỉnh. - Lập dự án báo cáo Sở NNPTNT trình UBND tỉnh phê duyệt. - Phối hợp với các đơn vị có liên quan và người dân tổ chức thực hiện dự án đảm bảo mục tiêu, hiệu quả và tiến độ đã được phê duyệt. - Quyết toán phần kinh phí thực hiện dự án và tổng hợp báo cáo kết quả với Sở NNPTNT và UBND tỉnh; báo cáo với các nhà tài trợ khác nếu sử dụng kinh phí của họ.
5	UBND các huyện	- Chỉ đạo Phòng NNPTNT; Trung tâm y tế dự phòng; UBND các xã cùng tham gia xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện các dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng trên địa bàn. - Chỉ đạo lồng ghép các chương trình để có ngân sách, kinh phí triển khai thực hiện các dự án (mô hình) nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng trên địa bàn. - Phối hợp với chi cục PTNT thực hiện các hoạt động khác của dự án trên địa bàn.
6	Các phòng ban cấp huyện (Y tế, Nông nghiệp, Kinh tế)	- Lồng ghép các chương trình nông nghiệp, dinh dưỡng, phòng chống dịch bệnh cho người dân và trẻ em để thực hiện dự án. - Tham gia tập huấn về lựa chọn hoạt động nông nghiệp, dinh dưỡng, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường. - Tham gia xây dựng, theo dõi, giám sát việc thực hiện dự án, đánh giá tổng kết dự án và báo cáo các cấp.

TT	Đơn vị thực hiện	Vai trò
7	UBND xã	■ Chủ trì triển khai dự án với nguồn kinh phí từ các chương trình của chính phủ, của tỉnh và các tổ chức, cá nhân khác. ■ Trực tiếp hoặc tham gia vào quá trình xây dựng dự án. ■ Phối hợp hướng dẫn thành lập tổ hợp tác, HTX khi cần thiết để triển khai dự án (mô hình). ■ Tham gia đánh giá tổng kết dự án và báo cáo với các cấp.
8	Các tổ chức phi chính phủ, nhà tài trợ	■ Hỗ trợ đối tác địa phương xây dựng dự án. ■ Tiếp nhận đề xuất dự án và xem xét tài trợ nếu thấy phù hợp với các chương trình/ dự án đang triển khai. ■ Tư vấn cho Văn phòng Không còn nạn đói và các đối tác liên quan trong quá trình biên soạn tài liệu, xây dựng dự án, triển khai, giám sát và đánh giá.
9	Người dân	■ Có trách nhiệm tham gia thực hiện theo hướng dẫn của dự án ■ Được hưởng lợi từ các hoạt động của dự án.

3.3 Triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án

- Căn cứ vào thuyết minh dự án chi tiết được phê duyệt Đơn vị thực hiện dự án tổ chức thực hiện Dự án theo đúng tiến độ, nội dung phê duyệt.
- Các hoạt động của Dự án sẽ được hỗ trợ, theo dõi và giám sát thực hiện thông qua chính quyền địa phương, người hưởng lợi trực tiếp và gián tiếp của Dự án và một số nhà tài trợ.
- Trong quá trình triển khai Dự án, để bám sát được nội dung Dự án, đơn vị thực hiện nên triển khai một hệ thống theo dõi để liên tục cập nhật tiến độ thực hiện so với thuyết minh dự án được phê duyệt như số lượng hoạt động, đầu ra đã triển khai so với kế hoạch; số lượng đối tượng hưởng lợi đã tham gia các hoạt động so với kế hoạch; tiến độ chi tiêu cho các hạng mục so với kế hoạch.

Tham khảo khung logic thực hiện dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng trong (Phụ lục 6)

3.4 Một số lưu ý khi tổ chức thực hiện dự án

- Hình thức hỗ trợ: Đối với hoạt động cung cấp đầu vào nông nghiệp giống, vật tư, thuốc BVTV,... cho các hộ gia đình tham gia dự án. Khi cấp phát bắt buộc phải bằng hiện vật, không hỗ trợ bằng tiền mặt để hộ dân tự mua.
- Trong các nội dung của dự án cần quan tâm tới khâu sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm nhằm nâng cao kiến thức, tránh lãng phí lương thực thực phẩm, phục vụ trực tiếp và lâu dài cho bữa ăn của người dân hàng ngày.
- Trong nội dung các hoạt động dự án cần quan tâm lồng ghép yếu tố bình đẳng giới như “nâng cao kiến thức của nam giới về bình đẳng giới để giảm thời gian và khối lượng công việc của phụ nữ trong việc chăm sóc trẻ em và sản xuất nông nghiệp, như: Tập huấn cho các hộ gia đình, hội phụ nữ, hội nông dân, tổ hợp tác nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng. (phụ lục 6)
- Báo cáo kết quả thực hiện: UBND xã, hoặc đơn vị thực hiện Dự án cần báo cáo kết quả thực hiện dự án tới đơn vị cấp kinh phí (UBND huyện, tỉnh hoặc nhà tài trợ) theo quý và năm.

4.1 Giám sát thực hiện dự án

Quá trình giám sát được thực hiện bởi các bên, trong đó:

- Từ tổ chức, đơn vị có ngân sách hay kinh phí cấp cho dự án
- Trực tiếp từ người dân được hưởng lợi từ dự án, có thể phản ánh thông qua các đợt kiểm tra, đánh giá của cơ quan quản lý hay nhà tài trợ
- Từ cơ quan quản lý nhà nước, theo quy định

4.2 Đánh giá dự án

- Tùy từng Dự án sẽ xác định cơ quan tổ chức đánh giá, kiểm tra Dự án. Đối với các Dự án điểm cấp Bộ thì Cục Kinh tế hợp tác & PTNT phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra giám sát dự án đánh giá kết quả thực hiện dự án và tiến hành nghiệm thu.
- Đối với Dự án do Sở NNPTNT, Sở Y tế chủ trì thì các Sở phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra giám sát dự án.
- Với các nguồn kinh phí do các tổ chức, cá nhân tài trợ, thì do các tổ chức, cá nhân sẽ trực tiếp báo cáo lại với người dân và chính quyền địa phương sau khi dự án được tổng kết.
- Sau khi triển khai dự án, các địa phương phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát các dự án thực hiện. Đoàn đánh giá sẽ có biên bản kiểm tra đánh giá tình hình và kết quả thực hiện dự án và những kiến nghị. Hoạt động đánh giá bao gồm đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ và đánh giá kết thúc dự án, với nguồn kinh phí của nhà nước.

4.2.1. Đánh giá ban đầu

Thực hiện việc này là do đơn vị, tổ chức xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng phải thực hiện, trước khi hoàn thiện dự án chính thức nộp lên nhà tài trợ. Cũng có thể chủ đầu tư hay các tổ chức có tiền thuê tư vấn thực hiện việc này. Các gợi ý về nội dung cần có khi khảo sát đánh giá ban đầu gồm:

a) **Đánh giá việc triển khai, xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng:**

- Công tác chuẩn bị, tổ chức, huy động các nguồn lực để thực hiện dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng theo đúng mục tiêu, tiến độ đã được phê duyệt.
- Đánh giá hiện trạng nuôi trồng, sơ chế, bảo quản, sử dụng các nông sản, thực phẩm để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho các hộ gia đình.
- Những khó khăn, vướng mắc, phát sinh mới xuất hiện so với thời điểm phê duyệt dự án.
- Đề xuất các biện pháp giải quyết các vấn đề vướng mắc, phát sinh phù hợp với điều kiện thực tế.

b) **Đánh giá tình trạng sản xuất nông nghiệp và khả năng tiếp cận các nguồn thực phẩm của hộ gia đình:**

- Lượng lương thực, thực phẩm sản xuất cho nhu cầu sử dụng/tiêu thụ của hộ (kg).
- Số lượng các tiệm tạp hóa truyền thống bán thực phẩm hộ có thể tiếp cận.

- Số lượng các chợ thực phẩm truyền thống (bao gồm chợ chính thức và chợ mở) hộ có thể tiếp cận.

c) Đánh giá về tình trạng dinh dưỡng, khẩu phần/tiêu thụ (tính đa dạng) thực phẩm, kiến thức và thực hành chăm sóc dinh dưỡng của bà mẹ trẻ em tại các hộ gia đình:

- % trẻ dưới 5 tuổi bị nhẹ cân (cân nặng theo tuổi).
- % trẻ dưới 5 tuổi bị thấp còi (chiều cao theo tuổi).
- % trẻ dưới 5 tuổi bị gầy còm (cân nặng theo chiều cao).
- % phụ nữ ở độ tuổi sinh sản bị thiếu cân ($BMI < 18,5$).
- % trẻ 6-23 tháng tuổi được ăn đa dạng thực phẩm từ 5/8 nhóm, bắt buộc có nhóm dầu mỡ trong ngày qua.
- % bà mẹ có chế độ ăn đa dạng (ít nhất 5 nhóm thực phẩm) trong 24 giờ qua.

(Tham khảo thêm các chỉ số đo lường ở Phụ lục 5)

4.2.2. Đánh giá giữa kỳ hoặc đánh giá giai đoạn

Các chuyên gia, cán bộ khi đi đánh giá dự án cần tham khảo các chỉ số đo lường trong khung logic thực hiện trong chương trình Không còn nạn đói, từ đó xây dựng chi tiết các chỉ số để đánh giá theo quy định chung và các chỉ số theo từng dự án phù hợp với điều kiện tại mỗi địa phương.

- Sự phù hợp của kết quả thực hiện dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng so với mục tiêu đầu tư tới thời điểm đánh giá.
- Mức độ hoàn thành khối lượng công việc đến thời điểm đánh giá so với kế hoạch được phê duyệt;
- Đánh giá việc sử dụng các sản phẩm từ dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng phục vụ nhu cầu dinh dưỡng của hộ gia đình.
- Đưa ra các khuyến nghị cần thiết để dự án kết thúc đảm bảo tiến độ, đạt mục tiêu đề ra.

Đánh giá dựa theo các chỉ số đo lường cho từng hoạt động cụ thể được phê duyệt từ dự án.

(Tham khảo thêm các chỉ số đo lường cụ thể trong Phụ lục 6)

4.2.3. Đánh giá kết thúc dự án

*** Đánh giá tính phù hợp:** Phù hợp trong thiết kế dự án, cách thức tổ chức và thực hiện, hệ thống giám sát đánh giá:

- Sự phù hợp của dự án với nhu cầu của nhóm mục tiêu như thế nào?
- Phù hợp với đường lối chính sách của địa phương như thế nào?
- Cách tiếp cận của dự án phù hợp với điều kiện tự nhiên-kinh tế-xã hội-phong tục tập quán của địa phương như thế nào?
- Phạm vi, mức độ của các can thiệp phù hợp với khả năng hấp thụ của nhóm mục tiêu, và khả năng tổ chức thực hiện của cán bộ dự án và đối tác như thế nào?

*** Đánh giá tính hiệu quả**

a) Dự án đã đạt được mục đích, kết quả, đầu ra ở mức nào so với mục tiêu đặt ra?

b) Các lợi ích do dự án mang lại cho những đối tượng thụ hưởng.

c) Đánh giá tác động đến thay đổi thực hành sản xuất nông nghiệp của các hộ gia đình tham gia dự án dinh dưỡng.

- Sản lượng trung bình của gia súc, gia cầm/rau củ quả sản xuất bởi các hộ gia đình dựa vào các hoạt động hỗ trợ của dự án theo tháng/mùa vụ (kg, con, quả...).

- % hộ gia đình nhận thấy tầm quan trọng và có kiến thức cơ bản về nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng trong thời gian dự án.

- % hộ gia đình được nâng cao kỹ năng trồng trọt và chăn nuôi, bảo quản sau khi tham gia tập huấn trong thời gian dự án.

d) Đánh giá tác động đến thu nhập và việc phân phối thu nhập của hộ gia đình tham gia dự án và ảnh hưởng đến các tiêu chí về dinh dưỡng của hộ gia đình.

- % hộ gia đình có khả năng tự cung cấp và/hoặc chi trả thực phẩm cho hộ.

- Doanh thu trung bình trong tháng hoặc mùa vụ gần nhất từ bán cây (rau, củ, quả) và/hoặc con vật nuôi từ cây/con giống được hỗ trợ từ dự án (đồng).

- % trẻ 6-23 tháng tuổi được ăn đa dạng thực phẩm từ 5/8 nhóm, bắt buộc có nhóm dầu mỡ trong ngày qua.

- % bà mẹ có chế độ ăn đa dạng (ít nhất 5 nhóm thực phẩm) trong 24 giờ qua.

e) Đánh giá tác động của dự án đến việc đảm bảo môi trường sống tốt hơn và tác động tích cực đến sức khỏe, dinh dưỡng của người dân địa phương.

- % trẻ dưới 5 tuổi bị nhẹ cân (cân nặng theo tuổi).

- % trẻ dưới 5 tuổi bị thấp còi (chiều cao theo tuổi).

- % trẻ dưới 5 tuổi bị gầy còm (cân nặng theo chiều cao).

- % phụ nữ ở độ tuổi sinh sản bị thiếu cân (BMI < 18.5).

- % hộ gia đình có sử dụng tủ lạnh hoặc dụng cụ/phương tiện bảo quản thực phẩm trước khi chế biến.

(Tham khảo thêm các chỉ số đo lường cụ thể trong Phụ lục 6)

*** Đánh giá tính hiệu suất**

a) Với cùng một nguồn lực đầu tư thì dự án đã tạo ra sự khác biệt nào so với cách làm truyền thống hoặc so với các dự án khác trên địa bàn?

b) Các cải tiến về mặt kỹ thuật, công nghệ hoặc phương pháp nào đã được áp dụng để giúp dự án đạt được hiệu quả cao hơn?

c) Dự án đã áp dụng các sáng kiến nào để tiết kiệm thời gian cũng như các nguồn lực để đạt được các mục tiêu mong đợi?

* Đánh giá tính bền vững

a) Cách làm nào đã được duy trì? Sẽ được duy trì? Vì sao (tham gia, đóng góp công sức, tiền của,...)?

b) Cách làm nào được duy trì bởi đối tác, và khả năng đối tác sẽ duy trì trong bao lâu?

c) Xác định các bài học rút ra từ chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, thực hiện, vận hành dự án; Trách nhiệm của tổ chức tư vấn, cơ quan chủ quản, chủ chương trình, chủ đầu tư, người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

(Tham khảo thêm các chỉ số đo lường cụ thể trong Phụ lục 6)

4.3 Tổng kết dự án

■ **Mục đích:** Đánh giá lại kết quả thực hiện, chỉ ra các hiệu quả mà dự án đã mang lại, giúp nhiều người hiểu và quan tâm hơn đến sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng, tìm kiếm thêm các cơ hội mở rộng dự án.

■ **Thời gian tổ chức:** Khi dự án kết thúc các hoạt động triển khai trên thực địa và đã có kết quả đưa sản phẩm vào sử dụng.

■ **Qui mô :** Căn cứ vào tình hình thực tế để tổ chức với số lượng đại biểu đa dạng các cấp, và có cả truyền thông

■ **Các hoạt động cần thiết:**

■ Đơn vị chủ trì Dự án sẽ tổ chức hoạt động tổng kết Dự án, quá trình tổ chức cần lưu ý các nội dung sau:

- » Trình bày Báo cáo kết quả thực hiện dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.
- » Có sự tham gia của các bên cùng tham gia dự án (nhà tài trợ, nhà quản lý), góp ý xây dựng ý tưởng triển khai các dự tiếp theo (nếu có).
- » Mời ít nhất một cơ quan truyền thông (báo, đài, truyền hình...) để phổ biến các kết quả của dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.
- » Có hình ảnh hoặc video lưu lại các bước thực hiện mô hình, làm tư liệu để giới thiệu phổ biến các kinh nghiệm xây dựng mô hình Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.
- » Hoạt động tổng kết dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng diễn ra trong 01 ngày có chia sẻ về kết quả tham gia dự án của 2-3 hộ và bố trí thăm quan mô hình.

Phụ lục 1: Biên bản họp thôn/bản

UBND XÃ
THÔN/ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

 (Tên thôn/ bản), ngày tháng năm.....

BIÊN BẢN HỌP THÔN/BẢN

Hôm nay, ngày tháng năm 20..., tại (ghi rõ địa điểm tổ chức họp) thôn/bản..... đã tổ chức họp để:..... (nêu mục đích cuộc họp).

1. Thành phần tham dự họp

- Chủ trì cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh);
- Thư ký cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh);
- Thành phần tham gia (Đại diện UBND xã, các tổ chức, đoàn thể,...);
- Số lượng tham gia: ..., Trong đó:..... hộ nghèo,hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

2. Nội dung cuộc họp

- Phổ biến dự án: Tên dự án, mục tiêu dự án, cách thức xây dựng dự án, chính sách hỗ trợ của dự án ...;
- Thảo luận về điều kiện tham gia của hộ: tiêu chí chọn hộ tham gia, trách nhiệm của hộ khi tham gia;
- Lập danh sách hộ tham gia: là hộ đáp ứng tiêu chí và tự nguyện tham gia dự án, có cam kết thực hiện đúng các quy định của dự án.

3. Lập danh sách các đối tượng tham gia dự án như sau:

- Phổ biến dự án: Tên dự án, mục tiêu dự án, cách thức xây dựng dự án, chính sách hỗ trợ của dự án ...;
- Thảo luận về điều kiện tham gia của hộ: tiêu chí chọn hộ tham gia, trách nhiệm của hộ khi tham gia;
- Lập danh sách hộ tham gia: là hộ đáp ứng tiêu chí và tự nguyện tham gia dự án, có cam kết thực hiện đúng các quy định của dự án.

TT	Danh sách hộ tham gia dự án	Đối tượng (nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo)	Địa chỉ	Lao động trong độ tuổi (Người)	Trẻ em dưới 5 tuổi (người)	Phụ nữ trong độ tuổi sinh sản (15-49 tuổi)	Số phụ nữ đang mang thai	Hỗ trợ của NSNN / nguồn khác	Đối ứng	Ký nhận
1										

Cuộc họp đã kết thúc vào ... giờ ... cùng ngày. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản./

Thư ký cuộc họp
 (ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND xã
 (ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì
 (ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 2: Biểu thông tin chung về xã

TT	Thông tin chung	Thôn/bản...	Thôn/bản...	Thôn/bản...
1	Thông tin chung			
-	Diện tích đất (ha)			
-	Diện tích trồng lúa, ngô (ha)			
-	Diện tích chưa sử dụng (ha)			
2	Điều kiện KT-XH			
-	Dân số			
-	Tỷ lệ dân tộc thiểu số			
-	Thu nhập hàng năm/người			
-	Số hộ gia đình			
-	Số hộ nghèo			
-	Tỷ lệ hộ nghèo			
3	Tình hình dinh dưỡng			
-	Số phụ nữ trong độ tuổi sinh sản (15-35 tuổi)			
-	Tỷ lệ sinh			
-	Số phụ nữ mang thai			
-	Số lượng trẻ < 2 tuổi			
-	Tỷ lệ thiếu cân			
-	Tỷ lệ thấp còi			
-	Trẻ thiếu cân < 2 tuổi			
-	Trẻ em mẫu giáo			
-	Trẻ ăn bán trú ở trường			
-	Nhân viên y tế xã, làng/bản			

Phụ lục 3: Biểu thu thập thông tin hộ gia đình

I.THÔNG TIN CHUNG

- 1.1. Họ tên người được phỏng vấn:Tuổi:.....Số điện thoại:.....
- 1.2. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ
- 1.3. Dân tộc:.....
- 1.4. Tỉnh:
- 1.5. Huyện:.....
- 1.6. Xã:.....Thôn:.....
- 1.7. Điều kiện kinh tế:
- ☐ Hộ nghèo ☐ Hộ cận nghèo ☐ Không phải
- 1.8. Trình độ giáo dục:
- ☐ Không đi học ☐ Cấp I ☐ Cấp II
- ☐ Cấp III ☐ Cao đẳng/đại học ☐ Trên đại học
- 1.9. Trình độ giáo dục: ☐ Có ☐ Không
- 1.10. Số thành viên trong hộ:..... người, trong đó:

Trẻ em dưới 5 tuổi	Từ 5 dưới 15 tuổi	Trong độ tuổi lao động (15-55 với nữ; 15-60 với nam)	Sau 55 với nữ và 60 với nam, vẫn còn khả năng LĐ trong Nông nghiệp	Người Già yếu không có khả năng LĐ

II. NỘI DUNG ĐIỀU TRA

2.1. Sản xuất nông nghiệp

a) Diện tích đất sản xuất nông nghiệp

TT	Loại đất sản xuất	Diện tích (m2)	Năng suất (Tạ/ha)	Sản lượng (tấn/ha)
1	Đất trồng cây lương thực: lúa, ngô, khoai,...			
2	Đất trồng cây màu (rau, củ, quả...)			
3	Đất trồng rừng			
4	Diện tích đất thủy sản: diện tích nuôi tôm, cá,....			
5	Khác (ghi cụ thể).....			
...				
Tổng				

b) Tình hình sản xuất và sử dụng lương thực

Loại cây lương thực	Sản lượng thu hoạch hàng năm (kg) (tính năm gần nhất)	Lượng lương thực sử dụng cho hộ gia đình (kg)	Lượng lương thực dùng cho chăn nuôi (kg)	Lượng lương thực bán ra thị trường (kg)

Ông (bà) có phải sử dụng thêm lương thực ở ngoài về sử dụng do sản xuất thiếu với nhu cầu sử dụng:

- ☐ Có ☐ Không

Nếu có thì ông (bà):

- ☐ Tự mua ☐ Được hỗ trợ

2.2. Sản xuất khác

Loại cây kinh tế rừng	Diện tích
1. Trồng rừng	
2.	
3.	
...	

2.3. Chăn nuôi

Loại vật nuôi	Số lượng thời điểm điều tra (con)	Số lượng bán trong năm (con/hộ)

2.4. Phương pháp thu hoạch, bảo quản lương thực, thực phẩm mà ông (bà) sử dụng là gì?

.....

.....

.....

.....

.....

2.5. Thu nhập của hộ trong năm gần nhất?

Nguồn thu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Từ trồng cây lương thực, thực phẩm, trồng rừng, nhận khoán bảo vệ rừng,...		
Từ bán vật nuôi (gia súc, gia cầm, thủy sản,...)		
Từ sản xuất, dịch vụ khác (lao động thuê, kinh doanh buôn bán, du lịch, ngành nghề nông thôn,...)		

2.6. Hiện trạng dinh dưỡng của mẹ và trẻ dưới hai tuổi

2.6.1 Tình trạng dinh dưỡng (trẻ dưới 5 tuổi)

Tên trẻ	Giới tính	Ngày sinh	Cân nặng (kg 00.0)	Chiều cao (cm 000.0)

2.6.2. Tình trạng dinh dưỡng (mẹ)

- Cân nặng (kg, 00.0):.....
- Chiều cao (cm, 000.0):.....

2.6.3. Tình hình nuôi dưỡng trẻ (hỏi với trẻ nhỏ nhất nếu có nhiều trẻ):

1	Trong quá trình mang thai, chị có đi khám thai không? Nếu có thì mấy lần?	☐ Cólần ☐ Không
2	Khi mang thai, chị có bổ sung viên sắt hoặc viên đa vi chất không?	☐ Có ☐ Không
3	Nếu có, chị nhận nguồn thuốc từ đâu?	
4	Chị sinh con tại đâu?	☐ Cơ sở y tế ☐ Tại nhà với sự hỗ trợ của cán bộ y tế ☐ Tại nhà không có hỗ trợ của cán bộ y tế ☐ Khác (ghi rõ).....
5	Con nhỏ nhất của chị có được bú mẹ không?	☐ Có ☐ Không

6	Nếu có, cháu có được bú mẹ hoàn toàn đến 6 tháng không?	☐ Có ☐ Không ☐ Không áp dụng
7	Trẻ đã được ăn bổ sung chưa? Nếu có thì từ tháng thứ mấy?	 (tháng) (điền 0 nếu chưa ăn)
8	Nếu có, cháu có được bú mẹ hoàn toàn đến 6 tháng không?	☐ Như bình thường ☐ Kém hơn bình thường ☐ Tốt hơn bình thường
9	Chị có bao giờ được nghe nói chuyện hoặc hướng dẫn về cách nuôi con, phòng chống suy dinh dưỡng hay chưa? Nếu có thì lần gần đây nhất là khi nào? Và do ai?	☐ Có ☐ Không Lần gần nhất cách:.....ngày/tháng Ai hướng dẫn:.....

2.6.4. Chế độ ăn của trẻ (ngày hôm trước)

	Bảng kiểm đồ ăn của trẻ trong ngày hôm trước	Mã lựa chọn		
		Có	Không	Không biết
A	Cơm/ Cháo/ Bột/ phở/ bún/mỳ/bánh/ngô/khoai củ (các sản phẩm từ ngũ cốc và củ)	1	0	98
B	Đậu phụ, sữa đậu nành, tào phớ hoặc các sản phẩm khác từ đậu tương, đậu đỗ các loại, lạc, vừng	1	0	98
C	Củ quả có màu vàng/đỏ (xoài, đu đủ, bí đỏ, cà rốt..) hoặc Các loại rau có lá màu xanh đậm (muống, đay, ngót, dền)	1	0	98
D	Các loại rau củ quả khác (Chưa được kể ở trên)	1	0	98
E	Các loại thịt (bò, lợn, gà, vịt, cừu, dê...); Tim, gan, bầu dục hoặc các loại nội tạng khác; Cá, tôm, cua, nghêu, sò, ốc, hến, lươn, mực hoặc hải sản khác	1	0	98
F	Trứng gia cầm các loại (gà, vịt, ngan, ngỗng, chim cút)	1	0	98
G	Sữa uống (sữa tươi, sữa bột); Sữa chua, pho mát, sữa đặc có đường, bánh sữa, kẹo sữa, caramen và các sản phẩm từ sữa khác	1	0	98
H	Các loại dầu, mỡ, bơ để ăn hoặc nấu cùng các món ăn	1	0	98
Hôm qua kể cả ngày và đêm, ngoài các loại sữa ra, cháu (TÊN) được ăn thêm mấy bữa (ăn sam, ăn dặm với bột, cháo, cơm)?		 lần		

2.6.5. Tỷ lệ bà mẹ ăn đa dạng thực phẩm trong ngày qua

Tỷ lệ bà mẹ ăn đa dạng thực phẩm trong ngày qua tính theo tỷ lệ bà mẹ đạt mức đa dạng thực phẩm tối thiểu áp dụng cho phụ nữ trong độ tuổi sinh sản. Bà mẹ cần được cung cấp ít nhất 5 trong 10 nhóm thực phẩm trong ngày qua, bao gồm:

1. Nhóm lương thực : Cơm/ Cháo/ Bột/ phở/ bún/mỳ/bánh/ngô/khoai củ (các sản phẩm từ ngũ cốc và củ)
2. Đậu phụ, sữa đậu nành, tào phớ hoặc các sản phẩm khác từ đậu tương, đậu đỗ
3. Các loại hạt;
4. Sữa và các sản phẩm từ sữa;
5. Các loại thịt (bò, lợn, gà, vịt, cừu, dê....); Tim, gan, bầu dục hoặc các loại nội tạng khác; Cá, tôm, cua, nghêu, sò, ốc, hến, lươn, mực hoặc hải sản khác
6. Trứng gia cầm các loại (gà, vịt, ngan, ngỗng, chim cút)
7. Rau lá xanh đậm (muống, đay, ngót, dền,...);
8. Rau củ quả giàu Vitamin A : rau củ có màu vàng/đỏ (xoài, đu đủ, bí đỏ, cà rốt..);
9. Rau khác;
10. Và quả khác.

2.6.6. Thang đo kinh nghiệm về mất an ninh lương thực (FIES)

Xin anh, chị trả lời một số câu hỏi về lương thực như sau (khoanh tròn vào câu trả lời phù hợp). Trong 12 THÁNG qua, đã có khi nào mà:	
C1. Anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị lo lắng về vấn đề không đủ thức ăn do thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác?	0 Không 1 Có 98 Không biết 99 Từ chối trả lời
C2. Vẫn trong 12 tháng qua, đã có khi nào mà anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị không thể ăn thực phẩm dinh dưỡng và tốt cho sức khỏe do thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác?	0 Không 1 Có 98 Không biết 99 Từ chối trả lời
C3. Đã có khi nào mà anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị chỉ ăn một vài loại thực phẩm do thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác?	0 Không 1 Có 98 Không biết 99 Từ chối trả lời
C4. Đã có khi nào mà anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị phải bỏ bữa ăn vì thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác để mua thức ăn?	0 Không 1 Có 98 Không biết 99 Từ chối trả lời

Xin anh, chị trả lời một số câu hỏi về lương thực như sau (khoanh tròn vào câu trả lời phù hợp). Trong 12 THÁNG qua, đã có khi nào mà:

C5. Vẫn trong 12 tháng qua, đã có khi nào mà anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị ăn ít hơn mức mà anh, chị nghĩ là nên ăn vì thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác?	0 Không 1 Có 98 Không biết 99 Từ chối trả lời
C6. Đã có khi nào mà anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị hết, cạn kiệt thức ăn vì thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác?	0 Không 1 Có 98 Không biết 99 Từ chối trả lời
C7. Đã có khi nào mà anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị bị đói nhưng không ăn vì thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác để mua thức ăn?	0 Không 1 Có 98 Không biết 99 Từ chối trả lời
C8. Đã có khi nào mà anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị làm việc mà không ăn trong cả ngày vì thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác?	0 Không 1 Có 98 Không biết 99 Từ chối trả lời

HÀM Ý HƯỞNG TỚI CỦA CÁC CÂU HỎI FIES

(Kinh nghiệm mất an ninh lương thực)

Tôi muốn hỏi Anh/Chị vài câu hỏi về lương thực. Trong 12 tháng qua, đã có thời điểm nào khi:

C1. Anh/Chị hoặc hộ nhà Anh/Chị lo lắng về vấn đề không đủ thức ăn do thiếu tiền hoặc các nguồn khác không?	■ Câu hỏi đề cập đến trạng thái lo lắng, băn khoăn, sợ hãi, hoảng sợ hoặc lo ngại rằng Anh/Chị có thể không đủ lương thực hoặc sẽ hết lương thực (vì không có đủ tiền hoặc các nguồn lực khác để có thức ăn). ■ Sự lo lắng hoặc băn khoăn này bắt nguồn do hoàn cảnh, ảnh hưởng tới khả năng mua lương thực, chẳng hạn: mất việc làm hoặc nguồn thu nhập khác, hoặc bất kỳ lý do nào dẫn đến không có đủ tiền; sản xuất lương thực không đủ để tự tiêu dùng; thiếu lương thực có sẵn để sẵn bắt hoặc thu lượm; phá vỡ mối quan hệ xã hội; mất các quyền lợi thông thường hoặc trợ cấp lương thực; môi trường hoặc khủng hoảng chính trị. ■ Người trả lời câu hỏi nhất thiết phải có đủ kinh nghiệm thực tế về việc không đủ lương thực hoặc hết lương thực phải trả lời là 'đúng' với câu hỏi này.
---	--

Tôi muốn hỏi Anh/Chị vài câu hỏi về lương thực. Trong 12 tháng qua, đã có thời điểm nào khi:

C2. Vẫn trong 12 tháng qua, đã có khi nào mà anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị không thể ăn thực phẩm dinh dưỡng và tốt cho sức khỏe do thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác?

- Câu hỏi này yêu cầu người trả lời cho biết liệu họ không thể ăn lương thực mà họ coi rằng là bổ dưỡng hoặc tốt hay không, những lương thực giúp họ khỏe mạnh, hoặc những lương thực giúp chế độ ăn uống dinh dưỡng hoặc cân đối (vì không có đủ tiền hoặc các nguồn lực khác để có lương thực.)
- Câu hỏi này phụ thuộc vào ý kiến chủ quan của người trả lời, họ coi lương thực họ đang tiêu thụ là lành mạnh và bổ dưỡng
- Câu hỏi đề cập đến chất lượng của chế độ ăn uống, chứ không phải số lượng lương thực ăn được.

C3. Đã có khi nào mà anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị chỉ ăn một vài loại thực phẩm do thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác?

- Câu hỏi đặt ra rằng người được hỏi có buộc phải ăn một loại lương thực hạn chế, cùng một loại lương thực hoặc chỉ một vài loại lương thực nhất định mỗi ngày do không đủ tiền hoặc các nguồn lực khác để có lương thực hay không? Hàm ý câu hỏi là: nếu hộ gia đình được tiếp cận với nhiều loại lương thực, thì các lương thực được tiêu thụ sẽ đa dạng và có xu hướng gia tăng.
- Cụm từ thay thế:
 - Anh/ Chị đã ăn những bữa ăn với một vài loại lương thực hạn chế;
 - Anh/ Chị đã ăn cùng một loại lương thực hoặc một vài loại lương thực mỗi ngày;
 - Anh/ Chị phải ăn một loại lương thực hạn chế;
 - Anh/ Chị phải ăn cùng một vài loại lương thực mỗi ngày;
 - Anh/ Chị phải ăn chỉ một vài loại lương thực;
- Câu hỏi đề cập đến chất lượng của chế độ ăn uống, chứ không phải số lượng lương thực ăn được. Điều này nói đến vấn đề thiếu tiền/ các nguồn khác hơn là thói quen thông thường hoặc các hoàn cảnh khác (như: sức khỏe hoặc tôn giáo) là lý do cho sự hạn chế sự đa dạng lương thực.

C4. Đã có khi nào mà anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị phải bỏ bữa ăn vì thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác để mua thức ăn?

- Câu hỏi này hỏi về kinh nghiệm bỏ lỡ bữa hoặc bỏ bữa (cụ thể bữa sáng, bữa trưa hoặc bữa tối tùy thuộc vào định mức số lượng hay số lần bữa ăn theo phong tục), các bữa thường được ăn (bởi vì thiếu tiền hoặc các nguồn khác để có lương thực.)
- Câu hỏi này liên quan đến số lượng lương thực không đủ để ăn.

Tôi muốn hỏi Anh/Chị vài câu hỏi về lương thực. Trong 12 tháng qua, đã có thời điểm nào khi:

C5. Vẫn trong 12 tháng qua, đã có khi nào mà anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị ăn ít hơn mức mà anh, chị nghĩ là nên ăn vì thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác?	■ Câu hỏi này hỏi về vấn đề: người được hỏi có ăn ít hơn số lượng họ cho rằng nên ăn, ngay cả khi họ không bỏ bữa (vì hộ gia đình không có tiền hoặc các nguồn khác để có lương thực). ■ Câu trả lời phụ thuộc vào ý kiến chủ quan của người trả lời về việc họ nghĩ họ nên ăn bao nhiêu. ■ Câu hỏi này liên quan đến số lượng lương thực ăn được chứ không phải chất lượng của chế độ bữa ăn. ■ Câu hỏi này không đề cập đến chế độ ăn kiêng đặc biệt để giảm cân hoặc vì bất kỳ lý do sức khỏe hoặc tôn giáo.
C6. Đã có khi nào mà anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị hết, cạn kiệt thức ăn vì thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác?	■ Câu hỏi đề cập đến những trải nghiệm khi hộ gia đình thực sự không có thức ăn trong nhà vì họ không có tiền, các nguồn lực khác hoặc bất kỳ điều kiện nào khác để có lương thực.
C7. Đã có khi nào mà anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị bị đói nhưng không ăn vì thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác để mua thức ăn?	■ Câu hỏi này hỏi về kinh nghiệm thực trải qua cảm giác đói, và đặc biệt, cảm giác đói nhưng không thể ăn đủ (do thiếu tiền hay các nguồn khác để có đủ thức ăn). ■ Câu hỏi không đề cập đến chế độ ăn kiêng đặc biệt để giảm cân hoặc tăng cân vì lý do sức khỏe hoặc tôn giáo.
C8. Đã có khi nào mà anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị làm việc mà không ăn trong cả ngày vì thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác?	■ Câu hỏi này hỏi về một hành vi cụ thể - không ăn bất cứ lương thực nào cả ngày (do thiếu tiền và các nguồn khác để có lương thực). ■ Câu hỏi không đề cập đến chế độ ăn kiêng đặc biệt để giảm cân hoặc tăng cân vì lý do sức khỏe hoặc tôn giáo.

Cách đánh giá

- Đánh giá dựa trên điểm số tổng FIES: Mỗi một câu hỏi (từ C1 đến C8) được trả lời có tính là 1 điểm, cộng tất cả 8 câu sẽ ra điểm tổng của thiếu ANLT (tối thiểu là 0, tối đa là 8). Điểm càng cao thì mức độ thiếu ANLT càng cao.
- Đánh giá dựa trên tỷ lệ thiếu ANLT:
 - Mức độ vừa: các hộ gia đình có trả lời có cho 1 hoặc nhiều câu từ câu C2 đến câu C7.
 - Mức độ nặng: các hộ gia đình có trả lời có cho câu C8

Mức độ nhẹ	Mức độ vừa		Mức độ nặng
Lo lắng về hết thức ăn	Ảnh hưởng đến chất lượng và sự đa dạng của bữa ăn	Cắt giảm số lượng, bỏ các bữa ăn	Đã từng nhịn đói
Tỷ lệ số hộ có C1=có	Tỷ lệ C2, C3 = có	Tỷ lệ C4,5,6,7=có	Tỷ lệ C8=có

Phụ lục 4. Mẫu dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng

TÊN ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

....., ngày tháng năm.....

TÊN DỰ ÁN

I. Sự cần thiết của dự án trên địa bàn xã

- Mô tả về tỷ lệ suy dinh dưỡng của xã, và các hộ đã chọn, đã thống kê và có số liệu, nêu mục tiêu của dự án và nội dung cần triển khai.
- Chỉ ra được sản xuất, sơ chế, chế biến sản phẩm nông nghiệp cung cấp được loại thực phẩm nào? Giá trị dinh dưỡng như thế nào? Với phụ nữ và trẻ em.

II. Căn cứ xây dựng dự án

- Các căn cứ pháp lý để xây dựng dự án
- Các căn cứ khác (bổ sung theo thực tế)

III. Phạm vi, đối tượng

- Phạm vi
- Đối tượng

IV. Địa điểm, thời gian

- Địa điểm
- Thời gian

V. Kinh phí triển khai

- Tổng kinh phí dự án:
- Kinh phí nhà nước hoặc nhà tài trợ:.....
- Kinh phí đối ứng (nếu có):.....

VI. Đơn vị quản lý, thực hiện dự án

- Đơn vị quản lý/chủ quản
- Đơn vị chủ trì dự án:

VII. Mục tiêu của dự án

1. Mục tiêu chung:.....
2. Mục tiêu cụ thể:
 - Mục tiêu 1:.....
 - Mục tiêu 2:.....
3. Các kết quả đầu ra cần đạt
 - Kết quả 1:.....
 - Kết quả 2:.....
4. Dự kiến các hoạt động cần triển khai
 - Hoạt động 1:.....
 - Hoạt động 2:.....

VIII. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP CỦA DỰ ÁN

Nội dung của dự án và giải pháp được chủ trì dự án tổng hợp và giải thích để đủ căn cứ cấp kinh phí thực hiện dự án và thể hiện tính khả thi của dự án

8.1. Hiện trạng về lương thực và thực phẩm

a) Các số liệu/ thông tin cơ bản của hộ gia đình về khả năng đáp ứng lương thực và thực phẩm cho hộ gia đình.

■ Đánh giá hiện trạng: Phân tích các số liệu thu thập qua khảo sát để đánh giá điều kiện sản xuất lương thực, của các hộ tham gia dự án từ đó đánh giá có:

- Số hộ có đủ lương thực cho cả năm.
- Số hộ thiếu lương thực.
- Số hộ thiếu thực phẩm.
- Tổng số lương thực thiếu còn của các hộ dân tham gia dự án.
- Số lượng thực phẩm do người dân đang sản xuất ở địa phương.
- Xác định mức thiếu hụt số lượng thực phẩm cần bù đắp trên cơ sở căn cứ vào yêu cầu dinh dưỡng (theo chỉ tiêu dinh dưỡng của ngành Y tế).
- Xem xét tiềm năng sản xuất thực phẩm ở địa phương để tổ chức sản xuất cho các hộ gia đình.

■ Các khó khăn và các giải pháp: (bao gồm nhận thức, kỹ thuật và yếu tố thị trường).

8.2. Tình hình suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi

■ Đánh giá hiện trạng bao gồm cả cho trẻ dưới 5 tuổi

- Tình trạng dinh dưỡng của trẻ (qua chỉ số nhân trắc); các vấn đề sức khỏe của người dân, như: chương trình chăm sóc sức khỏe, phòng trừ dịch bệnh, nước sạch vệ sinh môi trường. Các bệnh liên quan đến dinh dưỡng ở trẻ.
- Thể trạng người dân: chiều cao, cân nặng.
- Tình hình chăm sóc dinh dưỡng của người dân: sử dụng lương thực, thực phẩm, khẩu phần ăn.

■ Đánh giá nguyên nhân ảnh hưởng đến tình trạng trên (về dinh dưỡng và nhận thức....)

■ Giải pháp khắc phục:

8.3. Khung kế hoạch thực hiện dự án

Mục tiêu cụ thể/kết quả cần đạt được	Hoạt động	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Địa điểm	Chịu trách nhiệm
1	1			
	2			
2	1			
	2			
	3			

IX. KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN

- Tổng kinh phí dự án:.....
- Dự toán kinh phí (Có thể bổ sung bảng tính chi tiết cho từng hoạt động)

TT	Hoạt động	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Chi phí tuyên truyền, tập huấn			
1	Tuyên truyền...			
2	Tập huấn			
-	Tập huấn về sản xuất nông nghiệp			
-	Tập huấn về chế biến, bảo quản			
-	Tập huấn về thực hành sử dụng dinh dưỡng hợp lý			
II	Hỗ trợ xây dựng dự án			
1	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (giống, vật tư, phân bón,...)			
2	Hỗ trợ chế biến, bảo quản			
3	Hỗ trợ can thiệp về dinh dưỡng....			
III	Quản lý, giám sát, tổng kết			
1				
	Tổng cộng			

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Nêu được vai trò, trách nhiệm của các bên tham gia dự án như thế nào?

XI. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Hoạt động	Thời gian								
	Tháng 1	Tháng 2	...	...	...	...	...	...	...
Hoạt động 1									
Hoạt động 2									
Hoạt động 3									
.....									

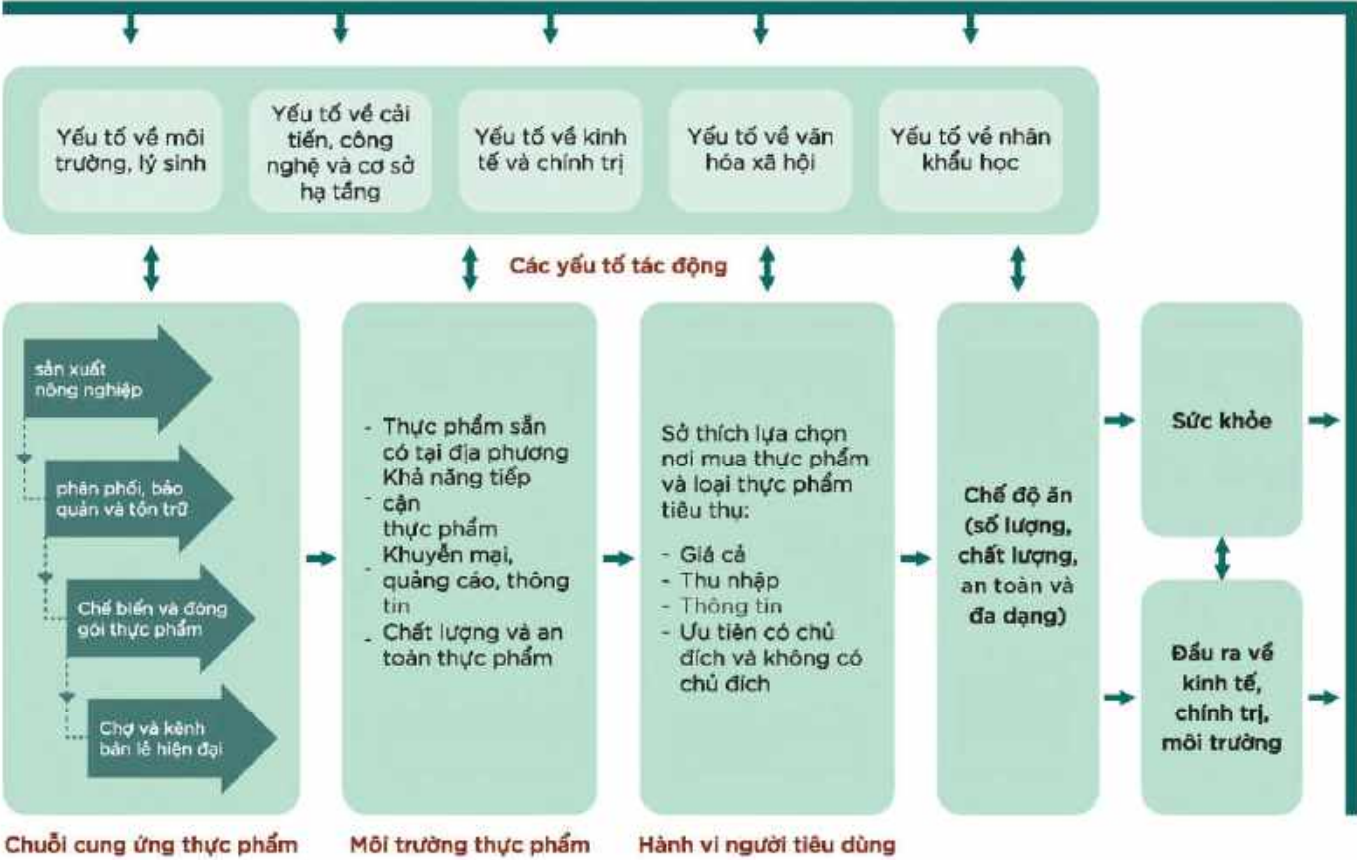
....., ngàytháng năm 202...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 5. Một số chỉ tiêu cơ bản của nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng theo Khung lý thuyết hệ thống thực phẩm

Khung lý thuyết hệ thống thực phẩm



Nguồn: Jessica E. Raneri và cộng sự. 2019. Xác định các lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên hướng đến chế độ ăn lành mạnh và hệ thống thực phẩm bền vững tại Việt Nam. Chương trình nghiên cứu CGIAR Nông nghiệp cho Dinh dưỡng và Sức khỏe. IFPRI Discussion Paper.

O. Đánh giá tình hình chung kinh tế xã hội cấp xã tại địa bàn tham gia dự án			Dữ liệu cần thu thập
Mã chỉ số	0.1 - Chuỗi cung ứng lương thực thực phẩm		
0.1.1	Diện tích đất dành cho sản xuất nông nghiệp: đất ruộng, nương, rừng, mặt nước nuôi trồng thủy sản,...	ha	■ Diện tích đất sản xuất nông nghiệp ■ Diện tích đất rừng (ha) ■ Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản (ha)
0.1.2	Diện tích các loại cây lương thực, thực phẩm, trồng rừng và sản xuất nông nghiệp khác	ha	■ Diện tích (gieo trồng) lúa ■ Diện tích (gieo trồng) ngô/bắp ■ Diện tích (gieo trồng) khoai ■ Diện tích (gieo trồng) sắn/mỳ ■ Diện tích (gieo trồng) mía ■ Diện tích (gieo trồng) cây lạc/đậu phộng ■ Diện tích (gieo trồng) cây đậu tương/đậu nành ■ Diện tích (gieo trồng) rau các loại ■ Diện tích (gieo trồng) cây ăn quả các loại ■ Diện tích trồng rừng mới tập trung
0.1.3	Số đầu đàn/sản lượng gia súc, gia cầm, sản lượng thủy sản	Con, kg	■ Số lượng trâu (con) ■ Số lượng bò (con) ■ Số lượng bò sữa (con) ■ Số lượng lợn (con) ■ Số lượng gia cầm (nghìn con) ■ Số lượng thỏ (con) ■ Số lượng ngựa (con) ■ Số lượng dê (con) ■ Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng (kg) ■ Sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng (kg) ■ Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng (kg) ■ Sản lượng thịt dê hơi xuất chuồng (kg) ■ Sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng (kg) ■ Sản lượng thịt thỏ hơi xuất chuồng (kg) ■ Số lượng trứng từ gia cầm (quả/cái) ■ Sản lượng sữa tươi ■ Sản lượng thủy sản (kg)

Mã chỉ số	0.2 - Các yếu tố ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng thực phẩm		
0.2.1	Hạ tầng cơ sở vật chất thiết yếu (đường giao thông, trạm y tế, hệ thống thủy lợi, cơ sở dịch vụ sản xuất và chế biến nông sản) phục vụ cho sản xuất và đời sống của người dân		- Số kilometer đường giao thông được rải nhựa/đổ bê tông - Số hộ và tỷ lệ hộ dân cư dùng nước sạch, hố xí hợp vệ sinh Cơ sở y tế: - Số cơ sở y tế (bệnh viện, bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức năng, phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã/phường/cơ quan/xí nghiệp) - Tổng số giường bệnh (bệnh viện, bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức năng, phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã/phường/cơ quan/xí nghiệp) - Số nhân lực ngành y tế, dược (Bác sĩ, y sĩ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên, Dược sĩ, dược sĩ cao đẳng/trung cấp, dược tá, kỹ thuật viên dược)
0.2.2	Tỉ lệ gia tăng dân số	%	- Số trẻ đẻ sống trong năm - Số chết trong năm - Dân số trung bình (hoặc dân số có đến ngày 01/07 của năm) - Tỷ suất sinh thô - Tỷ suất chết thô
Mã chỉ số	0.3 - Môi trường thực phẩm		
0.3.1	Số lượng các tiệm tạp hóa truyền thống bán thực phẩm hộ có thể tiếp cận	Số tiệm	Số tiệm tạp hóa/bách hóa truyền thống (quán) bán thực phẩm
0.3.2	Số lượng các chợ thực phẩm truyền thống (bao gồm chợ chính thức và chợ mở) hộ có thể tiếp cận	Số chợ	- Số lượng chợ cóc bán thực phẩm - Số lượng chợ phiên bán thực phẩm - Số lượng chợ kiên cố bán thực phẩm (hạng I, II, III)
Mã chỉ số	0.4 - Đầu ra về kinh tế xã hội		
0.4.1	Giá trị sản xuất khác ở địa phương như: ngành nghề nông thôn, dịch vụ mua bán, du lịch...	nghìn đồng/năm	- Doanh thu của các cơ sở lưu trú - Doanh thu của các cơ sở lữ hành

0.4.2	Thị trường tiêu thụ các loại sản phẩm nông nghiệp, ngành nghề nông thôn (tại chỗ, trong nước, xuất khẩu)	nghìn đồng/năm	- Tổng khối lượng/giá trị nông sản bán ra tại địa bàn xã - Tổng khối lượng/giá trị nông sản bán ra ngoài địa bàn xã (nội địa trong nước) - Tổng khối lượng/giá trị nông sản xuất khẩu nước ngoài	
0.4.3	Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo và thoát nghèo hàng năm	%	- Số hộ nghèo - Tỷ lệ hộ cận nghèo - Tỷ lệ hộ thoát nghèo - Tỷ lệ hộ tái nghèo	
1. Mục tiêu 1 - Đáp ứng cơ bản các hộ có đủ lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng quanh năm			Dữ liệu cần thu thập	
Mã chỉ số	1.1 - Chuỗi cung ứng lương thực thực phẩm			
1.1.1	Diện tích đất sản xuất lương thực của hộ gia đình gồm: diện tích đất canh tác ruộng nước, sản xuất lúa nước, trồng ngô, khoai lang, sắn...	ha		- Diện tích đất canh tác lúa nước (lúa nước) - Diện tích (gieo trồng) lúa cả năm - Diện tích (gieo trồng) ngô/bắp - Diện tích (gieo trồng) khoai - Diện tích (gieo trồng) sắn/mỳ
1.1.2	Diện tích đất sản xuất cây thực phẩm của hộ gia đình: rau, củ	ha		- Diện tích (gieo trồng) mía - Diện tích (gieo trồng) cây lạc/đậu phộng - Diện tích (gieo trồng) cây đậu tương/đậu nành - Diện tích (gieo trồng) rau các loại - Diện tích (gieo trồng) hoa các loại - Diện tích (gieo trồng) cây ăn quả các loại
1.1.3	Diện tích đất sản xuất lâm nghiệp của hộ gia đình: trồng rừng, trồng các loại cây kinh tế dưới tán rừng (dược liệu, hương liệu,...)	ha		- Diện tích trồng rừng - Diện tích trồng cây kinh tế (dược liệu) dưới tán rừng - Diện tích trồng cây kinh tế (hương liệu) dưới tán rừng
1.1.4	Diện tích chuồng trại của hộ gia đình	ha		Diện tích chuồng trại (chăn nuôi gia súc/gia cầm) của hộ gia đình
1.1.5	Diện tích đất thủy sản: diện tích nuôi tôm, cá,...	ha		Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản

1.1.6	Sản lượng lương thực, thực phẩm thu hoạch hàng năm	kg	- Sản lượng lúa cả năm - Sản lượng ngô/bắp - Sản lượng khoai - Sản lượng sắn/mỳ - Sản lượng mía - Sản lượng cây lạc/đậu phộng - Sản lượng cây đậu tương/đậu nành - Sản lượng rau các loại - Sản lượng cây ăn quả
1.1.7	Lượng lương thực, thực phẩm sản xuất ra nhưng không sử dụng cho nhu cầu ăn mà dành cho chăn nuôi	kg	Lượng lương thực, thực phẩm sản xuất ra nhưng không sử dụng cho nhu cầu ăn mà dành cho chăn nuôi
1.1.8	Lượng lương thực, thực phẩm sản xuất ra nhưng không sử dụng cho nhu cầu ăn mà dành cho bán ra thị trường	kg	Lượng lương thực, thực phẩm sản xuất ra nhưng không sử dụng cho nhu cầu ăn mà dành cho bán ra thị trường
1.1.9	Lượng lương thực, thực phẩm sản xuất cho nhu cầu sử dụng/tiêu thụ của hộ	kg	Lượng lương thực, thực phẩm sản xuất cho nhu cầu sử dụng/tiêu thụ của hộ
1.1.10	Số đầu đàn gia súc (con), gia cầm (con), thủy sản	Số con & kg	- Số lượng trâu (con) - Số lượng bò (con) - Số lượng lợn (con) - Số lượng gia cầm (nghìn con) - Số lượng thỏ (con) - Số lượng ngựa (con) - Số lượng dê (con) - Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng (kg) - Sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng (kg) - Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng (kg) - Sản lượng thịt dê hơi xuất chuồng (kg) - Sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng (kg) - Sản lượng thủy sản (kg) - Sản lượng cá (kg) - Sản lượng tôm nuôi (kg)
Mã chỉ số	1.2 - Các nhân tố ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng lương thực - thực phẩm		
1.2.1	Diện tích cây trồng của hộ gia đình bị ảnh hưởng / mất do hạn hán, lũ lụt, dịch hại và dịch bệnh trong mỗi vụ mùa vừa qua	ha/nguy cơ/vụ mùa	Diện tích cây trồng của hộ gia đình bị ảnh hưởng / mất do hạn hán, lũ lụt, dịch hại và dịch bệnh trong mỗi vụ mùa vừa qua

1.2.2	Tần suất tác động của các hiện tượng thời tiết cực đoan và dịch bệnh (hạn hán, lũ lụt, sâu bệnh & dịch bệnh khác) trong 12 tháng qua	sự kiện/ tác động/ vụ mùa	Tần suất tác động của các hiện tượng thời tiết (hạn hán, lũ lụt, sâu bệnh & dịch bệnh khác) trong 12 tháng qua
Mã chỉ số	1.3 - Chế độ ăn		
1.3.1	Lượng lương thực, thực phẩm sử dụng bình quân một năm	kg/ năm	Lượng lương thực, thực phẩm sử dụng bình quân một năm của hộ gia đình
1.3.2	Số lượng lương thực, thực phẩm mua thêm hoặc được hỗ trợ cho nhu cầu sử dụng của hộ	kg/ năm	Số lượng lương thực, thực phẩm mua thêm hoặc được hỗ trợ cho nhu cầu sử dụng của hộ
1.3.3	Tỷ lệ hộ gia đình trải qua tình trạng mất an ninh lương thực ở mức độ vừa và nghiêm trọng theo thang đo FIES	%	Số hộ gia đình trải qua tình trạng mất an ninh lương thực ở mức độ vừa và nghiêm trọng theo thang đo FIES
1.3.4	Tỷ lệ hộ gia đình được tiếp cận với nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt và ăn uống hàng ngày	%	Số hộ gia đình được tiếp cận với nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt và ăn uống hàng ngày
Mã chỉ số	1.4 - Đầu ra về kinh tế xã hội		
1.4.1	Thu nhập từ sản xuất lương thực, thực phẩm, rừng (trồng rừng, các loại cây kinh tế từ đất rừng, nhận khoán bảo vệ rừng)	nghìn đồng/ năm	- Tổng thu nhập cả năm từ sản xuất lúa - Tổng thu nhập cả năm từ sản xuất ngô/bắp - Tổng thu nhập cả năm từ sản xuất khoai - Tổng thu nhập cả năm từ sản xuất sắn/mỳ - Tổng thu nhập cả năm từ sản xuất mía - Tổng thu nhập cả năm từ sản xuất lạc/đậu phộng - Tổng thu nhập cả năm từ sản xuất cây đậu tương/đậu nành - Tổng thu nhập cả năm từ sản xuất rau các loại - Tổng thu nhập cả năm từ sản xuất cây ăn quả các loại - Tổng thu nhập các loại cây kinh tế từ đất rừng: cao su,...)

1.4.2	Thu nhập từ chăn nuôi (trâu bò, dê, lợn, gia cầm, thủy sản,...)	nghìn đồng/năm	- Tổng thu nhập cả năm từ chăn nuôi trâu - Tổng thu nhập cả năm từ chăn nuôi bò - Tổng thu nhập cả năm từ chăn nuôi lợn - Tổng thu nhập cả năm từ chăn nuôi gia cầm - Tổng thu nhập cả năm từ chăn nuôi thỏ - Tổng thu nhập cả năm từ chăn nuôi dê - Tổng thu nhập cả năm từ chăn nuôi ngựa - Tổng thu nhập cả năm từ chăn nuôi thủy sản - Tổng thu nhập từ trồng rừng - Tổng thu nhập từ trồng cây kinh tế trên đất rừng
1.4.3	Thu nhập từ sản xuất, dịch vụ khác như ngành nghề nông thôn, bán buôn bán lẻ...	nghìn đồng/năm	Tổng thu nhập từ sản xuất, dịch vụ khác như ngành nghề nông thôn, bán buôn bán lẻ...
2. Mục tiêu 2 - Giảm suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 2 tuổi			Dữ liệu cần thu thập
Mã chỉ số	2.1 - Hành vi người tiêu dùng		
2.1.1	Tỷ lệ bà mẹ thực hành tốt về ăn bổ sung cho trẻ	%	- Tổng số bà mẹ có con dưới 2 tuổi tham gia vào dự án - Bà mẹ bắt đầu cho trẻ ăn bổ sung từ tháng tuổi thứ mấy - Cách chăm sóc trẻ về ăn uống khi trẻ bị bệnh - Số bà mẹ cho con ăn dặm theo đúng nguyên tắc: từ ngọt tới mặn, từ ít tới nhiều, từ lỏng tới đặc.
Mã chỉ số	2.2 - Chế độ ăn của bà mẹ		
2.2.1	Tỷ lệ bà mẹ có 3 bữa ăn chính trong ngày	%	- Tổng số bà mẹ có con dưới 2 tuổi tham gia vào dự án - Số bà mẹ có 3 bữa ăn chính trong ngày
2.2.2	Tỷ lệ bà mẹ có chế độ ăn đa dạng (ít nhất 5 nhóm thực phẩm trong 24 giờ qua)	%	- Tổng số bà mẹ có con dưới 2 tuổi tham gia vào dự án - Số bà mẹ có chế độ ăn đa dạng (ít nhất 5 nhóm thực phẩm trong 24 giờ qua) - Tần suất tiêu thụ các nhóm thực phẩm trong 7 ngày vừa qua (số lần/7 ngày qua)

Mã chỉ số	2.3 - Chế độ ăn của trẻ		
2.3.1	% trẻ 6-23 tháng tuổi được ăn ít nhất 3 bữa chính theo khuyến nghị của Viện Dinh dưỡng	%	- Tổng số trẻ 6-23 tháng tuổi tham gia vào dự án - Số trẻ 6-23 tháng tuổi được ăn ít nhất 3 bữa chính theo khuyến nghị của Viện Dinh dưỡng
2.3.2	Tỷ lệ bà mẹ có chế độ ăn đa dạng (ít nhất 5 nhóm thực phẩm trong 24 giờ qua)	%	- Tổng số trẻ <2 tuổi tham gia vào dự án - Số trẻ duy trì/được tiếp tục cho bú mẹ tới 2 tuổi
2.3.3	Tỷ lệ trẻ được cho bú mẹ hoàn toàn trong vòng 6 tháng đầu	%	- Tổng số trẻ <2 tuổi tham gia vào dự án - Số trẻ được cho bú mẹ hoàn toàn trong vòng 6 tháng đầu
2.3.4	Tỷ lệ trẻ 6-23 tháng tuổi được ăn đa dạng thực phẩm từ 5/8 nhóm, bắt buộc có nhóm dầu mỡ trong ngày qua	%	- Tổng số trẻ <2 tuổi tham gia vào dự án - Số trẻ 6-23 tháng tuổi được ăn đa dạng thực phẩm từ 5/8 nhóm, bắt buộc có nhóm dầu mỡ trong ngày qua - Tần suất tiêu thụ các nhóm thực phẩm trong 7 ngày vừa qua (số lần/7 ngày qua)
Mã chỉ số	2.4 - Đầu ra về sức khỏe và dinh dưỡng		

2.4.1	Chỉ số Z chiều cao theo tuổi của trẻ <2 tuổi (Z-score)	Z-score	- Chiều cao (cm) của trẻ < 2 tuổi - Ngày tháng năm sinh của trẻ
2.4.2	Chỉ số Z BMI theo tuổi của trẻ <2 tuổi (Z-score)	Z-score	- Chiều cao (cm) của trẻ < 2 tuổi - Cân nặng (kg) của trẻ <2 tuổi - Ngày tháng năm sinh của trẻ
2.4.3	Tỷ lệ nhẹ cân của trẻ <5 tuổi (cân nặng theo tuổi)	%	- Cân nặng (kg) của trẻ <5 tuổi - Ngày tháng năm sinh của trẻ
2.4.4	Tỷ lệ thấp còi của trẻ <5 tuổi (chiều cao theo tuổi)	%	- Chiều cao (cm) của trẻ < 5 tuổi - Ngày tháng năm sinh của trẻ
2.4.5	Tỷ lệ gầy còm của trẻ <5 tuổi (cân nặng theo chiều cao)	%	- Chiều cao (cm) của trẻ < 5 tuổi - Cân nặng (kg) của trẻ <5 tuổi - Ngày tháng năm sinh của trẻ
2.4.6	% phụ nữ ở độ tuổi sinh sản bị thiếu cân (BMI<18.5)	BMI	- Chiều cao (cm) của bà mẹ - Cân nặng (kg) của bà mẹ

3. Mục tiêu 3 - Phát triển hệ thống lương thực - thực phẩm bền vững			Dữ liệu cần thu thập
Mã chỉ số	3.1 - Chuỗi cung ứng lương thực thực phẩm		
3.1.1	Tỷ lệ hộ gia đình có khả năng sản xuất lương thực, thực phẩm để đáp ứng nhu cầu cung cấp tại chỗ	%	- Tổng số hộ gia đình tham gia vào dự án - Số hộ gia đình có khả năng đủ lương thực, thực phẩm để đáp ứng nhu cầu cung cấp tại chỗ
3.1.2	Số hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất tại địa bàn, số hộ tham gia vào hợp tác xã/tổ hợp tác	Đơn vị, nông hộ	- Số hợp tác xã tại xã - Số tổ hợp tác sản xuất tại xã - Số hộ tham gia vào hợp tác xã/tổ hợp tác/tổng số hộ tham gia vào dự án
Mã chỉ số	3.2 - Môi trường thực phẩm		
3.2.1	Tỷ lệ hộ gia đình có khả năng tự chi trả thực phẩm cho hộ	%	- Tổng số hộ gia đình tham gia vào dự án - Số hộ gia đình có khả năng tự chi trả thực phẩm cho hộ
3.2.2	Tỷ lệ hộ gia đình nhận hỗ trợ để mua thực phẩm từ nguồn hỗ trợ cứu đói và các Quỹ hỗ trợ khác	%	- Tổng số hộ gia đình tham gia vào dự án - Số hộ gia đình nhận hỗ trợ để mua thực phẩm từ nguồn hỗ trợ cứu đói và các Quỹ hỗ trợ khác trong 12 tháng qua
Mã chỉ số	3.3 - Hành vi người tiêu dùng		
3.3.1	Tỉ lệ thu nhập hàng năm dành cho tiêu dùng thực phẩm (tổng chi phí thực phẩm/tổng thu nhập)	%	- Tổng thu nhập hàng tháng của hộ gia đình (nghìn đồng) - Tổng chi phí mua thực phẩm hàng tháng của hộ gia đình (nghìn đồng) - Tổng thu nhập hàng năm của hộ gia đình (nghìn đồng) - Tổng chi phí mua thực phẩm hàng năm của hộ gia đình (nghìn đồng)
Mã chỉ số	3.4 - Chế độ ăn		
3.4.1	Số lượng lương thực, thực phẩm cần bổ sung cho hộ gia đình và của toàn thôn do thiếu hụt	kg/năm	- Lượng lương thực, thực phẩm cần bổ sung cho hộ gia đình do thiếu hụt - Lượng lương thực, thực phẩm cần bổ sung cho toàn thôn do thiếu hụt

4. Mục tiêu 4 - Tăng năng suất và thu nhập của các hộ nông dân sản xuất nhỏ			Dữ liệu cần thu thập
Mã chỉ số	4.1 - Chuỗi cung ứng lương thực thực phẩm		
4.1.1	Năng suất các loại cây trồng vật nuôi (kg/ha/năm hoặc chu kì sản xuất đối với sản xuất cây trồng dài ngày, cây lâm nghiệp và thủy sản, khả năng tăng trọng, sản xuất trứng, sữa đối với vật nuôi) của hộ gia đình	kg /ha /năm	- Năng suất lúa cả năm - Năng suất ngô/bắp cả năm - Năng suất khoai cả năm - Năng suất sắn/mỳ cả năm - Năng suất mía cả năm- Năng suất cây lạc/đậu phộng cả năm - Năng suất cây đậu tương/đậu nành cả năm - Năng suất rau các loại cả năm - Năng suất cây ăn quả cả năm
Mã chỉ số	4.2 - Đầu ra về kinh tế xã hội		
4.2.1	Tổng thu nhập bình quân của hộ/năm.	Triệu đồng/năm	
5. Mục tiêu 5 - Giảm thất thoát hoặc lãng phí lương thực, thực phẩm			Dữ liệu cần thu thập
Mã chỉ số	5.1 - Hệ thống sản xuất		
5.1.1	Tỷ lệ hộ gia đình thu hoạch sản phẩm bằng công cụ hiện đại (máy)	%	- Tổng số hộ gia đình sản xuất nông nghiệp tham gia vào dự án - Số gia đình thu hoạch sản phẩm bằng công cụ hiện đại (máy)
5.1.2	Tỷ lệ hộ gia đình thu hoạch sản phẩm bằng công cụ hiện đại (máy)	%	- Tổng số hộ gia đình tham gia vào dự án - Số hộ gia đình có tủ lạnh hoặc dụng cụ/ phương tiện bảo quản thực phẩm
Mã chỉ số	5.2 - Hành vi người tiêu dùng		
5.2.1	Tỷ lệ hộ gia đình biết cách tính toán số lượng lương thực, thực phẩm hợp lý trong bữa ăn hàng ngày ở hộ gia đình để tránh thực phẩm dư thừa sau bữa ăn	%	

Phụ lục 6. Bộ chỉ số giám sát theo khung logic dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng trong Chương trình hành động quốc gia “Không còn nạn đói” đến năm 2025

cấp bậc	Nội dung	Các chỉ số đo lường	Phương tiện và nguồn kiểm chứng	Giả định chính
Mục tiêu chung dự án	Cải thiện chế độ ăn và tình trạng dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em dưới 2 tuổi	% trẻ dưới 5 tuổi bị nhẹ cân (cân nặng theo tuổi)	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	
		% trẻ dưới 5 tuổi bị thấp còi (chiều cao theo tuổi)	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	
		% trẻ dưới 5 tuổi bị gầy còm (cân nặng theo chiều cao)	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	
		% phụ nữ ở độ tuổi sinh sản bị thiếu cân (BMI<18.5)	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	
Mục tiêu cụ thể 1	Đáp ứng cơ bản các hộ có đủ lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng quanh năm	Sản lượng trung bình của gia cầm/rau củ quả sản xuất bởi các hộ gia đình dựa vào các hoạt động hỗ trợ của dự án theo tháng/mùa vụ (kg, con, quả)	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	Không thiên tai Không dịch bệnh động vật trong thời gian dự án
		% hộ gia đình trải qua tình trạng mất an ninh lương thực ở mức độ vừa và nghiêm trọng theo thang đo FIES	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	
Đầu ra 1.1	Phát triển mạng lưới cán bộ địa phương hỗ trợ sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng gồm chăn nuôi gia cầm, gia súc nhỏ và vườn gia đình tại các địa phương thực hiện dự án	# cán bộ/thành viên hỗ trợ sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tại địa phương	Báo cáo, hồ sơ dự án	Cán bộ địa phương ủng hộ các hoạt động nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng

Hoạt động 1.1.1	Tập huấn kiến thức nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng và kỹ thuật trồng trọt/chăn nuôi cho cán bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tại địa phương (cấp xã và thôn) nhằm cải thiện năng suất trồng rau, trái cây và chăn nuôi gia cầm, giảm thất thoát lãng phí lương thực, thực phẩm	# số buổi tập huấn kiến thức và kỹ thuật trồng trọt/chăn nuôi cho cán bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tại địa phương trong thời gian dự án	Báo cáo, hồ sơ dự án	
		# cán bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tại địa phương được tập huấn kiến thức nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng và kỹ thuật trồng trọt/chăn nuôi trong thời gian dự án	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Hoạt động 1.1.2	Thực hiện các hoạt động tư vấn nhóm/tại hộ về thực hành sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng bởi các cán bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp địa phương (cấp xã và thôn) cho các hộ gia đình tham gia vào dự án	# hoạt động tư vấn nhóm/tại hộ về thực hành sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng bởi các cán bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp địa phương (cấp xã và thôn) cho các hộ gia đình tham gia trong thời gian dự án	Báo cáo, hồ sơ dự án	
		# hộ gia đình tham gia các buổi tư vấn nhóm/tại hộ về thực hành sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng bởi các cán bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp địa phương (cấp xã và thôn) trong thời gian dự án	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Đầu ra 1.2	Cải thiện kiến thức nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng và kỹ thuật trồng trọt/chăn nuôi cho hộ gia đình tham gia dự án	% hộ gia đình nhận thấy tầm quan trọng và có kiến thức cơ bản về nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng trong thời gian dự án	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	Có sự phối hợp tốt giữa cán bộ nông nghiệp và cán bộ dinh dưỡng và cán bộ dự án

Đầu ra 1.2		% hộ gia đình được nâng cao kỹ năng trồng trọt và chăn nuôi sau khi tham gia tập huấn trong thời gian dự án	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ) Phỏng vấn nhanh và giám sát thực địa/phỏng vấn nhóm tại một số địa bàn chọn ngẫu nhiên	
Hoạt động 1.2.1	Tập huấn kiến thức nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng và kỹ thuật trồng trọt/chăn nuôi cho hộ gia đình tham gia dự án	# buổi tập huấn kiến thức nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng và kỹ thuật trồng trọt/chăn nuôi cho hộ gia đình trong thời gian dự án	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Hoạt động 1.2.2	Cung cấp các vật tư đầu vào nông nghiệp (hạt giống rau quả, cây non, gà con, phân hữu cơ) cho các hộ gia đình	% hộ gia đình được hỗ trợ vật tư đầu vào nông nghiệp (hạt giống rau quả, cây non, gà con, phân hữu cơ) trong thời gian dự án	Báo cáo, hồ sơ dự án	
		# vật tư đầu vào nông nghiệp (hạt giống rau quả, cây non, gà con, phân hữu cơ) hỗ trợ cho từng hộ gia đình trong thời gian dự án % cây/con giống cung cấp từ dự án được chăm sóc/nuôi dưỡng thành công tại các hộ gia đình trong thời gian dự án	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Hoạt động 1.2.3	Vận động cam kết từ các hộ gia đình về đối ứng từ hộ gia đình (quy đổi từ chi phí vật tư, nguyên liệu và công lao động chăm sóc) khi tham gia vào dự án	Số tiền đối ứng từ hộ gia đình (quy đổi từ chi phí vật tư, nguyên liệu và công lao động chăm sóc) (đồng) trong thời gian dự án	Báo cáo, hồ sơ dự án	

Mục tiêu cụ thể 2	Giảm suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 2 tuổi	% trẻ 6-23 tháng tuổi được ăn ít nhất 3 bữa chính	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	
		% trẻ được bú mẹ đến 2 tuổi	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	
		% trẻ dưới 6 tháng tuổi được cho bú mẹ hoàn toàn	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	
		% trẻ trên 6 tháng tuổi được ăn đa dạng thực phẩm	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	
		% bà mẹ có chế độ ăn đa dạng trong ngày qua	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	
		% bà mẹ có 3 bữa ăn chính trong ngày	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	
Đầu ra 2.1	Nâng cao nhận thức, kiến thức về tiêu thụ thực phẩm giàu dinh dưỡng/vi chất và thực hành chăm sóc trẻ cho cán bộ liên quan đến chăm sóc dinh dưỡng và sức khỏe cho hộ gia đình (hội phụ nữ, trạm y tế, cán bộ trường mầm non)	# cán bộ liên quan đến chăm sóc dinh dưỡng và sức khỏe cho hộ gia đình (hội phụ nữ, trạm y tế, cán bộ trường mầm non) được nâng cao nhận thức, kiến thức về tiêu thụ thực phẩm giàu dinh dưỡng/vi chất và thực hành chăm sóc trẻ	- Báo cáo, hồ sơ dự án - Phỏng vấn nhanh và giám sát thực địa/phỏng vấn nhóm tại một số địa bàn chọn ngẫu nhiên	Cán bộ tại địa phương sẵn lòng áp dụng kiến thức và thực hành mới

Hoạt động 2.1.1	Tập huấn cho cán bộ liên quan đến chăm sóc dinh dưỡng và sức khỏe cho hộ gia đình (hội phụ nữ, trạm y tế, cán bộ/giáo viên trường mầm non) về tiêu thụ thực phẩm giàu dinh dưỡng/vi chất, thực hành chăm sóc trẻ và kỹ năng truyền thông thay đổi hành vi.	# cán bộ liên quan đến chăm sóc dinh dưỡng và sức khỏe cho hộ gia đình (hội phụ nữ, trạm y tế, cán bộ/giáo viên trường mầm non) tham gia tập huấn về tiêu thụ thực phẩm giàu dinh dưỡng/vi chất, thực hành chăm sóc trẻ và kỹ năng truyền thông thay đổi hành vi	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Hoạt động 2.1.2	Thực hiện trình diễn thực phẩm hàng tháng cho phụ huynh, người chăm sóc trẻ và giáo viên trường mầm non bởi các cán bộ dinh dưỡng, y tế	# buổi trình diễn thực phẩm hàng tháng cho phụ huynh, người chăm sóc trẻ và giáo viên trường mầm non bởi các cán bộ dinh dưỡng, y tế	Báo cáo, hồ sơ dự án	
		# phụ huynh, người chăm sóc trẻ và giáo viên trường mầm non tham gia trình diễn thực phẩm hàng tháng bởi các cán bộ dinh dưỡng, y tế	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Đầu ra 2.2	Nâng cao nhận thức và kiến thức về tiêu thụ thực phẩm giàu dinh dưỡng/vi chất và thực hành chăm sóc trẻ cho phụ huynh, người chăm sóc trẻ	% phụ huynh, người chăm sóc trẻ được nâng cao nhận thức và kiến thức về tiêu thụ thực phẩm giàu dinh dưỡng/vi chất và thực hành chăm sóc trẻ	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	Hộ gia đình tại địa phương sẵn lòng áp dụng kiến thức và thực hành mới

Hoạt động 2.2.1	Tập huấn nâng cao nhận thức và kiến thức về tiêu thụ thực phẩm giàu dinh dưỡng/vi chất và thực hành chăm sóc trẻ cho phụ huynh, người chăm sóc trẻ	# buổi tập huấn nâng cao nhận thức và kiến thức về tiêu thụ thực phẩm giàu dinh dưỡng/vi chất và thực hành chăm sóc trẻ cho phụ huynh, người chăm sóc trẻ	Báo cáo, hồ sơ dự án	
		# phụ huynh, người chăm sóc trẻ tham gia tập huấn nâng cao nhận thức và kiến thức về tiêu thụ thực phẩm giàu dinh dưỡng/vi chất và thực hành chăm sóc trẻ	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Hoạt động 2.2.2	Thực hiện truyền thông nhóm (gắn với hoạt động tổ hợp tác nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng) về dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ và người chăm sóc trẻ em	# buổi truyền thông nhóm (gắn với hoạt động tổ hợp tác nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng) về dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ và người chăm sóc trẻ em	Báo cáo, hồ sơ dự án	
		# phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ và người chăm sóc trẻ em tham gia truyền thông nhóm (gắn với hoạt động tổ hợp tác nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng) về dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Đầu ra 2.3		% hộ gia đình có nam giới tham gia vào các hoạt động về chăm sóc trẻ em, dinh dưỡng trẻ em trong 1-3 tháng qua	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	Nội dung thực hiện phù hợp với phong tục tập quán tại địa phương Cán bộ địa phương ủng hộ hoạt động dự án Nam giới sẵn lòng tiếp nhận kiến thức mới
		% hộ gia đình có phụ nữ đưa ra hoặc tham gia quyết định về việc sử dụng thu nhập kiếm được từ cây/con sản xuất bởi hộ gia đình	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	

Hoạt động 2.3.1	Tập huấn cho các hộ gia đình, hội phụ nữ, hội nông dân, tổ hợp tác nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng về bình đẳng giới	# buổi tập huấn về bình đẳng giới cho các hộ gia đình, hội phụ nữ, hội nông dân, tổ hợp tác nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng	Báo cáo, hồ sơ dự án	
		# hộ gia đình, hội phụ nữ, hội nông dân, tổ hợp tác nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tham gia tập huấn về bình đẳng giới	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Hoạt động 2.3.2	Xây dựng tài liệu về bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và trao đổi vai trò giữa nam và nữ cho các hộ gia đình tham gia vào dự án	# tài liệu về bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và trao đổi vai trò giữa nam và nữ được xây dựng phù hợp với các hộ gia đình trong địa bàn dự án	Báo cáo, hồ sơ dự án	
		% hộ gia đình nhận được tài liệu về bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và trao đổi vai trò giữa nam và nữ	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Mục tiêu cụ thể 3	Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm bền vững	% hộ gia đình được tham gia hợp tác xã/ tổ hợp tác nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng	- Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ) - Phỏng vấn nhanh và giám sát thực địa /phỏng vấn nhóm tại một số địa bàn chọn ngẫu nhiên	
		% hộ gia đình có khả năng tự cung cấp và/hoặc chi trả thực phẩm cho hộ	- Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ) - Phỏng vấn nhanh và giám sát thực địa /phỏng vấn nhóm tại một số địa bàn chọn ngẫu nhiên	

Đầu ra 3.1	Phát triển mạng lưới HTX, tổ hợp tác, câu lạc bộ nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tại địa phương	# HTX, tổ hợp tác, câu lạc bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tại địa phương	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Hoạt động 3.1.1	Tích hợp định hướng nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng vào các HTX, Tổ hợp tác, câu lạc bộ sẵn có tại địa phương	# HTX, tổ hợp tác, câu lạc bộ sẵn có tại địa phương tích hợp định hướng nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng vào cách thức hoạt động	Báo cáo, hồ sơ dự án	HTX, tổ hợp tác, câu lạc bộ đã thành lập tại địa phương và sẵn lòng áp dụng kiến thức và thực hành mới
Hoạt động 3.1.2	Thành lập Tổ hợp tác, câu lạc bộ nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng	# Tổ hợp tác, câu lạc bộ nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Mục tiêu cụ thể 4	Tăng năng suất và thu nhập của các hộ nông dân sản xuất nhỏ	Doanh thu trung bình trong tháng hoặc mùa vụ gần nhất từ bán cây (rau, củ, quả) và/hoặc con vật nuôi từ cây/con giống được hỗ trợ từ dự án (đồng)	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	Không thiên tai, dịch bệnh động vật, khủng hoảng tài chính, thay đổi rõ rệt đối với giá cả và thị trường nông sản
Đầu ra 4.1	Nâng cao kiến thức về hỗ trợ vốn, tiết kiệm và đầu tư vào sản xuất nông nghiệp và tiếp cận thị trường cho các cán bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp địa phương và các hộ gia đình tham gia vào dự án	# cán bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp địa phương được nâng cao kiến thức về hỗ trợ vốn, tiết kiệm và đầu tư vào sản xuất nông nghiệp và tiếp cận thị trường	Báo cáo, hồ sơ dự án	
		% hộ gia đình được nâng cao kiến thức về hỗ trợ vốn, tiết kiệm và đầu tư vào sản xuất nông nghiệp và tiếp cận thị trường	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	

Hoạt động 4.1.1	Tập huấn năng cao kiến thức về hỗ trợ vốn, tiết kiệm và đầu tư vào sản xuất nông nghiệp và tiếp cận thị trường cho các cán bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp địa phương	# cán bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp địa phương tham gia tập huấn năng cao kiến thức về hỗ trợ vốn, tiết kiệm và đầu tư vào sản xuất nông nghiệp và tiếp cận thị trường	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Hoạt động 4.1.2	Thực hiện tư vấn nhóm bởi các cán bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp địa phương về hỗ trợ vốn, tiết kiệm và đầu tư vào sản xuất nông nghiệp và tiếp cận thị trường cho các hộ gia đình tham gia dự án	# buổi tư vấn nhóm bởi các cán bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp địa phương về hỗ trợ vốn, tiết kiệm và đầu tư vào sản xuất nông nghiệp và tiếp cận thị trường cho các hộ gia đình tham gia dự án được thực hiện trong thời gian dự án	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Hoạt động 4.1.3	Hỗ trợ phát triển nhóm tín dụng nhỏ trong Tổ hợp tác Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng phối hợp với Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên	# nhóm tín dụng nhỏ trong Tổ hợp tác Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng phối hợp với Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên được hỗ trợ phát triển trong thời gian dự án	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Đầu ra 4.2	Tăng cường gắn kết hộ gia đình/ Tổ hợp tác Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng với chợ/thị trường nông sản	# hộ gia đình/Tổ hợp tác Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng bán được các nông sản thặng dư cho các chợ/thị trường nông sản	- Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ) - Báo cáo, hồ sơ dự án - Phòng vấn nhanh và giám sát thực địa /phỏng vấn nhóm tại một số địa bàn chọn ngẫu nhiên	

Hoạt động 4.2.1	Tổ chức sự kiện giao lưu thi đua về các sáng kiến nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng giữa các hộ gia đình tham gia trong dự án	% hộ gia đình tham gia sự kiện giao lưu thi đua về các sáng kiến nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Hoạt động 4.2.2	Tạo điều kiện phát triển các liên kết thị trường cho các nông sản thặng dư tại các hộ gia đình và Tổ hợp tác Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tại địa phương	# liên kết thị trường cho các nông sản thặng dư tại các hộ gia đình và Tổ hợp tác Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tại địa phương được phát triển	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Hoạt động 4.2.3	Tạo kênh chia sẻ thông tin về thị trường nguyên liệu và nông sản cho Tổ hợp tác Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng và hộ gia đình	% hộ gia đình, Tổ hợp tác Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tiếp cận được thông tin về thị trường nguyên liệu và nông sản	- Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ) - Báo cáo, hồ sơ dự án	
Mục tiêu cụ thể 5	Không còn tồn thất, lãng phí lương thực, thực phẩm	% hộ gia đình biết cách tính toán số lượng lương thực, thực phẩm hợp lý trong bữa ăn hàng ngày ở hộ gia đình để tránh thực phẩm dư thừa sau bữa ăn	- Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ) - Phòng vấn nhanh và giám sát thực địa /phòng vấn nhóm tại một số địa bàn chọn ngẫu nhiên	Hộ gia đình và cán bộ địa phương sẵn lòng áp dụng các kiến thức mới
		% hộ gia đình có sử dụng tủ lạnh hoặc dụng cụ/phương tiện bảo quản thực phẩm trước khi chế biến	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	

Đầu ra 5.1	Nâng cao nhận thức và kiến thức cho các hộ gia đình về tính toán số lượng lương thực, thực phẩm hợp lý trong bữa ăn hàng ngày ở hộ gia đình để tránh thực phẩm dư thừa sau bữa ăn	% hộ gia đình được nâng cao nhận thức và kiến thức về tính toán số lượng lương thực, thực phẩm hợp lý trong bữa ăn hàng ngày ở hộ gia đình để tránh thực phẩm dư thừa sau bữa ăn	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	
Hoạt động 5.1.1	Tập huấn và tổ chức các buổi thực hành nhóm cho cán bộ hỗ trợ dinh dưỡng và nông nghiệp tại địa phương biết cách tính toán số lượng lương thực, thực phẩm hợp lý trong bữa ăn hàng ngày để tránh thực phẩm dư thừa sau bữa ăn	# cán bộ hỗ trợ dinh dưỡng và nông nghiệp tại địa phương tham gia tập huấn và biết tính toán số lượng lương thực, thực phẩm hợp lý trong bữa ăn hàng ngày để tránh thực phẩm dư thừa sau bữa ăn	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Hoạt động 5.1.2	Tổ chức các buổi thực hành nhóm bởi cán bộ hỗ trợ dinh dưỡng và nông nghiệp tại địa phương về cách tính toán số lượng lương thực, thực phẩm hợp lý trong bữa ăn hàng ngày cho các hộ gia đình để tránh thực phẩm dư thừa sau bữa ăn	# buổi thực hành nhóm bởi cán bộ hỗ trợ dinh dưỡng và nông nghiệp tại địa phương về cách tính toán số lượng lương thực, thực phẩm hợp lý trong bữa ăn hàng ngày cho các hộ gia đình để tránh thực phẩm dư thừa sau bữa ăn	Báo cáo, hồ sơ dự án	
		% hộ gia đình tham gia buổi thực hành nhóm bởi cán bộ hỗ trợ dinh dưỡng và nông nghiệp tại địa phương về cách tính toán số lượng lương thực, thực phẩm hợp lý trong bữa ăn hàng ngày để tránh thực phẩm dư thừa sau bữa ăn	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	

DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA BIÊN SOẠN, CHỈNH SỬA SỔ TAY

1. Khối cơ quan quản lý:

- Ông Lê Đức Thịnh - Cục trưởng Cục KTHT và PTNT, Bộ NN và PTNT, Chánh Văn phòng thường trực ban chỉ đạo quốc gia
- Ông An Văn Khanh - Phó Cục trưởng Cục KTHT và PTNT
- Ông Phan Văn Tấn - Phó trưởng Phòng giảm nghèo, Cục KTHT và PTNT
- Ông Phạm Duy Đông - Chuyên viên, Cục KTHT và PTNT

2. Các chuyên gia:

- PGS.VS.TS. Đào Thế Anh: Viện KHNN Việt Nam
- PGS.TS. Trương Tuyết Mai: Viện Dinh dưỡng Quốc gia
- TS. Hoàng Xuân Trường: Trung tâm NC và PT Hệ thống nông nghiệp
- TS. Huỳnh Nam Phương: Viện Dinh dưỡng Quốc gia
- TS. Hoàng Thanh Tùng: Viện KHNN Việt Nam
- TS. Phạm Công Nghiệp: Trung tâm NC và PT Hệ thống nông nghiệp
- ThS. Vũ Văn Đoàn: Trung tâm NC và PT Hệ thống nông nghiệp
- ThS. Huỳnh Thị Thanh Tuyền: Liên minh Đa dạng Sinh học và Nông nghiệp Nhiệt đới Quốc tế CIAT

Ngoài ra, cuốn tài liệu hướng dẫn cũng nhận được sự đóng góp về chuyên môn từ các chuyên gia của tổ chức Tầm Nhìn Thế Giới tại Việt Nam.



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

XÂY DỰNG DỰ ÁN VÀ THỰC HÀNH NÔNG NGHIỆP ĐẢM BẢO DINH DƯỠNG

(Tài liệu dùng cho cán bộ thực hiện Chương trình)

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-BNN-KTHT
ngày.....tháng.....năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)



Hà nội, 2021

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

TỪ VIẾT TẮT

BÀI 1: VAI TRÒ CỦA DINH DƯỠNG ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG	1
Phần 1: Sự cần thiết của dinh dưỡng đối với cơ thể	2
Phần 2: Vai trò của dinh dưỡng đối với từng nhóm đối tượng cụ thể	6
Phần 3: Tình trạng thiếu dinh dưỡng ở trẻ em	9
Phần 4: Tình trạng dinh dưỡng thấp còi ở trẻ dưới 5 tuổi tại Việt Nam và trên thế giới	11
Phần 5: Tình hình an ninh lương thực và bữa ăn dinh dưỡng của hộ gia đình	12
Phần 6: Các hoạt động dinh dưỡng chính ở cộng đồng	15

BÀI 2: NÔNG NGHIỆP ĐẢM BẢO DINH DƯỠNG	17
Phần 1. Một số khái niệm cơ bản	18
Phần 2: Dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng	20

BÀI 3: XÁC ĐỊNH CÁC HOẠT ĐỘNG CAN THIỆP TRONG DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP ĐẢM BẢO DINH DƯỠNG	22
Phần 1: Cải thiện an ninh thực phẩm hộ gia đình	23
Phần 2: Can thiệp để đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp và nâng cao thu nhập	24
Phần 3: Tăng cường truyền thông giáo dục nâng cao kiến thức, kỹ năng về chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ	24
Phần 4: Cải thiện tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm	25
Phần 5: Cải thiện bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng	26

BÀI 4: XÂY DỰNG DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP ĐẢM BẢO DINH DƯỠNG	27
Phần 1: Tiếp cận xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng	28
Phần 2: Chuẩn bị xây dựng Dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng	29
Phần 3: Chiến lược nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng	35
Phần 4: Chu trình xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng	37

MỤC LỤC

BÀI 5: TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP ĐẢM BẢO DINH DƯỠNG.....	43
Phần 1: Nguyên tắc tổ chức thực hiện.....	44
Phần 2: Vai trò của các bên tham gia thực hiện Dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.....	45
Phần 3: Triển khai thực hiện các nội dung, hoạt động của dự án.....	48
Phần 4: Một số lưu ý khi tổ chức, thực hiện dự án của dự án.....	48
 BÀI 6: GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP ĐẢM BẢO DINH DƯỠNG.....	 49
Phần 1: Giám sát dự án.....	50
Phần 2: Đánh giá dự án.....	50
Phần 3: Tổng kết dự án.....	54
 PHỤ LỤC.....	 55
Phụ lục 1: Một số chỉ tiêu cơ bản của nông nghiệp dinh dưỡng.....	55
Phụ lục 2: Biên bản họp thôn/bản.....	64
Phụ lục 3: Biểu thông tin chung về xã.....	65
Phụ lục 4: Biểu thu thập thông tin hộ gia đình.....	66
Phụ lục 5: Mẫu Dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.....	74
Phụ lục 6. Bộ chỉ số giám sát theo khung logic dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng trong Chương trình hành động quốc gia “Không còn nạn đói” đến năm 2025.....	79

LỜI NÓI ĐẦU

Chương trình “Không còn nạn đói” là sáng kiến của Tổng Thư ký Liên hợp quốc đưa ra nhằm “(i) 100% dân cư có đủ lương thực quanh năm; (ii) không còn trẻ em dưới 2 tuổi bị suy dinh dưỡng, (iii) toàn bộ các hệ thống lương thực, thực phẩm bền vững, (iv) 100% nông hộ nhỏ tăng năng suất và thu nhập đặc biệt là phụ nữ và (v) không còn tổn thất, lãng phí lương thực, thực phẩm”. Đây là Chương trình phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững (SDG2) xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và phát triển nông nghiệp bền vững đã được Chính phủ Việt Nam cam kết thực hiện phù hợp với Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững đang thực hiện tại Việt Nam.

Để cụ thể hóa mục tiêu, nội dung, phương pháp và tổ chức thực hiện Chương trình, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 12/6/2018 ban hành Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói” ở Việt Nam đến năm 2025. Trong đó đặt mục tiêu đến năm 2025 thực hiện mục tiêu đảm bảo đủ lương thực, thực phẩm, đáp ứng đủ dinh dưỡng cho người dân ở những nơi có tỷ lệ suy dinh dưỡng cao nhằm nâng cao thể trạng, trí tuệ, tầm vóc cho người dân; đồng thời thực hiện mục tiêu phát triển bền vững số 2 (SDG2) về xóa đói, đảm bảo an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và phát triển nông nghiệp bền vững do Chính phủ Việt Nam cam kết với Tổ chức Liên hợp quốc.

Để thực hiện được các mục tiêu do Thủ tướng Chính phủ đề ra, có rất nhiều các nội dung cần phải triển khai, đặc biệt là việc xây dựng được các dự án nông nghiệp dinh dưỡng, triển khai đồng bộ ở các địa phương trong vùng dự án. Do đó, cần phải trang bị các kiến thức cho cán bộ tỉnh, huyện, xã về phương pháp xây dựng, triển khai thực hiện dự án và giám sát đánh giá hiệu quả của dự án, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành bài giảng “Hướng dẫn xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng”. Kèm theo bài giảng này còn có Sổ tay hướng dẫn chi tiết cho cán bộ và người dân tham gia xây dựng và thực hiện dự án.

Trong quá trình biên soạn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi rất mong nhận được góp ý của các chuyên gia, những người thực hiện chương trình để Bộ Nông nghiệp và PTNT tiếp tục hoàn thiện trong thời gian tới.

TỪ VIẾT TẮT

ANTP	An ninh thực phẩm
KCND	Không còn nạn đói
BCĐ	Ban chỉ đạo
CTHDQG	Chương trình hành động Quốc gia
NTM	Nông thôn mới
HĐND	Hội đồng nhân dân
UBND	Ủy ban nhân dân
KH	Kế hoạch
LĐ-TBXH	Lao động - Thương binh và Xã hội
NN-PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
NSNN	Ngân sách nhà nước
KT-XH	Kinh tế - xã hội
BTC	Bộ Tài chính
BYT	Bộ Y tế
QĐ	Quyết định
TC-KH	Tài chính - Kế hoạch
HTX	Hợp tác xã
THT	Tổ hợp tác
HND	Hội Nông dân
HPN	Hội Phụ nữ
UBMTTQ	Ủy ban mặt trận tổ quốc
TT	Thông tư
NĐ	Nghị định
SDD	Suy dinh dưỡng
TE	Trẻ em



Kế hoạch bài giảng

Nội dung bài học gồm 6 phần chính sau:

1. Sự cần thiết của dinh dưỡng đối với cơ thể
2. Vai trò của dinh dưỡng đối với từng nhóm đối tượng
3. Tình trạng thiếu dinh dưỡng ở trẻ em
4. Tình trạng dinh dưỡng thấp còi ở trẻ dưới 5 tuổi tại Việt Nam và trên thế giới
5. Tình hình an ninh lương thực và bữa ăn dinh dưỡng của hộ gia đình
6. Các hoạt động dinh dưỡng chính ở cộng đồng



Mục tiêu học tập

Vào cuối bài học này, học viên có thể:

1. Nắm được các loại dinh dưỡng và sự cần thiết của dinh dưỡng đối với cơ thể;
2. Hiểu rõ thực trạng đảm bảo dinh dưỡng trong cộng đồng của Việt Nam;
3. Hiểu được các hoạt động dinh dưỡng chính của cộng đồng và vai trò của nông nghiệp dinh dưỡng;
4. Hiểu được một số chỉ tiêu cơ bản của nông nghiệp dinh dưỡng.



Chuẩn bị bài giảng và các đồ dùng

Các đồ dùng/công cụ cần chuẩn bị cho bài giảng:

1. Bảng kẹp giấy, giấy và bút viết giấy và viết bảng
2. Poster/sơ đồ về ô vuông thức ăn và 4 nhóm thực phẩm
3. Giấy màu (4 màu) cắt đôi hoặc 3
4. Giấy A0, Băng dán giấy, kéo ...
5. Chia lớp thành 4 nhóm, xếp bàn tròn, mỗi nhóm khoảng 6 - 8 người

Câu hỏi – Nêu các vai trò của dinh dưỡng nói chung đối với cơ thể?

Cách thực hiện: Hỏi chung tất cả các nhóm, mỗi nhóm có 30 giây để nêu lên 1 vai trò chung của dinh dưỡng đối với cơ thể con người? Nhóm trả lời sau sẽ

Các nội dung cần truyền đạt bao gồm:

- Dinh dưỡng hợp lý là nền tảng của sức khỏe và trí tuệ
- Một chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng đủ nhu cầu cơ thể trong các giai đoạn khác nhau của chu kỳ sống sẽ tạo ra sự tăng trưởng và phát triển tối ưu cho thai nhi và trẻ nhỏ,
- Chế độ dinh dưỡng tốt giúp phòng chống hữu hiệu với đa số bệnh tật để có một thể lực khỏe mạnh, tăng năng suất lao động cao và chất lượng cuộc sống tốt cho mọi lứa tuổi

Chính vì vậy bữa ăn gia đình có vai trò vô cùng quan trọng và cần được đảm bảo cả về số lượng và chất lượng. Theo khuyến cáo mới nhất của WHO, thực phẩm chia 8 nhóm: (1) Lương thực; (2) hạt, (3) sữa và chế phẩm từ sữa, (4) thịt, cá và hải sản các loại, (5) trứng và sản phẩm từ trứng, (6) củ quả có màu vàng, cam và rau màu xanh thẫm, (7) rau củ quả khác, (8) dầu ăn và mỡ các loại. Một bữa ăn cân đối cần có đủ 4 nhóm thực phẩm là nhóm bột đường (chủ yếu từ các loại ngũ cốc), nhóm chất đạm (thịt, cá, trứng, sữa, các loại đậu, đỗ...), nhóm chất béo (mỡ động vật, dầu thực vật), nhóm vitamin và khoáng chất (các loại rau, củ, quả...). Giá trị dinh dưỡng của thức ăn phụ thuộc vào thành phần hóa học của các loại thức ăn, các chất dinh dưỡng trong thức ăn, sự tươi sạch của thức ăn và cách nấu nướng chế biến loại thức ăn đó. Thức ăn nào cũng có đầy đủ các chất dinh dưỡng đó là chất đạm, chất béo, tinh bột, vitamin và muối khoáng, nhưng có loại thức ăn nhiều chất dinh dưỡng này, có loại thức ăn nhiều chất dinh dưỡng khác, vì vậy nên dùng phối hợp nhiều loại thức ăn để hỗ trợ và bổ sung cho nhau nhằm đáp ứng được nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày.

Thực tế, mỗi loại thực phẩm trong tự nhiên thường chứa nhiều chất dinh dưỡng, nhưng với tỷ lệ nhiều ít khác nhau. Việc chọn lựa phối hợp thực phẩm một cách khoa học sẽ giúp cung cấp đầy đủ nhất các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể.

Lời khuyên dinh dưỡng hợp lý:

- Ăn đủ 4 nhóm thực phẩm và nên ăn phối hợp nhiều loại thực phẩm từ 4 nhóm trên (trên 20 loại thực phẩm khác nhau).
- Ăn đủ theo nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể.
- Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.





Thảo luận nhóm: Vai trò của từng nhóm chất dinh dưỡng cụ thể đối với cơ thể là gì?

Chuẩn bị: Thẻ màu ghi tất cả vai trò của các nhóm chất dinh dưỡng đối với cơ thể, mỗi nhóm chất ghi cùng 1 thẻ màu

Cách thực hiện: Giảng viên chia lớp ra 4 nhóm, mỗi nhóm sẽ thảo luận về vai trò của 1 nhóm chất dinh dưỡng

- Nhóm 1 - Thảo luận về vai trò của nhóm chất bột đường (Glucid/carbohydrat) và những thực phẩm thuộc nhóm này.
- Nhóm 2 - Thảo luận về vai trò của nhóm chất đạm (Protid) và những thực phẩm thuộc nhóm này.
- Nhóm 3 - Thảo luận về vai trò của nhóm chất béo (Lipid) và những thực phẩm thuộc nhóm này.
- Nhóm 4 - Thảo luận về vai trò của nhóm vitamin, khoáng chất và những thực phẩm thuộc nhóm này.
- Mỗi nhóm sẽ có 5 phút thảo luận và trình bày lên thẻ màu hoặc giấy A0 theo nội dung đã phân công. Sau khi kết thúc thảo luận. Mỗi nhóm cử 1 đại diện lên trình bày và giải thích từng vai trò. Sau khi mỗi nhóm trình bày xong, giảng viên sẽ chốt lại đáp án bằng câu trả lời đã chuẩn bị trong thẻ màu trước đó. Cứ lần lượt cho hết 4 nhóm.



Các nội dung cần truyền đạt bao gồm:

Chất bột đường (Glucid/carbohydrat)	Chất béo (Lipid)	Chất đạm (Protid)
■ Cung cấp năng lượng, chức năng quan trọng nhất, chiếm 55 - 60% tổng năng lượng khẩu phần. ■ Cấu tạo nên tế bào và các mô. ■ Hỗ trợ sự phát triển não và hệ thần kinh của trẻ. ■ Điều hòa hoạt động của cơ thể. ■ Cung cấp chất xơ cần thiết. ■ Có trong các loại ngũ cốc, khoai củ: Gạo, mì, bánh mì, nui, bún, miến, khoai lang, khoai môn, đường, ngô/bắp, bo bo, trái cây...	■ Cung cấp năng lượng ở dạng đậm đặc nhất, chiếm 25-30% tổng năng lượng khẩu phần. ■ Nguồn dự trữ năng lượng (mô mỡ). ■ Giúp hấp thu các vitamin tan trong dầu mỡ như vitamin A, D, E, K. ■ Giúp sự phát triển các tế bào não và hệ thần kinh của bé. ■ Có trong dầu, mỡ, bơ, vừng, lạc...	■ Cung cấp năng lượng, chiếm 15% tổng năng lượng khẩu phần. ■ Là nguyên liệu xây dựng tế bào cơ thể, các cơ, xương, răng... ■ Nguyên liệu tạo dịch tiêu hóa, các men, các hormon trong cơ thể giúp điều hòa hoạt động của cơ thể, nguyên liệu tạo các kháng thể giúp cơ thể chống đỡ bệnh tật. ■ Vận chuyển các dưỡng chất. ■ Điều hòa cân bằng nước. ■ Có trong thịt, cá, trứng, sữa, tôm, cua, đậu xanh, đậu đen, đậu đỏ, đậu nành, tàu hũ...

Canxi:

- Là chất xây dựng bộ xương và răng.
- Giúp trẻ tăng trưởng và phát triển.
- Tham gia vào các phản ứng sinh hóa khác: Đông máu, co cơ, dẫn truyền thần kinh, hấp thu vitamin B12, hoạt động của men tụy trong tiêu hóa mỡ...
- Canxi tăng hấp thu khi chế độ dinh dưỡng đủ vitamin D, acid trong hệ tiêu hóa làm hòa tan canxi tốt hơn. Canxi bị giảm hấp thu hoặc bị đào thải nếu chế độ ăn nhiều acid oxalic, cafein, ít vận động thể lực.
- Khẩu phần thiếu canxi trẻ sẽ bị còi xương, chậm lớn, thấp chiều cao.
- Canxi có nhiều trong sữa, phomat, các loại rau lá màu xanh đậm, thủy hải sản, cá nhỏ ăn cả xương, sản phẩm từ đậu (ví dụ đậu hũ) ...

Sắt:

- Sắt gắn với protein để tạo hemoglobin, còn gọi là huyết sắc tố trong hồng cầu để vận chuyển oxy đến khắp cơ thể, và tham gia vào các thành phần các men oxy hóa khử.
- Cung cấp đủ sắt giúp phòng bệnh thiếu máu.
- Sắt có nhiều ở thức ăn động vật như thịt heo, bò, gà, cá, sữa công thức... đặc biệt nhiều trong huyết, gan... hoặc thức ăn thực vật như đậu, rau xanh...

Kẽm:

- Đóng vai trò quan trọng đối với chức năng tăng trưởng, miễn dịch, sinh sản.
- Giúp cơ thể chuyển hóa năng lượng và hình thành các tổ chức, giúp trẻ ăn ngon miệng và phát triển tốt.
- Thiếu kẽm trẻ nhỏ chậm lớn, giảm sức đề kháng và dễ mắc các bệnh nhiễm trùng.
- Thức ăn có nguồn gốc động vật chứa kẽm có giá trị sinh học cao như thịt, cá, trứng, sữa, tôm, cua, sò, ốc, hàu... hoặc trong mầm các loại hạt

Iốt:

- Là một chất rất cần thiết trong cơ thể với một lượng rất nhỏ chỉ 15-20mg.
- I ốt giúp tuyến giáp hoạt động bình thường, phòng bệnh bướu cổ và thiếu năng trí tuệ.
- Thiếu I ốt ảnh hưởng đến tăng trưởng và phát triển, đặc biệt là não bộ.
- Thiếu I ốt bào thai do mẹ thiếu I ốt dẫn đến hậu quả nặng nề như tăng tỷ lệ tử vong trước và sau khi sinh, trẻ sinh ra kém thông minh, đần độn...
- Sử dụng muối ăn có bổ sung I ốt là biện pháp chính phòng chống các rối loạn do thiếu I ốt.

Một số vitamin thiết yếu

Vitamin A: Là vitamin tan trong chất béo.

- Cần thiết cho sự tăng trưởng, phát triển cơ thể và bộ xương, giữ cho da và các niêm mạc (tiêu hóa, hô hấp, mắt...) được khỏe mạnh, không bị nhiễm trùng.
- Thiếu vitamin A: gây bệnh khô mắt, có thể gây mù, làm trẻ chậm lớn, giảm chức năng bảo vệ cơ thể, trẻ dễ mắc bệnh nhiễm trùng.
- Các loại thức ăn thực vật như rau củ quả màu vàng cam như cà rốt, cà chua, bí đỏ..., rau màu xanh thẫm..., các thức ăn nguồn gốc động vật như gan, dầu gan cá, sữa, kem, bơ, trứng... chứa nhiều tiền vitamin A khi vào cơ thể được chuyển thành vitamin A. Ngoài ra, vitamin A còn có nhiều trong thức ăn nguồn gốc động vật như thịt, cá..., đặc biệt trong gan.

Vitamin D: Là vitamin tan trong chất béo.

- Vitamin D giúp cơ thể hấp thu tốt canxi và phospho để hình thành và duy trì hệ xương răng vững chắc.
- Thiếu vitamin D gây giảm quá trình khoáng hóa ở xương dẫn đến còi xương ở trẻ nhỏ, người lớn gây loãng xương.
- Vitamin D có trong một số thực phẩm như dầu gan cá, nhất là ở các loại cá béo hoặc một số thực phẩm có bổ sung vitamin D như sữa công thức, bột ngũ cốc... Một nguồn lớn vitamin D được quang hợp trong da nhờ tác động của ánh nắng mặt trời.

Vitamin nhóm B (B1, B2, B6, B12, PP...): Là những vitamin tan trong nước

- Giúp cơ thể tạo ra năng lượng từ thức ăn
- Bảo vệ da, các dây thần kinh và đường tiêu hóa.
- Và nhiều chức năng quan trọng khác.
- Có nhiều trong các thức ăn nguồn gốc động vật và thực vật như thịt, cá, trứng, sữa, ngũ cốc nguyên hạt, đậu, rau xanh, rau đậu...

Vitamin C: Là một vitamin tan trong nước

- Bảo vệ cấu trúc của xương, răng, da, mạch máu và giúp mau lành vết thương.
- Giúp hấp thu sắt, canxi và acid folic
- Có nhiều trong các loại rau quả tươi như cam, quýt, ớt xanh, dâu tây, cà chua, bông cải xanh, khoai tây, khoai lang..

Axit folic:

- Cần cho sự phát triển, sinh trưởng bình thường của cơ thể, khi thiếu gây ra các bệnh thiếu máu dinh dưỡng, thường gặp ở phụ nữ có thai, cần uống bổ sung ở phụ nữ mang thai.
- Có nhiều trong các loại rau lá.

Cách thực hiện:

Tiếp tục làm việc nhóm, theo nội dung sau:

- 2 nhóm thảo luận về vai trò của dinh dưỡng trong thời kỳ mang thai, trong đó:
- 1 nhóm thảo luận hậu quả của việc dinh dưỡng không hợp lý đối với bà mẹ mang thai và thai nhi
- 1 nhóm thảo luận về vai trò của dinh dưỡng đầy đủ đối với bà mẹ mang thai và thai nhi
- 2 nhóm thảo luận về vai trò của dinh dưỡng trong 2 năm đầu đời của trẻ
- Giảng viên chốt lại bằng bài trình bày trên slide hoặc giấy A0, có thể bao gồm các ý sau đây

1.2.1. Dinh dưỡng trong thời kỳ mang thai

a) Dinh dưỡng không hợp lý của người mẹ trong thai kỳ làm tăng nguy cơ sinh non, sinh con nhỏ yếu hay còn gọi là suy dinh dưỡng bào thai

- Thai kỳ là giai đoạn đầu tiên trong chăm sóc 1000 ngày đầu đời của trẻ. Chế độ dinh dưỡng của mẹ đầy đủ trong thai kỳ, đặc biệt là không bị thiếu máu, thiếu sắt sẽ bảo đảm cho thai nhi phát triển tốt: sinh đủ tháng, đủ cân nặng và chiều dài sơ sinh. Mẹ tăng cân đủ, trẻ sơ sinh thường không bị suy dinh dưỡng bào thai, đảm bảo sự phát triển não bộ... Thiếu dinh dưỡng ở mẹ trong thời gian mang thai làm tăng nguy cơ băng huyết khi sinh, sẩy thai, sinh non, khó sinh, chết trong khi sinh, thai chết lưu và cân nặng sơ sinh thấp, gia tăng nguy cơ thấp còi ở trẻ... Hậu quả của sinh non và cân nặng sơ sinh thấp là làm tăng nguy cơ bệnh tật, nguy cơ tử vong cao gấp 20 lần.
- Trẻ có cân nặng sơ sinh thấp khi lớn lên tăng nguy cơ mắc bệnh mạch vành, tăng huyết áp, đái tháo đường, giảm chức năng thận, giảm chức năng phổi, chậm dậy thì, dễ bị trầm cảm và tỷ lệ tử vong vì bệnh tim mạch cao. Riêng đối với trẻ gái sinh nhẹ cân khi lớn lên lập gia đình tăng nguy cơ sinh con có cân nặng thấp, con lớn lên có tăng huyết áp.

b) Dinh dưỡng không hợp lý của người mẹ trong thai kỳ liên quan đến một số khuyết tật ở thai nhi

- Khẩu phần của người mẹ có đủ folate (vitamin B9) sẽ làm giảm được 50% khuyết tật ống thần kinh ở trẻ. Phụ nữ mang thai thiếu folate có thể để lại nhiều hậu quả như thiếu máu hồng cầu khổng lồ, nguy cơ sẩy thai cao, sinh non, sinh con nhẹ cân.
- Khi mang thai, nếu người mẹ dinh dưỡng không đủ sẽ bị giảm sức đề kháng, tăng nguy cơ mắc các bệnh truyền nhiễm, dễ để lại các khuyết tật vĩnh viễn cho trẻ như tim bẩm sinh, sứt môi hở hàm ếch... nhất là trong 3 tháng đầu thai kỳ.
- Dinh dưỡng không đầy đủ trong thai kỳ sẽ làm suy giảm miễn dịch của cả mẹ và thai nhi. Thiếu kẽm ảnh hưởng xấu tới sự phát triển và chức năng của hầu hết các tế bào miễn dịch, tế bào T, tế bào B và đại thực bào làm giảm sản xuất globulin miễn dịch, IgA, IgM và IgG, kháng thể được truyền từ mẹ sang bé. Những kháng thể này chính là yếu tố bảo vệ bé hữu hiệu nhất trước các tác nhân gây bệnh từ khi sinh cho đến 6 tháng tuổi.

c) Dinh dưỡng của người mẹ trong thai kỳ liên quan đến sự phát triển trí tuệ của trẻ

- Não bắt đầu hình thành trong 3 tháng đầu thai kỳ. Từ ngày thứ 18 của phôi đã có mầm mống của não. Khi phôi được 3 tháng tuổi thì não đã có đủ các thành phần. 20 tuần tuổi là cột mốc quan trọng trong sự phát triển của thai nhi. Não bộ thai nhi tăng trưởng mạnh về khối lượng và dần hoàn thiện về chức năng. Từ tuần thứ 20 đến khi chào đời, kích thước não bộ tăng gấp 6 lần và tế bào thần kinh kết nối ngày càng phức tạp hơn. Não của thai nhi phát triển nhanh trong thai kỳ và nhạy cảm cho việc lập trình dinh dưỡng của não bộ như sinh sản tế bào, biệt hoá tế bào, và phát triển các cấu trúc thần kinh (não, tủy sống, dây thần kinh...).
- Trong khi não tiếp tục phát triển và thay đổi trong suốt cuộc đời, giai đoạn phát triển trí não nhanh nhất là trong ba tháng cuối của thai kỳ và hai năm đầu đời. Trong năm đầu sau sinh, khu vực ngôn ngữ phát triển nhanh chóng cùng với sự phát triển của vỏ não trước trán chỉ huy quá trình chú ý, ức chế và tính linh hoạt ở trẻ. Sự phát triển của não bộ trong 1000 ngày đầu đời là đặc trưng do tỷ lệ phát triển nhanh (về số lượng tế bào), tăng trưởng về kích thước, sự biệt hoá, và kết nối tế bào. Dinh dưỡng của mẹ trong thời gian thai kỳ không tốt cũng ảnh hưởng đến lập trình điều tiết tăng trưởng ở trẻ, khiến trẻ có thể bị thấp còi trong tương lai. Do vậy, thời gian này là cơ hội vàng để cung cấp dinh dưỡng tối ưu đảm bảo sự phát triển bình thường của não nhưng đồng thời cũng là thời điểm nhạy cảm, não dễ bị tổn thương nhất với bất kỳ sự thiếu hụt dinh dưỡng nào.
- Bộ não không phải là cơ quan đồng nhất mà bao gồm nhiều vùng riêng biệt có quỹ đạo phát triển và chức năng khác nhau nhưng kết nối chặt chẽ để hình thành nên cơ quan phức tạp điều khiển hành vi của con người. Não bộ trong quá trình phát triển tại các thời điểm khác nhau sẽ cần được đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng khác nhau.
- Mặc dù tất cả các chất dinh dưỡng đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển và chức năng của não nhưng sự phát triển tối ưu tổng thể của não bộ phụ thuộc vào việc cung cấp đủ lượng chất dinh dưỡng quan trọng trong khoảng thời gian nhạy cảm 1.000 ngày đầu tiên. Một số chất dinh dưỡng đặc biệt quan trọng cho sự phát triển của não bộ gồm protein, acid béo không bão hoà, các khoáng chất như sắt, kẽm, đồng, i ốt và các vitamin như cholin, folate, vitamin A, vitamin B6 và vitamin B12.
- Nghiên cứu ảnh hưởng của trẻ bị nhẹ cân hơn khi sinh do người mẹ thiếu dinh dưỡng trong thai kỳ lên chỉ số IQ cho thấy với mỗi 1kg thấp hơn khi sinh ra (so với anh/chị em sinh đôi) IQ ngôn ngữ về sau sẽ thấp hơn 13 điểm (13,2%). Thiếu vitamin A, sắt, kẽm và I ốt cộng lại có thể làm giảm chỉ số IQ của cộng đồng từ 10-15 điểm.

d) Dinh dưỡng của người mẹ trong thai kỳ liên quan đến 1 số bệnh mạn tính không lây của trẻ khi trưởng thành

- Theo GS, DJP Barker: Thiếu dinh dưỡng vào đầu thai kỳ, con đẻ ra không bị thấp cân nhưng sau này có nguy cơ béo phì và bệnh tim mạch cao. Ngược lại, thiếu dinh dưỡng vào cuối thai kỳ, nguy cơ đẻ nhẹ cân và rối loạn khả năng dung nạp glucose sẽ cao hơn. Nếu bà mẹ không được dinh dưỡng đầy đủ hoặc dinh dưỡng quá mức trong thai kỳ sẽ dẫn đến suy dinh dưỡng bào thai hoặc bào thai tăng cân quá mức. Cả hai kết cục này đều có thể để lại những hệ quả nghiêm trọng lâu dài cho trẻ như tăng nguy cơ mắc tăng huyết áp, đái tháo đường, tim mạch và một số bệnh ung thư.

1.2.2. Tầm quan trọng của dinh dưỡng trong 2 năm đầu đời

- Những thay đổi trong thời kỳ sơ sinh, thời kỳ bú mẹ và thời kỳ răng sữa là để trẻ thích nghi với cuộc sống bên ngoài tử cung, tiếp nhận nguồn dinh dưỡng từ sữa mẹ và thức ăn bổ sung. Tuy nhiên do các cơ quan trong cơ thể trẻ chưa hoàn chỉnh, trẻ rất dễ bị tổn thương từ các yếu tố môi trường, trong đó dinh dưỡng là yếu tố môi trường quan trọng nhất ảnh hưởng tới cuộc sống của trẻ trong giai đoạn 2 năm đầu đời và sau này.
- *Thiếu dinh dưỡng* do suy dinh dưỡng bào thai, thấp còi, gầy còm, thiếu vitamin A và kẽm... có liên quan đến 45% trường hợp tử vong ở trẻ dưới 5 tuổi, cụ thể là hơn 3 triệu ca một năm (3,1 triệu ca trong số 6,9 triệu ca tử vong trẻ em năm 2011). Theo đó, suy dinh dưỡng bào thai có liên quan đến hơn 1.3 triệu ca tử vong trẻ em, tương đương với 19,4% của tất cả các trường hợp tử vong trẻ dưới 5 tuổi và chiếm 43,5% các trường hợp tử vong liên quan đến dinh dưỡng. Thiếu vitamin A và kẽm liên quan đến gần 300.000 trường hợp tử vong trẻ em một năm.
- *Khả năng miễn dịch của trẻ trong 1.000 ngày vàng*: Dinh dưỡng hợp lý trong 1.000 ngày vàng tạo nền tảng không chỉ cho sự phát triển trí não mà còn tăng cường miễn dịch giúp trẻ phát triển khỏe mạnh dài lâu trong suốt cuộc đời. Khả năng miễn dịch của bào thai được mẹ truyền cho trong suốt thai kỳ. Khả năng miễn dịch này giảm dần sau sinh trong khi miễn dịch chủ động của trẻ tăng dần và có tác dụng bảo vệ trẻ trong suốt cuộc đời. Vì vậy, dinh dưỡng đúng cho người mẹ trong thai kỳ, nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu, ăn bổ hợp lý kết hợp với bú mẹ đến 24 tháng có vai trò quan trọng trong bảo vệ trẻ trước những tác nhân gây bệnh từ môi trường, giảm suy dinh dưỡng, giảm tỷ lệ mắc bệnh và tử vong.

Câu hỏi thảo luận: Nếu trẻ em bị thiếu dinh dưỡng thì sẽ dẫn tới bệnh gì?

Nội dung cần truyền đạt bao gồm:

- Suy dinh dưỡng là tình trạng cơ thể thiếu hụt về protein - năng lượng và các vi chất dinh dưỡng, gây ra do giảm tiêu thụ thực phẩm và/hoặc do bệnh tật. Suy dinh dưỡng trẻ em là một hội chứng thường do thiếu nhiều chất dinh dưỡng chứ không chỉ là thiếu protein - năng lượng đơn thuần. Đó là lý do tại sao phòng chống suy dinh dưỡng phải đi liền với việc phòng chống phòng chống thiếu các vi chất dinh dưỡng.
- Suy dinh dưỡng mà biểu hiện là sự chậm lớn, chậm tăng trưởng chủ yếu là do yếu tố nuôi dưỡng, bệnh tật hơn là do nguyên nhân di truyền. Ít nhất tới 5 tuổi nếu được nuôi dưỡng đầy đủ, mọi trẻ em đều có thể phát triển như nhau.
- Những hiểu biết gần đây cho thấy thời kỳ trong bào thai cho đến 2 tuổi là thời kỳ nguy cơ cao nhất và quan trọng nhất của suy dinh dưỡng, do đó các biện pháp giảm tỷ lệ trẻ sơ sinh nhẹ cân và chăm sóc trong 2 năm đầu tiên có ý nghĩa then chốt. Đứa trẻ bị suy dinh dưỡng bào thai sau này có nguy cơ cao mắc các bệnh mạn tính như béo phì, tiểu đường, bệnh tim mạch khi trưởng thành. Những bé gái thấp còi có nguy cơ trở thành người mẹ bé nhỏ và vòng luẩn quẩn cứ tiếp tục.

Thảo luận nhóm: Suy dinh dưỡng thấp còi là gì? Hậu quả của SDD thấp còi?

Giải thích:

- Thuật ngữ “thấp còi” được sử dụng để mô tả tình trạng trẻ em không đạt được đầy đủ chiều cao theo độ tuổi. Thể hiện ở chỉ số “chiều cao theo tuổi” (H/A) thấp dưới -2,0 Z-Score (hoặc nhỏ hơn 2 độ lệch chuẩn hay dưới 2 SD so với quần thể chuẩn WHO-2006).
- Thấp còi là một thể suy dinh dưỡng mạn tính, không hồi phục, để cập đến chỉ số chiều cao thấp so với tuổi, phản ánh sự duy trì và tích lũy lâu dài suy dinh dưỡng và/hoặc nhiễm khuẩn lặp đi lặp lại. Những yếu tố chủ yếu tác động trực tiếp đến thể suy dinh dưỡng này là cung cấp các chất dinh dưỡng đa lượng, vi lượng không đầy đủ, an ninh lương thực không đảm bảo, an toàn thực phẩm kém.
- Thấp còi là hậu quả không thể đảo ngược được mà nguyên nhân chính là do trẻ không nhận được đủ thức ăn và chất lượng thức ăn không đảm bảo trong 1.000 ngày đầu tiên của cuộc sống, là từ khi bà mẹ mang thai đến ngày sinh nhật thứ hai của đứa trẻ. Hầu hết các trường hợp thấp còi xảy ra trước khi trẻ được 3 tuổi.
- Suy dinh dưỡng thấp còi ảnh hưởng đến phát triển thể lực, trí lực, sức khỏe và bệnh tật trước mắt và lâu dài. Trẻ thấp còi sẽ có chiều cao thấp ở tuổi trưởng thành ảnh hưởng đến tầm vóc, nòi giống dân tộc. Sự thiếu hụt dinh dưỡng kéo dài làm giảm khả năng nhận thức, trí thông minh, kết quả học tập, năng suất lao động và thu nhập quốc dân. Trẻ bị suy dinh dưỡng thấp còi thường hay mắc các bệnh nhiễm khuẩn do suy giảm hệ miễn dịch và sau này cũng dễ có nguy cơ thừa cân, béo phì, đái tháo đường, tim mạch, tăng huyết áp...

- Ảnh hưởng của suy dinh dưỡng thấp còi là vĩnh viễn và không thể đảo ngược lại được. Nói cách khác, trẻ em thấp còi không bao giờ lấy lại độ cao đã bị mất do hậu quả của thấp còi và hầu hết trẻ em thấp còi cũng sẽ không bao giờ đạt được trọng lượng cơ thể tương ứng.
- Chậm phát triển cũng dẫn đến tử vong sớm sau này trong cuộc sống bởi vì các cơ quan quan trọng không bao giờ được phát triển đầy đủ trong thời thơ ấu.
- Trong nhiều năm, người ta thường dùng cân nặng theo tuổi để đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em vì đo chiều cao ở cộng đồng khó hơn so với cân nặng và cho rằng chiều cao theo tuổi phụ thuộc vào yếu tố di truyền. Tuy vậy từ những năm 70 của thế kỷ trước, nhiều tác giả đã nhận thấy chiều cao theo tuổi là chỉ số có giá trị để đánh giá tình trạng dinh dưỡng và phát triển cùng với cân nặng theo tuổi. Nhiều nghiên cứu ở Ấn Độ và một số quốc gia nghèo đã cho thấy sự phát triển của trẻ em (cả cân nặng và chiều cao) của những trẻ được nuôi dưỡng tốt thuộc tầng lớp trên ở các nước chậm phát triển không khác biệt có ý nghĩa so với các quốc gia phát triển. Từ năm 1993 Tổ chức Y tế Thế giới đã tiến hành một nghiên cứu thực nghiệm lớn và kéo dài về tăng trưởng trên trẻ em ở 6 nước có điều kiện phát triển và chủng tộc khác nhau (Braxin, Ghana, Na Uy, Ấn Độ, Oman và Hoa Kỳ). Kết quả cho thấy, các trẻ em dưới 5 tuổi được bú mẹ hoàn toàn đến 6 tháng tuổi và ăn bổ sung hợp lý đều có đường tăng trưởng tương tự nhau. Trên cơ sở đó năm 2006 WHO đã công bố chuẩn tăng trưởng (growth standard) mới cho trẻ em và khuyến nghị ứng dụng thống nhất toàn cầu. Như vậy, chiều cao theo tuổi đã được khẳng định là chỉ tiêu dinh dưỡng quan trọng nhất và các điều kiện môi trường chứ không phải di truyền là các yếu tố quyết định chính đến sự khác biệt về tăng trưởng ở trẻ em. Đó cũng là căn cứ khoa học để giảm suy dinh dưỡng thể thấp còi trở thành mục tiêu quan trọng nhất của các chương trình phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em.

1 Tỷ lệ trẻ SDD thấp còi trên thế giới

Trong những năm qua, mặc dù tình trạng SDD ở trẻ em dưới 5 tuổi trên toàn thế giới đã được cải thiện một cách đáng kể, tuy vậy suy dinh dưỡng ở trẻ em vẫn còn chiếm một tỷ lệ khá cao, đặc biệt ở những nước đang phát triển. Theo UNICEF (năm 2013) cho thấy, có khoảng 165 triệu trẻ em trên toàn cầu, chiếm trên 1/4 trẻ em dưới 5 tuổi bị thấp còi trong năm 2011 (khoảng 26%). Số lượng trẻ em dưới 5 tuổi tử vong hàng năm tuy đã giảm so với những năm 1990 nhưng vẫn còn xấp xỉ 7 triệu trẻ, trong đó có khoảng 2,3 triệu trẻ em chết vì những nguyên nhân liên quan đến suy dinh dưỡng. Cũng theo báo cáo của WHO và UNICEF cho thấy, đến năm 2015 trên toàn cầu có 156 triệu trẻ em bị suy dinh dưỡng thấp còi, chiếm khoảng 23% tổng số trẻ dưới 5 tuổi. Mặc dù tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị SDD thấp còi còn cao, nhưng tỷ lệ phân bố không đều ở nhiều khu vực trên thế giới. Năm 2018, UNICEF/WHO/WB cho biết hiện trên thế giới vẫn còn 151 triệu trẻ bị thấp còi (22,2%), 51 triệu trẻ suy dinh dưỡng cấp tính (7,5%) riêng châu Á chiếm quá nửa các con số này (83,6 triệu; 35 triệu và 17,5 triệu; tương ứng). Song song với thiếu dinh dưỡng, thế giới đã có 38 triệu trẻ thừa cân/béo phì (5,6%).

2 Tình hình suy dinh dưỡng thấp còi ở Việt Nam

Cách thực hiện:

- Giảng viên cần nắm được chính xác có bao nhiêu học viên sẽ tham gia lớp tập huấn. Cắt thẻ màu biểu thị % theo hướng dẫn sau, ví dụ, có 20 học viên tham gia lớp học. Bạn đã tìm hiểu và biết là có 40% trẻ dưới 5 tuổi bị thấp còi. Bạn cắt 20 phiếu thăm khác nhau, trong đó có 8 phiếu được đánh dấu X và gấp lại (để không nhìn thấy được sự khác nhau giữa các phiếu thăm) 8 phiếu này thể hiện cho 8 trẻ bị SDD thấp còi (40% của 20 người), còn lại 12 phiếu trắng đại diện cho trẻ không bị SDD thấp còi.
- Mời cả lớp xếp thành vòng tròn, phát cho mỗi người 1 phiếu, sau đó giảng viên cất 1 đến 2 bài hát, vừa hát vừa chuyển phiếu cho nhau, đảm bảo trên tay mỗi học viên lúc nào cũng có 1 phiếu. Sau khi kết thúc bài hát, mời mọi người mở phiếu ra. Những ai có phiếu có dấu "X" mời ra giữa vòng tròn.
- Giảng viên yêu cầu riêng với 8 học viên này, bằng các hành động, không nói ra lời phải thể hiện để người ngoài vòng tròn biết rằng họ là trẻ SDD thấp còi.
- Sau khi đoán xong, giảng viên cần giải thích: Như vậy, trong cộng đồng nếu có 20 trẻ thì có 8 trẻ này sẽ bị SDD thấp còi.

Tham khảo tỷ lệ SDD của Việt Nam sau đây:

- Suy dinh dưỡng ở bà mẹ và trẻ em đang là vấn đề thời sự ở các nước nghèo và đang phát triển. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã nhận định trên thế giới hiện còn 36 nước có tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thấp còi cao, trong đó có Việt Nam.
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng đã giảm nhiều, năm 1985 thể nhẹ cân là 51,5%; thấp còi 59,7%; gầy còm 7,0%; và tiếp tục giảm trong những năm tiếp theo. Tỷ lệ SDD nhẹ cân giảm từ 17,5% năm 2010 xuống còn 11,5% trong năm 2020. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi cũng có xu hướng giảm dần, từ 29,3% năm 2010 còn 19,6% năm 2020. Tuy nhiên tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi chung vẫn ở mức độ cao theo ngưỡng phân loại mới của WHO 2018; đồng thời suy dinh dưỡng thấp còi mức độ nặng cũng không giảm, đặc biệt là ở vùng miền núi, dân tộc ít người.

1 Tình hình an ninh lương thực

- Mục tiêu về an ninh lương thực quốc gia có sự điều chỉnh theo thời gian. Giai đoạn 1945 - 1985 tập trung xóa đói, đảm bảo lương thực cho toàn dân; giai đoạn 1986 - 2000, tập trung vào sản xuất lúa gạo, đảm bảo đủ gạo để ăn và xuất khẩu, duy trì đất lúa bền vững để đảm bảo an ninh lương thực; giai đoạn sau năm 2000 tập trung đảm bảo đủ lương thực, đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng, tăng lợi nhuận cho người trồng lúa.
- Đã đảm bảo ANLT quốc gia và hỗ trợ ANLT cho các quốc gia khác: Việt Nam liên tục mở rộng sản xuất lúa gạo, song song với đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi và thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Giai đoạn 2008 - 2018 sản lượng lúa tăng từ 38,7 triệu tấn lên 44 triệu tấn; bình quân lương thực đầu người tăng từ 497 kg/năm lên trên 525 kg/năm, đưa Việt Nam vào nhóm 6 nước hàng đầu về chỉ số này và trở thành quốc gia bền vững ANLT hơn phần lớn các quốc gia đang phát triển ở châu Á. Vai trò của Việt Nam trong hỗ trợ ANLT cho các quốc gia khác ngày càng tăng.
- Có đủ nguồn cung lương thực đa dạng phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng: Thời gian qua, đã phát triển sản xuất lương thực thực phẩm hàng hóa theo hướng tập trung, quy mô lớn, xác định lợi thế cây trồng, vật nuôi của từng vùng, địa phương phát triển sản xuất lúa gạo, rau, hoa màu, trái cây, cây công nghiệp, chăn nuôi góp phần đa dạng lương thực thực phẩm. Nhờ đó tình trạng thiếu dinh dưỡng cải tiến đáng kể giảm từ 18,2% trong giai đoạn 2004 - 2006 xuống 10,8% hiện nay. Sự đa dạng trong chế độ ăn uống cũng tăng đáng kể trong thập kỷ qua với xu hướng giảm tỷ lệ tiêu thụ ngũ cốc (về số lượng), tăng tỷ lệ thịt, cá, sữa, trứng và giữ không đổi tỷ lệ trái cây, rau quả.
- Cân đối dinh dưỡng trong khẩu phần ăn được cải thiện rõ rệt: Việt Nam đã đạt được kết quả đáng kể trong việc cải thiện tình trạng dinh dưỡng và sức khỏe của nhân dân. Các địa phương đã hình thành các vùng sản xuất tập trung, xác định lợi thế cây trồng, vật nuôi để đầu tư, cải tạo cơ cấu giống, từ đó nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng các loại sản phẩm cây trồng, vật nuôi góp phần đảm bảo an ninh và đa dạng lương thực thực phẩm. Việc giữ gìn và tăng cường sức khỏe phụ thuộc vào yếu tố dinh dưỡng là 20%, môi trường sinh thái 20% và 60% còn lại phụ thuộc vào y tế, rèn luyện thân thể, lối sống lành mạnh. Để cơ thể khỏe mạnh, hằng ngày phải bổ sung đầy đủ, cân đối giữa các thành phần dinh dưỡng tùy theo lứa tuổi, điều kiện sống và làm. Cung cấp thừa hoặc thiếu dinh dưỡng đều ảnh hưởng đến thể lực con người, thậm chí mắc một số bệnh không lây như: tim mạch, đái tháo đường, ung thư, loãng xương, gout... Mặt khác, chất lượng dinh dưỡng có tốt thì mới có sức khỏe tốt, nghĩa là thức ăn cũng phải bảo đảm chất lượng.
- Từ bữa ăn đơn điệu với gạo là lương thực chính, đến nay bữa ăn gia đình đã đa dạng hơn cả về loại thực phẩm lẫn chất lượng; giảm lượng gạo ăn bình quân đầu người từ 132 kg/người/năm năm 2008 xuống còn 96,6 kg/người/năm năm 2018, tăng lượng thịt ăn bình quân đầu người từ 17 kg/người/năm lên 26 kg/người/năm, cá, sữa và trứng, duy trì tỷ lệ trái cây và rau. Quy đổi về tỷ lệ dinh dưỡng, trong tổng mức Kcal tiêu thụ, năng lượng từ nhóm thực phẩm gồm 58,1% từ ngũ cốc và rễ/củ, 2,6% từ dầu thực vật, 15,3% từ thịt, 3,3% từ đường và chất ngọt, 6,6% từ trái cây và rau quả. Mức tiêu thụ lương thực, thực phẩm cũng có sự khác biệt giữa vùng nông thôn, thành thị, đặc biệt ở nhóm gạo và nhóm thịt các loại. Qua các năm, khoảng cách chênh lệch mức tiêu thụ lương thực thực phẩm giữa các khu vực được rút ngắn lại, đặc biệt là nhóm thịt.

2 Yêu cầu của bữa ăn gia đình hợp lý

Yêu cầu của bữa ăn gia đình hợp lý

- Bữa ăn gia đình phải đủ dinh dưỡng và ngon: ăn no (đủ năng lượng) đủ chất dinh dưỡng cần thiết cân đối (đủ 4 nhóm thực phẩm: lương thực, thức ăn giàu đạm, giàu chất béo, rau xanh và quả chín). Thực phẩm phải giúp tạo ra bữa ăn truyền thống, có hương vị quen thuộc. Món ăn được chế biến hợp khẩu vị hấp dẫn, ngon lành.
- Bữa ăn phải an toàn: thức ăn phải đảm bảo lành, không độc, không phải là nguồn gây bệnh. Thực phẩm còn phải giúp cho các chức năng của cơ thể hoạt động tốt, phải có giá trị phòng bệnh, chữa bệnh, nâng cao sức khỏe, tăng cường sinh lực. Thực phẩm phải an toàn không bị nhiễm giun, nhiễm trùng, không được là nguồn gây bệnh.
- Bữa ăn nên được bổ sung một cách tiết kiệm, kinh tế nhất: người nấu cần biết chọn thực phẩm sạch, giàu dinh dưỡng, giá thành hợp lý, tránh lãng phí thực phẩm.
- Bữa ăn gia đình cần được tổ chức tình cảm: trong không khí đầm ấm, hạnh phúc, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, hơn ai hết người phụ nữ phải có hiểu biết về nhu cầu dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng của từng loại thức ăn và biết cách tổ chức một bữa ăn đầy đủ dinh dưỡng, ngon, lành, tình cảm và tiết kiệm.

Cách tổ chức bữa ăn gia đình

- Số bữa ăn: Phụ thuộc lứa tuổi tình trạng sức khỏe, mức độ lao động. Đối với người trưởng thành, khỏe mạnh cần ăn 3 bữa/ ngày. Người lao động nặng nhọc, người ốm, cắt dạ dày, phụ nữ có thai, bà mẹ đang cho con bú và trẻ em cần ăn 5-6 bữa/ ngày. Qua nghiên cứu tỷ lệ hấp thụ tiêu hóa cho thấy, với cùng một lượng lương thực thực phẩm như nhau, nhưng nếu chia thành 3 bữa thì tỷ lệ hấp thu chất đạm tăng lên 3% so với 2 bữa ăn. Ăn ba bữa chính vì thế chính là một cách ăn khoa học và tiết kiệm.
- Phân chia hợp lý các bữa ăn trong ngày: Nên ăn 3 bữa/ngày, không nên bỏ qua bữa sáng. Nếu 1 ngày ăn nhiều hơn 3 bữa thì năng lượng của bữa tối nên ít hơn và nhiều nhất là bữa sáng. Các bữa ăn không nên cách

Tiêu chí	% tổng số năng lượng		
	Ăn 3 bữa	Ăn 4 bữa	Ăn 5 bữa
Bữa sáng	30-35%	25-30%	25-30%
Bữa sáng II		5-10%	5-10%
Bữa trưa	35-40%	35-40%	30-35%
Bữa chiều			5-10%
Bữa tối	25-30%	25-30%	15-20%

3 Tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm

- Trong chăn nuôi, giết mổ, vận chuyển, kiểm tra vệ sinh thú y, kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật đã được thực hiện tốt; việc giết mổ gia súc tập trung bước đầu được tổ chức ở một số thành phố lớn. Tuy nhiên, mới có 3,6% cơ sở giết mổ tập trung và tỷ lệ động vật được kiểm soát giết mổ chiếm 58,1%.
- Việc xây dựng mô hình chăn nuôi an toàn áp dụng VietGaHP trong chăn nuôi gà thịt thương phẩm, gà đẻ trứng thương phẩm, bò sữa, ong mật được triển khai tích cực. Đến nay, khoảng 3% cơ sở chăn nuôi (lợn, gà, bò sữa, ong mật...) đã triển khai áp dụng VietGaHP.
- Trong sản xuất rau, quả: Hiện có khoảng hơn 8,5% tổng diện tích trồng rau cả nước đủ điều kiện sản xuất rau an toàn; diện tích đủ điều kiện sản xuất cây ăn quả an toàn đạt khoảng 20%, số còn lại do sản xuất nhỏ lẻ, không trong vùng quy hoạch nên khó kiểm soát.
- Chương trình giám sát ô nhiễm sinh học và dư lượng các chất độc hại trong sản phẩm trồng trọt (rau, quả, chè) và kiểm soát chất lượng các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất thực phẩm nông sản (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...) đang được triển khai. Kết quả giám sát về chất lượng, an toàn thực phẩm cho thấy tỷ lệ mẫu rau có dư lượng thuốc BVTV vượt quá giới hạn cho phép là 6,17% giảm so với những năm trước đây.
- Trong nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản: Việc kiểm soát chất lượng, ATTP trong tất cả các công đoạn sản xuất thủy sản đã được đẩy mạnh. Từ năm 1994, Ngành thủy sản đã chuyển đổi phương thức kiểm soát sản phẩm cuối cùng sang kiểm soát toàn bộ quá trình sản xuất, hướng dẫn các doanh nghiệp chế biến thủy sản áp dụng Quy phạm thực hành sản xuất tốt (GMP), Quy phạm vệ sinh chuẩn (SSOP), kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên nguyên lý phân tích mối nguy ATTP và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP). Bên cạnh đó, đã hướng dẫn triển khai áp dụng các chương trình kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm trong tất cả các công đoạn của chuỗi sản xuất thủy sản theo từng đối tượng cụ thể từ tàu cá, cảng cá, chợ cá đầu mối, đại lý thu gom, cơ sở bảo quản nhằm kiểm soát toàn bộ chuỗi sản xuất kinh doanh từ ao nuôi đến bàn ăn. Bên cạnh đó, nhiều Chương trình khác đã được triển khai, Chương trình giám sát an toàn thực phẩm các vùng nuôi và thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ, Chương trình kiểm soát dư lượng hoá chất, kháng sinh có hại trong thủy sản nuôi, Chương trình kiểm soát chất lượng an toàn thực phẩm thủy sản sau thu hoạch (tập trung cho thủy sản tiêu thụ nội địa), Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững trên cơ sở ứng dụng Quy phạm thực hành nuôi tốt (GAqP), Quy tắc nuôi thủy sản có trách nhiệm (CoC), trong đó nhiều chương trình đã được EU công nhận.



Thảo luận nhóm - Các chủ đề chăm sóc dinh dưỡng chính ở cộng đồng là gì?



Các nội dung chính cần truyền đạt gồm:

- ▶ Chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và cho con bú
 - ▶ Tuyên truyền và khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu (từ sơ sinh đến 179 ngày tuổi).
 - ▶ Ăn bổ sung hợp lý từ 6 tháng tuổi (180 ngày tuổi) và tiếp tục bú mẹ đến 24 tháng.
 - ▶ Phòng chống thiếu Vitamin A cho trẻ em, bà mẹ (thông qua bổ sung và bữa ăn)
 - ▶ Bà mẹ có thai dùng viên sắt - folic hoặc viên đa vi chất.
 - ▶ Phòng chống thiếu iot cho mọi thành viên trong gia đình
 - ▶ Chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ trong và sau khi mắc bệnh
 - ▶ Theo dõi tăng trưởng và giáo dục truyền thông dinh dưỡng.
 - ▶ Thực hành vệ sinh phòng chống suy dinh dưỡng. Phòng chống các bệnh giun sán.
 - ▶ Xây dựng vườn gia đình để tăng nguồn thực phẩm
- Quá trình sinh ra, lớn lên và tồn tại của mỗi người không thể tách rời sự ăn uống hay là sự dinh dưỡng. Sự dinh dưỡng được quyết định bởi nguồn lương thực-thực phẩm do con người tạo ra. Liên kết giữa nông nghiệp và an ninh lương thực từ lâu đã được công nhận. Nguồn và những đặc tính của lương thực - thực phẩm do nền sản xuất nông nghiệp chi phối. Tất cả những điều trên đã liên quan mật thiết tới sức khỏe của mỗi cá nhân và của cả cộng đồng. Sức khỏe ảnh hưởng trực tiếp đến toàn bộ hệ thống sản xuất nông nghiệp, quyết định số lượng, chất lượng của nông sản phẩm làm ra. Điều đó nói lên rằng các yếu tố dinh dưỡng, lương thực-thực phẩm, nông nghiệp và sức khỏe có liên quan hữu cơ, gắn bó nhau trong một hệ thống chung. Dinh dưỡng cho thấy cần nắm được nhu cầu dinh dưỡng để từ đó dựa vào khả năng sản xuất nông nghiệp, tập tục ăn uống của địa phương mà tính ra nhu cầu thực phẩm. Căn cứ vào nhu cầu thực phẩm để đặt kế hoạch sản xuất nông nghiệp cân đối giữa xuất khẩu và nhập khẩu có lợi cho việc đảm bảo các nhu cầu dinh dưỡng.
- Việt Nam là một quốc gia có 54 dân tộc, với truyền thống lâu đời người dân sống bằng nghề nông nghiệp, với đặc điểm dân cư ở các vùng miền khác nhau, điều kiện kinh tế và tiếp cận với giáo dục khác nhau. Việt Nam có nhiều lợi thế về việc sản xuất nông nghiệp với nhiều chủng loại cây lương thực phục vụ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu ra thị trường thế giới. Tuy vậy Việt Nam cũng đứng trước nhiều thách thức về ANTP đặc biệt là ANTP hộ gia đình có trẻ dưới 5 tuổi khi là quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, sự lạc hậu của nền giáo dục với tỷ lệ người không biết chữ còn cao, phải đối mặt với sự khan hiếm về nguồn nước, năng lượng, việc làm cũng như áp lực về dân số... Vì những lý do trên để đảm bảo ANTP hộ gia đình đặc biệt là ở những gia đình có con dưới 2 tuổi ở vùng khó khăn, cần phải thực hiện các giải pháp dưới đây được coi là giải pháp căn cơ, hiệu quả để góp phần làm giảm tỷ lệ mất ANTP hộ gia đình và suy dinh dưỡng ở trẻ nhỏ.

- Đa dạng hóa hoạt động sản xuất và tạo thu nhập cho hộ nghèo, cải thiện, nâng cao hiệu quả các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi một cách bền vững (sinh kế bền vững cho người dân).
- Các chương trình can thiệp ở Việt Nam tập trung vào vùng khó khăn vùng dễ bị tổn thương do thiếu lương thực, thiếu kỹ thuật và trình độ canh tác nông nghiệp. Dự án 135 của chính phủ từ năm 1998 được triển khai rộng khắp chương trình phát triển kinh tế-xã hội các xã đặc biệt khó khăn và miền núi vùng sâu, vùng xa với mục tiêu “nâng cao nhanh đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc ở các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa; tạo điều kiện để đưa nông thôn các vùng này thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, chậm phát triển, hoà nhập vào sự phát triển chung của cả nước; góp phần bảo đảm trật tự an toàn xã hội, an ninh quốc phòng”. Kết quả đạt được cao trong việc thực hiện xoá đói, giảm nghèo, cung cấp nước sinh hoạt, thực hiện xoá mù bằng cách thu hút và khuyến khích trẻ em đến trường, kiểm soát các dịch bệnh hiểm nghèo, phát triển giao thông, truyền thông, phổ biến kiến thức về canh tác bền vững cho người dân.

0

TÓM TẮT BÀI HỌC

- Chế độ dinh dưỡng hợp lý, đầy đủ và cân đối 4 nhóm thực phẩm giúp cơ thể phát triển khỏe mạnh, phòng ngừa bệnh tật
- Dinh dưỡng hợp lý có vai trò cực kỳ quan trọng đối với phụ nữ mang thai và 2 năm đầu đời (1000 ngày đầu đời) của trẻ. Đây là cơ hội vàng để phòng ngừa SDD thể thấp còi ở trẻ, giúp nâng cao tầm vóc người Việt Nam
- Tình trạng dinh dưỡng không hợp lý hoặc thiếu dinh dưỡng ở trẻ là 1 trong những nguyên nhân dẫn tới suy dinh dưỡng ở trẻ em, đặc biệt là SDD thấp còi.
- Cần đảm bảo an ninh lương thực để Có đủ nguồn cung lương thực đa dạng phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng của các hộ gia đình, giúp gia đình có bữa ăn cân đối, đầy đủ về số lượng và đạt về chất lượng thức ăn
- Để cải thiện tình trạng dinh dưỡng tại cộng đồng, cần kết hợp đa dạng các các hoạt động dinh dưỡng. Tập trung vào 3 giai đoạn chính: Chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai; Bú sữa mẹ sớm và bú hoàn toàn trong 6 tháng đầu; Cho trẻ ăn bổ sung hợp lý và bú mẹ tới 24 tháng tuổi



Kế hoạch bài giảng

Nội dung bài học gồm 2 phần chính sau:

1. Một số khái niệm cơ bản
2. Dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng



Mục tiêu học tập

Vào cuối bài học này, học viên có thể:

1. Hiểu được các khái niệm cơ bản (“nạn đói”, nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng”, “mối quan hệ nông nghiệp, dinh dưỡng và nạn đói”
2. Hiểu rõ các yêu cầu của dự án, ngân sách và các hợp phần của dự án



Chuẩn bị bài giảng và các đồ dùng

Các đồ dùng/công cụ cần chuẩn bị cho bài giảng:

1. Bảng kẹp giấy, giấy và bút viết giấy và viết bảng
2. Poster/sơ đồ về ô vuông thức ăn và 4 nhóm thực phẩm
3. Giấy màu (4 màu) cắt đôi hoặc 3
4. Giấy A0, Băng dán giấy, kéo ...

Chia lớp thành 3-4 nhóm, xếp bàn tròn, mỗi nhóm khoảng 6 – 8 người

Nội dung chính cần truyền đạt bao gồm

- Khái niệm về nạn đói
- Khái niệm về nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng

1.1 Khái niệm “Nạn đói”

a) Khái niệm: “Nạn đói được hiểu như thế nào?”

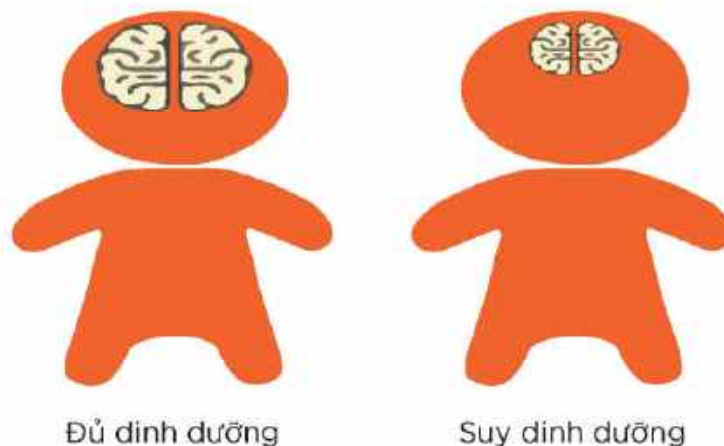
- “Nạn đói” được hiểu là sự thiếu dinh dưỡng đối với người dân, đặc biệt là trẻ em và phụ nữ mang thai dẫn đến tình trạng chỉ số về sức khỏe của người dân không đạt chuẩn theo yêu cầu. Đặc biệt là trẻ em sinh ra cơ thể và trí não chậm phát triển, từ đó giảm khả năng tư duy và lao động dẫn đến hiệu quả lao động thấp tạo ra “nạn đói” trong tương lai.

b) Nguyên nhân của nạn đói?

- Nạn đói được hình thành do thiếu nguồn cung lương thực, thực phẩm cho người dân, hoặc trong một số trường hợp mặc dù có đủ lương thực nhưng không biết cách chế biến và các chế độ ăn phù hợp vẫn diễn ra tình trạng suy dinh dưỡng đối với trẻ em như thấp còi, thiếu hụt vi chất hay béo phì. Một trong những nguyên nhân của tồn tại này là thiếu sự phối hợp gắn kết giữa các chương trình phát triển nông nghiệp và dinh dưỡng ở các địa phương. Ngay cả đối với nhiều vùng có thu nhập khá cao, nhận thức của hộ gia đình về dinh dưỡng trẻ em chưa đúng, nên vẫn xảy ra hiện tượng suy dinh dưỡng trẻ em.

c) Hậu quả của nạn đói?

- Nạn đói ảnh hưởng đến chính là tình trạng suy dinh dưỡng của bà mẹ mang thai và trẻ em dưới 5 tuổi. Khoa học đã chứng minh nếu một đứa trẻ mà trong vòng 1.000 ngày đầu tiên của sự sống - kể từ khi bắt đầu thành phôi thai cho đến năm hai tuổi - không được cung cấp đủ dinh dưỡng, thì sự tổn hại sẽ rất lớn. Trí não và cơ thể sẽ không thể phát triển. Thể tích não nhỏ hơn tới 40% trong đứa trẻ bị suy dinh dưỡng này, các nơ-ron và các khớp thần kinh của não không được hình thành, lập trình điều tiết tăng trưởng của trẻ bị ảnh hưởng. Điều này có ảnh hưởng to lớn tới phát triển kinh tế - xã hội ở nhiều địa phương, mặt khác khả năng làm việc kiếm tiền của những đứa trẻ này cũng bị giảm đi một nửa trong suốt cuộc đời do não bị chậm phát triển trong những năm đầu tiên của cuộc đời. Đây là “nạn đói tiềm ẩn” ảnh hưởng cả thế hệ tương lai.



1.2 Khái niệm “Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng”

- Theo tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) “Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng là một cách tiếp cận dựa trên nhu cầu thực phẩm để phát triển nông nghiệp, đặt thực phẩm giàu dinh dưỡng, đa dạng chế độ ăn uống và thực phẩm được bổ sung dinh dưỡng là trọng tâm của việc khắc phục tình trạng suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng”.
- Cách tiếp cận này nhấn mạnh nhiều lợi ích thu được từ việc thưởng thức nhiều loại thực phẩm, sử dụng thực phẩm tươi sản xuất tại địa phương, thực phẩm giàu dinh dưỡng như sản phẩm hữu cơ hay sử dụng các sản phẩm chế biến được bổ sung vi chất, nhận ra giá trị dinh dưỡng của thực phẩm đối với dinh dưỡng tốt, và tầm quan trọng và ý nghĩa xã hội của ngành nông nghiệp và thực phẩm để hỗ trợ sinh kế nông thôn. Mục tiêu tổng thể của nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng là làm cho hệ thống thực phẩm được cải thiện tốt hơn để tạo ra kết quả dinh dưỡng tốt.

1.3 Mối quan hệ giữa nông nghiệp, dinh dưỡng và nạn đói

- Do điều kiện sản xuất nông nghiệp khó khăn hoặc do ảnh hưởng của thiên tai, dẫn đến tình trạng hạn chế khả năng sản xuất lương thực, thực phẩm của người dân dẫn đến thu nhập thấp nên mức tiêu thụ thực phẩm hạn chế suy dinh dưỡng và dẫn tới giảm khả năng làm việc. Hạn chế về nhận thức và hiểu biết của người dân về sử dụng lương thực, thực phẩm dẫn đến tình trạng lãng phí, thất thoát và không đảm bảo dinh dưỡng cung cấp cho sự phát triển của cơ thể. Sơ đồ mối quan hệ giữa sản xuất nông nghiệp và nạn đói như hình dưới:



Nội dung chính cần truyền đạt:

- Yêu cầu của một dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng
- Ngân sách của dự án
- Các hợp phần của Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng

2.1 Yêu cầu của dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng

Để giải quyết được vấn đề suy dinh dưỡng nói chung, cần có sự can thiệp trong toàn bộ hệ thống thực phẩm, từ sản xuất đến chế biến, vận chuyển, tiêu thụ và quản lý chất thải. Để giải quyết vấn đề suy dinh dưỡng cho trẻ em dưới 2 tuổi, cần quan tâm chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời của trẻ, bắt đầu từ khi trẻ còn nằm trong bụng mẹ. Điều đó có nghĩa là cần chăm sóc dinh dưỡng của cả người mẹ trong quá trình mang thai và chế độ dinh dưỡng của trẻ trong 2 năm đầu đời. Dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng ở địa phương cần tạo điều kiện để:

- Thực phẩm có sẵn và dễ tiếp cận hơn: Gia tăng sản xuất nông nghiệp làm cho nhiều thực phẩm dinh dưỡng sẵn có tại hộ gia đình và cộng đồng với giá cả phải chăng, giúp cải thiện thu nhập hộ gia đình và cộng đồng, tạo điều kiện thực hành dinh dưỡng hợp lý trong cộng đồng dân cư.
- Sản xuất thực phẩm đa dạng và bền vững hơn: Tăng sự đa dạng trong sản xuất thực phẩm và thúc đẩy thực hành sản xuất bền vững như bảo tồn nông nghiệp, quản lý nước và quản lý dịch hại tổng hợp có thể cải thiện dinh dưỡng mức độ mà không làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên. Nông nghiệp gia đình, vườn rau nhà (vườn dinh dưỡng¹) và các dự án sản xuất thực phẩm với nhiều loại cây trồng có sẵn ở địa phương.
- Tạo ra nguồn thực phẩm bổ dưỡng hơn: Tăng cường hàm lượng vi chất dinh dưỡng trong thực phẩm thông qua chế biến, sản xuất nông nghiệp sinh thái, canh tác tự nhiên và cải thiện độ phì nhiêu của đất.
- Tăng nhu cầu về lương thực thực phẩm: Cần đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và kích cầu đối với các loại thực phẩm có lợi về dinh dưỡng.

2.2 Yêu cầu của dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng

Theo mục II.2 của Chương trình hành động quốc gia Không còn nạn đói, nguồn kinh phí cho thực hiện các dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng cấp địa phương cần được lồng ghép vào các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và các nguồn kinh phí xã hội hoá khác.

¹ Vườn dinh dưỡng là một sáng kiến được tổ chức Tầm Nhìn Thế Giới triển khai tại Việt Nam từ 2010

2.3 Các hợp phần của Dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng

Dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng sẽ gồm 2 phần: nông nghiệp và dinh dưỡng:

- Phần nông nghiệp: Cần đáp ứng nhu cầu cơ bản của các hộ về lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng quanh năm; Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm bền vững; Tăng năng suất và thu nhập của các hộ nông dân sản xuất nhỏ; Giảm thất thoát hoặc lãng phí lương thực, thực phẩm. Hình thức tiến hành: phát triển chuỗi giá trị địa phương, canh tác tự nhiên, các mô hình phát triển sinh kế hộ gia đình...
- Phần dinh dưỡng: Cần đảm bảo tính sẵn có của lương thực, thực phẩm giàu dinh dưỡng tại hộ gia đình quanh năm; Giảm suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 2 tuổi; đảm bảo đầy đủ về số lượng, chất lượng và cơ cấu dinh dưỡng hợp lý trong chế độ ăn của phụ nữ có thai, các bà mẹ nuôi con nhỏ và chế độ ăn của trẻ.

(Xem chi tiết các chỉ tiêu của dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tại phụ lục 5)



TÓM TẮT BÀI HỌC

1. Các khái niệm cơ bản bao gồm:

- Khái niệm về “nạn đói”
- Khái niệm về “nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng”:
- Mối quan hệ giữa nạn đói, nông nghiệp và dinh dưỡng:

2. Dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng:

- Yêu cầu của dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng:
- Ngân sách:
- Các hợp phần của dự án:
 - Hợp phần nông nghiệp:
 - Hợp phần dinh dưỡng:



Kế hoạch bài giảng

Nội dung bài học gồm 2 phần chính sau:

1. Cải thiện an ninh thực phẩm hộ gia đình
2. Can thiệp để đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp và nâng cao thu nhập
3. Tăng cường truyền thông giáo dục nâng cao kiến thức, kỹ năng về chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ
4. Cải thiện tình hình vệ sinh ATTP
5. Cải thiện bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng



Mục tiêu học tập

Vào cuối bài học này, học viên có thể:

1. Xác định được các hoạt động can thiệp chính trong dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng ;
2. Hiểu rõ các cơ sở để triển khai từng can thiệp trong dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng;



Chuẩn bị bài giảng và các đồ dùng

Các đồ dùng/công cụ cần chuẩn bị cho bài giảng:

1. Bảng kẹp giấy, giấy và bút viết giấy và viết bảng
2. Giấy màu (4 màu) cắt đôi hoặc 3
3. Giấy A0



Câu hỏi mở đầu - 1 dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng cần can thiệp tối thiểu những hoạt động nào?

- Các can thiệp trong sản xuất nông nghiệp của Dự án có thể là những thay đổi trong đầu vào sản xuất nông nghiệp như giống mới bổ sung dinh dưỡng, vật tư nông nghiệp đảm bảo an toàn thực phẩm, đây là những thực hành sản xuất nông nghiệp như kỹ thuật mới làm tăng năng suất, chất lượng nông sản và là chuỗi giá trị thực phẩm đưa đến tay người tiêu dùng như sản phẩm chế biến, sản phẩm sơ chế, hệ thống phân phối. Tất cả các biện pháp can thiệp nông nghiệp này sẽ ảnh hưởng đến tình trạng dinh dưỡng trong cộng đồng. Nhiều nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng giữa nông nghiệp và đảm bảo dinh dưỡng có mối liên quan mật thiết với nhau. Trong Dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng thì mục tiêu cuối cùng hướng đến là thay đổi tình trạng dinh dưỡng thông qua các biện pháp can thiệp vào nông nghiệp.

Thảo luận nhóm – Vai trò của việc đảm bảo ANTP đối với người dân?

Các nội dung chính cần truyền đạt gồm:

Đảm bảo ANTP giúp tiếp cận lương thực thực phẩm ở mọi lúc, mọi nơi và góp phần ổn định về chính trị và kinh tế

- Ở mỗi vùng khác nhau, việc tiếp cận lương thực thực phẩm lại theo các hướng khác nhau. Ở thành thị không sản xuất được lương thực thực phẩm thì hướng tiếp cận là mua bán, trao đổi thương mại; Ở các vùng nông thôn, sản xuất được lương thực thực phẩm nên việc tiếp cận với lương thực thực phẩm sẽ theo hướng tự cung, tự cấp. Các vùng núi, vùng sâu, vùng xa vừa sản xuất tự cung, tự cấp, vừa thương mại trao đổi lương thực thực phẩm, do ở khu vực này sản xuất lương thực thực phẩm có năng suất thấp, diện tích gieo trồng ít, kỹ thuật canh tác thấp kém, đi lại khó khăn nên tình trạng thiếu lương thực thực phẩm thường xuyên xảy ra, gây nên tình trạng đói về lương thực thực phẩm. Điều này càng thể hiện rõ vai trò của việc đảm bảo ANTP, nó không chỉ giúp người dân tiếp cận được với lương thực thực phẩm ở mọi lúc, mọi nơi mà nó còn góp phần ổn định về chính trị và kinh tế... Quan trọng hơn, đảm bảo cuộc sống cho người dân sẽ giúp người dân duy trì cuộc sống và yên tâm hơn để có thể làm việc và giúp thoát khỏi nghèo đói.

1. Đảm bảo ANTP giúp cân bằng cung cầu thị trường lương thực, ổn định giá cả.

- Vai trò quan trọng của việc đảm bảo ANTP chính là việc điều tiết cung cầu thực phẩm giữa các quốc gia và các vùng. Nhờ có đảm bảo ANTP với những chính sách và chiến lược hợp lý mà thực phẩm luôn được đảm bảo và ít xảy ra biến động về cung cầu cũng như giá cả. Điều này giúp cho người dân yên tâm hơn và tích cực làm việc; giúp cho các quốc gia, các vùng phát triển một cách bền vững và ổn định.
- Ở Việt Nam hiện nay, trong quá trình xóa đói giảm nghèo, việc giải quyết đầu tiên đó chính là giảm nhanh vấn đề nghèo về lương thực, thực phẩm để giải quyết vấn đề ăn cho nhân dân, để họ yên tâm làm việc và thực hiện nhiệm vụ của mình, thúc đẩy nhanh quá trình xóa đói giảm nghèo.

2. Đảm bảo ANTP cấp cơ sở tạo điều kiện để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu kinh tế nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

- Khi đảm bảo ANTP, chúng ta phải làm từ cấp cơ sở, bởi lẽ, đối tượng để chúng ta tác động chính là nông dân và họ đều sinh sống ở nông thôn và họ sản xuất nông nghiệp là chính. Vì vậy, đảm bảo được ANTP cấp cơ sở sẽ tạo điều kiện để chuyển đổi và phát triển kinh tế ở nông thôn. Khi đảm bảo ANTP, chúng ta thực hiện sản xuất lương thực thực phẩm, đặc biệt là thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cao, có đủ lương thực thực phẩm đảm bảo cho người dân tiêu dùng, có thể đem bán và sẽ tăng thu nhập, cải thiện đời sống, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện chiến lược công nghiệp hoá nông nghiệp nông thôn.

3. Đảm bảo ANTP cấp cơ sở có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội nông thôn nói riêng và phát triển đất nước nói chung.

PHẦN 2: CAN THIỆP ĐỂ ĐA DẠNG HOÁ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ NÂNG CAO THU NHẬP

- Đa dạng hóa hoạt động sản xuất và tạo thu nhập cho hộ nghèo cải thiện, nâng cao hiệu quả các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi một cách bền vững. Các chương trình can thiệp ở Việt Nam tập trung vào vùng khó khăn, vùng dễ bị tổn thương do thiếu lương thực, thiếu kỹ thuật và trình độ canh tác nông nghiệp. Dự án 135 của Chính phủ từ những năm 1998 được triển khai rộng khắp, chương trình phát triển kinh tế-xã hội các xã đặc biệt khó khăn và miền núi vùng sâu, vùng xa với mục tiêu “nâng cao nhanh đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc ở các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa; tạo điều kiện để đưa nông thôn các vùng này thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, chậm phát triển, hoà nhập vào sự phát triển chung của cả nước; góp phần bảo đảm trật tự an toàn xã hội, an ninh quốc phòng.” Đã đạt được kết quả cao trong việc thực hiện xoá đói, giảm nghèo, cung cấp nước sinh hoạt, thực hiện xoá mù bằng cách thu hút và khuyến khích trẻ em đến trường, kiểm soát các dịch bệnh hiểm nghèo, phát triển giao thông, truyền thông, phổ biến kiến thức về canh tác bền vững cho người dân.

PHẦN 3: TĂNG CƯỜNG TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC NÂNG CAO KIẾN THỨC, KỸ NĂNG VỀ CHĂM SÓC VÀ NUÔI DƯỠNG TRẺ

- Suy dinh dưỡng ở trẻ là hậu quả trực tiếp của đói ăn, mất an ninh thực phẩm hộ gia đình. Để giải quyết tình trạng mất an ninh thực phẩm hộ gia đình và suy dinh dưỡng ở trẻ em, trong giai đoạn từ năm 1990 đến nay đã có rất nhiều các giải pháp can thiệp nhằm giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em, tăng cường an ninh thực phẩm hộ gia đình thông qua việc nâng cao kiến thức của người mẹ, của cộng đồng dân cư nơi có kiến thức và kỹ năng hạn chế về cách chăm sóc trẻ, nuôi dưỡng trẻ, chăm sóc trẻ khi bị bệnh, tăng cường năng lượng vào thực phẩm, cải thiện thói quen vệ sinh và thực hành vệ sinh của những người chăm sóc trẻ



Thảo luận nhóm: Thực phẩm thế nào được gọi là đạt vệ sinh an toàn thực phẩm?



Nội dung truyền đạt cần bao gồm 1 số ý sau:

- Là thực phẩm không gây hại cho sức khỏe và tính mạng con người
- Là thực phẩm không chứa các tác nhân gây bệnh sinh học, hóa học, lý học,
- Thực phẩm cần tươi, sạch không chứa các chất bảo quản không cho phép, phẩm màu công nghiệp, hóa chất bảo vệ thực vật, kháng sinh, hormon tăng trưởng và kim loại nặng,
- Không mang các mầm bệnh đường tiêu hóa như thương hàn, tả, lỵ, viêm gan, giun sán và gây ngộ độc thức ăn do vi khuẩn.



Câu hỏi thảo luận - Để giảm nguy cơ nhiễm khuẩn, nhiễm độc thực phẩm chúng ta cần làm gì?



Nội dung truyền đạt cần bao gồm 1 số ý sau:

- Cần tuân thủ các quy định cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm
- Lựa chọn thực phẩm có giá trị dinh dưỡng và bảo đảm vệ sinh.
- Dùng nước sạch để rửa thực phẩm, dụng cụ chế biến và nấu nướng thức ăn.
- Chuẩn bị thực phẩm sạch sẽ trước khi nấu: Rửa thịt cá và các loại thực phẩm sạch trước khi nấu. Với thực phẩm đông lạnh phải làm tan đá hoàn toàn và rửa sạch trước khi nấu.
- Ăn ngay thức ăn vừa nấu chín xong. Bảo quản thức ăn sau nấu ở nơi sạch sẽ, thoáng và che đậy kín tránh bụi, ruồi và các loại côn trùng.
- Dao, thớt dùng cho chế biến thức ăn sống phải riêng biệt với dao, thớt dùng cho chế biến thức ăn chín.
- Rửa tay sạch bằng xà phòng trước khi ăn và nấu nướng.



Thảo luận nhóm - Làm thế nào để cải thiện bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng?



Nội dung truyền đạt cần bao gồm 1 số ý sau:

Cần tuân thủ mười lời khuyên dinh dưỡng hợp lý:

- Cần ăn đa dạng các loại thực phẩm,
- Phối hợp thức ăn có nguồn gốc động vật, mỡ động và thực vật một cách hợp lý
- Không ăn mặn, ăn rau quả hàng ngày và đảm bảo ATTP từ việc lựa chọn,
- Chế biến và bảo quản thực phẩm.
- Đối với các độ tuổi khác nhau đều cần phải uống đủ nước sạch hàng ngày.
- Đối với các bà mẹ cho con bú nên cho trẻ bú mẹ ngay sau khi sinh,
- Bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu đời,
- Ăn bổ sung hợp lý và tiếp tục cho con bú mẹ đến 24 tháng.
- Sử dụng sữa và cá phù hợp với từng lứa tuổi,
- Tăng cường các hoạt động thể lực, duy trì cân nặng hợp lý.

Các bữa ăn phải đảm bảo các chỉ số về dinh dưỡng cho từng độ tuổi khác nhau, có các hoạt động đánh giá mức độ thực hiện các chỉ số này ở các địa phương khác nhau để khuyến khích tiêu dùng và đảm bảo nguồn dinh dưỡng của các thành viên trong gia đình phù hợp với điều kiện đặc thù của các gia đình.



TÓM TẮT BÀI HỌC

Để triển khai tốt dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng cần đạt triển khai đầy đủ 5 phần sau:

- Cải thiện an ninh thực phẩm hộ gia đình
- Can thiệp để đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp và nâng cao thu nhập
- Tăng cường truyền thông giáo dục nâng cao kiến thức, kỹ năng về chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ
- Cải thiện tình hình vệ sinh ATTP
- Cải thiện bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng



Kế hoạch bài giảng

Nội dung bài học gồm 2 phần chính sau:

1. Tiếp cận xây dựng Dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.
2. Chuẩn bị xây dựng Dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.
3. Chiến lược nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.
4. Chu trình xây dựng Dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.



Mục tiêu học tập

Vào cuối bài học này, học viên có thể:

1. Nắm được phương pháp tiếp cận Dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng;
2. Nắm được các bước chuẩn bị cho Dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng;
3. Nắm được các chiến lược nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng;
4. Nắm được chu trình xây dựng Dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.



Chuẩn bị bài giảng và các đồ dùng

Các đồ dùng/công cụ cần chuẩn bị cho bài giảng:

1. Bảng kẹp giấy, giấy và bút viết giấy và viết bảng
2. Sơ đồ về **“Tiếp cận xây dựng Dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng”** và **“5 bước của chu trình xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng”**
3. Giấy màu (4 màu) cắt đôi hoặc 3
4. Giấy A0, Băng dán giấy, kéo ...

- Dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng quan tâm tới hệ thống tiêu thụ thực phẩm trong cộng đồng, đó là sự đa dạng trong chế độ ăn, lượng thức ăn và chất dinh dưỡng của từng cá nhân, và thực hành nuôi dưỡng trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ. Hệ thống thực phẩm cũng ám chỉ tới tính sẵn có, khả năng tiếp cận, khả năng chi trả và khả năng chấp nhận của thực phẩm sạch, an toàn, đảm bảo dinh dưỡng. Tính sẵn có đề cập đến việc sản xuất thực phẩm với số lượng đủ lớn và đưa chúng đến nơi chúng được chế biến hoặc tiêu thụ.
- Khả năng tiếp cận là khả năng tiếp cận thực phẩm ở các cửa hàng bán lẻ gần đó như chợ, cửa hàng nhỏ, siêu thị và cửa hàng thực phẩm. Khả năng chi trả liên quan đến khả năng tiếp cận kinh tế đối với một số loại thực phẩm phụ thuộc vào sức mua. Cuối cùng, khả năng chấp nhận phản ánh lựa chọn thực phẩm cuối cùng và sở thích của người tiêu dùng. Khuôn khổ của chúng tôi chỉ ra mối quan hệ qua lại giữa các yếu tố quyết định chính này dọc theo các khâu của chuỗi giá trị nông sản. Chế độ ăn uống liên quan nhiều tới tập quán văn hóa, trình độ nhận thức và do đó Dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng cần đẩy mạnh hoạt động truyền thông về chế độ ăn uống đảm bảo dinh dưỡng, bao gồm số lượng, chất lượng thực phẩm tiêu dùng, độ an toàn và đa dạng của thực phẩm.
- Dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng phải nhằm hướng tới xây dựng được chuỗi giá trị về lương thực thực phẩm góp phần cải thiện dinh dưỡng. Giải pháp này cần được bắt đầu bằng việc xác định vấn đề dinh dưỡng của nhóm đối tượng mục tiêu và các vấn đề liên quan với việc tiêu thụ thiếu của các thực phẩm chính có ảnh hưởng đến chất lượng bữa ăn. Sau đó, cần được xác định các loại lương thực thực phẩm có tiềm năng để giải quyết vấn đề dinh dưỡng, đặc biệt là những thực phẩm có thể góp phần tạo ra chế độ ăn uống lành mạnh. Chuỗi giá trị tương ứng sẽ được phân tích để tìm hiểu có những rào cản nào về mặt cung cấp hay tạo nhu cầu với thực phẩm đó liên quan đến vấn đề dinh dưỡng.



? Câu hỏi gợi ý: Để xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng cần chuẩn bị những công việc gì?

Cách thực hiện:

- Hỏi chung tất cả các nhóm, mỗi nhóm có 30 giây để nêu lên từng hoạt động/bước cần thực hiện để chuẩn bị cho xây dựng dự án. Chuẩn bị sẵn các thẻ ghi mỗi bước chuẩn bị thực hiện khi xây dựng dự án ra một thẻ màu. Yêu cầu 1 người sắp xếp lại theo thứ tự đúng.

📋 Các nội dung chính cần truyền đạt: Việc chuẩn bị xây dựng dự án bao gồm các bước sau:



🗣️ Thành lập tổ công tác thực hiện việc khảo sát xây dựng Dự án

Chuẩn bị:

- Giấy thẻ màu A4 ghi lại các kết quả thảo luận lên thẻ màu và dán lên bảng hoặc tường với các câu trả lời tương ứng với câu hỏi phía dưới.

Cách thực hiện:

- Hỏi nhóm lớn với từng câu hỏi gợi ý dưới đây.

? Tổ công tác được thành lập bởi thẩm quyền của cấp nào?

- Tổ công tác được thành lập dựa trên nguồn kinh phí đầu tư cho dự án, nguồn kinh phí lấy từ đâu, sẽ do đơn vị, cấp có thẩm quyền ở đó thành lập. Tổ công tác cần có cả các bên am hiểu về các lĩnh vực: sản xuất nông nghiệp và dinh dưỡng, sức khỏe bà mẹ trẻ em.

? Các thành phần trong tổ công tác?

Với cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và PTNT (Cục Kinh tế hợp tác và PTNT); Bộ Y tế (Viện Dinh dưỡng Quốc gia hoặc các đơn vị trong Bộ).

Với địa phương:

1. Đối với kinh phí giao cho đơn vị cấp tỉnh quản lý:

- Sở Nông nghiệp và PTNT thành lập Tổ xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng, gồm: Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi Cục PTNT hoặc 01 đơn vị được Sở phân công) chủ trì phối hợp với Sở Y tế, các Sở/Ngành có liên quan; UBND cấp huyện, xã có dự án; Tư vấn (nếu có) gồm: các chuyên gia am hiểu về lĩnh vực này (am hiểu về dinh dưỡng, sức khỏe bà mẹ trẻ em (thuộc ngành y tế) và một cán bộ am hiểu về nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, kinh tế...).

2. Đối với kinh phí giao cho đơn vị cấp huyện quản lý:

- UBND huyện thành lập Tổ xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng, gồm: Phòng Nông nghiệp (hoặc giao cho Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp) chủ trì phối hợp với Trung tâm Y tế; UBND xã, trưởng thôn/bản tham gia dự án; Tư vấn (nếu có) gồm: các chuyên gia có kinh nghiệm, am hiểu về lĩnh vực này (am hiểu về dinh dưỡng, sức khỏe bà mẹ trẻ em (thuộc ngành y tế) và một cán bộ am hiểu về nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, kinh tế...).

3. Đối với kinh phí giao cho đơn vị cấp xã quản lý:

- UBND xã phối hợp với Phòng Nông nghiệp thành lập Tổ xây dựng dự án, thành viên là đại diện Phòng Nông nghiệp và các đơn vị của xã, gồm: Nông nghiệp; Y tế; Hội nông dân; Hội phụ nữ; thôn/bản tham gia thực hiện dự án; Tư vấn (nếu có) gồm: các chuyên gia có kinh nghiệm, am hiểu về lĩnh vực này (am hiểu về dinh dưỡng, sức khỏe bà mẹ trẻ em (thuộc ngành y tế) và một cán bộ am hiểu về nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, kinh tế...).

4. Đối với các nguồn hỗ trợ khác (Từ các Tổ chức quốc tế, từ nguồn xã hội hóa,...)

- Đối với các nguồn của các tổ chức phi chính phủ, cá nhân, thực hiện theo các bước trong tài liệu này hoặc theo hướng dẫn của các tổ chức, cá nhân đó nhưng đảm bảo được đúng mục tiêu, đối tượng của Chương trình và đảm bảo đúng các quy định của Chính phủ Việt Nam.

Lựa chọn địa điểm xây dựng Dự án

Để chọn lựa các địa điểm dự án phù hợp cần:

- Thông tin về tỷ lệ về mức độ SDD, chiều cao, cân nặng, của bà mẹ và trẻ em ở vùng đó.
- Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo và dân tộc thiểu số
- Chọn theo thứ tự huyện các xã và tới các thôn xóm và các hộ, cụ thể:

Cấp	Tiêu chí
Huyện	■ Chọn huyện là các huyện nghèo, huyện có xã khu vực II, khu vực III phê duyệt duyệt tại Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ; huyện chưa đạt nông thôn mới
Xã	■ Chọn xã có tỷ lệ bà mẹ và trẻ em suy dinh dưỡng cao hơn mức trung bình trung của cả huyện
Thôn	■ Lựa chọn một số thôn (khoảng từ 2-3 thôn) có tỷ lệ suy dinh dưỡng cao; Ưu tiên các thôn có nhiều trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ trong độ tuổi mang thai. ■ Mỗi dự án nên lựa chọn tối thiểu 25 hộ tham gia để có đủ lượng mẫu thống kê khi so sánh hiệu quả, tác động của dự án, bên cạnh đó cũng phù hợp với kinh phí hỗ trợ của mỗi chương trình. Các tiêu chí chọn hộ có thể bổ sung tùy theo từng chương trình, dự án và yêu cầu của mỗi nhà tài trợ khác nhau, hoặc do mỗi tỉnh quy định bổ sung thêm

Lập danh sách hộ tham gia dự án

- Hộ có trẻ em dưới 5 tuổi hoặc hộ có bà mẹ mang thai
- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thiếu lương thực thực phẩm nhưng có điều kiện sản xuất (do cộng đồng bình chọn).
- Việc lập các đối tượng tham gia dự án bao gồm các thông tin cụ thể như địa chỉ, điều kiện kinh tế, lao động trong độ tuổi lao động, trẻ em dưới 2 tuổi, phụ nữ trong độ tuổi sinh sản, phụ nữ đang mang thai.

(Xem chi tiết trong phụ lục 2)

Đánh giá hiện trạng và xác định nhu cầu sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng

1. Thu thập thông tin cấp xã

- Thu thập thông tin có liên quan từ xã, hộ gia đình tham gia dự án để đánh giá hiện trạng, tiềm năng về sản xuất nông nghiệp và tình trạng dinh dưỡng từ đó xác định phương hướng sản xuất và nhu cầu dinh dưỡng của người dân.
- Thu thập thông tin cơ bản của xã về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, tình hình về sản xuất nông nghiệp, thu nhập, ...của xã tham gia dự án.

(Xem chi tiết trong phụ lục 3)

2. Thu thập thông tin của hộ gia đình

- Thu thập thông tin về điều kiện sản xuất nông nghiệp và tình trạng dinh dưỡng của hộ tham gia dự án.
- Cách thức tiến hành: Tổ công tác mời các hộ tham gia dự án họp để phỏng vấn thu thập những số liệu cần thiết.
- Thành phần tham dự: Tất cả các hộ đủ điều kiện tham gia dự án.
- Nội dung cuộc họp: Tổ công tác thông báo cho người dân về mục đích, yêu cầu, nội dung cần khảo sát.
- Phỏng vấn thu thập thông tin: Chia thành viên tổ công tác và người dân làm 2 nhóm để thực hiện phỏng vấn thu thập thông tin.
 - Nhóm về nông nghiệp: Do cán bộ nông nghiệp chủ trì, thu thập tình hình sản xuất và thu nhập của người dân.
 - Nhóm thu thập số liệu về dinh dưỡng: Do cán bộ Y tế chủ trì, thu thập các số liệu về khẩu phần ăn và dinh dưỡng.

(Xem chi tiết trong phụ lục 4)

3. Tổng hợp phân tích thông tin cấp xã về hiện trạng hệ thống sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng

Tổng hợp số liệu thu thập được có liên quan vào mẫu biểu:

- Khả năng về sản xuất của các hộ tham gia dự án: Đánh giá tình hình về sản xuất và thu nhập của các hộ, khả năng sản xuất đối với từng hộ và trên địa bàn, những hộ khó khăn không thể tổ chức sản xuất được thì phải thiết lập được hệ thống dịch vụ cung ứng lương thực, thực phẩm.
- Điều kiện dinh dưỡng: Căn cứ vào số liệu điều tra về chỉ số sức khỏe, khẩu phần dinh dưỡng của người dân đặc biệt là đối với trẻ em (chiều cao, cân nặng...) để xác định mức độ suy dinh dưỡng và khẩu phần dinh dưỡng từ đó hướng dẫn, tập huấn cho người dân sử dụng khẩu phần dinh dưỡng hợp lý, chăm sóc sức khỏe để cải thiện tình trạng sức khỏe cho người dân.
- Lập biểu tình hình sản xuất nông nghiệp và hiện trạng dinh dưỡng.



Xây dựng nội dung dự án

Mục đích:

- Hoàn thành việc viết thông tin dự án trên cơ sở phân tích hiện trạng và nhu cầu của người dân địa phương (Bước 4), sử dụng mẫu gợi ý trong tài liệu này.

Các hoạt động cần tiến hành:

- Tổ chức hội thảo xây dựng dự án:
 - Trình bày kết quả phân tích: hiện trạng kinh tế xã hội của địa bàn, tình trạng nghèo đói, tình trạng suy dinh dưỡng, kiến thức và thực hành dinh dưỡng của hộ gia đình và phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ...
 - Thảo luận về các vấn đề khó khăn và nguyên nhân.
 - Thảo luận về các giải pháp và nguồn lực.

■ Xây dựng khung dự án gồm có:

1. Mục tiêu tổng thể: Ví dụ, “Xây dựng mô hình sinh kế bền vững cho xx hộ gia đình tại thôn ABC nhằm đảm bảo dinh dưỡng cho yy trẻ em và zz phụ nữ mang thai”.
2. Mục tiêu cụ thể:
 - ▶ Mục tiêu 1: Tăng cường nhận thức và kiến thức và thực hành dinh dưỡng cho xx hộ gia đình tại thôn ABC...
 - ▶ Mục tiêu 2: Xây dựng mô hình chăn nuôi gà sử dụng đệm lót sinh học đảm bảo thực phẩm có sẵn cho yy hộ gia đình tại thôn ABC...
3. Thời gian triển khai dự án
4. Dự kiến số người hưởng lợi
5. Các kết quả đầu ra cần đạt được:
 - ▶ Đến tháng...năm..., xx người dân được tập huấn và thực hành về kiến thức dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và trẻ em dưới 2 tuổi.
 - ▶ Đến tháng...năm..., yy người dân được tập huấn kỹ thuật về trồng trọt/chăn nuôi.
 - ▶ Đến tháng...năm..., zz hộ gia đình được hỗ trợ vật tư vật liệu để tiến hành mô hình nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng
6. Các hoạt động của dự án: Liệt kê các hoạt động dự kiến cần triển khai để đạt được các kết quả đầu ra, từ đó sẽ đóng góp cho việc đạt được các mục tiêu của dự án, ví dụ: truyền thông, tập huấn, hỗ trợ vật tư, hỗ trợ con giống, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm...

(Chi tiết mẫu dự án trong phụ lục 4)

 Lấy ý kiến góp ý về nội dung dự án

Mục đích:

- Đảm bảo thiết kế dự án phù hợp với bối cảnh địa phương và nhu cầu của người dân cũng như các chính sách hiện hành.

Các hoạt động cần tiến hành:

- Đơn vị thực hiện dự án cần tổ chức họp với các hộ tham gia dự án; với lãnh đạo thôn, xã triển khai dự án để ý kiến đóng góp. UBND xã cần có xác nhận vào danh sách các hộ tham gia, danh sách cam kết đóng góp hay đối ứng của người dân tham gia dự án.



Mục đích:

- Đảm bảo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phân bổ ngân sách để triển khai.

Các hoạt động cần tiến hành:

- Thủ trưởng đơn vị (Chủ tịch UBND xã, Trưởng các đoàn thể, phòng ban...) trình cấp có thẩm quyền xem xét và phê duyệt dự án.
- Tổ chức hội thảo trình bày và phản biện dự án (nếu được yêu cầu).
- Cấp có thẩm quyền tiến hành rà soát, phản hồi và ra quyết định phê duyệt khi dự án thỏa mãn các yêu cầu của một dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.
- Phân bổ kinh phí dự án từ các nguồn ngân sách hiện có (Chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách phát triển kinh tế xã hội hàng năm, kinh phí dự án, kinh phí ngành, kinh phí xã hội hóa...).

Nguyên tắc phê duyệt dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng:

- Về nội dung dự án: Phải đảm bảo các hoạt động sản xuất, sơ chế, chế biến nông nghiệp có phục vụ việc đảm bảo toàn bộ hoặc một phần dinh dưỡng trong khẩu phần ăn, uống của phụ nữ và trẻ em trong các hộ tham gia.
- Về kinh phí: Từ ngân sách nhà nước (từ nguồn các Chương trình MTQG, các dự án khác,...); nguồn huy động (các tổ chức Quốc tế, nguồn xã hội hóa,...) và nguồn đối ứng của người dân (Có một phần kinh phí đối ứng từ các hộ tham gia dự án, cũng có thể quy đổi tiền đối ứng từ công lao động, vật liệu tại chỗ, tiền điện, nước... và phần đối ứng đó không tính bất kỳ một loại thuế nào; UBND xã là đơn vị xác nhận phần đối ứng đó của các hộ dân là có thật bằng một giấy xác nhận đi kèm trong hồ sơ dự án, đó cũng là căn cứ để phê duyệt dự án, nghiệm thu và thanh lý dự án).
- Cơ quan phê duyệt: dự án có thể được phê duyệt ở các cấp khác nhau, cấp nào, hay tổ chức nào cấp kinh phí thì có quyền phê duyệt dự án, đánh giá và nghiệm thu dự án.



Thảo luận nhóm – Chia 4 nhóm thảo luận về 4 chiến lược của dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng



Các nội dung truyền đạt chính gồm:

1. Chiến lược gia tăng nguồn cung thực phẩm

Nếu rào cản liên quan đến việc cung ứng thực phẩm thì chiến lược nâng cấp chuỗi giá trị nông nghiệp dinh dưỡng có thể áp dụng bao gồm:

- Chiến lược nâng cấp sản phẩm và quy trình sản xuất: Bao gồm đầu tư vào các lĩnh vực khác nhau của chuỗi giá trị như nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả và tính ổn định của quy trình sản xuất.
- Chiến lược cải thiện chức năng: Bao gồm đầu tư giúp nhà sản xuất có thể thực hiện các hoạt động nhằm gia tăng giá trị sản phẩm như chế biến, đóng gói để tăng thị phần trong giá thành.
- Chiến lược cải thiện điều phối và mô hình kinh doanh: Bao gồm những can thiệp nhằm đẩy mạnh sự liên kết giữa các thành viên trong chuỗi giá trị. Nó bao gồm quan hệ theo chiều ngang (như giữa nông dân với tổ hợp tác) hoặc theo chiều dọc (hợp đồng kết nối nông dân với người chế biến và người mua).
- Những chiến lược cải thiện chuỗi giá trị này có thể giúp gia tăng nguồn cung thực phẩm trong hệ thống nhờ việc sản xuất có hiệu quả và quy trình chuyển đổi nhằm cải thiện kết nối trong chuỗi. Nhờ đó, nó cũng giúp cải thiện những điều kiện liên quan đến dinh dưỡng như gia tăng sự sẵn có của thực phẩm trên thị trường, đảm bảo cung cấp quanh năm với giá cả chấp nhận được.

2. Chiến lược nhằm gia tăng giá trị dinh dưỡng theo chuỗi

- Các rào cản ảnh hưởng đến chuỗi giá trị nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng của các sản phẩm cụ thể như các vấn đề liên quan đến ATTP, hao hụt lãng phí thực phẩm. Các can thiệp có thể cân nhắc là đa dạng sinh học, vật nuôi, cây trồng, quá trình chế biến và đóng gói để giữ được chất dinh dưỡng, bảo quản và vận chuyển thực phẩm an toàn.
- Tiếp cận chuỗi giá trị nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng cũng giữ vai trò quan trọng, đây là các thành tố chính trong hệ thống thực phẩm, bao gồm cả phía cung lẫn phía cầu về thực phẩm. Về phía cung, các can thiệp nhằm đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng bao gồm tạo ra lương thực thực phẩm, chế biến, phân phối và tiếp thị sản phẩm. Về phía cầu, cần tìm hiểu được những yếu tố nào ảnh hưởng đến nhu cầu của người tiêu thụ lương thực thực phẩm, tần suất, mức tiêu thụ và tại sao họ làm như vậy.
- Cách tiếp cận theo chuỗi giá trị sẽ làm rõ được sự phức tạp của hệ thống thực phẩm và xác định được những cơ hội để có thể định hướng hệ thống thực phẩm theo chiều hướng có lợi cho dinh dưỡng bằng cách can thiệp vào các giai đoạn của chuỗi giá trị. Mô hình chuỗi giá trị nông nghiệp dinh dưỡng nhằm loại bỏ những rào cản được xác định ảnh hưởng đến vấn đề cung và cầu của các thực phẩm đặc thù để giải quyết vấn đề dinh dưỡng của cộng đồng.

3. Chiến lược nhằm gia tăng nhu cầu về lương thực thực phẩm

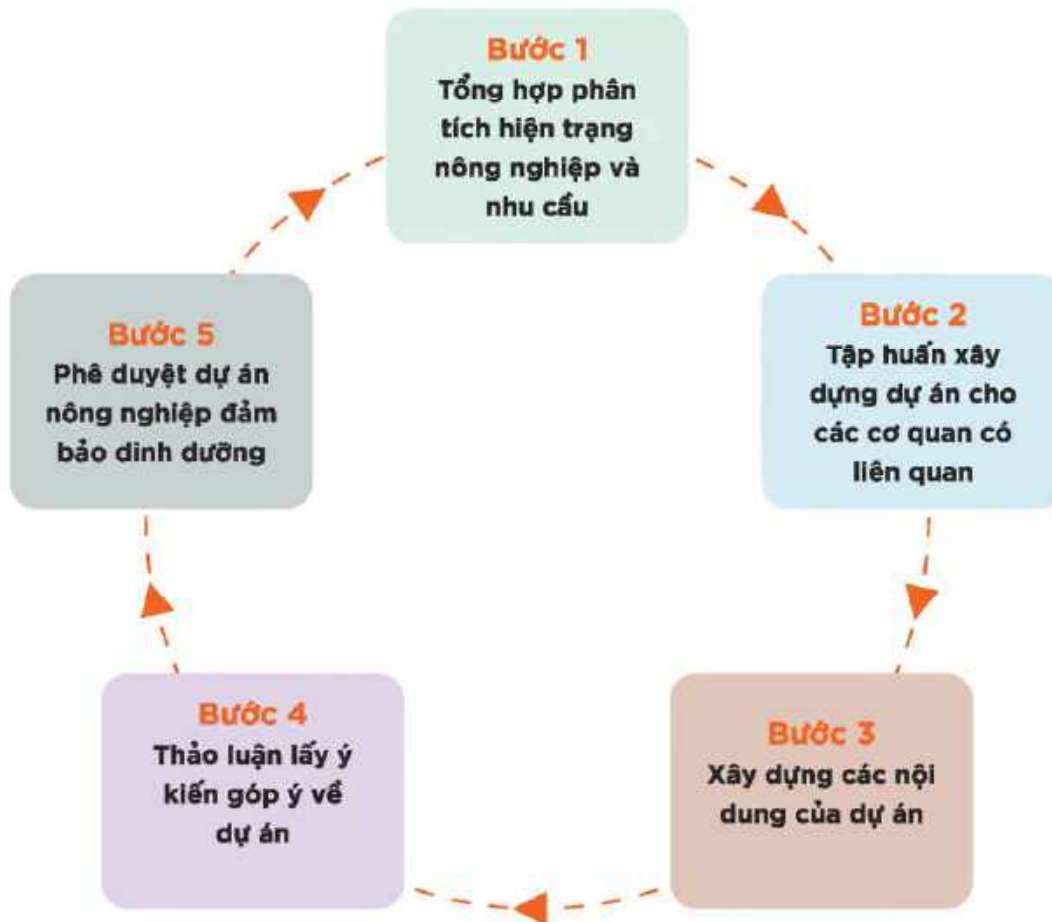
- Nếu nhu cầu sử dụng một loại thực phẩm nào có lợi về dinh dưỡng thấp được xác định là rào cản chính thì can thiệp cần hướng tới tạo hoặc gia tăng nhu cầu. Để tạo nhu cầu trong mô hình chuỗi giá trị nông nghiệp dinh dưỡng, giải pháp không chỉ đơn thuần là đáp ứng nhu cầu mà nó cần phải suy xét một cách hệ thống để làm sau đó giải quyết được vấn đề dinh dưỡng đã được xác định ở nhóm dân cư đích, nó có thể gồm việc khuyến khích nhu cầu thông qua các chiến dịch tiếp thị xã hội, nâng cao nhận thức về dinh dưỡng, truyền thông thay đổi hành vi, đẩy mạnh thực hành vệ sinh và cách chế biến món ăn dinh dưỡng (thông qua các lớp học nấu ăn và xây dựng thực đơn).

4. Chiến lược phát triển nông thôn và dinh dưỡng

- Thúc đẩy phát triển nông thôn phải là một thành phần quan trọng trong mục tiêu xây dựng Dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng. Phát triển nông thôn trong Dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng là các biện pháp tăng trưởng nông nghiệp, an ninh lương thực, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng cường liên kết giữa nông nghiệp và khu vực phi nông nghiệp ở nông thôn, là các biện pháp cải thiện khả năng tiếp cận lương thực của nhóm cư dân đích.

Câu hỏi - Chu trình xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng bao gồm những bước nào?

Các nội dung cần truyền đạt bao gồm 5 bước sau:



1. Tổng hợp phân tích hiện trạng nông nghiệp và nhu cầu

■ Tổng hợp kết quả phân tích hiện trạng và đánh giá nhu cầu của người dân về Dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tại các địa phương. Các phiếu đánh giá hiện trạng và kết quả xác định nhu cầu dinh dưỡng ở bước 2 để xây dựng dự án sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng. Dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng bao gồm các thông tin cơ bản như tên dự án, sự cần thiết của dự án, căn cứ xây dựng dự án, phạm vi, đối tượng của dự án, đơn vị quản lý dự án, mục tiêu và các nội dung, giải pháp của dự án.

(xem chi tiết tại phụ lục 5).

2. Tập huấn xây dựng dự án cho các cơ quan có liên quan

■ Tập huấn xây dựng Dự án: Các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước cần tổ chức các lớp tập huấn về xây dựng Dự án tới các cán bộ tham gia. Mục tiêu của lớp tập huấn là giúp Cán bộ tham gia xây dựng dự án có đủ kiến thức lập được Dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng đáp ứng yêu cầu từ việc xây dựng mục tiêu, kế hoạch và tổ chức thực hiện cũng như hoạt động giám sát đánh giá việc thực hiện dự án.

3. Xây dựng các nội dung của dự án

- Chủ trì Dự án sẽ thực hiện việc xây dựng Dự án tùy nguồn kinh phí được phân bổ cho các cấp quản lý. Từ năm 2021 kinh phí sẽ gồm có thể là kinh phí của Bộ NN và PTNT, kinh phí của tỉnh có hỗ trợ của Bộ NN và PTNT hoặc kinh phí 100% của tỉnh, tùy điều kiện địa phương. Dự án cần có các nội dung chủ yếu như: Mục tiêu, đối tượng, kế hoạch hành động và các bước thực hiện, cơ quan tổ chức tham gia, thực hiện dự án. Các nội dung chính của dự án phải đảm bảo:

3.1. Các hộ có đủ lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng quanh năm

a. Cơ bản hộ có đủ lương thực

- Đánh giá hiện trạng: Phân tích các số liệu thu thập qua khảo sát để đánh giá điều kiện sản xuất lương thực của các hộ tham gia dự án từ đó đánh giá có:

- Số hộ có đủ lương thực cho cả năm
- Số hộ thiếu lương thực
- Số hộ thiếu thực phẩm
- Tổng số lương thực còn thiếu của các hộ dân tham gia dự án

■ Giải pháp bù đắp:

- Giải pháp kỹ thuật: Áp dụng biện pháp thâm canh tăng năng suất và sử dụng giống mới để nâng cao năng suất và sản lượng lương thực.
- Biện pháp mở rộng diện tích sản xuất lương thực: Bằng các biện pháp tăng vụ, mở rộng diện tích sản xuất.
- Thúc đẩy sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi khác có lợi thế ở địa phương để người dân có thể tạo thu nhập, mua lương lương thực bù đắp cho số còn thiếu.
- Kết nối thị trường giúp người dân tiêu thụ sản phẩm và mua lương thực bù đắp cho số lương thực còn thiếu.
- Kết nối hệ thống cứu trợ (qua hội chữ thập đỏ, Quỹ hỗ trợ Quốc gia) biện pháp này chỉ thực hiện khi người dân không tự sản xuất hoặc không có khả năng mua đủ lương thực cần thiết ở những vùng đặc biệt khó khăn hoặc do thiên tai thời tiết để bù đắp cho số lương thực còn thiếu.

b. Đảm bảo cung ứng thực phẩm: Rau, củ, quả; các loại thịt gia cầm gia súc, thủy sản

■ Đánh giá hiện trạng:

- Số lượng thực phẩm do người dân đang sản xuất ở địa phương.
- Xác định mức thiếu hụt số lượng thực phẩm cần bù đắp trên cơ sở căn cứ vào yêu cầu dinh dưỡng (theo chỉ tiêu dinh dưỡng của ngành Y tế).
- Xem xét khả năng lợi thế sản xuất thực phẩm ở địa phương để tổ chức sản xuất cho các hộ gia đình.

■ Các giải pháp bù đắp:

- › Tổ chức sản xuất cho người dân:
 - Phát triển sản xuất trong từng hộ gia đình như: Trồng rau, trồng cây ăn quả, chăn nuôi gia cầm, gia súc, nơi có điều kiện có thể phát triển thủy sản (nuôi tôm, cá...)
 - Kết nối thị trường mua bán các loại sản phẩm do người dân sản xuất ra.
 - Bán các loại sản phẩm sản xuất dư thừa và mua những loại còn thiếu cho khẩu phần ăn gia đình.

3.2. Giám suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi

■ Đánh giá hiện trạng:

- › Tình hình ảnh hưởng đến sức khỏe người dân, như chương trình chăm sóc sức khỏe, phòng trừ dịch bệnh, nước sạch vệ sinh môi trường.
- › Thể trạng người dân: Chiều cao, cân nặng.
- › Tình hình dinh dưỡng của người dân: Sử dụng lương thực thực phẩm, khẩu phần ăn.

■ Đánh giá nguyên nhân ảnh hưởng đến tình trạng trên:

- › Không đủ ăn nên thiếu dinh dưỡng.
- › Nhận thức chưa đúng của người dân về dinh dưỡng

■ Giải pháp khắc phục:

- › Khuyến cáo đẩy mạnh thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe, phòng trừ dịch bệnh...
- › Đề xuất giải quyết tình trạng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, bảo vệ môi trường...
- › Tập huấn, tuyên truyền về dinh dưỡng cho người dân, bảo quản chế biến lương thực thực phẩm, sử dụng khẩu phần ăn đảm bảo dinh dưỡng.
- › Tập huấn cho người dân biết lập kế hoạch của hộ gia đình về chuẩn bị số lượng lương thực, thực phẩm để sử dụng đủ cho hàng ngày, tháng và cả năm.

3.3. Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm bền vững

a. Phát triển hệ thống lương thực và thực phẩm bền vững:

■ Phát triển hệ thống lương thực thực phẩm tại chỗ:

- › Áp dụng các nội dung và giải pháp như ở mục (1)
- › Xây dựng hệ thống cung ứng lương thực: Đối với các hộ không thể tự sản xuất lương thực hoặc do thiên tai, căn cứ vào mức độ thiếu hụt của người dân tham gia dự án, tổ công tác lập nhu cầu cần hỗ trợ về số lượng, thời gian, và báo cáo UBND xã để xã tổng hợp báo cáo huyện, tỉnh. Trên cơ sở đó các cấp có thẩm quyền lập kế hoạch hỗ trợ cho người dân nhu cầu thiếu hụt lương thực theo chương trình cứu đói của Chính phủ.

b. Xây dựng tổ hợp tác:

- Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn xây dựng Tổ hợp tác/HTX; Phòng nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, UBND xã hướng dẫn giúp đỡ xây dựng tổ hợp tác cho các hộ tham gia dự án (trình tự thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật).
- Giai đoạn ban đầu có thể hình thành tổ hợp tác trên cơ sở tự nguyện thành lập như tổ hợp tác theo hình thức nhóm sở thích hoặc câu lạc bộ (Câu lạc bộ nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng thôn....) sau đó phát triển thành tổ hợp tác theo Nghị định 79/2007/NĐ-CP của Chính phủ hoặc có thể tiến tới thành lập các HTX nông nghiệp theo luật HTX năm 2012.
- Các hộ tham gia dự án cam kết 100% tham gia tổ hợp tác và thực hiện đúng quy chế của tổ hợp tác.

3.4. Không còn thất thoát hoặc lãng phí lương thực, thực phẩm

■ Đánh giá hiện trạng:

- Thu hoạch sản phẩm: Cách thu hoạch (thủ công, máy); thời điểm thu hoạch vào giai đoạn nào của cây trồng, vật nuôi để làm giảm thất thoát, chất lượng của lương thực, thực phẩm trên đồng ruộng.
- Bảo quản lương thực thực phẩm: Kho bảo quản, thời gian bảo quản, cách thức bảo quản.
- Cách sử dụng: Hình thức chế biến, cách tính toán số lượng lương thực, thực phẩm hợp lý trong bữa ăn hàng ngày ở hộ gia đình.

■ Giải pháp khắc phục: Tập trung truyền truyền, tập huấn cho người dân những nội dung sau:

- Tăng cường bảo quản lương thực thực phẩm: Tập trung chủ yếu cho bảo quản lương thực (thu hoạch lương thực đúng thời điểm để tránh hao hụt, phải có nơi chứa đựng và bảo quản phù hợp, có kỹ thuật bảo quản).
- Sử dụng khẩu phần dinh dưỡng hợp lý:
 - (i) Người dân phải hiểu được nhu cầu dinh dưỡng của từng đối tượng trong gia đình để từ đó có kế hoạch sản xuất, mua bán, trao đổi để có đủ lượng lương thực thực phẩm cho tháng, năm đối với gia đình.
 - (ii) Sử dụng lương thực thực phẩm cho các đối tượng trong gia đình của bữa ăn hàng ngày hợp lý, đủ lượng, đáp ứng được nhu cầu dinh dưỡng, tránh thừa thãi, giảm hàm lượng dinh dưỡng của lương thực thực phẩm dẫn đến lãng phí trong quá trình sử dụng.
- Xây dựng kế hoạch sử dụng lương thực thực phẩm hợp lý: Người dân phải biết cách lập kế hoạch (ngày, tháng và cả năm) về sử dụng lương thực thực phẩm cho người, vật nuôi hợp lý để tránh tình trạng sử dụng lãng phí, bữa bãi dẫn đến thiếu hụt.

4. Thảo luận lấy ý kiến góp ý về dự án

- Họp dân lấy ý kiến tham gia Dự án: Dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng là dự án hướng đến người hưởng lợi là người dân địa phương vùng khó khăn nên Dự án được xây dựng trên cơ sở có sự tham gia của người dân. Do đó đơn vị chủ trì Dự án cần tổ chức họp dân để lấy ý kiến tham gia dự án.

5. Phê duyệt Dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng

Nguyên tắc phê duyệt Dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng:

1. Về nội dung dự án: Phải đảm bảo các hoạt động sản xuất, sơ chế, chế biến nông nghiệp có phục vụ việc đảm bảo toàn bộ hoặc một phần dinh dưỡng trong khẩu phần ăn, uống của phụ nữ và trẻ em trong các hộ tham gia
2. Về kinh phí: Có một phần kinh phí đối ứng từ các hộ tham gia dự án, cũng có thể quy đổi tiền đối ứng từ công lao động, vật liệu tại chỗ, tiền điện, nước... và phần đối ứng đó không tính bất kỳ một loại thuế nào; UBND xã là đơn vị xác nhận phần đối ứng đó của các hộ dân là có thật bằng một giấy xác nhận đi kèm trong hồ sơ dự án, đó cũng là căn cứ để phê duyệt dự án, nghiệm thu và thanh lý dự án.
3. Cơ quan phê duyệt: dự án có thể được phê duyệt ở các cấp khác nhau, cấp nào, hay tổ chức nào cấp kinh phí thì có quyền phê duyệt dự án, đánh giá và nghiệm thu dự án.
4. Báo cáo kết quả thực hiện dự án với các cơ quan quản lý: UBND xã sẽ là đơn vị tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện dự án trên địa bàn xã mình với tất cả các cơ quan quản lý, các nhà tài trợ (nếu có yêu cầu).

(Xem mẫu tờ trình xin phê duyệt dự án nông nghiệp dinh dưỡng trong phụ lục 6)

TÓM TẮT BÀI HỌC

1. Tiếp cận xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng. Trong Dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng gồm 3 hợp phần chính cần tiếp cận:

- Cải thiện an ninh thực phẩm hộ gia đình;
- Can thiệp để đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp và nâng cao thu nhập;
- Tăng cường truyền thông giáo dục nâng cao kiến thức, kỹ năng về chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ;
- Cải thiện tình hình vệ sinh ATTP;
- Cải thiện bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng.

2. xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng cần tiến hành chuẩn bị theo 7 bước sau:

- Thành lập tổ công tác thực hiện việc khảo sát xây dựng dự án;
- Lựa chọn địa điểm xây dựng dự án;
- Lập danh sách hộ tham gia dự án;
- Đánh giá hiện trạng và xác định nhu cầu sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng;
- Xây dựng nội dung dự án;
- Lấy ý kiến góp ý về nội dung dự án;
- Phê duyệt dự án và xây dựng kinh phí.

3. Chiến lược nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng gồm 4 chiến lược chính

- Chiến lược gia tăng nguồn cung thực phẩm;
- Chiến lược nhằm gia tăng giá trị dinh dưỡng theo chuỗi;
- Chiến lược nhằm gia tăng nhu cầu về lương thực thực phẩm;
- Chiến lược phát triển nông thôn và dinh dưỡng.

4. Chu trình xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng bao gồm 5 bước chính sau:

- Bước 1: Tổng hợp phân tích hiện trạng nông nghiệp và nhu cầu;
- Bước 2: Tập huấn xây dựng dự án cho các cơ quan có liên quan;
- Bước 3: Xây dựng các nội dung của dự án;
- Bước 4: Thảo luận lấy ý kiến góp ý về dự án;
- Bước 5: Phê duyệt Dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.



Kế hoạch bài giảng

Nội dung bài học gồm 2 phần chính sau:

1. Nguyên tắc tổ chức thực hiện
2. Vai trò của các bên tham gia thực hiện Dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng đơn vị quản lý các cấp trong dự án
3. Triển khai thực hiện các nội dung, hoạt động của dự án
4. Một số lưu ý khi tổ chức thực hiện dự án



Mục tiêu học tập

Vào cuối bài học này, học viên có thể:

1. Nắm được các nguyên tắc tổ chức thực hiện dự án
2. Nắm được các đơn vị tham gia Dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng
3. Nắm rõ vai trò của các bên tham gia thực hiện dự án.
4. Nắm được cách thức và một số lưu ý trong triển khai các nội dung, hoạt động của dự án



Chuẩn bị bài giảng và các đồ dùng

Các đồ dùng/công cụ cần chuẩn bị cho bài giảng:

1. Bảng kẹp giấy, giấy và bút viết giấy và viết bảng
2. Poster/sơ đồ về ô vuông thức ăn và 4 nhóm thực phẩm
3. Giấy màu (4 màu) cắt đôi hoặc 3
4. Giấy A0, Băng dán giấy, kéo ...



Các nội dung cần truyền đạt bao gồm 5 bước sau:

- Việc thực hiện dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng cần huy động sự tham gia của các cấp, các ngành, các tổ chức trong và ngoài nước. Trong đó ngành Y tế và Nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo, điều phối hoạt động.
- Nguồn kinh phí để xây dựng dự án (hay mô hình) Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng cần được các cấp quản lý (xã, huyện, tỉnh) phân bổ từ các chương trình, dự án hàng năm. Đặc biệt là cần có sự lồng ghép các nguồn vào các hoạt động của dự án để triển khai, thực hiện.
- Các tổ quốc tế và trong nước, các tổ chức phi chính phủ, các nhà tài trợ có thể dựa trên nội dung hướng dẫn này để cùng xây dựng hoặc tài trợ các dự án (mô hình) đảm bảo dinh dưỡng tại các địa phương.
- UBND cấp huyện có thể ủy quyền cho các cơ quan chuyên môn thực hiện việc giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện các dự án (hay mô hình) Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng với các cấp.
- UBND cấp xã là đơn vị chủ trì các dự án từ ngân sách hợp pháp thuộc các chương trình mà xã quản lý hoặc xã nhận tài trợ; chịu trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện các dự án (hay mô hình) nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng với cấp trên.

Cách thức thực hiện:

- Chia lớp thành 4 nhóm mỗi nhóm thảo luận về vai trò của 2 đơn vị quản lý (có 1 nhóm thảo luận 1 đơn vị). Tất cả các ý kiến được ghi chép trên thẻ màu và được dán lại vào A0, hoặc ghi lại trên A0. Giảng viên sẽ chốt lại các thông tin đúng cho phần thảo luận.

? Đơn vị quản lý này có vai trò gì trong việc thực hiện dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng?

2.1 Bộ Nông nghiệp và PTNT (Cục Kinh tế hợp tác và PTNT, Văn phòng Thường trực BCD Quốc gia Không còn nạn đói):

- Là cơ quan giúp Bộ NNPTNT và Ban Chỉ đạo Quốc gia triển khai chương trình.
- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chuyên môn thuộc Bộ y tế, các tổ chức trong nước và quốc tế để triển khai chương trình.
- Tổ chức các hội thảo hội nghị cấp quốc gia để triển khai chương trình.
- Hướng dẫn các đơn vị, địa phương hiểu và tham gia chương trình.
- Phối hợp với Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Ủy ban dân tộc để xuất bổ trí nguồn kinh phí để thực hiện các dự án dinh dưỡng.
- Phối hợp với các đơn vị chuyên môn thuộc Bộ Y tế, các tổ chức trong nước và quốc tế để triển khai chương trình và xây dựng dự án.
- Tổ chức tập huấn và hướng dẫn cho cán bộ các cấp tham gia dự án thực hiện các bước khảo sát, xây dựng, tổ chức thực hiện, đánh giá giám sát, tổng kết dự án và người dân biết cách xây dựng dự án, thực hành sử dụng dinh dưỡng hợp lý, an ninh thực phẩm hộ gia đình.
- Phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương kiểm tra, giám sát đánh giá quá trình thực hiện dự án ở các địa phương và đề xuất, kiến nghị với Ban Chỉ đạo kịp thời xử lý những vướng mắc trong quá trình thực hiện chương trình.
- Xây dựng tài liệu hướng dẫn và các văn bản chỉ đạo khác.

2.2 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Phối hợp với Sở Y tế và các Sở/ngành có liên quan để xây dựng kế hoạch, đề xuất kinh phí với UBND tỉnh, Hội đồng nhân dân để triển khai dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng theo giai đoạn ngắn hạn trung hạn và dài hạn.
- Thực hiện các bước xây dựng và trình duyệt dự án theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
- Tổ chức tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn cho chính quyền các cấp, cán bộ, người dân hiểu và biết cách triển khai chương trình và dự án (mô hình) đáp ứng được mục tiêu.
- Phối hợp với các Sở/ngành có liên quan chỉ đạo UBND huyện, đơn vị được giao thực hiện dự án triển khai dự án đảm bảo về mục tiêu, nội dung, tiến độ dự án được phê duyệt.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá tổng kết dự án và báo cáo với UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

2.3 Sở y tế:

- Phối hợp với Sở NN PTNT cùng triển khai các nội dung, hoạt động của chương trình.
- Chỉ đạo các đơn vị trong Sở theo ngành dọc để cùng tham gia thực hiện các dự án (mô hình) nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh.
- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn cấp huyện, xã, thôn/bản và người dân xây dựng được dự án (mô hình), thực hành sử dụng dinh dưỡng hợp lý, an ninh thực phẩm hộ gia đình. đáp ứng được mục tiêu của Chương trình.
- Tham gia phối hợp cùng các đoàn theo dõi, đánh giá giám sát việc thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh do Sở NNPTNT chủ trì.

2.4 Chi cục Phát triển nông thôn (hoặc đơn vị được Sở Nông nghiệp và PTNT giao chủ trì):

- Tham gia tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn cấp huyện, xã và các tổ chức hỗ trợ xây dựng dự án hiểu về chương trình không còn nạn đói và định hướng giúp xác định các hoạt động phù hợp trong các dự án (mô hình) Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.
- Đề xuất việc thành lập đoàn khảo sát trình Sở NNPTNT phê duyệt và chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện khảo sát đánh giá thực trạng về sản xuất và dinh dưỡng của người dân với nguồn kinh phí của trung ương giao hoặc của tỉnh.
- Lập dự án trình Sở NNPTNT trình UBND tỉnh phê duyệt.
- Phối hợp với các đơn vị có liên quan và người dân tổ chức thực hiện dự án đảm bảo mục tiêu, hiệu quả và tiến độ đã được phê duyệt.
- Quyết toán phần kinh phí thực hiện dự án và tổng hợp báo cáo kết quả với Sở NNPTNT; báo cáo với các nhà tài trợ khác nếu sử dụng kinh phí của họ.

2.5 UBND các huyện:

- Chỉ đạo Phòng NNPTNT; Trung tâm y tế dự phòng; UBND các xã cùng tham gia xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện các dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng trên địa bàn.
- Chỉ đạo lồng ghép các chương trình để có ngân sách, kinh phí triển khai thực hiện các dự án (mô hình) nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng trên địa bàn.
- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT (đơn vị được Sở nông nghiệp PTNT giao chủ trì) thực hiện các hoạt động khác của dự án trên địa bàn.

2.6 Các phòng ban cấp huyện (Y tế, Nông nghiệp, Kinh tế):

- Lồng ghép các chương trình nông nghiệp, dinh dưỡng, phòng chống dịch bệnh cho người dân và trẻ em để thực hiện dự án.
- Tham gia tập huấn về lựa chọn hoạt động nông nghiệp, dinh dưỡng, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường.
- Tham gia xây dựng, theo dõi, giám sát việc thực hiện dự án, đánh giá tổng kết dự án và báo cáo các cấp.

2.7 UBND xã:

- Chủ trì triển khai dự án với nguồn kinh phí từ các chương trình của chính phủ, của tỉnh và các tổ chức, cá nhân khác.
- Trực tiếp hoặc tham gia vào quá trình xây dựng dự án.
- Phối hợp hướng dẫn thành lập tổ hợp tác, HTX khi cần thiết để triển khai dự án (mô hình).
- Tham gia đánh giá tổng kết dự án và báo cáo với các cấp.

2.8 Các tổ chức phi chính phủ, nhà tài trợ:

- Hỗ trợ đối tác địa phương xây dựng dự án.
- Tiếp nhận đề xuất dự án và xem xét tài trợ nếu thấy phù hợp với các chương trình/ dự án đang triển khai.
- Tư vấn cho Văn phòng Không còn nạn đói và các đối tác liên quan trong quá trình biên soạn tài liệu, xây dựng dự án, triển khai, giám sát và đánh giá.

2.9 Người dân:

- Có trách nhiệm tham gia thực hiện theo hướng dẫn của dự án
- Được hưởng lợi từ các hoạt động của dự án.

PHẦN 3: TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG, HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN

- Căn cứ vào thuyết minh dự án chi tiết được phê duyệt. Đơn vị thực hiện dự án tổ chức thực hiện Dự án theo đúng tiến độ, nội dung phê duyệt.
- Các hoạt động của Dự án sẽ được hỗ trợ, theo dõi và giám sát thực hiện thông qua chính quyền địa phương, người hưởng lợi trực tiếp và gián tiếp của Dự án và một số nhà tài trợ.
- Trong quá trình triển khai Dự án, để bám sát được nội dung Dự án, đơn vị thực hiện nên triển khai một hệ thống theo dõi để liên tục cập nhật tiến độ thực hiện so với thuyết minh dự án được phê duyệt như số lượng hoạt động, đầu ra đã triển khai so với kế hoạch; số lượng đối tượng hưởng lợi đã tham gia các hoạt động so với kế hoạch; tiến độ chỉ tiêu cho các hạng mục so với kế hoạch.
- Tham khảo khung logic thực hiện dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng trong.

(Tham khảo thêm Phụ lục 6)

PHẦN 4: MỘT SỐ LƯU Ý KHI TỔ CHỨC, THỰC HIỆN DỰ ÁN CỦA DỰ ÁN

- Hình thức hỗ trợ: Khi cấp phát bắt buộc phải bằng hiện vật, tuyệt đối không hỗ trợ bằng tiền mặt để hộ dân tự mua (Khi mua giống, thiết bị và vật tư cần chú ý mua đúng chủng loại và chất lượng).
- Tài liệu hóa mô hình: Bên cạnh những mô hình điểm, Đơn vị thực hiện Dự án cần tài liệu hóa những kết quả của mô hình như Báo cáo về kết quả thực hiện mô hình điểm, Tài liệu tuyên truyền; Sổ tay hướng dẫn thực hiện mô hình nông nghiệp dinh dưỡng (nếu có).
- Định kỳ đơn vị thực hiện Dự án phải báo cáo về Cục Kinh tế hợp tác và PTNT để nắm được nội dung, tiến độ triển khai công việc.



TÓM TẮT BÀI HỌC

Các đơn vị tham gia thực hiện dự án bao gồm:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (Cục kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, Văn phòng thường trực BCĐ không còn nặn đối);
- Sở Y tế và Sở NN và PTNT;
- UBND các huyện;
- Các phòng ban cấp huyện (Y tế, Nông nghiệp, Kinh tế);
- UBND các xã;
- Các tổ chức trong nước và quốc tế ;
- Các nhà tài trợ ;
- Người dân.

Vai trò của các bên cũng được xác định rõ ràng trong các khâu thực hiện của dự án. Thời điểm triển khai, nội dung dự án và các lưu ý khi triển khai đã được đề cập trong phần này.



Kế hoạch bài giảng

Nội dung bài học gồm 2 phần chính sau:

1. Đánh giá dự án
2. Tổng kết dự án



Mục tiêu học tập

Vào cuối bài học này, học viên có thể:

1. Nắm được các nội dung, yêu cầu của đánh giá Dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng;
2. Nắm được các yêu cầu của tổng kết Dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng



Chuẩn bị bài giảng và các đồ dùng

Các đồ dùng/công cụ cần chuẩn bị cho bài giảng:

1. Bảng kẹp giấy, giấy và bút viết giấy và viết bảng
2. Giấy màu (4 màu) cắt đôi hoặc 3
3. Giấy A0

Các nội dung truyền đạt bao gồm:

Quá trình giám sát được thực hiện bởi các bên, trong đó:

- Từ tổ chức, đơn vị có ngân sách hay kinh phí cấp cho dự án.
- Trực tiếp từ người dân được hưởng lợi từ dự án, có thể phản ánh thông qua các đợt kiểm tra, đánh giá của cơ quan quản lý hay nhà tài trợ.
- Từ cơ quan quản lý nhà nước, theo quy định.

PHẦN 2: ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

Câu hỏi thảo luận – Đánh giá dự án bao gồm những loại đánh giá nào?

- Tùy từng Dự án sẽ xác định cơ quan tổ chức đánh giá, kiểm tra Dự án. Đối với các Dự án điểm cấp Bộ thì Cục KTHT&PTNT phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra giám sát dự án. Đối với Dự án do Sở NN và PTNT chủ trì thì Sở NN và PTNT phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra giám sát dự án. Với các nguồn kinh phí do các tổ chức, cá nhân tài trợ, thì do các tổ chức, cá nhân sẽ trực tiếp báo cáo lại với người dân và chính quyền địa phương sau khi dự án được tổng kết
- Từ năm 2021 UBND huyện phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra giám sát các dự án mở rộng. Đoàn đánh giá sẽ có biên bản kiểm tra đánh giá tình hình và kết quả thực hiện dự án và những kiến nghị. Hoạt động đánh giá bao gồm đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ và đánh giá kết thúc dự án, với nguồn kinh phí của nhà nước.

Các nội dung truyền đạt bao gồm:

1.1. Đánh giá ban đầu

Thực hiện việc này là do đơn vị, tổ chức xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng phải thực hiện trước khi hoàn thiện dự án. Cũng có thể chủ đầu tư hay các tổ chức có tiền thuê tư vấn thực hiện việc này. Các gợi ý về nội dung cần có khi khảo sát đánh giá ban đầu gồm:

a. Đánh giá việc triển khai, xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng:

- Công tác chuẩn bị, tổ chức, huy động các nguồn lực để thực hiện dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng theo đúng mục tiêu, tiến độ đã được phê duyệt.
- Đánh giá hiện trạng nuôi trồng, sơ chế, bảo quản, sử dụng các nông sản, thực phẩm để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho các hộ gia đình.
- Những khó khăn, vướng mắc, phát sinh mới xuất hiện so với thời điểm phê duyệt dự án.
- Đề xuất các biện pháp giải quyết các vấn đề vướng mắc, phát sinh phù hợp với điều kiện thực tế.

b. Đánh giá tình trạng sản xuất nông nghiệp và khả năng tiếp cận các nguồn thực phẩm của hộ gia đình.

- Lượng lương thực, thực phẩm sản xuất cho nhu cầu sử dụng/tiêu thụ của hộ (kg)
- Số lượng các tiệm tạp hóa truyền thống bán thực phẩm hộ có thể tiếp cận
- Số lượng các chợ thực phẩm truyền thống (bao gồm chợ chính thức và chợ mở) hộ có thể tiếp cận

c. Đánh giá về tình trạng dinh dưỡng, khẩu phần/tiêu thụ (tính đa dạng) thực phẩm, kiến thức và thực hành chăm sóc dinh dưỡng của bà mẹ trẻ em tại các hộ gia đình

- % trẻ dưới 5 tuổi bị nhẹ cân (cân nặng theo tuổi)
- % trẻ dưới 5 tuổi bị thấp còi (chiều cao theo tuổi)
- % trẻ dưới 5 tuổi bị gầy còm (cân nặng theo chiều cao)
- % phụ nữ ở độ tuổi sinh sản bị thiếu cân (BMI<18,5)
- % trẻ 6-23 tháng tuổi được ăn đa dạng thực phẩm từ 5/8 nhóm, bắt buộc có nhóm dầu mỡ trong ngày qua
- % bà mẹ có chế độ ăn đa dạng (ít nhất 5 nhóm thực phẩm) trong 24 giờ qua

(Tham khảo thêm các chỉ số đo lường ở Phụ lục 4).

1.2. Đánh giá giữa kỳ hoặc đánh giá giai đoạn

Các chuyên gia, cán bộ khi đi đánh giá dự án cần tham khảo các chỉ số đo lường trong khung logic thực hiện trong chương trình Không còn nạn đói, từ đó xây dựng chi tiết các chỉ số để đánh giá theo quy định chung và các chỉ số theo từng dự án phù hợp với điều kiện tại mỗi địa phương.

- a. Sự phù hợp của kết quả thực hiện dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng so với mục tiêu đầu tư tới thời điểm đánh giá.
- b. Mức độ hoàn thành khối lượng công việc đến thời điểm đánh giá so với kế hoạch được phê duyệt;
- c. Đánh giá việc sử dụng các sản phẩm từ dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng phục vụ nhu cầu dinh dưỡng của hộ gia đình.
- d. Đưa ra các khuyến nghị cần thiết để dự án kết thúc đảm bảo tiến độ, đạt mục tiêu đề ra
- e. Đánh giá dựa theo các chỉ số đo lường cho từng hoạt động cụ thể được phê duyệt từ dự án.

(Tham khảo thêm các chỉ số đo lường cụ thể trong Phụ lục 6)

1.3. Đánh giá kết thúc dự án

* **Đánh giá tính phù hợp:** Phù hợp trong thiết kế dự án, cách thức tổ chức và thực hiện, hệ thống giám sát đánh giá

- a. Sự phù hợp của dự án với nhu cầu của nhóm mục tiêu như thế nào?
- b. Phù hợp với cơ chế chính sách của địa phương như thế nào?
- c. Cách tiếp cận của dự án phù hợp với điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội - phong tục tập quán của địa phương như thế nào?
- d. Phạm vi, mức độ của các can thiệp phù hợp với khả năng hấp thụ của nhóm mục tiêu, và khả năng tổ chức thực hiện của cán bộ dự án và đối tác như thế nào?

* **Đánh giá tính hiệu quả:**

- a. Dự án đã đạt được mục đích, kết quả, đầu ra ở mức nào so với mục tiêu đặt ra?
- b. Các lợi ích do dự án mang lại cho những đối tượng thụ hưởng.
- c. Đánh giá tác động đến thay đổi thực hành sản xuất nông nghiệp của các hộ gia đình tham gia dự án dinh dưỡng.
 - Sản lượng trung bình của gia súc, gia cầm/rau củ quả sản xuất bởi các hộ gia đình dựa vào các hoạt động hỗ trợ của dự án theo tháng/mùa vụ (kg, con, quả...).
 - % hộ gia đình nhận thấy tầm quan trọng và có kiến thức cơ bản về nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng trong thời gian dự án.
 - % hộ gia đình được nâng cao kỹ năng trồng trọt và chăn nuôi, bảo quản sau khi tham gia tập huấn trong thời gian dự án.
- d. Đánh giá tác động đến thu nhập và việc phân phối thu nhập của hộ gia đình tham gia dự án và ảnh hưởng đến các tiêu chí về dinh dưỡng của hộ gia đình.
 - % hộ gia đình có khả năng tự cung cấp và/hoặc chi trả thực phẩm cho hộ.
 - Doanh thu trung bình trong tháng hoặc mùa vụ gần nhất từ bán cây (rau, củ, quả) và/hoặc con vật nuôi từ cây/con giống được hỗ trợ từ dự án (đồng).
 - % trẻ 6-23 tháng tuổi được ăn đa dạng thực phẩm từ 5/8 nhóm, bắt buộc có nhóm dầu mỡ trong ngày qua.
 - % bà mẹ có chế độ ăn đa dạng (ít nhất 5 nhóm thực phẩm) trong 24 giờ qua.

a. Đánh giá tác động của dự án đến việc đảm bảo môi trường sống tốt hơn và tác động tích cực đến sức khỏe, dinh dưỡng của người dân địa phương.

■ % trẻ dưới 5 tuổi bị nhẹ cân (cân nặng theo tuổi).

■ % trẻ dưới 5 tuổi bị thấp còi (chiều cao theo tuổi).

■ % trẻ dưới 5 tuổi bị gầy còm (cân nặng theo chiều cao).

■ % phụ nữ ở độ tuổi sinh sản bị thiếu cân (BMI < 18.5).

■ % hộ gia đình có sử dụng tủ lạnh hoặc dụng cụ/phương tiện bảo quản thực phẩm trước khi chế biến.

(Tham khảo thêm các chỉ số đo lường cụ thể trong Phụ lục 6)

*** Đánh giá tính hiệu suất:**

a. Với cùng một nguồn lực đầu tư thì dự án đã tạo ra sự khác biệt nào so với cách làm truyền thống hoặc so với các dự án khác trên địa bàn?

b. Các cải tiến về mặt kỹ thuật, công nghệ hoặc phương pháp nào đã được áp dụng để giúp dự án đạt được hiệu quả cao hơn?

c. Dự án đã áp dụng các sáng kiến nào để tiết kiệm thời gian cũng như các nguồn lực để đạt được các mục tiêu mong đợi?

*** Đánh giá tính hiệu suất:**

a. Cách làm nào đã được duy trì? Sẽ được duy trì? Vì sao (tham gia, đóng góp công sức, tiền của,...)?

b. Cách làm nào được duy trì bởi đối tác, và khả năng đối tác sẽ duy trì trong bao lâu?

c. Xác định các bài học rút ra từ chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, thực hiện, vận hành dự án; Trách nhiệm của tổ chức tư vấn, cơ quan chủ quản, chủ chương trình, chủ đầu tư, người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

(Tham khảo thêm các chỉ số đo lường cụ thể trong Phụ lục 6).

Câu hỏi thảo luận – Hội thảo tổng kết dự án cần chuẩn bị và lưu ý những gì?

Các nội dung cần truyền đạt gồm:

- Mục đích : Đánh giá lại kết quả thực hiện, chỉ ra các hiệu quả mà dự án đã mang lại, giúp nhiều người hiểu và quan tâm hơn đến sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng, tìm kiếm thêm các cơ hội mở rộng dự án
- Thời gian tổ chức: Khi dự án kết thúc các hoạt động triển khai trên thực địa và đã có kết quả đưa sản phẩm vào sử dụng
- Qui mô : Căn cứ vào tình hình thực tế để tổ chức với số lượng đại biểu đa dạng các cấp, và có cả truyền thông
- Các hoạt động cần thiết :
 - Đơn vị chủ trì Dự án sẽ tổ chức hoạt động tổng kết Dự án, quá trình tổ chức cần lưu ý các nội dung sau:
 1. Trình bày Báo cáo kết quả thực hiện dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.
 2. Có sự tham gia của các bên cùng tham gia dự án (nhà tài trợ, nhà quản lý), góp ý xây dựng ý tưởng triển khai các dự tiếp theo (nếu có).
 3. Mời ít nhất một cơ quan truyền thông (báo, đài, truyền hình...) để phổ biến các kết quả của dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.
 4. Có hình ảnh hoặc video lưu lại các bước thực hiện mô hình, làm tư liệu để giới thiệu phổ biến các kinh nghiệm xây dựng mô hình Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.
 5. Hoạt động tổng kết dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng diễn ra trong 01 ngày có chia sẻ về kết quả tham gia dự án của 2-3 hộ và bố trí thăm quan mô hình.



TÓM TẮT BÀI HỌC

Để biết được nhu cầu của người dân, tiến trình triển khai dự án cũng như hiệu quả/tác động của dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng, chúng ta cần có các hoạt động đánh giá dự án theo chu trình dự án, cụ thể gồm:

- Đánh giá ban đầu
- Đánh giá giữa kỳ hoặc đánh giá giai đoạn của dự án
- Đánh giá kết thúc của Dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng
- Đánh giá tác động của Dự án Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng

Ngoài ra, khi kết thúc dự án cũng cần có hội thảo tổng kết để truyền thông về các kết quả của dự án, tài liệu hóa các bước thực hiện mô hình cũng như chia sẻ các kinh nghiệm triển khai mô hình dự án

Phụ lục 1: Một số chỉ tiêu cơ bản của nông nghiệp dinh dưỡng

O. Đánh giá tình hình chung kinh tế xã hội cấp xã tại địa bàn tham gia dự án			Dữ liệu cần thu thập
Mã chỉ số	0.1 - Chuỗi cung ứng lương thực thực phẩm		
0.1.1	Diện tích đất dành cho sản xuất nông nghiệp: đất ruộng, nương, rừng, mặt nước nuôi trồng thủy sản,...	ha	■ Diện tích đất sản xuất nông nghiệp ■ Diện tích đất rừng (ha) ■ Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản (ha)
0.1.2	Diện tích các loại cây lương thực, thực phẩm, trồng rừng và sản xuất nông nghiệp khác	ha	■ Diện tích (gieo trồng) lúa ■ Diện tích (gieo trồng) ngô/bắp ■ Diện tích (gieo trồng) khoai ■ Diện tích (gieo trồng) sắn/mỳ ■ Diện tích (gieo trồng) mía ■ Diện tích (gieo trồng) cây lạc/đậu phộng ■ Diện tích (gieo trồng) cây đậu tương/đậu nành ■ Diện tích (gieo trồng) rau các loại ■ Diện tích (gieo trồng) cây ăn quả các loại ■ Diện tích trồng rừng mới tập trung
0.1.3	Số đầu đàn/sản lượng gia súc, gia cầm, sản lượng thủy sản	Con, kg	■ Số lượng trâu (con) ■ Số lượng bò (con) ■ Số lượng bò sữa (con) ■ Số lượng lợn (con) ■ Số lượng gia cầm (nghìn con) ■ Số lượng thỏ (con) ■ Số lượng ngựa (con) ■ Số lượng dê (con) ■ Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng (kg) ■ Sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng (kg) ■ Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng (kg) ■ Sản lượng thịt dê hơi xuất chuồng (kg) ■ Sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng (kg) ■ Sản lượng thịt thỏ hơi xuất chuồng (kg) ■ Số lượng trứng từ gia cầm (quả/cái) ■ Sản lượng sữa tươi ■ Sản lượng thủy sản (kg)

Mã chỉ số	0.2 - Các yếu tố ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng thực phẩm		
0.2.1	Hạ tầng cơ sở vật chất thiết yếu (đường giao thông, trạm y tế, hệ thống thủy lợi, cơ sở dịch vụ sản xuất và chế biến nông sản) phục vụ cho sản xuất và đời sống của người dân		- Số kilometer đường giao thông được rải nhựa/đổ bê tông - Số hộ và tỷ lệ hộ dân cư dùng nước sạch, hố xí hợp vệ sinh Cơ sở y tế: - Số cơ sở y tế (bệnh viện, bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức năng, phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã/phường/cơ quan/xí nghiệp) - Tổng số giường bệnh (bệnh viện, bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức năng, phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã/phường/cơ quan/xí nghiệp) - Số nhân lực ngành y tế, dược (Bác sĩ, y sĩ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên, Dược sĩ, dược sĩ cao đẳng/trung cấp, dược tá, kỹ thuật viên dược)
0.2.2	Tỉ lệ gia tăng dân số	%	- Số trẻ đẻ sống trong năm - Số chết trong năm - Dân số trung bình (hoặc dân số có đến ngày 01/07 của năm) - Tỷ suất sinh thô - Tỷ suất chết thô
Mã chỉ số	0.3 - Môi trường thực phẩm		
0.3.1	Số lượng các tiệm tạp hóa truyền thống bán thực phẩm hộ có thể tiếp cận	Số tiệm	Số tiệm tạp hóa/bách hóa truyền thống (quán) bán thực phẩm
0.3.2	Số lượng các chợ thực phẩm truyền thống (bao gồm chợ chính thức và chợ mở) hộ có thể tiếp cận	Số chợ	- Số lượng chợ cóc bán thực phẩm - Số lượng chợ phiên bán thực phẩm - Số lượng chợ kiên cố bán thực phẩm (hạng I, II, III)
Mã chỉ số	0.4 - Đầu ra về kinh tế xã hội		
0.4.1	Giá trị sản xuất khác ở địa phương như: ngành nghề nông thôn, dịch vụ mua bán, du lịch...	nghìn đồng/năm	- Doanh thu của các cơ sở lưu trú - Doanh thu của các cơ sở lữ hành

0.4.2	Thị trường tiêu thụ các loại sản phẩm nông nghiệp, ngành nghề nông thôn (tại chỗ, trong nước, xuất khẩu)	nghìn đồng/năm	- Tổng khối lượng/giá trị nông sản bán ra tại địa bàn xã - Tổng khối lượng/giá trị nông sản bán ra ngoài địa bàn xã (nội địa trong nước) - Tổng khối lượng/giá trị nông sản xuất khẩu nước ngoài	
0.4.3	Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo và thoát nghèo hàng năm	%	- Số hộ nghèo - Tỷ lệ hộ cận nghèo - Tỷ lệ hộ thoát nghèo - Tỷ lệ hộ tái nghèo	
1. Mục tiêu 1 - Đáp ứng cơ bản các hộ có đủ lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng quanh năm			Dữ liệu cần thu thập	
Mã chỉ số	1.1 - Chuỗi cung ứng lương thực thực phẩm			
1.1.1	Diện tích đất sản xuất lương thực của hộ gia đình gồm: diện tích đất canh tác ruộng nước, sản xuất lúa nước, trồng ngô, khoai lang, sắn...	ha		- Diện tích đất canh tác lúa nước (lúa nước) - Diện tích (gieo trồng) lúa cả năm - Diện tích (gieo trồng) ngô/bắp - Diện tích (gieo trồng) khoai - Diện tích (gieo trồng) sắn/mỳ - Diện tích (gieo trồng) mía - Diện tích (gieo trồng) cây lạc/đậu phộng - Diện tích (gieo trồng) cây đậu tương/đậu nành - Diện tích (gieo trồng) rau các loại - Diện tích (gieo trồng) hoa các loại - Diện tích (gieo trồng) cây ăn quả các loại
1.1.2	Diện tích đất sản xuất cây thực phẩm của hộ gia đình: rau, củ	ha		
1.1.3	Diện tích đất sản xuất lâm nghiệp của hộ gia đình: trồng rừng, trồng các loại cây kinh tế dưới tán rừng (dược liệu, hương liệu,...)	ha		- Diện tích trồng rừng - Diện tích trồng cây kinh tế (dược liệu) dưới tán rừng - Diện tích trồng cây kinh tế (hương liệu) dưới tán rừng
1.1.4	Diện tích chuồng trại của hộ gia đình	ha		Diện tích chuồng trại (chăn nuôi gia súc/gia cầm) của hộ gia đình
1.1.5	Diện tích đất thủy sản: diện tích nuôi tôm, cá,...	ha		Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản

1.1.6	Sản lượng lương thực, thực phẩm thu hoạch hàng năm	kg	- Sản lượng lúa cả năm - Sản lượng ngô/bắp - Sản lượng khoai - Sản lượng sắn/mỹ - Sản lượng mía - Sản lượng cây lạc/đậu phộng - Sản lượng cây đậu tương/đậu nành - Sản lượng rau các loại - Sản lượng cây ăn quả
1.1.7	Lượng lương thực, thực phẩm sản xuất ra nhưng không sử dụng cho nhu cầu ăn mà dành cho chăn nuôi	kg	Lượng lương thực, thực phẩm sản xuất ra nhưng không sử dụng cho nhu cầu ăn mà dành cho chăn nuôi
1.1.8	Lượng lương thực, thực phẩm sản xuất ra nhưng không sử dụng cho nhu cầu ăn mà dành cho bán ra thị trường	kg	Lượng lương thực, thực phẩm sản xuất ra nhưng không sử dụng cho nhu cầu ăn mà dành cho bán ra thị trường
1.1.9	Lượng lương thực, thực phẩm sản xuất cho nhu cầu sử dụng/tiêu thụ của hộ	kg	Lượng lương thực, thực phẩm sản xuất cho nhu cầu sử dụng/tiêu thụ của hộ
1.1.10	Số đầu đàn gia súc (con), gia cầm (con), thủy sản	Số con & kg	- Số lượng trâu (con) - Số lượng bò (con) - Số lượng lợn (con) - Số lượng gia cầm (nghìn con) - Số lượng thỏ (con) - Số lượng ngựa (con) - Số lượng dê (con) - Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng (kg) - Sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng (kg) - Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng (kg) - Sản lượng thịt dê hơi xuất chuồng (kg) - Sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng (kg) - Sản lượng thủy sản (kg) - Sản lượng cá (kg) - Sản lượng tôm nuôi (kg)
Mã chỉ số	1.2 - Các nhân tố ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng lương thực - thực phẩm		
1.2.1	Diện tích cây trồng của hộ gia đình bị ảnh hưởng / mất do hạn hán, lũ lụt, dịch hại và dịch bệnh trong mỗi vụ mùa vừa qua	ha/ nguy cơ/vụ mùa	Diện tích cây trồng của hộ gia đình bị ảnh hưởng / mất do hạn hán, lũ lụt, dịch hại và dịch bệnh trong mỗi vụ mùa vừa qua

1.2.2	Tần suất tác động của các hiện tượng thời tiết cực đoan và dịch bệnh (hạn hán, lũ lụt, sâu bệnh & dịch bệnh khác) trong 12 tháng qua	sự kiện/ tác động/ vụ mùa	Tần suất tác động của các hiện tượng thời tiết (hạn hán, lũ lụt, sâu bệnh & dịch bệnh khác) trong 12 tháng qua
Mã chỉ số	1.3 - Chế độ ăn		
1.3.1	Lượng lương thực, thực phẩm sử dụng bình quân một năm	kg/ năm	Lượng lương thực, thực phẩm sử dụng bình quân một năm của hộ gia đình
1.3.2	Số lượng lương thực, thực phẩm mua thêm hoặc được hỗ trợ cho nhu cầu sử dụng của hộ	kg/ năm	Số lượng lương thực, thực phẩm mua thêm hoặc được hỗ trợ cho nhu cầu sử dụng của hộ
1.3.3	Tỷ lệ hộ gia đình trải qua tình trạng mất an ninh lương thực ở mức độ vừa và nghiêm trọng theo thang đo FIES	%	Số hộ gia đình trải qua tình trạng mất an ninh lương thực ở mức độ vừa và nghiêm trọng theo thang đo FIES
1.3.4	Tỷ lệ hộ gia đình được tiếp cận với nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt và ăn uống hàng ngày	%	Số hộ gia đình được tiếp cận với nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt và ăn uống hàng ngày
Mã chỉ số	1.4 - Đầu ra về kinh tế xã hội		
1.4.1	Thu nhập từ sản xuất lương thực, thực phẩm, rừng (trồng rừng, các loại cây kinh tế từ đất rừng, nhận khoán bảo vệ rừng)	nghìn đồng/ năm	- Tổng thu nhập cả năm từ sản xuất lúa - Tổng thu nhập cả năm từ sản xuất ngô/bắp - Tổng thu nhập cả năm từ sản xuất khoai - Tổng thu nhập cả năm từ sản xuất sắn/mỳ - Tổng thu nhập cả năm từ sản xuất mía - Tổng thu nhập cả năm từ sản xuất lạc/đậu phộng - Tổng thu nhập cả năm từ sản xuất cây đậu tương/đậu nành - Tổng thu nhập cả năm từ sản xuất rau các loại - Tổng thu nhập cả năm từ sản xuất cây ăn quả các loại - Tổng thu nhập các loại cây kinh tế từ đất rừng: cao su,...)

1.4.2	Thu nhập từ chăn nuôi (trâu bò, dê, lợn, gia cầm, thủy sản,...)	nghìn đồng/năm	- Tổng thu nhập cả năm từ chăn nuôi trâu - Tổng thu nhập cả năm từ chăn nuôi bò - Tổng thu nhập cả năm từ chăn nuôi lợn - Tổng thu nhập cả năm từ chăn nuôi gia cầm - Tổng thu nhập cả năm từ chăn nuôi thỏ - Tổng thu nhập cả năm từ chăn nuôi dê - Tổng thu nhập cả năm từ chăn nuôi ngựa - Tổng thu nhập cả năm từ chăn nuôi thủy sản - Tổng thu nhập từ trồng rừng - Tổng thu nhập từ trồng cây kinh tế trên đất rừng
1.4.3	Thu nhập từ sản xuất, dịch vụ khác như ngành nghề nông thôn, bán buôn bán lẻ...	nghìn đồng/năm	Tổng thu nhập từ sản xuất, dịch vụ khác như ngành nghề nông thôn, bán buôn bán lẻ...
2. Mục tiêu 2 - Giảm suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 2 tuổi			Dữ liệu cần thu thập
Mã chỉ số	2.1 - Hành vi người tiêu dùng		
2.1.1	Tỷ lệ bà mẹ thực hành tốt về ăn bổ sung cho trẻ	%	- Tổng số bà mẹ có con dưới 2 tuổi tham gia vào dự án - Bà mẹ bắt đầu cho trẻ ăn bổ sung từ tháng tuổi thứ mấy - Cách chăm sóc trẻ về ăn uống khi trẻ bị bệnh - Số bà mẹ cho con ăn dặm theo đúng nguyên tắc: từ ngọt tới mặn, từ ít tới nhiều, từ lỏng tới đặc.
Mã chỉ số	2.2 - Chế độ ăn của bà mẹ		
2.2.1	Tỷ lệ bà mẹ có 3 bữa ăn chính trong ngày	%	- Tổng số bà mẹ có con dưới 2 tuổi tham gia vào dự án - Số bà mẹ có 3 bữa ăn chính trong ngày
2.2.2	Tỷ lệ bà mẹ có chế độ ăn đa dạng (ít nhất 5 nhóm thực phẩm trong 24 giờ qua)	%	- Tổng số bà mẹ có con dưới 2 tuổi tham gia vào dự án - Số bà mẹ có chế độ ăn đa dạng (ít nhất 5 nhóm thực phẩm trong 24 giờ qua) - Tần suất tiêu thụ các nhóm thực phẩm trong 7 ngày vừa qua (số lần/7 ngày qua)

Mã chỉ số	2.3 - Chế độ ăn của trẻ		
2.3.1	% trẻ 6-23 tháng tuổi được ăn ít nhất 3 bữa chính theo khuyến nghị của Viện Dinh dưỡng	%	- Tổng số trẻ 6-23 tháng tuổi tham gia vào dự án - Số trẻ 6-23 tháng tuổi được ăn ít nhất 3 bữa chính theo khuyến nghị của Viện Dinh dưỡng
2.3.2	Tỷ lệ bà mẹ có chế độ ăn đa dạng (ít nhất 5 nhóm thực phẩm trong 24 giờ qua)	%	- Tổng số trẻ <2 tuổi tham gia vào dự án - Số trẻ duy trì/được tiếp tục cho bú mẹ tới 2 tuổi
2.3.3	Tỷ lệ trẻ được cho bú mẹ hoàn toàn trong vòng 6 tháng đầu	%	- Tổng số trẻ <2 tuổi tham gia vào dự án - Số trẻ được cho bú mẹ hoàn toàn trong vòng 6 tháng đầu
2.3.4	Tỷ lệ trẻ 6-23 tháng tuổi được ăn đa dạng thực phẩm từ 5/8 nhóm, bắt buộc có nhóm dầu mỡ trong ngày qua	%	- Tổng số trẻ <2 tuổi tham gia vào dự án - Số trẻ 6-23 tháng tuổi được ăn đa dạng thực phẩm từ 5/8 nhóm, bắt buộc có nhóm dầu mỡ trong ngày qua - Tần suất tiêu thụ các nhóm thực phẩm trong 7 ngày vừa qua (số lần/7 ngày qua)
Mã chỉ số	2.4 - Đầu ra về sức khỏe và dinh dưỡng		

2.4.1	Chỉ số Z chiều cao theo tuổi của trẻ <2 tuổi (Z-score)	Z-score	- Chiều cao (cm) của trẻ < 2 tuổi - Ngày tháng năm sinh của trẻ
2.4.2	Chỉ số Z BMI theo tuổi của trẻ <2 tuổi (Z-score)	Z-score	- Chiều cao (cm) của trẻ < 2 tuổi - Cân nặng (kg) của trẻ <2 tuổi - Ngày tháng năm sinh của trẻ
2.4.3	Tỷ lệ nhẹ cân của trẻ <5 tuổi (cân nặng theo tuổi)	%	- Cân nặng (kg) của trẻ <5 tuổi - Ngày tháng năm sinh của trẻ
2.4.4	Tỷ lệ thấp còi của trẻ <5 tuổi (chiều cao theo tuổi)	%	- Chiều cao (cm) của trẻ < 5 tuổi - Ngày tháng năm sinh của trẻ
2.4.5	Tỷ lệ gầy còm của trẻ <5 tuổi (cân nặng theo chiều cao)	%	- Chiều cao (cm) của trẻ < 5 tuổi - Cân nặng (kg) của trẻ <5 tuổi - Ngày tháng năm sinh của trẻ
2.4.6	% phụ nữ ở độ tuổi sinh sản bị thiếu cân (BMI<18.5)	BMI	- Chiều cao (cm) của bà mẹ - Cân nặng (kg) của bà mẹ

3. Mục tiêu 3 - Phát triển hệ thống lương thực - thực phẩm bền vững			Dữ liệu cần thu thập
Mã chỉ số	3.1 - Chuỗi cung ứng lương thực thực phẩm		
3.1.1	Tỷ lệ hộ gia đình có khả năng sản xuất lương thực, thực phẩm để đáp ứng nhu cầu cung cấp tại chỗ	%	- Tổng số hộ gia đình tham gia vào dự án - Số hộ gia đình có khả năng đủ lương thực, thực phẩm để đáp ứng nhu cầu cung cấp tại chỗ
3.1.2	Số hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất tại địa bàn, số hộ tham gia vào hợp tác xã/tổ hợp tác	Đơn vị, nông hộ	- Số hợp tác xã tại xã - Số tổ hợp tác sản xuất tại xã - Số hộ tham gia vào hợp tác xã/tổ hợp tác/tổng số hộ tham gia vào dự án
Mã chỉ số	3.2 - Môi trường thực phẩm		
3.2.1	Tỷ lệ hộ gia đình có khả năng tự chi trả thực phẩm cho hộ	%	- Tổng số hộ gia đình tham gia vào dự án - Số hộ gia đình có khả năng tự chi trả thực phẩm cho hộ
3.2.2	Tỷ lệ hộ gia đình nhận hỗ trợ để mua thực phẩm từ nguồn hỗ trợ cứu đói và các Quỹ hỗ trợ khác	%	- Tổng số hộ gia đình tham gia vào dự án - Số hộ gia đình nhận hỗ trợ để mua thực phẩm từ nguồn hỗ trợ cứu đói và các Quỹ hỗ trợ khác trong 12 tháng qua
Mã chỉ số	3.3 - Hành vi người tiêu dùng		
3.3.1	Tỉ lệ thu nhập hàng năm dành cho tiêu dùng thực phẩm (tổng chi phí thực phẩm/tổng thu nhập)	%	- Tổng thu nhập hàng tháng của hộ gia đình (nghìn đồng) - Tổng chi phí mua thực phẩm hàng tháng của hộ gia đình (nghìn đồng) - Tổng thu nhập hàng năm của hộ gia đình (nghìn đồng) - Tổng chi phí mua thực phẩm hàng năm của hộ gia đình (nghìn đồng)
Mã chỉ số	3.4 - Chế độ ăn		
3.4.1	Số lượng lương thực, thực phẩm cần bổ sung cho hộ gia đình và của toàn thôn do thiếu hụt	kg/năm	- Lượng lương thực, thực phẩm cần bổ sung cho hộ gia đình do thiếu hụt - Lượng lương thực, thực phẩm cần bổ sung cho toàn thôn do thiếu hụt

4. Mục tiêu 4 - Tăng năng suất và thu nhập của các hộ nông dân sản xuất nhỏ			Dữ liệu cần thu thập
Mã chỉ số	4.1 - Chuỗi cung ứng lương thực thực phẩm		
4.1.1	Năng suất các loại cây trồng vật nuôi (kg/ha/năm hoặc chu kì sản xuất đối với sản xuất cây trồng dài ngày, cây lâm nghiệp và thủy sản, khả năng tăng trọng, sản xuất trứng, sữa đối với vật nuôi) của hộ gia đình	kg /ha /năm	- Năng suất lúa cả năm - Năng suất ngô/bắp cả năm - Năng suất khoai cả năm - Năng suất sắn/mỳ cả năm - Năng suất mía cả năm- Năng suất cây lạc/đậu phộng cả năm - Năng suất cây đậu tương/đậu nành cả năm - Năng suất rau các loại cả năm - Năng suất cây ăn quả cả năm
Mã chỉ số	4.2 - Đầu ra về kinh tế xã hội		Dữ liệu cần thu thập
4.2.1	Tổng thu nhập bình quân của hộ/năm.	Triệu đồng/năm	
5. Mục tiêu 5 - Giảm thất thoát hoặc lãng phí lương thực, thực phẩm			Dữ liệu cần thu thập
Mã chỉ số	5.1 - Hệ thống sản xuất		
5.1.1	Tỷ lệ hộ gia đình thu hoạch sản phẩm bằng công cụ hiện đại (máy)	%	- Tổng số hộ gia đình sản xuất nông nghiệp tham gia vào dự án - Số gia đình thu hoạch sản phẩm bằng công cụ hiện đại (máy)
5.1.2	Tỷ lệ hộ gia đình thu hoạch sản phẩm bằng công cụ hiện đại (máy)	%	- Tổng số hộ gia đình tham gia vào dự án - Số hộ gia đình có tủ lạnh hoặc dụng cụ/phương tiện bảo quản thực phẩm
Mã chỉ số	5.2 - Hành vi người tiêu dùng		Dữ liệu cần thu thập
5.2.1	Tỷ lệ hộ gia đình biết cách tính toán số lượng lương thực, thực phẩm hợp lý trong bữa ăn hàng ngày ở hộ gia đình để tránh thực phẩm dư thừa sau bữa ăn	%	

Phụ lục 2: Biên bản họp thôn/bản

UBND XÃ
THÔN/ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

(Tên thôn/ bản), ngày tháng năm.....

BIÊN BẢN HỌP THÔN/BẢN

Hôm nay, ngày tháng năm 20..., tại (ghi rõ địa điểm tổ chức họp) thôn/bản..... đã tổ chức họp để:..... (nêu mục đích cuộc họp).

1. Thành phần tham dự họp

- Chủ trì cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh);
- Thư ký cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh);
- Thành phần tham gia (Đại diện UBND xã, các tổ chức, đoàn thể,...);
- Số lượng tham gia:, Trong đó:..... hộ nghèo,hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

2. Nội dung cuộc họp

- Phổ biến dự án: Tên dự án, mục tiêu dự án, cách thức xây dựng dự án, chính sách hỗ trợ của dự án ...;
- Thảo luận về điều kiện tham gia của hộ: tiêu chí chọn hộ tham gia, trách nhiệm của hộ khi tham gia;
- Lập danh sách hộ tham gia: là hộ đáp ứng tiêu chí và tự nguyện tham gia dự án, có cam kết thực hiện đúng các quy định của dự án.

3. Lập danh sách các đối tượng tham gia dự án như sau:

- Phổ biến dự án: Tên dự án, mục tiêu dự án, cách thức xây dựng dự án, chính sách hỗ trợ của dự án ...;
- Thảo luận về điều kiện tham gia của hộ: tiêu chí chọn hộ tham gia, trách nhiệm của hộ khi tham gia;
- Lập danh sách hộ tham gia: là hộ đáp ứng tiêu chí và tự nguyện tham gia dự án, có cam kết thực hiện đúng các quy định của dự án.

TT	Danh sách hộ tham gia dự án	Đối tượng (nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo)	Địa chỉ	Lao động trong độ tuổi (Người)	Trẻ em dưới 5 tuổi (người)	Phụ nữ trong độ tuổi sinh sản (15-49 tuổi)	Số phụ nữ đang mang thai	Hỗ trợ của NSNN / nguồn khác	Đối ứng	Ký nhận
1										

Cuộc họp đã kết thúc vào ... giờ ... cùng ngày. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản./

Thư ký cuộc họp
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND xã
(ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì
(ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 3: Biểu thông tin chung về xã

TT	Thông tin chung	Thôn/bản...	Thôn/bản...	Thôn/bản...
1	Thông tin chung			
-	Diện tích đất (ha)			
-	Diện tích trồng lúa, ngô (ha)			
-	Diện tích chưa sử dụng (ha)			
2	Điều kiện KT-XH			
-	Dân số			
-	Tỷ lệ dân tộc thiểu số			
-	Thu nhập hàng năm/người			
-	Số hộ gia đình			
-	Số hộ nghèo			
-	Tỷ lệ hộ nghèo			
3	Tình hình dinh dưỡng			
-	Số phụ nữ trong độ tuổi sinh sản (15-35 tuổi)			
-	Tỷ lệ sinh			
-	Số phụ nữ mang thai			
-	Số lượng trẻ < 2 tuổi			
-	Tỷ lệ thiếu cân			
-	Tỷ lệ thấp còi			
-	Trẻ thiếu cân < 2 tuổi			
-	Trẻ em mẫu giáo			
-	Trẻ ăn bán trú ở trường			
-	Nhân viên y tế xã, làng/bản			

Phụ lục 4: Biểu thu thập thông tin hộ gia đình

I.THÔNG TIN CHUNG

- 1.1. Họ tên người được phỏng vấn:Tuổi:.....Số điện thoại:.....
- 1.2. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ
- 1.3. Dân tộc:.....
- 1.4. Tỉnh:
- 1.5. Huyện:.....
- 1.6. Xã:.....Thôn:.....
- 1.7. Điều kiện kinh tế:
- ☐ Hộ nghèo ☐ Hộ cận nghèo ☐ Không phải
- 1.8. Trình độ giáo dục:
- ☐ Không đi học ☐ Cấp I ☐ Cấp II
- ☐ Cấp III ☐ Cao đẳng/đại học ☐ Trên đại học
- 1.9. Trình độ giáo dục: ☐ Có ☐ Không
- 1.10. Số thành viên trong hộ:..... người, trong đó:

Trẻ em dưới 5 tuổi	Từ 5 dưới 15 tuổi	Trong độ tuổi lao động (15-55 với nữ; 15-60 với nam)	Sau 55 với nữ và 60 với nam, vẫn còn khả năng LĐ trong Nông nghiệp	Người Già yếu không có khả năng LĐ

II. NỘI DUNG ĐIỀU TRA

2.1. Sản xuất nông nghiệp

a) Diện tích đất sản xuất nông nghiệp

TT	Loại đất sản xuất	Diện tích (m2)	Năng suất (Tạ/ha)	Sản lượng (tấn/ha)
1	Đất trồng cây lương thực: lúa, ngô, khoai,...			
2	Đất trồng cây màu (rau, củ, quả...)			
3	Đất trồng rừng			
4	Diện tích đất thủy sản: diện tích nuôi tôm, cá,....			
5	Khác (ghi cụ thể).....			
...				
Tổng				

b) Tình hình sản xuất và sử dụng lương thực

Loại cây lương thực	Sản lượng thu hoạch hàng năm (kg) (tính năm gần nhất)	Lượng lương thực sử dụng cho hộ gia đình (kg)	Lượng lương thực dùng cho chăn nuôi (kg)	Lượng lương thực bán ra thị trường (kg)

Ông (bà) có phải sử dụng thêm lương thực ở ngoài về sử dụng do sản xuất thiếu với nhu cầu sử dụng:

- ☐ Có ☐ Không

Nếu có thì ông (bà):

- ☐ Tự mua ☐ Được hỗ trợ

2.2. Sản xuất khác

Loại cây kinh tế rừng	Diện tích
1. Trồng rừng	
2.	
3.	
...	

2.3. Chăn nuôi

Loại vật nuôi	Số lượng thời điểm điều tra (con)	Số lượng bán trong năm (con/hộ)

2.4. Phương pháp thu hoạch, bảo quản lương thực, thực phẩm mà ông (bà) sử dụng là gì?

.....

.....

.....

.....

.....

2.5. Thu nhập của hộ trong năm gần nhất?

Nguồn thu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Từ trồng cây lương thực, thực phẩm, trồng rừng, nhận khoán bảo vệ rừng,...		
Từ bán vật nuôi (gia súc, gia cầm, thủy sản,...)		
Từ sản xuất, dịch vụ khác (lao động thuê, kinh doanh buôn bán, du lịch, ngành nghề nông thôn,...)		

2.6. Hiện trạng dinh dưỡng của mẹ và trẻ dưới hai tuổi

2.6.1 Tình trạng dinh dưỡng (trẻ dưới 5 tuổi)

Tên trẻ	Giới tính	Ngày sinh	Cân nặng (kg 00.0)	Chiều cao (cm 000.0)

2.6.2. Tình trạng dinh dưỡng (mẹ)

- Cân nặng (kg, 00.0):.....
- Chiều cao (cm, 000.0):.....

2.6.3. Tình hình nuôi dưỡng trẻ (hỏi với trẻ nhỏ nhất nếu có nhiều trẻ):

1	Trong quá trình mang thai, chị có đi khám thai không? Nếu có thì mấy lần?	☐ Cólần ☐ Không
2	Khi mang thai, chị có bổ sung viên sắt hoặc viên đa vi chất không?	☐ Có ☐ Không
3	Nếu có, chị nhận nguồn thuốc từ đâu?	
4	Chị sinh con tại đâu?	☐ Cơ sở y tế ☐ Tại nhà với sự hỗ trợ của cán bộ y tế ☐ Tại nhà không có hỗ trợ của cán bộ y tế ☐ Khác (ghi rõ).....
5	Con nhỏ nhất của chị có được bú mẹ không?	☐ Có ☐ Không

6	Nếu có, cháu có được bú mẹ hoàn toàn đến 6 tháng không?	☐ Có ☐ Không ☐ Không áp dụng
7	Trẻ đã được ăn bổ sung chưa? Nếu có thì từ tháng thứ mấy?	 (tháng) (điền 0 nếu chưa ăn)
8	Nếu có, cháu có được bú mẹ hoàn toàn đến 6 tháng không?	☐ Như bình thường ☐ Kém hơn bình thường ☐ Tốt hơn bình thường
9	Chị có bao giờ được nghe nói chuyện hoặc hướng dẫn về cách nuôi con, phòng chống suy dinh dưỡng hay chưa? Nếu có thì lần gần đây nhất là khi nào? Và do ai?	☐ Có ☐ Không Lần gần nhất cách:.....ngày/tháng Ai hướng dẫn:.....

2.6.4. Chế độ ăn của trẻ (ngày hôm trước)

	Bảng kiểm đồ ăn của trẻ trong ngày hôm trước	Mã lựa chọn		
		Có	Không	Không biết
A	Cơm/ Cháo/ Bột/ phở/ bún/mỳ/bánh/ngô/khoai củ (các sản phẩm từ ngũ cốc và củ)	1	0	98
B	Đậu phụ, sữa đậu nành, tào phớ hoặc các sản phẩm khác từ đậu tương, đậu đỗ các loại, lạc, vừng	1	0	98
C	Củ quả có màu vàng/đỏ (xoài, đu đủ, bí đỏ, cà rốt..) hoặc Các loại rau có lá màu xanh đậm (muống, đay, ngót, dền)	1	0	98
D	Các loại rau củ quả khác (Chưa được kể ở trên)	1	0	98
E	Các loại thịt (bò, lợn, gà, vịt, cừu, dê...); Tim, gan, bầu dục hoặc các loại nội tạng khác; Cá, tôm, cua, nghêu, sò, ốc, hến, lươn, mực hoặc hải sản khác	1	0	98
F	Trứng gia cầm các loại (gà, vịt, ngan, ngỗng, chim cút)	1	0	98
G	Sữa uống (sữa tươi, sữa bột); Sữa chua, pho mát, sữa đặc có đường, bánh sữa, kẹo sữa, caramen và các sản phẩm từ sữa khác	1	0	98
H	Các loại dầu, mỡ, bơ để ăn hoặc nấu cùng các món ăn	1	0	98
Hôm qua kể cả ngày và đêm, ngoài các loại sữa ra, cháu (TÊN) được ăn thêm mấy bữa (ăn sam, ăn dặm với bột, cháo, cơm)?		 lần		

2.6.5. Tỷ lệ bà mẹ ăn đa dạng thực phẩm trong ngày qua

Tỷ lệ bà mẹ ăn đa dạng thực phẩm trong ngày qua tính theo tỷ lệ bà mẹ đạt mức đa dạng thực phẩm tối thiểu áp dụng cho phụ nữ trong độ tuổi sinh sản. Bà mẹ cần được cung cấp ít nhất 5 trong 10 nhóm thực phẩm trong ngày qua, bao gồm:

1. Nhóm lương thực : Cơm/ Cháo/ Bột/ phở/ bún/mỳ/bánh/ngô/khoai củ (các sản phẩm từ ngũ cốc và củ)
2. Đậu phụ, sữa đậu nành, tào phớ hoặc các sản phẩm khác từ đậu tương, đậu đỗ
3. Các loại hạt;
4. Sữa và các sản phẩm từ sữa;
5. Các loại thịt (bò, lợn, gà, vịt, cừu, dê....); Tim, gan, bầu dục hoặc các loại nội tạng khác; Cá, tôm, cua, nghêu, sò, ốc, hến, lươn, mực hoặc hải sản khác
6. Trứng gia cầm các loại (gà, vịt, ngan, ngỗng, chim cút)
7. Rau lá xanh đậm (muống, đay, ngót, dền,...);
8. Rau củ quả giàu Vitamin A : rau củ có màu vàng/đỏ (xoài, đu đủ, bí đỏ, cà rốt..);
9. Rau khác;
10. Và quả khác.

2.6.6. Thang đo kinh nghiệm về mất an ninh lương thực (FIES)

Xin anh, chị trả lời một số câu hỏi về lương thực như sau (khoanh tròn vào câu trả lời phù hợp). Trong 12 THÁNG qua, đã có khi nào mà:	
C1. Anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị lo lắng về vấn đề không đủ thức ăn do thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác?	0 Không 1 Có 98 Không biết 99 Từ chối trả lời
C2. Vẫn trong 12 tháng qua, đã có khi nào mà anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị không thể ăn thực phẩm dinh dưỡng và tốt cho sức khỏe do thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác?	0 Không 1 Có 98 Không biết 99 Từ chối trả lời
C3. Đã có khi nào mà anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị chỉ ăn một vài loại thực phẩm do thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác?	0 Không 1 Có 98 Không biết 99 Từ chối trả lời
C4. Đã có khi nào mà anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị phải bỏ bữa ăn vì thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác để mua thức ăn?	0 Không 1 Có 98 Không biết 99 Từ chối trả lời

HÀM Ý HƯỚNG TỚI CỦA CÁC CÂU HỎI FIES

(Kinh nghiệm mất an ninh lương thực)

Tôi muốn hỏi Anh/Chị vài câu hỏi về lương thực. Trong 12 tháng qua, đã có thời điểm nào khi:

C1. Anh/Chị hoặc hộ nhà Anh/Chị lo lắng về vấn đề không đủ thức ăn do thiếu tiền hoặc các nguồn khác không?

- Câu hỏi đề cập đến trạng thái lo lắng, băn khoăn, sợ hãi, hoảng sợ hoặc lo ngại rằng Anh/Chị có thể không đủ lương thực hoặc sẽ hết lương thực (vì không có đủ tiền hoặc các nguồn lực khác để có thức ăn).
- Sự lo lắng hoặc băn khoăn này bắt nguồn do hoàn cảnh, ảnh hưởng tới khả năng mua lương thực, chẳng hạn: mất việc làm hoặc nguồn thu nhập khác, hoặc bất kỳ lý do nào dẫn đến không có đủ tiền; sản xuất lương thực không đủ để tự tiêu dùng; thiếu lương thực có sẵn để sẵn bắt hoặc thu lượm; phá vỡ mối quan hệ xã hội; mất các quyền lợi thông thường hoặc trợ cấp lương thực; môi trường hoặc khủng hoảng chính trị.
- Người trả lời câu hỏi không nhất thiết phải có đủ kinh nghiệm thực tế về việc không đủ lương thực hoặc hết lương thực phải trả lời là 'đúng' với câu hỏi này.

C2. Vẫn trong 12 tháng qua, đã có khi nào mà anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị không thể ăn thực phẩm dinh dưỡng và tốt cho sức khỏe do thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác?

- Câu hỏi này yêu cầu người trả lời cho biết liệu họ không thể ăn lương thực mà họ coi rằng là bổ dưỡng hoặc tốt hay không, những lương thực giúp họ khỏe mạnh, hoặc những lương thực giúp chế độ ăn uống dinh dưỡng hoặc cân đối (vì không có đủ tiền hoặc các nguồn lực khác để có lương thực.)
- Câu hỏi này phụ thuộc vào ý kiến chủ quan của người trả lời, họ coi lương thực họ đang tiêu thụ là lành mạnh và bổ dưỡng
- Câu hỏi đề cập đến chất lượng của chế độ ăn uống, chứ không phải số lượng lương thực ăn được.

C3. Đã có khi nào mà anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị chỉ ăn một vài loại thực phẩm do thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác?	■ Câu hỏi đặt ra rằng người được hỏi có buộc phải ăn một loại lương thực hạn chế, cùng một loại lương thực hoặc chỉ một vài loại lương thực nhất định mỗi ngày do không đủ tiền hoặc các nguồn lực khác để có lương thực hay không? Hàm ý câu hỏi là: nếu hộ gia đình được tiếp cận với nhiều loại lương thực, thì các lương thực được tiêu thụ sẽ đa dạng và có xu hướng gia tăng. ■ Cụm từ thay thế: › Anh/ Chị đã ăn những bữa ăn với một vài loại lương thực hạn chế; › Anh/ Chị đã ăn cùng một loại lương thực hoặc một vài loại lương thực mỗi ngày; › Anh/ Chị phải ăn một loại lương thực hạn chế; › Anh/ Chị phải ăn cùng một vài loại lương thực mỗi ngày; › Anh/ Chị phải ăn chỉ một vài loại lương thực; ■ Câu hỏi đề cập đến chất lượng của chế độ ăn uống, chứ không phải số lượng lương thực ăn được. Điều này nói đến vấn đề thiếu tiền/ các nguồn khác hơn là thói quen thông thường hoặc các hoàn cảnh khác(như: sức khỏe hoặc tôn giáo) là lý do cho sự hạn chế sự đa dạng lương thực.
C4. Đã có khi nào mà anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị phải bỏ bữa ăn vì thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác để mua thức ăn?	■ Câu hỏi này hỏi về kinh nghiệm bỏ lỡ bữa hoặc bỏ bữa (cụ thể bữa sáng, bữa trưa hoặc bữa tối tùy thuộc vào định mức số lượng hay số lần bữa ăn theo phong tục), các bữa thường được ăn (bởi vì thiếu tiền hoặc các nguồn khác để có lương thực.) ■ Câu hỏi này liên quan đến số lượng lương thực không đủ để ăn.
C5. Vẫn trong 12 tháng qua, đã có khi nào mà anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị ăn ít hơn mức mà anh, chị nghĩ là nên ăn vì thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác?	■ Câu hỏi này hỏi về vấn đề: người được hỏi có ăn ít hơn số lượng họ cho rằng nên ăn, ngay cả khi họ không bỏ bữa (vì hộ gia đình không có tiền hoặc các nguồn khác để có lương thực). ■ Câu trả lời phụ thuộc vào ý kiến chủ quan của người trả lời về việc họ nghĩ họ nên ăn bao nhiêu. ■ Câu hỏi này liên quan đến số lượng lương thực ăn được chứ không phải chất lượng của chế độ bữa ăn. ■ Câu hỏi này không đề cập đến chế độ ăn kiêng đặc biệt để giảm cân hoặc vì bất kỳ lý do sức khỏe hoặc tôn giáo.

C6. Đã có khi nào mà anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị hết, cạn kiệt thức ăn vì thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác?	■ Câu hỏi đề cập đến những trải nghiệm khi hộ gia đình thực sự không có thức ăn trong nhà vì họ không có tiền, các nguồn lực khác hoặc bất kỳ điều kiện nào khác để có lương thực.
C7. Đã có khi nào mà anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị bị đói nhưng không ăn vì thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác để mua thức ăn?	■ Câu hỏi này hỏi về kinh nghiệm thực trải qua cảm giác đói, và đặc biệt, cảm giác đói nhưng không thể ăn đủ (do thiếu tiền hay các nguồn khác để có đủ thức ăn). ■ Câu hỏi không đề cập đến chế độ ăn kiêng đặc biệt để giảm cân hoặc tăng cân vì lý do sức khỏe hoặc tôn giáo.
C8. Đã có khi nào mà anh, chị hoặc hộ nhà anh, chị làm việc mà không ăn trong cả ngày vì thiếu tiền hoặc thiếu các nguồn khác?	■ Câu hỏi này hỏi về một hành vi cụ thể - không ăn bất cứ lương thực nào cả ngày (do thiếu tiền và các nguồn khác để có lương thực). ■ Câu hỏi không đề cập đến chế độ ăn kiêng đặc biệt để giảm cân hoặc tăng cân vì lý do sức khỏe hoặc tôn giáo.

Cách đánh giá

- Đánh giá dựa trên điểm số tổng FIES: Mỗi một câu hỏi (từ C1 đến C8) được trả lời có tính là 1 điểm, cộng tất cả 8 câu sẽ ra điểm tổng của thiếu ANLT (tối thiểu là 0, tối đa là 8). Điểm càng cao thì mức độ thiếu ANLT càng cao.
- Đánh giá dựa trên tỷ lệ thiếu ANLT:
 - › Mức độ vừa: các hộ gia đình có trả lời có cho 1 hoặc nhiều câu từ câu C2 đến câu C7.
 - › Mức độ nặng: các hộ gia đình có trả lời có cho câu C8

Mức độ nhẹ	Mức độ vừa		Mức độ nặng
Lo lắng về hết thức ăn	Ảnh hưởng đến chất lượng và sự đa dạng của bữa ăn	Cắt giảm số lượng, bỏ các bữa ăn	Đã từng nhịn đói
Tỷ lệ số hộ có C1=có	Tỷ lệ C2, C3 = có	Tỷ lệ C4,5,6,7=có	Tỷ lệ C8=có

Phụ lục 5. Mẫu dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng

TÊN ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

....., ngày tháng năm....

TÊN DỰ ÁN

I. Sự cần thiết

- Thông tin về địa điểm, địa bàn thực hiện dự án.
- Khái quát về tình hình và thực trạng sử dụng dinh dưỡng của bà mẹ mang thai và trẻ em dưới 5 tuổi.
- Khả năng/tiềm năng phát triển nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng ở địa phương (địa bàn thực hiện).

II. Căn cứ xây dựng dự án

- Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 12/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói” ở Việt Nam đến năm 2025;
- Quyết định số.....
- Căn cứ Định mức kinh tế kỹ thuật:
- Căn cứ định mức xây dựng dự toán:

III. Phạm vi, đối tượng

- Phạm vi
- Đối tượng

IV. Địa điểm, thời gian

- Địa điểm
- Thời gian

V. Kinh phí triển khai

- Tổng kinh phí dự án:
- Kinh phí nhà nước hoặc nhà tài trợ:.....
- Kinh phí đối ứng (nếu có):.....

VI. Đơn vị quản lý, thực hiện dự án

- Đơn vị quản lý/chủ quản
- Đơn vị chủ trì dự án:

VII. Mục tiêu của dự án

1. Mục tiêu chung:.....
2. Mục tiêu cụ thể:.....

VIII. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP CỦA DỰ ÁN

Nội dung của dự án và giải pháp được chủ trì dự án tổng hợp và giải thích để đủ căn cứ cấp kinh phí thực hiện dự án và thể hiện tính khả thi của dự án.

8.1. Cơ bản các hộ có đủ lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng quanh năm

a) Cơ bản hộ có đủ lương thực

■ **Đánh giá hiện trạng:** Phân tích các số liệu thu thập qua khảo sát để đánh giá điều kiện sản xuất lương thực, của các hộ tham gia dự án từ đó đánh giá có:

- Số hộ có đủ lương thực cho cả năm
- Số hộ thiếu lương thực
- Số hộ thiếu thực phẩm
- Tổng số lương thực thiếu còn của các hộ dân tham gia dự án

■ **Giải pháp bù đắp:**

- **Giải pháp kỹ thuật:** Áp dụng biện pháp thâm canh tăng năng suất và sử dụng giống mới để nâng cao năng suất và sản lượng lương thực.
- **Biện pháp mở rộng diện tích sản xuất lương thực:** Bằng các biện pháp tăng vụ, mở rộng diện tích sản xuất.
- **Thúc đẩy sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi khác có lợi thế ở địa phương** để người dân có thể tạo thu nhập mua lương lương thực bù đắp cho số còn thiếu.
- **Kết nối thị trường** giúp người dân tiêu thụ sản phẩm và mua lương thực bù đắp cho số lương thực còn thiếu.
- **Kết nối hệ thống cứu trợ** (qua hội chữ thập đỏ, Quỹ hỗ trợ Quốc gia) biện pháp này chỉ thực hiện khi người dân không tự sản xuất hoặc không có khả năng mua đủ lương thực cần thiết ở những vùng đặc biệt khó khăn hoặc do thiên tai thời tiết để bù đắp cho số lương thực còn thiếu.

b) Đảm bảo cung ứng thực phẩm: Rau, củ, quả; các loại thịt gia cầm gia súc, thủy sản

■ **Đánh giá hiện trạng:**

- Số lượng thực phẩm do người dân đang sản xuất ở địa phương.
- **Xác định mức thiếu hụt số lượng thực phẩm cần bù đắp** trên cơ sở căn cứ vào yêu cầu dinh dưỡng (theo chỉ tiêu dinh dưỡng của ngành Y tế).
- **Xem xét khả năng lợi thế sản xuất thực phẩm ở địa phương** để tổ chức sản xuất cho các hộ gia đình.

■ **Các giải pháp bù đắp:**

- **Tổ chức sản xuất cho người dân:**
- **Phát triển sản xuất trong từng hộ gia đình** như: Trồng rau, trồng cây ăn quả, chăn nuôi gia cầm, gia súc, nơi có điều kiện có thể phát triển thủy sản (nuôi tôm, cá...)
- **Kết nối thị trường** mua bán các loại sản phẩm do người dân sản xuất ra.
- **Bán các loại sản phẩm sản xuất dư thừa** và mua những loại còn thiếu cho khẩu phần ăn gia đình.

Lưu ý: Sản xuất các loại nông sản thực phẩm tập chung chủ yếu cho sản xuất xuất các loại cây trồng vật nuôi ngắn ngày để nhanh chóng cung cấp đủ dinh dưỡng cho bữa ăn hàng ngày (Dự án chủ yếu hỗ trợ cho người dân sản xuất các loại sản phẩm ngắn ngày như rau, củ, quả, gia cầm, thủy sản...) và kết hợp sản xuất các loại cây trồng vật nuôi dài ngày để phát triển kinh tế.

8.2. Giảm suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 2 tuổi

■ Đánh giá hiện trạng:

- Tình hình ảnh hưởng đến sức khỏe người dân, như: chương trình chăm sóc sức khỏe, phòng trừ dịch bệnh, nước sạch vệ sinh môi trường.
- Thể trạng người dân: chiều cao, cân nặng.
- Tình hình dinh dưỡng của người dân: sử dụng lương thực thực phẩm, khẩu phần ăn.

■ Đánh giá nguyên nhân ảnh hưởng đến tình trạng trên:

- Không đủ ăn nên thiếu dinh dưỡng.
- Nhận thức chưa đúng của người dân về dinh dưỡng.

■ Giải pháp khắc phục:

- Khuyến cáo đẩy mạnh thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe, phòng trừ dịch bệnh...
- Đề xuất giải quyết tình trạng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, bảo vệ môi trường...
- Tập huấn, tuyên truyền về dinh dưỡng cho người dân, bảo quản chế biến lương thực thực phẩm, sử dụng khẩu phần ăn đảm bảo dinh dưỡng.
- Tập huấn cho người dân biết lập kế hoạch của hộ gia đình về chuẩn bị số lượng lương thực, thực phẩm để sử dụng đủ cho hàng ngày, tháng và cả năm.

8.3. Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm bền vững và 100% hộ tham gia chương trình được tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã và liên kết sản xuất

a) Phát triển hệ thống lương thực và thực phẩm bền vững:

■ Phát triển hệ thống lương thực thực phẩm tại chỗ:

- Áp dụng các nội dung và giải pháp như ở mục (1)
- Xây dựng hệ thống cung ứng lương thực: đối với các hộ không thể tự sản xuất lương thực hoặc do thiên tai, căn cứ vào mức độ thiếu hụt của người dân tham gia dự án, tổ công tác lập nhu cầu cần hỗ trợ về số lượng, thời gian, và báo cáo UBND xã để xã tổng hợp báo cáo huyện, tỉnh. Trên cơ sở đó các cấp có thẩm quyền lập kế hoạch hỗ trợ cho người dân nhu cầu thiếu hụt lương thực theo chương trình cứu đói của Chính phủ.

b) Xây dựng tổ hợp tác/HTX (nếu cần)

- Trên cơ sở Nghị định 79/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Tổ hợp tác; phòng nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, UBND xã hướng dẫn giúp đỡ xây dựng tổ hợp tác cho các hộ tham gia dự án (trình tự thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật).
- Giai đoạn ban đầu có thể hình thành tổ hợp tác trên cơ sở tự nguyện thành lập như tổ hợp tác theo hình thức nhóm sở thích hoặc câu lạc bộ (Câu lạc bộ nông nghiệp dinh dưỡng thôn....) sau đó phát triển thành tổ hợp tác theo Nghị định 79/2007/NĐ-CP của Chính phủ hoặc có thể tiến tới thành lập các HTX nông nghiệp theo luật HTX năm 2012.
- Các hộ tham gia dự án cam kết 100% tham gia tổ hợp tác và thực hiện đúng quy chế của tổ hợp tác.

8.4. Tăng năng suất và thu nhập của các hộ nông dân sản xuất nhỏ: Các hộ tham gia chương trình có tăng năng suất cây trồng, vật nuôi và tăng thu nhập 10%

- Tăng năng suất các loại cây trồng vật nuôi của các hộ dân tham gia dự án (nội dung cụ thể ở mục (1) bao gồm: Cây lương thực, cây rau củ quả, các loại gia súc gia cầm, thông qua các hoạt động: Tập huấn kỹ thuật nuôi trồng, phòng trừ dịch hại; Đầu tư hỗ trợ phát triển đàn gia cầm cho các hộ tham gia dự án (con giống, một phần thức ăn, thuốc thú y).

8.5. Không còn thất thoát hoặc lãng phí lương thực, thực phẩm

- Đánh giá hiện trạng:
 - Thu hoạch sản phẩm: cách thu hoạch (thủ công, máy); thời điểm thu hoạch vào giai đoạn nào của cây trồng, vật nuôi để làm giảm thất thoát, chất lượng của lương thực, thực phẩm trên đồng ruộng.
 - Bảo quản lương thực thực phẩm. (kho bảo quản, thời gian bảo quản, cách thức bảo quản)
 - Cách sử dụng: hình thức chế biến, cách tính toán số lượng lương thực, thực phẩm hợp lý trong bữa ăn hàng ngày ở hộ gia đình.
- Giải pháp khắc phục: Tập chung truyền truyền, tập huấn cho người dân những nội dung sau:
 - Tăng cường bảo quản lương thực thực phẩm: Tập trung chủ yếu cho bảo quản lương thực (thu hoạch lương thực đúng thời điểm để tránh hao hụt, phải có nơi chứa đựng và bảo quản phù hợp, có kỹ thuật bảo quản)
 - Sử dụng khẩu phần dinh dưỡng hợp lý:
 - i. Người dân phải hiểu được nhu cầu dinh dưỡng của từng đối tượng trong gia đình để từ đó có kế hoạch sản xuất, mua bán, trao đổi để có đủ lượng lương thực thực phẩm cho tháng, năm đối với gia đình.
 - ii. Sử dụng lương thực thực phẩm cho các đối tượng trong gia đình của bữa ăn hàng ngày hợp lý, đủ lượng, đáp ứng được nhu cầu dinh dưỡng, tránh thừa thãi, giảm hàm lượng dinh dưỡng của lương thực thực phẩm dẫn đến lãng phí trong quá trình sử dụng.
 - Xây kế hoạch sử dụng lương thực thực phẩm hợp lý: Người dân phải biết cách lập kế hoạch (ngày, tháng và cả năm) về sử dụng lương thực thực phẩm cho người, vật nuôi hợp lý để tránh tình trạng sử dụng lãng phí, bữa bãi dẫn đến thiếu hụt

IX. KINH PHÍ VÀ ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Kinh phí

2. Định mức kinh tế kỹ thuật

3. Dự kiến kết quả đạt được

- Nâng cao nhận thức của người dân về phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với cải thiện dinh dưỡng cho người dân và trẻ em
- Giảm tỷ lệ nghèo
- Tăng thu nhập cải thiện đời sống của người dân
- Phát triển hạ tầng nâng cao chất lượng cuộc sống người dân
- Tạo điều kiện để cải thiện tâm vóc thể trạng của người dân
- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Vai trò, trách nhiệm của các bên tham gia dự án như thế nào?

XI. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN

- Khảo sát và xây dựng dự án
- Họp dân thống nhất dự án
- Hoàn thiện và trình phê duyệt dự án
- Tổ chức thực hiện dự án
- Đánh giá kết quả thực hiện dự án
- Tổng kết tài liệu hóa

....., ngàytháng năm 202...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 6. Bộ chỉ số giám sát theo khung logic dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng trong Chương trình hành động quốc gia “Không còn nạn đói” đến năm 2025

cấp bậc	Nội dung	Các chỉ số đo lường	Phương tiện và nguồn kiểm chứng	Giả định chính
Mục tiêu chung dự án	Cải thiện chế độ ăn và tình trạng dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em dưới 2 tuổi	% trẻ dưới 5 tuổi bị nhẹ cân (cân nặng theo tuổi)	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	
		% trẻ dưới 5 tuổi bị thấp còi (chiều cao theo tuổi)	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	
		% trẻ dưới 5 tuổi bị gầy còm (cân nặng theo chiều cao)	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	
		% phụ nữ ở độ tuổi sinh sản bị thiếu cân (BMI<18.5)	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	
Mục tiêu cụ thể 1	Đáp ứng cơ bản các hộ có đủ lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng quanh năm	Sản lượng trung bình của gia cầm/rau củ quả sản xuất bởi các hộ gia đình dựa vào các hoạt động hỗ trợ của dự án theo tháng/mùa vụ (kg, con, quả)	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	Không thiên tai Không dịch bệnh động vật trong thời gian dự án
		% hộ gia đình trải qua tình trạng mất an ninh lương thực ở mức độ vừa và nghiêm trọng theo thang đo FIES	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	
Đầu ra 1.1	Phát triển mạng lưới cán bộ địa phương hỗ trợ sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng gồm chăn nuôi gia cầm, gia súc nhỏ và vườn gia đình tại các địa phương thực hiện dự án	# cán bộ/thành viên hỗ trợ sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tại địa phương	Báo cáo, hồ sơ dự án	Cán bộ địa phương ủng hộ các hoạt động nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng

Hoạt động 1.1.1	Tập huấn kiến thức nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng và kỹ thuật trồng trọt/chăn nuôi cho cán bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tại địa phương (cấp xã và thôn) nhằm cải thiện năng suất trồng rau, trái cây và chăn nuôi gia cầm, giảm thất thoát lãng phí lương thực, thực phẩm	# số buổi tập huấn kiến thức và kỹ thuật trồng trọt/chăn nuôi cho cán bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tại địa phương trong thời gian dự án	Báo cáo, hồ sơ dự án	
		# cán bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tại địa phương được tập huấn kiến thức nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng và kỹ thuật trồng trọt/chăn nuôi trong thời gian dự án	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Hoạt động 1.1.2	Thực hiện các hoạt động tư vấn nhóm/tại hộ về thực hành sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng bởi các cán bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp địa phương (cấp xã và thôn) cho các hộ gia đình tham gia vào dự án	# hoạt động tư vấn nhóm/tại hộ về thực hành sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng bởi các cán bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp địa phương (cấp xã và thôn) cho các hộ gia đình tham gia trong thời gian dự án	Báo cáo, hồ sơ dự án	
		# hộ gia đình tham gia các buổi tư vấn nhóm/tại hộ về thực hành sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng bởi các cán bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp địa phương (cấp xã và thôn) trong thời gian dự án	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Đầu ra 1.2	Cải thiện kiến thức nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng và kỹ thuật trồng trọt/chăn nuôi cho hộ gia đình tham gia dự án	% hộ gia đình nhận thấy tầm quan trọng và có kiến thức cơ bản về nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng trong thời gian dự án	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	Có sự phối hợp tốt giữa cán bộ nông nghiệp và cán bộ dinh dưỡng và cán bộ dự án

Đầu ra 1.2		% hộ gia đình được nâng cao kỹ năng trồng trọt và chăn nuôi sau khi tham gia tập huấn trong thời gian dự án	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ) Phỏng vấn nhanh và giám sát thực địa/phỏng vấn nhóm tại một số địa bàn chọn ngẫu nhiên	
Hoạt động 1.2.1	Tập huấn kiến thức nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng và kỹ thuật trồng trọt/chăn nuôi cho hộ gia đình tham gia dự án	# buổi tập huấn kiến thức nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng và kỹ thuật trồng trọt/chăn nuôi cho hộ gia đình trong thời gian dự án	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Hoạt động 1.2.2	Cung cấp các vật tư đầu vào nông nghiệp (hạt giống rau quả, cây non, gà con, phân hữu cơ) cho các hộ gia đình	% hộ gia đình được hỗ trợ vật tư đầu vào nông nghiệp (hạt giống rau quả, cây non, gà con, phân hữu cơ) trong thời gian dự án	Báo cáo, hồ sơ dự án	
		# vật tư đầu vào nông nghiệp (hạt giống rau quả, cây non, gà con, phân hữu cơ) hỗ trợ cho từng hộ gia đình trong thời gian dự án % cây/con giống cung cấp từ dự án được chăm sóc/nuôi dưỡng thành công tại các hộ gia đình trong thời gian dự án	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Hoạt động 1.2.3	Vận động cam kết từ các hộ gia đình về đối ứng từ hộ gia đình (quy đổi từ chi phí vật tư, nguyên liệu và công lao động chăm sóc) khi tham gia vào dự án	Số tiền đối ứng từ hộ gia đình (quy đổi từ chi phí vật tư, nguyên liệu và công lao động chăm sóc) (đồng) trong thời gian dự án	Báo cáo, hồ sơ dự án	

Mục tiêu cụ thể 2	Giảm suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 2 tuổi	% trẻ 6-23 tháng tuổi được ăn ít nhất 3 bữa chính	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	
		% trẻ được bú mẹ đến 2 tuổi	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	
		% trẻ dưới 6 tháng tuổi được cho bú mẹ hoàn toàn	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	
		% trẻ trên 6 tháng tuổi được ăn đa dạng thực phẩm	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	
		% bà mẹ có chế độ ăn đa dạng trong ngày qua	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	
		% bà mẹ có 3 bữa ăn chính trong ngày	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	
Đầu ra 2.1	Nâng cao nhận thức, kiến thức về tiêu thụ thực phẩm giàu dinh dưỡng/vi chất và thực hành chăm sóc trẻ cho cán bộ liên quan đến chăm sóc dinh dưỡng và sức khỏe cho hộ gia đình (hội phụ nữ, trạm y tế, cán bộ trường mầm non)	# cán bộ liên quan đến chăm sóc dinh dưỡng và sức khỏe cho hộ gia đình (hội phụ nữ, trạm y tế, cán bộ trường mầm non) được nâng cao nhận thức, kiến thức về tiêu thụ thực phẩm giàu dinh dưỡng/vi chất và thực hành chăm sóc trẻ	- Báo cáo, hồ sơ dự án - Phỏng vấn nhanh và giám sát thực địa/phỏng vấn nhóm tại một số địa bàn chọn ngẫu nhiên	Cán bộ tại địa phương sẵn lòng áp dụng kiến thức và thực hành mới

Hoạt động 2.1.1	Tập huấn cho cán bộ liên quan đến chăm sóc dinh dưỡng và sức khỏe cho hộ gia đình (hội phụ nữ, trạm y tế, cán bộ/giáo viên trường mầm non) về tiêu thụ thực phẩm giàu dinh dưỡng/vi chất, thực hành chăm sóc trẻ và kỹ năng truyền thông thay đổi hành vi.	# cán bộ liên quan đến chăm sóc dinh dưỡng và sức khỏe cho hộ gia đình (hội phụ nữ, trạm y tế, cán bộ/giáo viên trường mầm non) tham gia tập huấn về tiêu thụ thực phẩm giàu dinh dưỡng/vi chất, thực hành chăm sóc trẻ và kỹ năng truyền thông thay đổi hành vi	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Hoạt động 2.1.2	Thực hiện trình diễn thực phẩm hàng tháng cho phụ huynh, người chăm sóc trẻ và giáo viên trường mầm non bởi các cán bộ dinh dưỡng, y tế	# buổi trình diễn thực phẩm hàng tháng cho phụ huynh, người chăm sóc trẻ và giáo viên trường mầm non bởi các cán bộ dinh dưỡng, y tế	Báo cáo, hồ sơ dự án	
		# phụ huynh, người chăm sóc trẻ và giáo viên trường mầm non tham gia trình diễn thực phẩm hàng tháng bởi các cán bộ dinh dưỡng, y tế	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Đầu ra 2.2	Nâng cao nhận thức và kiến thức về tiêu thụ thực phẩm giàu dinh dưỡng/vi chất và thực hành chăm sóc trẻ cho phụ huynh, người chăm sóc trẻ	% phụ huynh, người chăm sóc trẻ được nâng cao nhận thức và kiến thức về tiêu thụ thực phẩm giàu dinh dưỡng/vi chất và thực hành chăm sóc trẻ	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	Hộ gia đình tại địa phương sẵn lòng áp dụng kiến thức và thực hành mới

Hoạt động 2.2.1	Tập huấn nâng cao nhận thức và kiến thức về tiêu thụ thực phẩm giàu dinh dưỡng/vi chất và thực hành chăm sóc trẻ cho phụ huynh, người chăm sóc trẻ	# buổi tập huấn nâng cao nhận thức và kiến thức về tiêu thụ thực phẩm giàu dinh dưỡng/vi chất và thực hành chăm sóc trẻ cho phụ huynh, người chăm sóc trẻ	Báo cáo, hồ sơ dự án	
		# phụ huynh, người chăm sóc trẻ tham gia tập huấn nâng cao nhận thức và kiến thức về tiêu thụ thực phẩm giàu dinh dưỡng/vi chất và thực hành chăm sóc trẻ	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Hoạt động 2.2.2	Thực hiện truyền thông nhóm (gắn với hoạt động tổ hợp tác nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng) về dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ và người chăm sóc trẻ em	# buổi truyền thông nhóm (gắn với hoạt động tổ hợp tác nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng) về dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ và người chăm sóc trẻ em	Báo cáo, hồ sơ dự án	
		# phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ và người chăm sóc trẻ em tham gia truyền thông nhóm (gắn với hoạt động tổ hợp tác nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng) về dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Đầu ra 2.3		% hộ gia đình có nam giới tham gia vào các hoạt động về chăm sóc trẻ em, dinh dưỡng trẻ em trong 1-3 tháng qua	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	Nội dung thực hiện phù hợp với phong tục tập quán tại địa phương Cán bộ địa phương ủng hộ hoạt động dự án Nam giới sẵn lòng tiếp nhận kiến thức mới
		% hộ gia đình có phụ nữ đưa ra hoặc tham gia quyết định về việc sử dụng thu nhập kiếm được từ cây/con sản xuất bởi hộ gia đình	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	

Hoạt động 2.3.1	Tập huấn cho các hộ gia đình, hội phụ nữ, hội nông dân, tổ hợp tác nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng về bình đẳng giới	# buổi tập huấn về bình đẳng giới cho các hộ gia đình, hội phụ nữ, hội nông dân, tổ hợp tác nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng	Báo cáo, hồ sơ dự án	
		# hộ gia đình, hội phụ nữ, hội nông dân, tổ hợp tác nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tham gia tập huấn về bình đẳng giới	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Hoạt động 2.3.2	Xây dựng tài liệu về bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và trao đổi vai trò giữa nam và nữ cho các hộ gia đình tham gia vào dự án	# tài liệu về bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và trao đổi vai trò giữa nam và nữ được xây dựng phù hợp với các hộ gia đình trong địa bàn dự án	Báo cáo, hồ sơ dự án	
		% hộ gia đình nhận được tài liệu về bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và trao đổi vai trò giữa nam và nữ	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Mục tiêu cụ thể 3	Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm bền vững	% hộ gia đình được tham gia hợp tác xã/ tổ hợp tác nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng	- Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ) - Phỏng vấn nhanh và giám sát thực địa /phỏng vấn nhóm tại một số địa bàn chọn ngẫu nhiên	
		% hộ gia đình có khả năng tự cung cấp và/hoặc chi trả thực phẩm cho hộ	- Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ) - Phỏng vấn nhanh và giám sát thực địa /phỏng vấn nhóm tại một số địa bàn chọn ngẫu nhiên	

Đầu ra 3.1	Phát triển mạng lưới HTX, tổ hợp tác, câu lạc bộ nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tại địa phương	# HTX, tổ hợp tác, câu lạc bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tại địa phương	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Hoạt động 3.1.1	Tích hợp định hướng nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng vào các HTX, Tổ hợp tác, câu lạc bộ sẵn có tại địa phương	# HTX, tổ hợp tác, câu lạc bộ sẵn có tại địa phương tích hợp định hướng nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng vào cách thức hoạt động	Báo cáo, hồ sơ dự án	HTX, tổ hợp tác, câu lạc bộ đã thành lập tại địa phương và sẵn lòng áp dụng kiến thức và thực hành mới
Hoạt động 3.1.2	Thành lập Tổ hợp tác, câu lạc bộ nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng	# Tổ hợp tác, câu lạc bộ nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Mục tiêu cụ thể 4	Tăng năng suất và thu nhập của các hộ nông dân sản xuất nhỏ	Doanh thu trung bình trong tháng hoặc mùa vụ gần nhất từ bán cây (rau, củ, quả) và/hoặc con vật nuôi từ cây/con giống được hỗ trợ từ dự án (đồng)	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	Không thiên tai, dịch bệnh động vật, khủng hoảng tài chính, thay đổi rõ rệt đối với giá cả và thị trường nông sản
Đầu ra 4.1	Nâng cao kiến thức về hỗ trợ vốn, tiết kiệm và đầu tư vào sản xuất nông nghiệp và tiếp cận thị trường cho các cán bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp địa phương và các hộ gia đình tham gia vào dự án	# cán bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp địa phương được nâng cao kiến thức về hỗ trợ vốn, tiết kiệm và đầu tư vào sản xuất nông nghiệp và tiếp cận thị trường	Báo cáo, hồ sơ dự án	
		% hộ gia đình được nâng cao kiến thức về hỗ trợ vốn, tiết kiệm và đầu tư vào sản xuất nông nghiệp và tiếp cận thị trường	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	

Hoạt động 4.1.1	Tập huấn nâng cao kiến thức về hỗ trợ vốn, tiết kiệm và đầu tư vào sản xuất nông nghiệp và tiếp cận thị trường cho các cán bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp địa phương	# cán bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp địa phương tham gia tập huấn nâng cao kiến thức về hỗ trợ vốn, tiết kiệm và đầu tư vào sản xuất nông nghiệp và tiếp cận thị trường	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Hoạt động 4.1.2	Thực hiện tư vấn nhóm bởi các cán bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp địa phương về hỗ trợ vốn, tiết kiệm và đầu tư vào sản xuất nông nghiệp và tiếp cận thị trường cho các hộ gia đình tham gia dự án	# buổi tư vấn nhóm bởi các cán bộ hỗ trợ phát triển nông nghiệp địa phương về hỗ trợ vốn, tiết kiệm và đầu tư vào sản xuất nông nghiệp và tiếp cận thị trường cho các hộ gia đình tham gia dự án được thực hiện trong thời gian dự án	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Hoạt động 4.1.3	Hỗ trợ phát triển nhóm tín dụng nhỏ trong Tổ hợp tác Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng phối hợp với Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên	# nhóm tín dụng nhỏ trong Tổ hợp tác Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng phối hợp với Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên được hỗ trợ phát triển trong thời gian dự án	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Đầu ra 4.2	Tăng cường gắn kết hộ gia đình/ Tổ hợp tác Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng với chợ/thị trường nông sản	# hộ gia đình/Tổ hợp tác Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng bán được các nông sản thặng dư cho các chợ/thị trường nông sản	- Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ) - Báo cáo, hồ sơ dự án - Phòng vấn nhanh và giám sát thực địa /phỏng vấn nhóm tại một số địa bàn chọn ngẫu nhiên	

Hoạt động 4.2.1	Tổ chức sự kiện giao lưu thi đua về các sáng kiến nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng giữa các hộ gia đình tham gia trong dự án	% hộ gia đình tham gia sự kiện giao lưu thi đua về các sáng kiến nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Hoạt động 4.2.2	Tạo điều kiện phát triển các liên kết thị trường cho các nông sản thặng dư tại các hộ gia đình và Tổ hợp tác Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tại địa phương	# liên kết thị trường cho các nông sản thặng dư tại các hộ gia đình và Tổ hợp tác Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tại địa phương được phát triển	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Hoạt động 4.2.3	Tạo kênh chia sẻ thông tin về thị trường nguyên liệu và nông sản cho Tổ hợp tác Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng và hộ gia đình	% hộ gia đình, Tổ hợp tác Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tiếp cận được thông tin về thị trường nguyên liệu và nông sản	- Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ) - Báo cáo, hồ sơ dự án	
Mục tiêu cụ thể 5	Không còn tồn thất, lãng phí lương thực, thực phẩm	% hộ gia đình biết cách tính toán số lượng lương thực, thực phẩm hợp lý trong bữa ăn hàng ngày ở hộ gia đình để tránh thực phẩm dư thừa sau bữa ăn	- Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ) - Phòng vấn nhanh và giám sát thực địa /phỏng vấn nhóm tại một số địa bàn chọn ngẫu nhiên	Hộ gia đình và cán bộ địa phương sẵn lòng áp dụng các kiến thức mới
		% hộ gia đình có sử dụng tủ lạnh hoặc dụng cụ/phương tiện bảo quản thực phẩm trước khi chế biến	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	

Đầu ra 5.1	Nâng cao nhận thức và kiến thức cho các hộ gia đình về tính toán số lượng lương thực, thực phẩm hợp lý trong bữa ăn hàng ngày ở hộ gia đình để tránh thực phẩm dư thừa sau bữa ăn	% hộ gia đình được nâng cao nhận thức và kiến thức về tính toán số lượng lương thực, thực phẩm hợp lý trong bữa ăn hàng ngày ở hộ gia đình để tránh thực phẩm dư thừa sau bữa ăn	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	
Hoạt động 5.1.1	Tập huấn và tổ chức các buổi thực hành nhóm cho cán bộ hỗ trợ dinh dưỡng và nông nghiệp tại địa phương biết cách tính toán số lượng lương thực, thực phẩm hợp lý trong bữa ăn hàng ngày để tránh thực phẩm dư thừa sau bữa ăn	# cán bộ hỗ trợ dinh dưỡng và nông nghiệp tại địa phương tham gia tập huấn và biết tính toán số lượng lương thực, thực phẩm hợp lý trong bữa ăn hàng ngày để tránh thực phẩm dư thừa sau bữa ăn	Báo cáo, hồ sơ dự án	
Hoạt động 5.1.2	Tổ chức các buổi thực hành nhóm bởi cán bộ hỗ trợ dinh dưỡng và nông nghiệp tại địa phương về cách tính toán số lượng lương thực, thực phẩm hợp lý trong bữa ăn hàng ngày cho các hộ gia đình để tránh thực phẩm dư thừa sau bữa ăn	# buổi thực hành nhóm bởi cán bộ hỗ trợ dinh dưỡng và nông nghiệp tại địa phương về cách tính toán số lượng lương thực, thực phẩm hợp lý trong bữa ăn hàng ngày cho các hộ gia đình để tránh thực phẩm dư thừa sau bữa ăn	Báo cáo, hồ sơ dự án	
		% hộ gia đình tham gia buổi thực hành nhóm bởi cán bộ hỗ trợ dinh dưỡng và nông nghiệp tại địa phương về cách tính toán số lượng lương thực, thực phẩm hợp lý trong bữa ăn hàng ngày để tránh thực phẩm dư thừa sau bữa ăn	Khảo sát hộ gia đình (Đầu kỳ, cuối kỳ)	



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

THỰC HÀNH NÔNG NGHIỆP ĐẢM BẢO DINH DƯỠNG

(Dùng cho người dân tham gia dự án)

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-BNN-KTHT
ngày.....tháng.....năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)



MỤC LỤC

BÀI 1. VAI TRÒ CỦA THỰC PHẨM VỚI SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG.....	1
BÀI 2. NÔNG NGHIỆP ĐẢM BẢO DINH DƯỠNG.....	8
BÀI 3. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT ĐẢM BẢO DINH DƯỠNG CHO HỘ GIA ĐÌNH.....	15
BÀI 4. CHĂM SÓC BÀ MẸ MANG THAI.....	22
BÀI 5. CHO TRẺ ĂN BỔ SUNG HỢP LÝ.....	26
BÀI 6. PHÒNG CHỐNG THIẾU VI CHẤT DINH DƯỠNG CHO TRẺ.....	31

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

VDD	Vườn dinh dưỡng
FAO	Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc
VAC	Vườn - Ao - Chuồng



Kế hoạch bài giảng

- Hoạt động 1: Giới thiệu, làm quen
- Hoạt động 2: Các nhóm thực phẩm cần thiết cho cơ thể
- Hoạt động 3: Vai trò của dinh dưỡng đối với cơ thể
- Giải lao
- Hoạt động 4: Làm thế nào đảm bảo dinh dưỡng cho gia đình
- Hoạt động 5: Tóm tắt nội dung bài 1



Mục tiêu học tập

Vào cuối bài học này, học viên có thể:

1. Nắm được các loại dinh dưỡng và sự cần thiết của dinh dưỡng đối với cơ thể;
2. Biết cách tổ chức một bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng cho các thành viên trong gia đình.



Chuẩn bị bài giảng và các đồ dùng

Các đồ dùng/công cụ cần chuẩn bị cho bài giảng:

1. Bảng kẹp giấy, giấy và bút viết giấy và viết bảng
2. Giấy màu (4 màu) khổ A4, có thể cắt đôi hoặc 3 khi sử dụng
3. Giấy A0, băng dán giấy, kéo ...

Hoạt động 1: Giới thiệu & làm quen

1. Trò chơi khởi động: Giảng viên tổ chức cho toàn bộ học viên tham gia một trò chơi vận động (ví dụ: Làm theo tôi nói, 7UP, Mát-xa cho nhau, Kết nhóm...) giúp học viên cảm thấy thoải mái, cởi mở và sẵn sàng tham gia các hoạt động tiếp theo.
2. Giới thiệu & làm quen: Mỗi học viên có 15 giây tự giới thiệu về bản thân (họ tên, tuổi, sở thích...), giảng viên (hoặc trợ giảng) giúp ghi tên học viên lên thẻ màu (5x10cm) và giúp học viên dán lên ngực để dễ gọi tên trong suốt quá trình tập huấn.

Hoạt động 2: Tìm hiểu các nhóm dinh dưỡng chính cần thiết cho cơ thể

Bước 1: Giảng viên đề nghị cả lớp cho biết các loại thực phẩm mà gia đình thường sử dụng là gì? Trợ giảng viết tóm tắt câu trả lời lên thẻ màu và dán lên bảng. Lưu ý khơi gợi để học viên luân phiên trả lời, tránh chỉ tập trung vào một số học viên tích cực.

Bước 2: Sắp xếp lại các câu trả lời theo 4 nhóm dinh dưỡng chính gồm có: Chất bột đường, chất đạm, vitamin và khoáng chất, chất béo.



Sau khi sắp xếp xong, giảng viên hỏi lớp có bổ sung gì không, sau đó đặt câu hỏi "Loại thức ăn nào có thể cung cấp đầy đủ 4 nhóm chất nêu trên cho cơ thể trẻ sơ sinh?". Đáp án là "Sữa mẹ" sẽ được viết lên thẻ màu và dán ở điểm giao nhau giữa 4 nhóm thực phẩm. Giảng viên có thể mời một số học viên chia sẻ sâu hơn về vai trò của sữa mẹ đối với trẻ sơ sinh.

Hoạt động 3: Tìm hiểu về vai trò của dinh dưỡng đối với cơ thể

Cách thực hiện:

Bước 1: Giảng viên chia lớp thành 4 nhóm để thảo luận về “vai trò của dinh dưỡng đối với cơ thể con người (phụ nữ mang thai, trẻ em, người lớn, người già)? Mỗi nhóm sẽ trình bày kết quả trên giấy A0 theo mẫu gợi ý dưới đây:

Vai trò của dinh dưỡng đối với cơ thể	Tác hại nếu không đủ dinh dưỡng

Bước 2: Các nhóm cử đại diện lên trình bày kết quả thảo luận

Bước 3: Giảng viên đánh giá (khen ngợi) phần trình bày của các nhóm, sau đó tổng hợp lại các nội dung quan trọng về vai trò của dinh dưỡng đối với cơ thể con người, bao gồm:

- Dinh dưỡng hợp lý là nền tảng của sức khỏe và trí tuệ.
- Một chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng đủ nhu cầu cơ thể trong các giai đoạn khác nhau của chu kỳ sống sẽ tạo ra sự tăng trưởng và phát triển tối ưu cho thai nhi và trẻ nhỏ.
- Chế độ dinh dưỡng tốt giúp phòng chống hữu hiệu với đa số bệnh tật để có một thể lực khỏe mạnh, tăng năng suất lao động cao và chất lượng cuộc sống tốt cho mọi lứa tuổi.

Hoạt động 4: Làm thế nào để đảm bảo dinh dưỡng cho cơ thể

Nội dung 1: Vai trò của bữa ăn với sức khỏe

- Ăn uống đảm bảo dinh dưỡng và đó là nền tảng của sức khỏe và trí tuệ. Một chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng đủ nhu cầu cơ thể trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đời giúp trẻ em tăng trưởng và phát triển, phòng chống bệnh tật, đảm bảo cơ thể khỏe mạnh, năng suất lao động và chất lượng cuộc sống tốt cho mọi lứa tuổi.
- Chính vì vậy bữa ăn gia đình có vai trò vô cùng quan trọng và cần được đảm bảo về cả số lượng và chất lượng. Một bữa ăn cân đối cần có đủ 4 nhóm chất dinh dưỡng là nhóm bột đường (chủ yếu từ các loại ngũ cốc), nhóm chất đạm (thịt, cá, trứng, sữa, các loại đậu, đỗ,...), nhóm chất béo (mỡ động vật, dầu thực vật), nhóm vitamin và khoáng chất (các loại rau, củ, quả,...).
- Giá trị dinh dưỡng của thức ăn phụ thuộc vào thành phần hóa học của các loại thức ăn, các chất dinh dưỡng trong thức ăn, sự tươi sạch của thức ăn và cách nấu nướng chế biến thức ăn đó. Thức ăn nào cũng có đầy đủ các chất dinh dưỡng đó là chất đạm, chất béo, tinh bột, vitamin và muối khoáng, nhưng có loại thức ăn nhiều chất dinh dưỡng này, có loại thức ăn nhiều chất dinh dưỡng khác, vì vậy nên dùng phối hợp nhiều loại thức ăn để hỗ trợ và bổ sung cho nhau nhằm đáp ứng được nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày.

Lưu ý: Giảng viên viết các **lời khuyên** dưới đây lên bìa màu (khổ A4) để dán lên bảng và tiến hành phân tích sâu từng nội dung:

- Ăn đủ 4 nhóm chất dinh dưỡng và phối hợp đa dạng nhiều loại thực phẩm.
- Ăn đủ theo nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể.
- Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.



Hoạt động 4: Làm thế nào để đảm bảo dinh dưỡng cho cơ thể

Nội dung 2: Các nhóm thực phẩm cần thiết cho sức khỏe

- Nêu câu hỏi cho các học viên: Hàng ngày bữa cơm của gia đình anh/chị ăn những thực phẩm gì?
- Mỗi học viên liệt kê các thức ăn ăn vào ngày hôm qua.
- Người hướng dẫn có thể dùng các thẻ thực phẩm in sẵn hoặc đưa cho các học viên các thẻ màu và bút để họ tự viết (hoặc giúp họ viết tùy theo khả năng của học viên), mỗi thẻ ghi tên 1 loại thực phẩm. Nếu số lượng thực phẩm ít thì có thể yêu cầu các học viên nhớ lại các thực phẩm ăn trong tuần qua, tháng qua.

- Sắp xếp các thẻ thực phẩm vào các nhóm trên giấy A0 đã vẽ sẵn Tháp thực phẩm như sau:



- Giải thích vai trò của thực phẩm ở từng tầng tháp và số lượng cần phải ăn.
- Mỗi loại thực phẩm đều cung cấp một số chất dinh dưỡng nhất định nhưng cần ở tỉ lệ khác nhau. Không một thực phẩm nào là hoàn hảo và có thể cung cấp đủ các chất dinh dưỡng cho nhu cầu của cơ thể. Chính vì vậy cách ăn uống thông minh nhất là phối hợp ăn nhiều loại thực phẩm và thường xuyên thay đổi món ăn để cung cấp đủ các chất dinh dưỡng đáp ứng cho nhu cầu dinh dưỡng phức tạp của cơ thể.



Nhóm ngũ cốc và khoai củ gồm: Gạo, mì, ngô, khoai, sắn và các sản phẩm chế biến (bánh, phở, bún, miến, mì,...) cung cấp năng lượng chủ yếu cho cơ thể để có thể duy trì sự sống (nhiệt độ, hô hấp, tuần hoàn) và vận động. Cần ăn đủ ngũ cốc hàng ngày và xen kẽ thay đổi các loại khác nhau. Người lớn ăn 12-15 đơn vị ngũ cốc (tương đương 6-7 lưng bát cơm hoặc các loại ngũ cốc khác tương đương), tùy theo giới, cân nặng, chiều cao, mức độ hoạt động thể lực và tình trạng bệnh để thay đổi lượng ngũ cốc ăn vào.



Nhóm rau, quả cung cấp vitamin, khoáng chất và chất xơ cần thiết cho sự sống và phát triển của cơ thể, giúp bảo vệ cơ thể, tăng cường sức đề kháng, chống lại bệnh tật ở mọi lứa tuổi. Ăn đủ rau quả hàng ngày, người lớn phải đạt được 400g/ngày, trẻ em ăn từ 100-200g/ngày.



Nhóm thịt, cá, trứng, đậu đỗ cung cấp chất đạm là nguyên liệu chủ yếu xây dựng cơ thể. Phối hợp đạm động vật và thực vật. Tăng cường ăn thịt gia cầm và cá. Ăn với số lượng vừa phải. Ăn từ 200-300g nhóm thực phẩm này/ngày.



Nhóm sữa và chế phẩm cung cấp chất đạm và canxi giúp cho bộ xương chắc khỏe. Với trẻ nhỏ, sữa mẹ là thức ăn tốt nhất, cần cho trẻ bú hoàn toàn trong 6 tháng đầu và tiếp tục cho trẻ bú mẹ đến 24 tháng tuổi hoặc lâu hơn nữa. Ngoài lứa tuổi trên, học sinh, người lớn cũng cần uống sữa, sữa chua, phomat. Có thể sử dụng bổ sung các loại sữa bò, sữa dê hay sữa đậu nành, sữa hạt với lượng thích hợp cho mỗi lứa tuổi.



Nhóm dầu mỡ cung cấp năng lượng, duy trì thân nhiệt, tham gia một số thành phần của tế bào và hòa tan một số vitamin. Ăn có mức độ và phối hợp nguồn thực vật và động vật. Ăn từ 5-6 thìa dầu mỡ/ngày.



Nhóm đường và muối: Đường và đồ ngọt gồm đường kính, đường phối, đường mật, mật ong, siro, bánh kẹo, nước ngọt, mứt,..., gia vị chứa nhiều muối gồm muối, bột canh, hạt nêm, nước mắm, xì dầu, tương, mắm tôm, mắm tép,... Cả đường và muối đều là những thực phẩm cần hạn chế tiêu thụ vì nếu ăn nhiều sẽ tăng nguy cơ mắc bệnh thừa cân, béo phì, rối loạn đường máu, tăng huyết áp và ung thư. Nên dùng muối và các gia vị có tăng cường iot để chế biến món ăn.



Ngoài ra, cơ thể cần có một **nguồn nước** đủ đảm bảo cho tiêu hóa, hấp thu và sử dụng thực phẩm cũng như thanh lọc các chất cặn bã ra khỏi cơ thể, người lớn cần uống ít nhất 8-12 cốc nước (mỗi cốc nước chứa 200ml), tương đương 1,6-2,5 lít nước mỗi ngày.

Nội dung 3: Xây dựng bữa ăn gia đình hợp lý

Yêu cầu của bữa ăn gia đình hợp lý

- Bữa ăn gia đình phải đủ dinh dưỡng và ngon: ăn no (đủ năng lượng) đủ chất dinh dưỡng cần thiết cân đối (đủ 4 nhóm thực phẩm: lương thực, thức ăn giàu đạm, giàu chất béo, rau xanh và quả chín).
- Bữa ăn phải an toàn: thức ăn phải đảm bảo lành, không độc, không phải là nguồn gây bệnh. Thực phẩm còn phải giúp cho các chức năng của cơ thể hoạt động tốt, phải có giá trị phòng bệnh, chữa bệnh, nâng cao sức khỏe, tăng cường sinh lực. Thực phẩm phải an toàn không bị nhiễm giun, nhiễm trùng, không được là nguồn gây bệnh.
- Bữa ăn gia đình cần được tổ chức tình cảm: trong không khí đầm ấm, hạnh phúc, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, hơn ai hết người phụ nữ phải có hiểu biết về nhu cầu dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng của từng loại thức ăn và biết cách tổ chức một bữa ăn đầy đủ dinh dưỡng, ngon, lành, tình cảm và tiết kiệm.

Cách tổ chức bữa ăn gia đình

- Bữa ăn gia đình phải đảm bảo đủ bốn món: Dù ăn ở nhà hay ăn ở ngoài, người nấu ăn cũng như người ăn cần nắm bắt được những yêu cầu cơ bản của tổ chức một bữa ăn. Bữa ăn, dù ăn sáng, ăn trưa hoặc ăn tối đều phải cung cấp đồng bộ đủ các chất dinh dưỡng cho cơ thể, cụ thể như sau:
 - Món ăn cung cấp đủ năng lượng cho mọi hoạt động, chủ yếu dựa vào chất bột: gạo (cơm ngon, dẻo, chín tới), ngô, bột mì,...
 - Món ăn chủ lực giàu đạm, béo: đậu phụ, vừng lạc, hoặc thịt, cá, trứng.
 - Món rau, quả cung cấp cho cơ thể vitamin, chất khoáng và chất xơ
 - Món canh
- Số bữa ăn: Phụ thuộc lứa tuổi tình trạng sức khỏe, mức độ lao động. Đối với người trưởng thành, khỏe mạnh cần ăn 3 bữa/ ngày. Người lao động nặng nhọc, người ốm, cắt dạ dày, trẻ em cần ăn 5-6 bữa/ ngày. Qua nghiên cứu tỷ lệ hấp thụ tiêu hóa cho thấy, với cùng một lượng lương thực thực phẩm như nhau, nhưng nếu chia thành 3 bữa thì tỷ lệ hấp thu chất đạm tăng lên 3% so với 2 bữa ăn. Ăn ba bữa chính vì thế chính là một cách ăn khoa học và tiết kiệm.
- Phân chia hợp lý các bữa ăn trong ngày: Nên ăn 3 bữa/ ngày, không nên bỏ qua bữa sáng. Nếu 1 ngày ăn nhiều hơn 3 bữa thì năng lượng của bữa tối nên ít hơn và nhiều nhất là bữa sáng. Các bữa ăn không nên cách nhau dưới 4 giờ. Bữa trưa ăn nhiều nhất. Phân bố năng lượng giữa các bữa ăn nên theo tỷ lệ sau:

	% tổng số năng lượng		
	Ăn 3 bữa	Ăn 4 bữa	Ăn 5 bữa
Bữa sáng	30-35%	25-30%	25-30%
Bữa sáng II		5-10%	5-10%
Bữa trưa	35-40%	35-40%	30-35%
Bữa chiều			5-10%
Bữa tối	25-30%	25-30%	15-20%

Hoạt động 5: Tóm tắt bài học



Kế hoạch bài giảng

- Hoạt động 1: Khởi động
- Hoạt động 2: Tìm hiểu về Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng
- Giải lao
- Hoạt động 3: Các hoạt động sản xuất, chế biến và cơ cấu bữa ăn gia đình đảm bảo dinh dưỡng
- Hoạt động 4: Tóm tắt nội dung bài 2



Mục tiêu học tập

Vào cuối bài học này, học viên có thể:

1. Hiểu thế nào là Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng
2. Hiểu được Các hoạt động sản xuất, chế biến và cơ cấu bữa ăn gia đình đảm bảo dinh dưỡng



Chuẩn bị bài giảng và các đồ dùng

Các đồ dùng/công cụ cần chuẩn bị cho bài giảng:

1. Bảng kẹp giấy, giấy và bút viết giấy và viết bảng
2. Giấy màu (4 màu) khổ A4, có thể cắt đôi hoặc 3 khi sử dụng
3. Giấy A0, băng dán giấy, kéo ...

Hoạt động 1: Khởi động

1. Trò chơi khởi động: Giảng viên tổ chức cho toàn bộ học viên tham gia một trò chơi vận động (ví dụ: Làm theo tôi nói, 7UP, Mát-xa cho nhau, Kết nhóm...) giúp học viên cảm thấy thoải mái, cởi mở và sẵn sàng tham gia các hoạt động tiếp theo.
2. Ôn lại bài cũ: Giảng viên đề nghị học viên nhắc lại một số nội dung chính của bài học trước đó để tạo sự kết nối trong bài kế tiếp.

Hoạt động 2: Tìm hiểu về Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng



Bước 1: Giảng viên đặt câu hỏi “Anh/ chị hiểu thế nào về Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng?”. Trợ giảng ghi các ý kiến do học viên trả lời lên thẻ màu (mỗi thẻ ghi 1 ý) và dán lên bảng.

Bước 2: Giảng viên sắp xếp các thẻ màu theo nhóm sau đó diễn giải từng nội dung dưới đây:

- Theo tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) “Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng là một cách tiếp cận dựa trên nhu cầu thực phẩm để phát triển nông nghiệp, đặt thực phẩm giàu dinh dưỡng, đa dạng chế độ ăn uống và thực phẩm được bổ sung dinh dưỡng là trọng tâm của việc khắc phục tình trạng suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng”.
- Cách tiếp cận này nhấn mạnh nhiều lợi ích thu được từ việc thưởng thức nhiều loại thực phẩm, sử dụng thực phẩm tươi sản xuất tại địa phương, thực phẩm giàu dinh dưỡng như sản phẩm hữu cơ hay sử dụng các sản phẩm chế biến được bổ sung vi chất, nhận ra giá trị dinh dưỡng của thực phẩm đối với dinh dưỡng tốt, tầm quan trọng và ý nghĩa xã hội của ngành nông nghiệp và thực phẩm để hỗ trợ sinh kế nông thôn. Mục tiêu tổng thể của Nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng là làm cho hệ thống thực phẩm được cải thiện tốt hơn để tạo ra kết quả dinh dưỡng tốt.
- Để giải quyết được vấn đề suy dinh dưỡng nói chung, cần có sự can thiệp trong toàn bộ hệ thống thực phẩm, từ sản xuất đến chế biến, vận chuyển, tiêu thụ và quản lý chất thải. Để giải quyết vấn đề suy dinh dưỡng cho trẻ em dưới 2 tuổi, cần quan tâm chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời của trẻ, bắt đầu từ khi trẻ còn nằm trong bụng mẹ. Điều đó có nghĩa là cần chăm sóc dinh dưỡng của cả người mẹ trong quá trình mang thai và chế độ dinh dưỡng của trẻ trong 2 năm đầu đời. Dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng ở địa phương cần tạo điều kiện để:

- *Thực phẩm có sẵn và dễ tiếp cận hơn:* Gia tăng sản xuất nông nghiệp làm cho nhiều thực phẩm dinh dưỡng sẵn có tại hộ gia đình và cộng đồng với giá cả phải chăng, giúp cải thiện thu nhập hộ gia đình và cộng đồng, tạo điều kiện thực hành dinh dưỡng hợp lý trong cộng đồng dân cư.
- *Sản xuất thực phẩm đa dạng và bền vững hơn:* Tăng sự đa dạng trong sản xuất thực phẩm và thúc đẩy thực hành sản xuất bền vững như bảo tồn nông nghiệp, quản lý nước và quản lý dịch hại tổng hợp có thể cải thiện dinh dưỡng mức độ mà không làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên. Nông nghiệp gia đình, vườn rau nhà (vườn dinh dưỡng¹) và các dự án sản xuất thực phẩm với nhiều loại cây trồng có sẵn ở địa phương.
- *Tạo ra nguồn thực phẩm bổ dưỡng hơn:* Tăng cường hàm lượng vi chất dinh dưỡng trong thực phẩm thông qua chế biến, sản xuất nông nghiệp sinh thái, canh tác tự nhiên và cải thiện độ phì nhiêu của đất.
- *Tăng nhu cầu về lương thực thực phẩm:* Cần đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và kích cầu đối với các loại thực phẩm có lợi về dinh dưỡng.



Hoạt động 3: Các hoạt động sản xuất, chế biến và cơ cấu bữa ăn gia đình đảm bảo dinh dưỡng

Nội dung 1: Các hoạt động sản xuất nông nghiệp

Bước 1: Giảng viên đặt câu hỏi “Hiện nay, gia đình anh chị đang sản xuất những sản phẩm nông nghiệp nào? Những sản phẩm nông nghiệp đó có ảnh hưởng đến bữa ăn, đến dinh dưỡng của gia đình anh/ chị không?”. Trợ giảng ghi các ý kiến do học viên trả lời lên thẻ màu (mỗi thẻ ghi 1 ý) và dán lên bảng.

Bước 2: Giảng viên sắp xếp các thẻ màu theo nhóm sau đó diễn giải từng nội dung.

Một số mô hình sản xuất nông nghiệp tác động tích cực tới việc đảm bảo dinh dưỡng cho hộ gia đình như:

- **Mô hình VAC:** Mô hình Vườn Ao Chuồng hay thường được viết tắt là VAC là một mô hình trang trại quen thuộc của các hộ nông dân nước ta. Trong đó Vườn mang ý nghĩa để chỉ hoạt động trồng trọt trong vườn nhà, trên cánh đồng, trên nương rẫy hay mở rộng cho trồng trong rừng. Ao mang ngụ ý ám chỉ các hoạt động nuôi trồng thủy sản trong ao hồ, sông suối hay biển với các loại vật nuôi dưới nước như cá, tôm, cua, ếch, rùa, baba... Chuồng là biểu tượng của hoạt động chăn nuôi các gia súc gia cầm như lợn, bò, gà, vịt, dê, cừu... trong các trang trại.
- **Vườn - Ao - Chuồng,** ba yếu tố chính của mô hình trang trại Vườn Ao Chuồng không những cùng xuất hiện trong quy mô của một trang trại mà còn có quan hệ rất khăng khít với nhau. VAC là một mô hình thâm canh sinh học cao, tạo nên một hệ thống canh tác tổng thể, tận dụng hiệu quả tài nguyên về đất đai, nguồn nước và năng lượng mặt trời nhằm giúp người nông dân đạt hiệu quả kinh tế cao với mức đầu tư thấp, đồng thời góp phần làm giảm thiểu tối đa những vấn đề về ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi và bảo vệ sức khỏe của những người xung quanh.

¹ Vườn dinh dưỡng là một sáng kiến được tổ chức Tầm Nhìn Thế Giới triển khai tại Việt Nam từ 2010 đến nay

- Mô hình vườn dinh dưỡng gia đình: Vườn dinh dưỡng gia đình (VDD) được xây dựng theo quy mô hộ gia đình, là một hệ thống sản xuất tập hợp nhiều loại cây trồng và vật nuôi được nuôi trồng xung quanh nhà, tận dụng hiệu quả đất đai, vật thải, sức lao động và năng lượng. Mục tiêu của VDD là đáp ứng được đủ nhu cầu về số lượng và đa dạng về chủng loại thực phẩm ăn hàng ngày cho gia đình, vừa có tác dụng sử dụng tại chỗ, vừa có tác dụng hỗ trợ, bổ sung nhau về mặt dinh dưỡng.

Nội dung 2: 10 nguyên tắc vàng chế biến thực phẩm an toàn

Cục An toàn thực phẩm - Bộ y tế đã đưa ra 10 nguyên tắc vàng chế biến thực phẩm an toàn như sau:

1. Chọn thực phẩm an toàn:

- Trong khi có rất nhiều chủng loại thực phẩm, cần phải biết cách chọn được các thực phẩm an toàn như biết cách chọn thịt, cá, rau quả, thực phẩm bao gói sẵn...

2. Nấu kĩ thức ăn:

- Rất nhiều thực phẩm sống, ví dụ như thịt gia súc, gia cầm, trứng và sữa chưa tiệt trùng có thể ô nhiễm các vi khuẩn gây bệnh. Các thực phẩm cần được đun nấu kĩ trước khi ăn. Rửa sạch, gọt vỏ quả tươi trước khi sử dụng.

3. Ăn ngay khi thức ăn vừa được nấu chín:

- Thực phẩm nấu chín nguội dần khi để ở nhiệt độ thường, tạo điều kiện thuận lợi cho các vi khuẩn phát triển. Thời gian để càng lâu, nguy cơ nhiễm khuẩn càng cao. An toàn nhất, chúng ta nên ăn ngay thức ăn khi vừa được nấu chín.

4. Bảo quản cẩn thận thực phẩm đã nấu chín:

- Nếu bạn muốn chế biến trước thực phẩm hoặc muốn giữ lại các thức ăn thừa, phải được bảo quản các thực phẩm đó ở điều kiện nhiệt độ nóng (gần hoặc trên 60°C), hoặc lạnh (gần hoặc dưới 10°C). Đây là nguyên tắc quan trọng nếu bạn muốn bảo quản thực phẩm qua 4 hoặc 5 tiếng. Tất cả loại thực phẩm cho trẻ em nên ăn ngay không nên bảo quản. Một lỗi thông thường, dẫn đến các trường hợp ngộ độc thực phẩm là do để một số lượng lớn thực phẩm trong tủ lạnh. Trong một tủ lạnh có quá nhiều thực phẩm, thực phẩm nấu chín không có đủ độ lạnh nhanh cần thiết. Khi thực phẩm vẫn giữ được độ ấm lâu (trên 10°C), vi khuẩn phát triển mạnh, nhanh đủ đạt tới mức độ gây bệnh.

5. Đun kĩ lại thực phẩm trước khi ăn:

- Đây là nguyên tắc tốt nhất để tránh cho vi khuẩn phát triển trong quá trình bảo quản thực phẩm (bảo quản đúng cách có thể giảm bớt sự phát triển của các vi khuẩn nhưng không diệt được các sinh vật). Một lần nữa, đun kĩ nghĩa là thực phẩm phải được đun với nhiệt độ ít nhất là 70°C.

6. Không để lẫn thực phẩm sống và chín:

- Thực phẩm nấu chín có thể ô nhiễm qua tiếp xúc với thực phẩm sống. Ví dụ, không nên chế biến thịt sống và sau đó lại dùng chung thớt và dao để thái thịt đã nấu chín. Làm như vậy sẽ tái sản sinh các sinh vật gây bệnh truyền qua đường thực phẩm.

7. Luôn giữ tay chế biến thực phẩm sạch sẽ:

- Rửa tay kĩ trước khi chế biến thực phẩm và sau khi có những công việc khác làm gián đoạn quá trình chế biến như sau khi đi vệ sinh hoặc tiếp xúc với các nguồn dễ gây ô nhiễm khác. Sau khi chế biến thịt phẩm sống, chẳng hạn như cá, thịt, hoặc thịt gia cầm, bạn nhớ nên rửa lại tay thật sạch trước khi bạn chế biến các thực phẩm khác. Và nếu tay bạn có vết thương, phải băng và bọc kín vết thương trước khi chế biến thực phẩm. Và luôn nhớ chính những con vật nuôi trong nhà như: chó, mèo, chim... thường là những tác nhân gây bệnh nguy hiểm mà có thể truyền qua tay của bạn vào thực phẩm.

8. Bảo đảm dụng cụ, nơi chế biến thực phẩm phải khô ráo, gọn gàng, sạch sẽ, hợp vệ sinh:

- Thực phẩm rất dễ bị ô nhiễm, bất kì bề mặt nào sử dụng để tiếp xúc thực phẩm phải được giữ sạch sẽ. Chỉ cần một mẩu nhỏ thực phẩm cũng sẽ là nguyên nhân tiềm ẩn của các mầm bệnh. Khăn lau bát đĩa và các dụng cụ nấu nướng phải được thay và đem luộc thường xuyên trước khi tái sử dụng. Khăn lau sàn nhà bếp cũng phải được giặt sạch sẽ.

9. Bảo vệ thực phẩm khỏi các loài côn trùng, loài gặm nhấm và các loài động vật khác:

- Động vật thường chứa các vi sinh vật gây bệnh truyền qua đường thực phẩm. Cách tốt nhất bạn nên bảo quản thực phẩm bằng các vật chứa được đóng kín.

10. Sử dụng nguồn nước sạch:

- Nước sạch là một yếu tố quan trọng đối với việc chế biến thực phẩm và làm đồ uống. Nếu không có nguồn cung cấp nước sạch, bạn có thể đun sôi nước trước khi sử dụng chế biến thực phẩm hoặc làm đá cho các đồ uống. Cần thận với bất kì loại nước dùng để chế biến bữa ăn cho trẻ em.

10

Nguyên tắc vàng trong chế biến thực phẩm an toàn

1: Lựa chọn thực phẩm tươi, sạch, an toàn.



2: Thực hiện “ăn chín uống sôi”. Ngâm kỹ, rửa sạch, gọt vỏ quả tươi trước khi sử dụng.



3: Ăn ngay khi thức ăn vừa được nấu chín



4: Che đậy, bảo quản cẩn thận thức ăn đã nấu chín.



5: Đun kĩ lại thức ăn cũ trước khi sử dụng.



6: Không để lẫn thực phẩm sống với thực phẩm chín, không dùng chung dụng cụ chế biến thực phẩm sống với chín.



7: Rửa sạch tay trước khi chế biến thực phẩm. Đặc biệt sau khi đi vệ sinh hoặc tiếp xúc với các nguồn ô nhiễm khác.



8: Bảo đảm dụng cụ và nơi chế biến thực phẩm phải khô ráo, sạch sẽ, hợp vệ sinh.



9: Tuyệt đối không sử dụng thực phẩm ôi thiu, hỏng mốc, quá hạn.



10: Sử dụng nguồn nước sạch, an toàn trong chế biến thực phẩm.



Nội dung 3: Cơ cấu bữa ăn của hộ gia đình

Giảng viên viết các **yêu cầu đối với một bữa ăn hợp lý** lên bìa màu (khổ A4) và dán lên bảng để diễn giải.

- **Bữa ăn gia đình phải đủ dinh dưỡng và ngon:** ăn no (đủ năng lượng) đủ chất dinh dưỡng cần thiết cân đối (đủ 4 nhóm thực phẩm: lương thực, thức ăn giàu đạm, giàu chất béo, rau xanh và quả chín). Thực phẩm phải giúp tạo ra bữa ăn truyền thống, có hương vị quen thuộc. Món ăn được chế biến hợp khẩu vị hấp dẫn, ngon lành.
- **Khẩu phần thức ăn phối hợp:** Một khẩu phần phối hợp gồm nhiều loại thức ăn khác nhau. Có nhiều thành phần dinh dưỡng khác nhau nên nó sẽ cân bằng về dưỡng chất. Nếu chỉ là ăn để hết đói, hoặc để thưởng thức hương vị, vẫn chưa đủ. Phải có một khẩu phần cân bằng. Sản phụ, người mẹ đang cho con bú và trẻ em đặc biệt cần một chế độ ăn cân bằng.
- **Bữa ăn phải an toàn:** thức ăn phải đảm bảo lành, không độc, không phải là nguồn gây bệnh. Thực phẩm còn phải giúp cho các chức năng của cơ thể hoạt động tốt, phải có giá trị phòng bệnh, chữa bệnh, nâng cao sức khỏe, tăng cường sinh lực. Thực phẩm phải an toàn không bị nhiễm giun, nhiễm trùng, không được là nguồn gây bệnh.
- **Bữa ăn nên được bổ sung một cách tiết kiệm, kinh tế nhất:** người nấu cần biết chọn thực phẩm sạch, giàu dinh dưỡng, giá thành hợp lý, tránh lãng phí thực phẩm.
- **Bữa ăn gia đình cần được tổ chức tình cảm:** trong không khí đầm ấm, hạnh phúc, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, hơn ai hết người phụ nữ phải có hiểu biết về nhu cầu dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng của từng loại thức ăn và biết cách tổ chức một bữa ăn đầy đủ dinh dưỡng, ngon, lành, tình cảm và tiết kiệm.



Hoạt động 4: Tóm tắt bài học



PHẦN I: XÂY DỰNG VƯỜN DINH DƯỠNG HỘ GIA ĐÌNH



Kế hoạch bài giảng

- Hoạt động 1: Khởi động
- Hoạt động 2: Vườn dinh dưỡng là gì?
- Giải lao
- Hoạt động 3: Thực hành xây dựng vườn dinh dưỡng
- Hoạt động 4: Tóm tắt nội dung bài 3



Mục tiêu học tập

Vào cuối bài học này, học viên có thể:

1. Hiểu thế nào là Vườn dinh dưỡng hộ gia đình
2. Biết cách thiết kế và tính toán nguồn lực triển khai Vườn dinh dưỡng tại nhà



Chuẩn bị bài giảng và các đồ dùng

Các đồ dùng/công cụ cần chuẩn bị cho bài giảng:

1. Bảng kẹp giấy, giấy và bút viết giấy và viết bảng
2. Giấy màu (4 màu) khổ A4, có thể cắt đôi hoặc 3 khi sử dụng
3. Giấy A0, băng dán giấy, kéo ...

Hoạt động 1: Khởi động

1. Trò chơi khởi động: Giảng viên tổ chức cho toàn bộ học viên tham gia một trò chơi vận động (ví dụ: Làm theo tôi nói, 7UP, Mát-xa cho nhau, Kết nhóm...) giúp học viên cảm thấy thoải mái, cởi mở và sẵn sàng tham gia các hoạt động tiếp theo.
2. Ôn lại bài cũ: Giảng viên đề nghị học viên nhắc lại một số nội dung chính của bài học trước đó để tạo sự kết nối trong bài kế tiếp

Hoạt động 2: Vườn dinh dưỡng là gì

Bước 1: Giảng viên để đặt câu hỏi “Anh chị hãy mô tả thế nào là vườn dinh dưỡng?”. Trợ giảng ghi các câu trả lời vào thẻ màu, mỗi ý ghi trên 1 thẻ (1/3 tờ A4).

Bước 2: Sắp xếp các thẻ màu để hình thành 1 khuôn mẫu chung cho khu vườn dinh dưỡng. Giảng viên có thể khái quát như sau:

- Vườn dinh dưỡng gia đình (VDD) được xây dựng theo quy mô hộ gia đình, là một hệ thống sản xuất tập hợp nhiều loại cây trồng và vật nuôi được nuôi trồng xung quanh nhà, tận dụng hiệu quả đất đai, vật thải, sức lao động và năng lượng. Mục tiêu của VDD là đáp ứng được đủ nhu cầu về số lượng và đa dạng về chủng loại thực phẩm ăn hàng ngày cho gia đình, vừa có tác dụng sử dụng tại chỗ, vừa có tác dụng hỗ trợ, bổ sung nhau về mặt dinh dưỡng.
- Nhiều gia đình nghèo ở miền núi, trung du và nông thôn bắt đầu từ làm vườn dinh dưỡng theo phương pháp VAC tự cung tự cấp (VAC dinh dưỡng), sau đó tiến lên mở rộng qui mô làm VAC hàng hoá và trở nên giàu có.



Bước 3: Mục đích của vườn dinh dưỡng

- Tận dụng nguồn lực sẵn có tại hộ gia đình: đất đai, lao động, giống cây và vật nuôi bản địa, vật thải, phụ phẩm nông nghiệp...
- Nâng cao tính chủ động và chất lượng dinh dưỡng cho hộ gia đình và giảm thiểu những rủi ro liên quan sâu bệnh hại, cân bằng dinh dưỡng đất, bảo vệ môi trường.
- Cải thiện tính đa dạng nguồn thực phẩm sẵn có, giàu chất dinh dưỡng và an toàn tại hộ gia đình, giúp cải thiện khẩu phần ăn của trẻ ngay trong khoảng từ 3 đến 6 tháng triển khai.
- Cải thiện môi trường sống của các hộ gia đình có trẻ: tăng nguồn cung cấp được liệu nhằm cải thiện sức khỏe, thêm không gian xanh cho trẻ.
- Tăng một phần thu nhập hộ gia đình khi sản xuất dư thừa so với nhu cầu của hộ gia đình nhằm đáp ứng các yêu cầu thiết yếu của trẻ em.

Bước 4: Các yêu cầu cơ bản của một vườn dinh dưỡng

Khu vườn nhà có thể coi như là vườn dinh dưỡng quy mô hộ gia đình. Tuy diện tích nhỏ nhưng khu vườn quanh nhà có thể sản xuất được một khối lượng lớn các sản phẩm quan trọng cung cấp thực phẩm cho gia đình theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững. Dưới đây là 4 yêu cầu cơ bản của một vườn dinh dưỡng:

- **Có vườn để cung cấp rau và trái cây tối thiểu cho gia đình:** Vườn dinh dưỡng trước tiên phải có vườn để cung cấp rau xanh và trái cây cho gia đình. Diện tích vườn dinh dưỡng tối thiểu là 15m². Đối với hộ gia đình không có diện tích đất tập trung thì có thể bố trí nhiều khoảnh đất nhỏ (vài mét vuông/khoảnh) tách rời nhau xung quanh nhà để đảm bảo yêu cầu này.
- **Đảm bảo đủ về số lượng và đa dạng về thành phần dinh dưỡng:** Vườn dinh dưỡng phải cung cấp được thực phẩm tươi ngon, an toàn, đa dạng, phong phú về thành phần dinh dưỡng, đủ về số lượng và đều đặn quanh năm cho gia đình, đặc biệt là cho trẻ em. Đối với vườn dinh dưỡng, mỗi mùa cần có đủ 3 nhóm rau và nhóm cây được liệu trong cùng một thời điểm để đảm bảo tính đa dạng và cung cấp đủ số lượng rau xanh và một số cây thuốc cho nhu cầu của gia đình quanh năm. Các nhóm rau bao gồm các loại rau ăn lá (rau muống, rau cải, rau ngót); rau ăn củ, quả (cà rốt, củ cải, cà chua, bầu bí); ăn quả (đậu đỗ, cà chua); rau gia vị (hành tỏi, tía tô, rau thơm); cây thảo dược như (gừng, nghệ, hẹ, đinh lăng), trái cây theo mùa và không theo mùa (chanh, cam, bưởi, đu đủ, chuối,...). Vườn dinh dưỡng cũng nên có ít nhất một loại cây cung cấp trái cây ăn quanh năm (đu đủ, chuối,...) và một đến hai loại trái cây theo mùa (như cam, chanh, bưởi) phù hợp với thổ nhưỡng và khí hậu của vùng miền đó.

Mặt khác, gia đình cũng cần quy hoạch để đảm bảo có ít nhất một vật nuôi cung cấp nguồn thực phẩm giàu chất đạm, thu hoạch nhanh trong thời gian ngắn (gia cầm, cá hoặc vật nuôi phù hợp của vùng miền).
- **Tăng cường tính kết hợp và hỗ trợ để phát triển bền vững và bảo vệ môi trường:** Sản xuất đa dạng, tận dụng tài nguyên hỗ trợ cùng nhau phát triển một cách hiệu quả và bền vững. Nguyên lý này dựa trên sự đa dạng về đặc tính sinh học của các loại cây trồng và vật nuôi khác nhau để tận dụng được không gian, dinh dưỡng của các tầng đất cũng như mùa vụ của cây trồng. Việc lựa chọn, kết hợp các cây trồng dài ngày, cây trồng ngắn ngày cùng với việc gối vụ, luân canh, xen canh hợp lý sẽ khắc phục được các khoảng trống thiếu hụt rau xanh, trái cây khi giáp hạt. Mặt khác, vườn dinh dưỡng cũng cần kết hợp các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi hoặc nuôi trồng thủy sản (ao cá). Việc tận dụng những phế, phụ phẩm nông nghiệp để phát triển nông nghiệp bền vững nhằm đảm bảo nguồn thực phẩm an toàn cho gia đình, góp phần bảo vệ môi trường và làm cho đất đai ngày càng màu mỡ thêm.
- **Ưu tiên các cây trồng, vật nuôi bản địa và có thể giữ giống cho các vụ tiếp theo** giúp hộ gia đình tiết kiệm được chi phí mua giống rau và giống vật nuôi, tăng tính chủ động mùa vụ. Các loại cây trồng, vật nuôi bản địa thích hợp với điều kiện đất đai, khí hậu địa phương. Mặt khác, nó còn giúp bảo tồn các giống bản địa.

Bước 5: Các hợp phần của vườn dinh dưỡng



★ Hợp phần trồng trọt (Vườn):

Trong vườn dinh dưỡng, trước hết phải chú ý đến các loại rau. Rau tươi là nguồn cung cấp vitamin và muối khoáng quan trọng. Nhu cầu về vitamin và muối khoáng của con người được cung cấp trong bữa ăn hàng ngày qua rau tươi. Hầu hết các loại rau tươi thường dùng của nhân dân ta đều giàu vitamin, nhất là vitamin A và C là những vitamin hầu như không có hoặc có chỉ có rất ít trong thức ăn động vật. Một đặc tính sinh lý quan trọng của rau tươi là chúng có khả năng gây thèm ăn và ảnh hưởng tới chức phận tiết của tuyến tiêu hoá. Ngoài ra, men trong rau tươi có ảnh hưởng tốt tới quá trình tiêu hoá, như các men trong củ hành có tác dụng tương tự men pepsin của dịch vị. Các men của cải bắp và xà lách cũng có tác dụng tương tự trypsin của tuyến tụy. Nhiều loại rau cũng cung cấp một lượng đáng kể chất đạm và chất béo. Cây dược liệu có tác dụng phòng và chữa một số bệnh thông thường. Khi xây dựng vườn dinh dưỡng, cần phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- **Lợi dụng tối đa không gian nhiều chiều:** Như chiều rộng, chiều ngang, chiều dài, chiều sâu để tận dụng tối đa năng lượng mặt trời của vùng nhiệt đới. Có thể trồng trên luống, leo trên giàn, trồng ở mép ao, thả bè để tranh thủ đất trồng được nhiều vụ trong năm, có thể trồng xen, trồng gối, luân canh. Có thể có các giàn treo với góc độ nghiêng, vừa tận dụng tối đa diện tích, vừa tận dụng được ánh nắng mặt trời.
- **Bố trí mùa vụ thích hợp:** Loại rau có thể trồng được nhiều tháng trong năm (như các loại rau: rau muống, rau dền, rau mồng tơi, rau ngót, các loại cải, một số loại rau gia vị); rau vụ đông xuân (cải bắp, cà chua, khoai tây, su hào, súp lơ, cà rốt, hành tây, dưa chuột, sà lách...); rau trồng vụ xuân hè (bầu bí, mướp, rau muống, rau ngót, các loại dưa, các loại cà, đỗ đũa).
- **Biết dự trữ chế biến để khi giáp vụ:** Thiếu rau thì đem ra dùng bí ngô, bí xanh; muối cà, muối dưa, làm tương cà chua, bột cà chua, sấy khô su hào, củ cải...
- **Biết kỹ thuật gieo trồng:** Kết hợp với chăm bón, thâm canh rau và chủ động để được giống cho vụ sau.

Trong vườn dinh dưỡng gia đình cần chọn những loại rau dễ trồng, dễ chăm sóc, nhiều dinh dưỡng, có thể tự để giống được, duy trì thường xuyên 4 nhóm chính dưới đây:

- **Nhóm rau có màu xanh đậm** (Mồng tơi, rau muống, rau ngót, cải mè, bí ngô...) giàu chất sắt và vitamin giúp bổ máu, sáng mắt và phòng bệnh nhiễm trùng.
- **Nhóm rau củ quả chín có ruột màu đỏ hoặc vàng** (khoai tây, khoai lang ruột vàng, cà rốt, đu đủ, quả bí ngô, dền đỏ...) rất giàu vitamin A và vitamin C giúp phát triển thông minh, tốt cho tim mạch, sáng mắt và phòng ngừa các bệnh nhiễm trùng.
- **Nhóm các loại hạt, đậu đỗ** (đậu cô ve, đậu ván, lạc, đậu tương...) có nhiều chất sắt, can xi, chất béo và đạm thực vật giúp cơ thể cao lớn, xương chắc khỏe.
- **Nhóm cây dược liệu:** (hẹ, tía tô, rau má, đinh lăng, gừng, nghệ...) **để phòng và chữa bệnh, không lo tác dụng phụ hay kháng kháng sinh.**
- **Nhóm trái cây:** các trái cây cung cấp Vitamin A và Vitamin C, dễ trồng, dễ sử dụng. Các loại cây ăn trái cần được lựa chọn và trồng phù hợp theo vùng miền và thời tiết, thổ nhưỡng.

Nên tận dụng hết các nguồn thực phẩm và khả năng sẵn có để bổ sung thêm vào chủng loại rau ăn thêm phong phú. Ví dụ: cây chuối (có thể sử dụng cả thân, củ, quả và hoa chuối làm rau). Bí ngô và khoai lang vừa có thể cung cấp củ, quả đồng thời cũng cung cấp lá và ngọn làm rau xanh.

★ **Hợp phần chăn nuôi (Chuồng):**

Trước hết cần chú ý tới chim bồ câu, chim cút, gà, vịt hoặc ngan để trứng để cung cấp thực phẩm hàng ngày cho trẻ và gia đình. Nếu có điều kiện thì nuôi lợn, nuôi dê, nuôi bò, nuôi ong lấy mật...

★ **Hợp phần nuôi trồng thủy sản (Ao):**

Trong ao nuôi cá, thường kết hợp nhiều giống cá để tận dụng thức ăn. Quanh bờ ao trồng khoai nước; một phần mặt ao thả bèo dưng làm thức ăn cho lợn. Trên mặt ao có giàn bầu bí, giàn mướp. Nên nuôi cá theo phương pháp đánh tía thả bủ. Không nhất thiết có ao rộng mới nuôi được cá. Với diện tích ao hẹp, thậm chí vài ba chục mét vuông nếu chọn loại cá và có kỹ thuật thích hợp vẫn nuôi được và bổ sung được nguồn đạm động vật quý cho bữa ăn gia đình.

Tùy thuộc vào điều kiện của từng địa phương và điều kiện của từng hộ gia đình, vườn dinh dưỡng được phân ra làm 3 loại dưới đây:

- **Vườn dinh dưỡng loại 1:** Có một hợp phần Vườn (V)
- **Vườn dinh dưỡng loại 2:** Có 2 hợp phần Vườn – Chuồng (VC); Vườn – Ao (VA)
- **Vườn dinh dưỡng loại 3:** Có 3 đủ hợp phần trở lên, gồm VAC, RAC, RVAC



Hoạt động 3: Thực hành xây dựng Vườn dinh dưỡng hộ gia đình

Bước 1: Chia lớp thành 3 nhóm thảo luận và thiết kế 3 mô hình Vườn dinh dưỡng phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương (Vườn dinh dưỡng loại 1, 2, 3).

Bước 2: Các nhóm trình bày kết quả thảo luận bao gồm: nội dung ý tưởng, chi phí đầu tư (tự có, mua ngoài), thời gian có thể thu hoạch.

PHẦN II: XÂY DỰNG DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP ĐẢM BẢO DINH DƯỠNG CHO CÁC HỘ THAM GIA TẠI THÔN/BẢN

Mục đích của bài giảng:

- Hướng dẫn người dân cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, các bước xây dựng, triển khai thực hiện một dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.

Nội dung:

1. Giới thiệu về việc xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng

- Kinh phí để thực hiện: từ nguồn nhà nước và người dân đóng góp (công, chuồng trại,...)
 - Kinh phí sẽ được Nhà nước hỗ trợ từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;
 - Kinh phí: từ người dân đóng góp để thực hiện (công lao động, chuồng trại, vật tư, phân bón, thức ăn,...)

Nội dung thực hiện dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng, gồm 2 phần: Nông nghiệp và dinh dưỡng, cụ thể:

- Phần Nông nghiệp: Cần đảm bảo tính sẵn có, đáp ứng nhu cầu cơ bản của các hộ về lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng quanh năm; Phát triển hệ thống cung ứng lương thực, thực phẩm bền vững; Tăng năng suất và thu nhập của các hộ nông dân sản xuất nhỏ; Giảm thất thoát hoặc lãng phí lương thực, thực phẩm. Hình thức tiến hành: phát triển các mô hình như VAC, mô hình nông nghiệp sinh thái, canh tác tự nhiên, các mô hình phát triển sinh kế hộ gia đình và tiến tới phát triển các chuỗi giá trị địa phương.
- Phần dinh dưỡng: Cần đảm bảo khả năng tiếp cận lương thực, thực phẩm giàu dinh dưỡng quanh năm; đảm bảo đầy đủ về số lượng, chất lượng và cơ cấu dinh dưỡng hợp lý trong chế độ ăn của phụ nữ có thai, các bà mẹ nuôi con nhỏ và chế độ ăn của trẻ; nâng cao kiến thức và thực hành cải thiện dinh dưỡng cho bà mẹ, phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 2 tuổi;

2. Các hộ được tham gia dự án:

- Hộ có trẻ em dưới 5 tuổi.
- Hộ có bà mẹ mang thai.
- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thiếu lương thực thực phẩm nhưng có điều kiện sản xuất (do cộng đồng bình chọn).
- Mỗi dự án lựa chọn khoảng 20-30 hộ tham gia tùy theo kinh phí hỗ trợ của dự án.

3. Các hoạt động được hỗ trợ khi tham gia dự án

- Hỗ trợ sản xuất: giống, vật tư (thức ăn, thuốc BVTV,...);
- Hỗ trợ tập huấn: Tập huấn về kỹ thuật sản xuất nông nghiệp; Tập huấn về chế biến, bảo quản;
- Tập huấn về thực hành sử dụng dinh dưỡng hợp lý.
- Cán bộ y tế xã hướng dẫn:
 - » Hướng dẫn theo dõi sử dụng dinh dưỡng và sự thay đổi dinh dưỡng của hộ.
 - » Hướng dẫn người dân triển khai xây dựng mô hình để biết cách sơ chế, sử dụng sản phẩm của mô hình, sản phẩm sẵn có hoặc phải sản xuất để có những bù đắp cho việc thiếu dinh dưỡng.
 - » Theo dõi, báo cáo tình hình hình dinh dưỡng trước và sau khi hộ tham gia xây dựng mô hình.

4. Cung cấp thông tin xây dựng dự án

- Trưởng thôn bản họp dân bình bầu hộ được tham gia.
- Cung cấp thông tin để xây dựng dự án
 - » Thông tin về sản xuất nông nghiệp: Diện tích sản xuất cây trồng, số lượng đầu đàn gia súc gia cầm, diện tích rừng sản xuất, rừng phòng hộ được giao khoán, diện tích và sản lượng thủy sản... Tình hình về thu nhập: từ sản xuất, chăn nuôi; Thu nhập bằng tiền/hộ/năm...
 - » Thông tin về thực trạng dinh dưỡng: Cho trẻ em dưới 5 tuổi và các thành viên khác trong gia đình.

(Theo các mẫu phiếu điều tra của Đoàn khảo sát cung cấp)

5. Triển khai xây dựng dự án

- Căn cứ vào dự án được phê duyệt, xác định cơ cấu cây trồng, vật nuôi để sản xuất cho hiệu quả.
- Xác định kế hoạch trồng trọt: kế hoạch giống, kế hoạch làm đất, kế hoạch phân bón và phòng trừ sâu bệnh
- Xác định kế hoạch chăn nuôi: kế hoạch làm chuồng trại, kế hoạch thức ăn chăn nuôi, kế hoạch phòng trừ dịch bệnh cho vật nuôi, dự kiến năng suất và sản lượng
- Tính toán hiệu quả kinh tế của cây trồng, vật nuôi



Kế hoạch bài giảng

- Hoạt động 1: Khởi động
- Hoạt động 2: Chăm sóc bà mẹ mang thai
- Giải lao
- Hoạt động 2: Chăm sóc bà mẹ mang thai (tiếp)
- Hoạt động 3: Tóm tắt nội dung bài 4



Mục tiêu học tập

Vào cuối bài học này, học viên có thể:

1. Hiểu và thực hành tốt cách chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai, giúp thai nhi phát triển tốt (lượng thức ăn, loại thực phẩm phụ nữ mang thai nên và không nên ăn)
2. Hiểu và thực hành tốt về chế độ lao động và vệ sinh thai nghén cho bà mẹ mang thai



Chuẩn bị bài giảng và các đồ dùng

Các đồ dùng/công cụ cần chuẩn bị cho bài giảng:

1. Bảng kẹp giấy, giấy và bút viết giấy và viết bảng
2. Giấy màu (4 màu) khổ A4, có thể cắt đôi hoặc 3 khi sử dụng
3. Giấy A0, băng dán giấy, kéo ...

Hoạt động 1: Khởi động

1. Trò chơi khởi động: Giảng viên tổ chức cho toàn bộ học viên tham gia một trò chơi vận động (ví dụ: Làm theo tôi nói, 7UP, Mát-xa cho nhau, Kết nhóm...) giúp học viên cảm thấy thoải mái, cởi mở và sẵn sàng tham gia các hoạt động tiếp theo.
2. Ôn lại bài cũ: Giảng viên đề nghị học viên nhắc lại một số nội dung chính của bài học trước đó để tạo sự kết nối trong bài kế tiếp.

Hoạt động 2: Chăm sóc bà mẹ mang thai

Bước 1: Giảng viên để đặt câu hỏi “Khi bà mẹ mang thai nên ăn uống thế nào? Ăn những loại thức ăn nào? và kiêng những loại nào? Cùng với chăm sóc ăn uống, Bà mẹ khi mang thai còn cần được chăm sóc những gì?”. Trọ giảng ghi các câu trả lời vào giấy A0.

Bước 2: Giảng viên có thể khái quát như sau:

Nội dung 1: Chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai

- Nhiều bà mẹ khi mang thai chưa được quan tâm chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng đầy đủ, nên khi sinh ra trẻ bị suy dinh dưỡng từ khi trong bụng mẹ, sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển cả về thể chất lẫn trí tuệ của trẻ. Vậy chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai cần chú ý những vấn đề để bà mẹ mang thai có được sức khỏe tốt, trẻ sinh ra được khỏe mạnh, mẹ có nhiều sữa nuôi con.

**Bà mẹ mang thai cần được ăn uống đầy đủ
các nhóm thực phẩm dinh dưỡng**



Bà mẹ mang thai cần được ăn thêm 2 bữa ăn so với bình thường



CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ MANG THAI

Những điều nên làm	Giải thích
■ Bữa ăn cần đa dạng thực phẩm, đủ 4 nhóm (nhóm chất bột, đường, nhóm chất đạm, nhóm chất béo, nhóm vitamin và muối khoáng). ■ Chú ý nhóm chất dinh dưỡng giàu đạm, canxi (thịt, cá, trứng, sữa, tôm, cua, đậu, đỗ, đậu phụ...), giàu sắt (thịt, cá, trứng, gan... đậu đỗ, rau lá xanh đậm...), giàu kẽm (hàu, sò, trai, thịt bò, tim, gan lợn, vừng, mộc nhĩ...) giàu Betacaroten (tiền Vitamin A) (các loại rau củ quả màu đỏ, vàng, cam, rau lá xanh đậm) ... và dầu/ mỡ. ■ Ăn thêm 02 bữa phụ so với trước khi có thai. ■ Ăn thức ăn tươi, sử dụng thực phẩm sẵn có tại địa phương, thường xuyên thay đổi món. ■ Không ăn thức ăn còn tái/sống, đồ uống có đường/ nước ngọt, rượu... ■ Tránh ăn kiêng có thể gây suy dinh dưỡng đối với thai. ■ Uống viên sắt hoặc viên đa vi chất từ khi dự định có thai hoặc ngay khi phát hiện có thai. ■ Không hút thuốc lá, thuốc lào. ■ Giữ vệ sinh, rửa tay với xà phòng, trước khi nấu ăn, trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh hoặc bất cứ khi nào thấy bẩn. ■ Chỉ dùng thuốc khi có chỉ định của cán bộ y tế.	■ Để mẹ khỏe chống được bệnh tật. ■ Để trẻ phát triển khỏe mạnh, tránh bị suy dinh dưỡng tử trong bụng mẹ ■ Hạn chế một số tai biến như khó sinh, sinh non,... ■ Để sau khi sinh mẹ có đủ sữa cho con bú.

■ Nội dung 2: Chế độ lao động và vệ sinh thai nghén

CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ MANG THAI

Những điều nên làm	Giải thích
■ Phụ nữ mang thai nên làm việc nhẹ nhàng, tránh làm công việc nặng nhọc và vác nặng trên đầu hoặc trên vai, tránh ngâm người vào nước hoặc leo trèo, tránh làm việc ban đêm. ■ Nghỉ ngơi hợp lý, nên có những khoảng nghỉ ngắn trong ngày. ■ Phụ nữ mang thai nên tránh tiếp xúc phân bón, thuốc trừ sâu... tiếp xúc với người ốm. ■ Ngủ ít nhất 8 tiếng một ngày. ■ Phụ nữ có thai nên giữ vệ sinh, thường xuyên tắm và thay quần áo. Tránh mặc quần áo chật. ■ Phụ nữ có thai nên rửa bộ phận sinh dục (âm hộ) hàng ngày bằng nước sạch, thường xuyên thay quần áo lót. Nên rửa núm vú hàng ngày bằng nước sạch.	■ Để giảm nguy cơ sẩy thai ■ Để tránh nhiễm khuẩn

Hoạt động 3: Tóm tắt nội dung bài học



Kế hoạch bài giảng

- Hoạt động 1: Khởi động
- Hoạt động 2: Cách cho trẻ ăn bổ sung hợp lý
- Giải lao
- Hoạt động 2: Cách cho trẻ ăn bổ sung hợp lý (tiếp)
- Hoạt động 3: Tóm tắt nội dung bài 5



Mục tiêu học tập

Vào cuối bài học này, học viên có thể:

1. Hiểu và nêu ra được các nguyên tắc cho trẻ ăn bổ sung khi trẻ được 6 tháng tuổi
2. Hiểu và thực hành tốt cách cho trẻ ăn bổ sung khi trẻ được 6 tháng tuổi



Chuẩn bị bài giảng và các đồ dùng

Các đồ dùng/công cụ cần chuẩn bị cho bài giảng:

1. Bảng kẹp giấy, giấy và bút viết giấy và viết bảng
2. Giấy màu (4 màu) khổ A4, có thể cắt đôi hoặc 3 khi sử dụng
3. Giấy A0, băng dán giấy, kéo ...

Hoạt động 1: Khởi động

1. Trò chơi khởi động: Giảng viên tổ chức cho toàn bộ học viên tham gia một trò chơi vận động (ví dụ: Làm theo tôi nói, 7UP, Mát-xa cho nhau, Kết nhóm...) giúp học viên cảm thấy thoải mái, cởi mở và sẵn sàng tham gia các hoạt động tiếp theo.
2. Ôn lại bài cũ: Giảng viên đề nghị học viên nhắc lại một số nội dung chính của bài học trước đó để tạo sự kết nối trong bài kế tiếp.

Hoạt động 2: Cách cho trẻ ăn bổ sung hợp lý

Bước 1: Giảng viên để đặt câu hỏi “Khi bà mẹ mang thai nên ăn uống thế nào? Ăn những loại thức ăn nào? và kiêng những loại nào? Cùng với chăm sóc ăn uống, Bà mẹ khi mang thai còn cần được chăm sóc những gì?”. Trọ giảng ghi các câu trả lời vào giấy A0.

Bước 2: Giảng viên có thể khái quát như sau:

Nội dung 1. Nguyên tắc cho trẻ ăn bổ sung

- Sữa mẹ rất quan trọng với trẻ trong 6 tháng đầu đời nên trẻ cần được bú sữa mẹ hoàn toàn trong giai đoạn này. Tuy nhiên, từ lúc tròn 6 tháng tuổi (180 ngày), sữa mẹ không đáp ứng đủ nhu cầu phát triển đang tăng cao của trẻ. Từ 6 -12 tháng, sữa mẹ vẫn tiếp tục cung cấp hơn 1/2 nhu cầu dinh dưỡng của trẻ. Từ 12 - 24 tháng, sữa mẹ vẫn cung cấp 1/3 nhu cầu dinh dưỡng của trẻ. Trẻ cần được ăn bổ sung thêm các thức ăn khác. Đồng thời, giai đoạn này cũng rất quan trọng để dạ dày của trẻ làm quen dần với thức ăn đa dạng về cả dinh dưỡng và mùi vị.



- Khi cho trẻ ăn bổ sung cần nhớ một số nguyên tắc quan trọng nhất để đảm bảo dinh dưỡng và tập cho trẻ làm quen với mùi vị thức ăn:
 - Cho ăn thêm thức ăn phải được kèm theo bú mẹ. Nên cho con bú trước rồi cho ăn thêm sau.
 - Thức ăn thêm phải phù hợp với tuổi của trẻ. Cho trẻ ăn từ ít đến nhiều, từ lỏng đến đặc, Với những bữa ăn đầu tiên chỉ nên cho ăn một lượng nhỏ (Một đến hai thìa) để trẻ làm quen dần.
 - Cần có đầy đủ 4 nhóm thức ăn trong mỗi bữa ăn của trẻ:
 - Thức ăn giàu tinh bột: bột, cháo
 - Thức ăn giàu đạm: thịt, trứng, cá, tôm, cua, đậu...
 - Thức ăn giàu chất béo: dầu và mỡ.
 - Thức ăn giàu vitamin và muối khoáng: rau, hoa quả.

Cho trẻ ăn bổ sung khi trẻ được 6 tháng tuổi, cho trẻ ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, cho trẻ ăn các loại trái cây chín.



Cho trẻ ăn bổ sung từ loãng đến đặc, từ ít đến nhiều.



Nội dung 2. Thực hành cho trẻ ăn bổ sung

- Khi cho trẻ ăn bổ sung chúng ta cũng cần thực hiện đúng cách, dựa vào tuổi của trẻ, lựa chọn loại thực phẩm đúng, số bữa ăn hợp lý, tình hình sức khỏe của trẻ.
- Dưới đây là một số thực hành cho trẻ ăn bổ sung:

THỰC HÀNH CHO TRẺ ĂN BỔ SUNG

Những điều nên làm	Giải thích
Bắt đầu cho trẻ ăn bổ sung (ăn dặm, sam) từ khi tròn 6 tháng tuổi. ■ Cho trẻ ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, đảm bảo đủ 4 nhóm dinh dưỡng: Tinh bột; Chất đạm; Vitamin và khoáng chất; Chất béo.	■ Từ khi tròn 6 tháng tuổi, sữa mẹ vẫn rất quan trọng nhưng không đáp ứng đủ nhu cầu về năng lượng và chất dinh dưỡng cho cơ thể vì vậy trẻ cần được bổ sung thêm thức ăn (ăn sam, ăn dặm) ngoài sữa mẹ. ■ Lúc này hệ tiêu hóa của trẻ đã hoàn thiện hơn, phù hợp với việc tiêu hóa thức ăn ngoài sữa mẹ. ■ Để trẻ có đầy đủ các chất dinh dưỡng như tinh bột, đạm, chất béo, vitamin và khoáng chất giúp trẻ phát triển tốt và khỏe mạnh.

Những điều nên làm	Giải thích
Cho trẻ ăn trái cây chín.	■ Trái cây chín có nhiều vitamin và khoáng chất giúp trẻ mau lớn, thông minh và tăng sức đề kháng chống lại bệnh tật.
Cho trẻ ăn thức ăn bổ sung hợp lý từ ít đến nhiều.	■ Để trẻ làm quen dần dần với thức ăn bổ sung. Với thức ăn mới, cần tập cho trẻ ăn từng ít, khi trẻ đã quen thì cho ăn nhiều lên. ■ Để tránh rối loạn tiêu hóa cho trẻ. ■ Với những bữa ăn đầu tiên là thức ăn lạ, cơ thể trẻ chưa quen nên rất dễ gây tiêu chảy, vì vậy chỉ cho ăn một lượng nhỏ (một đến hai muỗng (thìa) nhỏ) để trẻ làm quen dần.
Cho trẻ ăn nhiều bữa trong ngày: ■ Trẻ từ 6 - 12 tháng mỗi ngày ăn từ 3 - 4 bữa và bú sữa mẹ. ■ Trẻ từ 13 - 24 tháng mỗi ngày ăn từ 4 - 5 bữa và bú sữa mẹ.	■ Vì dạ dày của trẻ còn nhỏ nên trẻ phải ăn nhiều bữa trong ngày. ■ Trẻ cần rất nhiều chất dinh dưỡng và năng lượng để phát triển khỏe mạnh. ■ Chế biến thức ăn riêng cho trẻ theo đúng độ tuổi.
Trong trường hợp trẻ bị bệnh: ■ Không cho trẻ ăn kiêng. ■ Cho trẻ ăn uống đầy đủ chất dinh dưỡng, thức ăn dễ tiêu hóa.	■ Thức ăn hợp vệ sinh sẽ không ảnh hưởng đến tình trạng bệnh của trẻ mà còn giúp trẻ không bị mệt lả và sụt cân.



Hoạt động 3: Tóm tắt nội dung bài học



Kế hoạch bài giảng

- Hoạt động 1: Khởi động
- Hoạt động 2: Phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng cho trẻ
- Giải lao
- Hoạt động 2: Phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng cho trẻ (tiếp)
- Hoạt động 3: Tóm tắt nội dung bài 6



Mục tiêu học tập

Vào cuối bài học này, học viên có thể:

1. Hiểu và kể lại được đầy đủ hậu quả của việc thiếu vi chất ở trẻ
2. Hiểu và thực hành tốt cách bổ sung vi chất cho trẻ



Chuẩn bị bài giảng và các đồ dùng

Các đồ dùng/công cụ cần chuẩn bị cho bài giảng:

1. Bảng kẹp giấy, giấy và bút viết giấy và viết bảng
2. Giấy màu (4 màu) khổ A4, có thể cắt đôi hoặc 3 khi sử dụng
3. Giấy A0, băng dán giấy, kéo ...

Hoạt động 1: Khởi động

1. Trò chơi khởi động: Giảng viên tổ chức cho toàn bộ học viên tham gia một trò chơi vận động (ví dụ: Làm theo tôi nói, 7UP, Mát-xa cho nhau, Kết nhóm...) giúp học viên cảm thấy thoải mái, cởi mở và sẵn sàng tham gia các hoạt động tiếp theo.
2. Ôn lại bài cũ: Giảng viên đề nghị học viên nhắc lại một số nội dung chính của bài học trước đó để tạo sự kết nối trong bài kế tiếp.

Hoạt động 2: Phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng cho trẻ

Bước 1: Giảng viên đề đặt câu hỏi “Vi chất dinh dưỡng là gì? Tại sao vi chất dinh dưỡng lại quan trọng đối với sự phát triển của trẻ nhỏ? Vi chất dinh dưỡng cần thiết cho trẻ nhỏ là những loại nào?”. Trợ giảng ghi các câu trả lời vào giấy A0.

Bước 2: Giảng viên có thể khái quát lại câu hỏi: “Vi chất bao gồm các vitamin và khoáng chất, là những chất chỉ chiếm một hàm lượng rất nhỏ trong cơ thể nhưng lại có chức năng rất quan trọng. Thiếu các vi chất sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của cơ thể và gây ra các bệnh đặc hiệu.” Mỗi loại vi chất bị thiếu hụt sẽ gây ra những bệnh khác nhau ở trẻ và chúng ta sẽ cùng nhau thảo luận trong buổi sinh hoạt hôm nay.

Nội dung 1: Phòng chống thiếu vitamin A

- Vitamin A rất quan trọng đối với chức năng nhìn (thị giác) và bảo vệ cơ thể chống lại bệnh tật (miễn dịch). Thiếu hụt vitamin A có thể dẫn đến khô mắt, mù lòa và giảm khả năng chống đỡ với bệnh tật. Để phòng chống thiếu Vitamin A trẻ cần được cung cấp đầy đủ vitamin A bằng sử dụng thực phẩm giàu vitamin A hàng ngày cho trẻ, uống vitamin A liều cao theo đợt hàng năm.
- Giảng viên đề đặt câu hỏi “Những thực phẩm nào giàu vitamin A?”. Trợ giảng ghi các câu trả lời vào giấy A0.

2 cách phòng tránh thiếu vitamin A tại nhà:

- Cho trẻ ăn thức ăn giàu vitamin A
- Nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu và cho bú đến 2 tuổi



- Cách phòng chống thiếu vitamin A:

HẬU QUẢ CỦA THIẾU VITAMIN A VÀ CÁCH PHÒNG CHỐNG

Thông tin và thực hành	Giải thích
Thiếu vitamin A: ■ Hậu quả: Dẫn đến khô mắt và mù lòa; giảm khả năng chống đỡ bệnh tật. Cách phòng chống: ■ Ăn nhiều thức ăn giàu vitamin A. ■ Bà mẹ uống 1 viên vitamin A trong vòng 1 tháng sau sinh. ■ Cho trẻ trên 6 tháng uống vitamin A định kỳ mỗi năm 2 lần ■ Nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu và cho bú đến 2 tuổi	■ Vitamin A rất quan trọng đối với chức năng thị giác và miễn dịch ■ Các thức ăn giàu vitamin A: Gan, mỡ cá, lòng đỏ trứng gà; các loại quả có màu vàng như cà rốt, đu đủ, xoài... các loại rau lá màu xanh đậm như rau ngót, rau cải... VITAMIN A  ■ Vitamin A từ mẹ qua sữa sang con, mẹ cũng cần ăn những thức ăn giàu vitamin A

Đưa trẻ đến trạm y tế để trẻ được uống vitamin A định kỳ 6 tháng một lần.



Nội dung 2: Hậu quả của thiếu Sắt và cách phòng chống

- Giảng viên để đặt câu hỏi “biểu hiện của thiếu máu là như thế nào? Làm thế nào để phòng chống thiếu sắt cho trẻ? Những thực phẩm nào giàu sắt?”. Trợ giảng ghi các câu trả lời vào giấy A0.
- Giảng viên tóm tắt và khẳng định lại các dấu hiệu của thiếu sắt: Việc thiếu máu gây thường xuyên mệt mỏi ở trẻ chủ yếu là do thiếu sắt, vì sắt là yếu tố tạo máu.



Phòng chống thiếu máu do thiếu sắt:

- Ăn nhiều thức ăn giàu sắt
- Phòng chống nhiễm giun cho trẻ
- Cho trẻ uống bổ sung sắt theo hướng dẫn của bác sĩ

THiếu SẮT VÀ CÁCH PHÒNG CHỐNG

Thông tin và thực hành	Giải thích
Thiếu sắt: ■ Hậu quả: dẫn đến thiếu máu. Khi thiếu máu trẻ sẽ mệt mỏi, ảnh hưởng đến phát triển tinh thần, trí tuệ và thể chất. Cách phòng chống: ■ Ăn nhiều thức ăn giàu sắt: các loại thịt có màu đỏ; tiết, gan; cật (bầu dục); lòng đỏ trứng. Các loại rau màu xanh đậm như rau muống, rau đay, rau lang, rau rền, rau ngót, các loại đậu đỗ. ■ Phòng chống nhiễm giun cho trẻ. ■ Có thể cho trẻ uống bổ sung sắt theo hướng dẫn của bác sĩ.	■ Sắt là thành phần của tế bào hồng cầu trong máu. Khi thiếu sắt, cơ thể sẽ phải huy động sắt dự trữ trong gan, đến lúc nào đó nguồn dự trữ cũng cạn kiệt cơ thể sẽ không tổng hợp được huyết sắc tố và gây tình trạng thiếu máu, càng thiếu sắt nhiều mức độ thiếu máu càng nặng. ■ Giun ăn các chất dinh dưỡng trong ruột của trẻ, gây rối loạn tiêu hóa cho trẻ, đặc biệt giun móc còn hút máu, gây chảy máu, thiếu máu ở trẻ. ■ Đối với trẻ từ 12 tháng tuổi trở lên cần tẩy giun cho trẻ theo hướng dẫn của cán bộ y tế.

Nội dung 3: Hậu quả của thiếu Kẽm và cách phòng chống

- Một loại vi chất ảnh hưởng trực tiếp đến cảm giác ngon miệng, kích thích sự thèm ăn ở trẻ đó là Kẽm. Thiếu kẽm không chỉ làm trẻ ăn không ngon miệng, chán ăn mà còn dẫn đến sự chậm phát triển về thể chất đặc biệt là chiều cao của trẻ. Thiếu kẽm còn ảnh hưởng đến chức năng sinh dục.
- Giảng viên để đặt câu hỏi “Làm thế nào để phòng chống thiếu kẽm cho trẻ? Thức ăn nào giàu kẽm?”. Trờ giảng ghi các câu trả lời vào giấy A0.



Phòng chống thiếu kẽm cho trẻ thông qua:

- Ăn nhiều thức ăn giàu kẽm
- Cho trẻ uống bổ sung sắt theo hướng dẫn của bác sĩ

THIẾU SẮT VÀ CÁCH PHÒNG CHỐNG

Thông tin và thực hành	Giải thích
Thiếu sắt: ■ Hậu quả: Thiếu kẽm làm trẻ ăn không ngon miệng, chán ăn, chậm phát triển về thể chất đặc biệt là chiều cao Ảnh hưởng đến chức năng sinh dục. Cách phòng chống: ■ Ăn các thức ăn giàu kẽm: các loại thịt, lòng đỏ trứng, các loại hải sản như hàu, sò, ngao..., các loại đậu đỗ, vừng, các loại rau lá xanh đậm. ■ Có thể cho trẻ uống bổ sung kẽm theo hướng dẫn của bác sĩ.	■ Kẽm là vi chất rất quan trọng. Là thành phần của hormon tăng trưởng và hormon sinh dục và còn là thành phần của các men trong cơ thể. ■ Kẽm giúp tăng hấp thu và chuyển hóa chất đạm, làm tăng cảm giác ngon miệng.



Hoạt động 3: Tóm tắt nội dung bài học